

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

DƯƠNG THẾ TÙNG

GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ
TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

DƯƠNG THẾ TÙNG

**GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ
TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9380106

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS,TS. TRẦN QUANG HIỂN

2. TS. NGUYỄN ANH TUẤN

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào.

Tác giả luận án

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Dương Thế Tùng', with a horizontal line drawn underneath it.

Dương Thế Tùng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	9
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án	9
1.2. Nhận xét, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	44
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM	49
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam	49
2.2. Nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và điều kiện bảo đảm giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam	71
2.3. Giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong quân đội một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo đối với Việt Nam	89
Chương 3: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM	100
3.1. Khái quát chung về Quân đội nhân dân Việt Nam	100
3.2. Kết quả giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam và nguyên nhân	104
3.3. Hạn chế của việc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam và nguyên nhân	136
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM	161
4.1. Quan điểm bảo đảm giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam	161
4.2. Giải pháp bảo đảm giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam	168
KẾT LUẬN	206
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	208
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	209
PHỤ LỤC	229

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BQP	Bộ Quốc phòng
HSQ, BS	Hạ sĩ quan, binh sĩ
NCS	Nghiên cứu sinh
NĐQT	Nhân đạo quốc tế
NXB	Nhà xuất bản
QĐNDVN	Quân đội nhân dân Việt Nam
QUTƯ	Quân ủy Trung ương
SQ, QNCN	Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

	<i>Trang</i>
Biểu đồ 3.1. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về nhận thức, trách nhiệm của chủ thể giáo dục Luật NDQT ở đơn vị mình.	113
Biểu đồ 3.2. Đánh giá của SQ, QNCN về nhận thức, trách nhiệm của chủ thể giáo dục Luật NDQT ở đơn vị mình.	114
Biểu đồ 3.3. Đánh giá của HSQ, BS về nhận thức, trách nhiệm của chủ thể giáo dục Luật NDQT ở đơn vị mình.	114
Biểu đồ 3.4. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua.	122
Biểu đồ 3.5. Đánh giá của SQ, QNCN về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua.	123
Biểu đồ 3.6. Đánh giá của HSQ, BS về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua.	123
Biểu đồ 3.7. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua.	126
Biểu đồ 3.8. Đánh giá của SQ, QNCN về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua.	126
Biểu đồ 3.9. Đánh giá của HSQ, BS về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua.	127
Biểu đồ 3.10. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua.	128
Biểu đồ 3.11. Đánh giá của SQ, QNCN về thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua.	129
Biểu đồ 3.12. Đánh giá của HSQ, BS về thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua.	129

Biểu đồ 3.13. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.	131
Biểu đồ 3.14. Đánh giá của SQ, QNCN về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.	132
Biểu đồ 3.15. Đánh giá của HSQ, BS về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.	132
Biểu đồ 3.16. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về sự quan tâm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các đơn vị đối với giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.	139
Biểu đồ 3.17. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về mức độ phối hợp của các lực lượng đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.	140
Biểu đồ 3.18. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	144
Biểu đồ 3.19. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về việc thực hiện hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.	146
Biểu đồ 3.20. Đánh giá của SQ, QNCN về hình thức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua.	147
Biểu đồ 3.21. Đánh giá của HSQ, BS về hình thức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua.	147
Biểu đồ 3.22. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về việc thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.	149
Biểu đồ 3.23. Đánh giá của SQ, QNCN về việc thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.	150

Biểu đồ 3.24. Đánh giá của HSQ, BS về việc thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua	150
Biểu đồ 3.25. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.	152
Biểu đồ 3.26. Đánh giá của SQ, QNCN về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.	152
Biểu đồ 3.27. Đánh giá của SQ, QNCN về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.	153
Biểu đồ 3.28. Đánh giá “Sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, tình hình thế giới, khu vực, nhất là xung đột giữa các quốc gia hiện nay” là nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.	154
Biểu đồ 3.29. Đánh giá “Một bộ phận chủ thể giáo dục Luật NDQT có kiến thức về Luật NDQT chưa toàn diện, chủ yếu là kiêm nhiệm” là nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.	156
Biểu đồ 3.30. Đánh giá “Đối tượng giáo dục Luật NDQT rất đa dạng, trình độ nhận thức không đồng đều” là nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.	157
Biểu đồ 3.31. Đánh giá “nguồn kinh phí, cơ sở vật chất, tài liệu bảo đảm cho việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN còn hạn chế” là nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.	159

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công ước Geneva năm 1864 đã đặt nền móng cho Luật NDQT với những quy tắc thành văn, mang tính chất đa phương, đề ngỏ cho mọi quốc gia tham gia nhằm bảo vệ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang và chiến tranh xảy ra. Đến năm 1949, Luật NDQT trở nên phổ biến với việc thông qua 4 Công ước Geneva về xung đột vũ trang. Luật NDQT yêu cầu các quốc gia thành viên có nghĩa vụ pháp lý phổ biến, giáo dục rộng rãi kiến thức về Luật NDQT trên lãnh thổ của mình, đặc biệt là các lực lượng vũ trang chiến đấu, đưa nội dung giáo dục Luật NDQT vào chương trình huấn luyện quân sự [79, tr.199, 223, 281, 353]. Để các quốc gia thành viên thực hiện tốt nghĩa vụ này, quân đội của các quốc gia được xác định là lực lượng nòng cốt, quan trọng trong phổ biến, giáo dục Luật NDQT.

Đối với Việt Nam, yêu hòa bình, lòng nhân đạo, đức khoan dung đã trở thành đặc trưng nổi bật, nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Cho đến nay, Việt Nam đã tham gia hầu hết các Công ước và nghị định thư của Luật NDQT, là một thành viên tích cực, trách nhiệm, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Thời gian qua, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp để thực thi Luật NDQT, trong đó, coi trọng giáo dục Luật NDQT cho các lực lượng trong xã hội nói chung, cho quân nhân trong QĐNDVN nói riêng.

Quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thực hiện giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng trong xã hội, trong đó có quân nhân trong quân đội. Quân đội nhân dân Việt Nam luôn xác định giáo dục Luật NDQT là một trong những nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cấp ủy đảng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên các cấp trong QĐNDVN. Quân ủy Trung ương, BQP, cấp ủy, chỉ huy các cấp trong QĐNDVN luôn nhận thức rõ vị trí, ý nghĩa, vai trò của việc giáo dục Luật

NĐQT; xác định nội dung giáo dục Luật NĐQT tương đối phù hợp với từng đối tượng quân nhân; sử dụng đa dạng các hình thức, phương pháp giáo dục Luật NĐQT; đại đa số quân nhân được giáo dục Luật NĐQT có nhận thức tốt về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc giáo dục Luật NĐQT, có hành vi, cách xử sự tuân theo nguyên tắc, quy định của Luật NĐQT.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, giáo dục Luật NĐQT trong QĐNDVN vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, như: Một số cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN chưa nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa của việc giáo dục Luật NĐQT, chưa thực sự quan tâm đến việc lãnh đạo, chỉ đạo giáo dục Luật NĐQT; đối tượng giáo dục Luật NĐQT mới chỉ tập trung vào một số lực lượng có nhiệm vụ chuyên biệt; việc giáo dục các nội dung, quy định của Luật NĐQT ở một số đơn vị chưa thường xuyên, chưa hiệu quả; còn một bộ phận quân nhân chưa nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu, học tập Luật NĐQT; hình thức, phương pháp giáo dục Luật NĐQT ở một số đơn vị còn chưa đa dạng, sinh động, chưa thu hút được quân nhân tham gia nghiên cứu, học tập; điều kiện cơ sở vật chất, tài liệu về Luật NĐQT còn chưa đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập của quân nhân,... Những hạn chế, khuyết điểm đó đã và đang gây ra những trở ngại đối với việc giáo dục Luật NĐQT trong QĐNDVN.

Trong thế kỷ 21, chiến tranh và xung đột trên thế giới vẫn hiện hữu đã và đang tác động không nhỏ đến việc giáo dục Luật NĐQT trong QĐNDVN. Để thực hiện tốt các cam kết quốc tế về giáo dục Luật NĐQT; phát huy truyền thống khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam, của QĐNDVN anh hùng, nhất là khi QĐNDVN tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc từ tháng 6 năm 2014 đến nay tại Phái bộ Nam Sudan, Cộng hòa Trung Phi, khu vực Abyei và Trụ sở Liên hợp quốc trong việc giải quyết các vấn đề NĐQT, bảo vệ an ninh, hòa bình, ổn định ở khu

vực và trên thế giới. Đòi hỏi, việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là vấn đề cấp thiết hiện nay. Với lý do đó, NCS lựa chọn đề tài: ***“Giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam”*** làm Luận án Tiến sĩ. Đây là vấn đề có ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt mục đích nghiên cứu, Luận án xác định những nhiệm vụ nghiên cứu như sau:

Một là, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án, chỉ ra được những vấn đề lý luận, thực trạng, giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng nói chung, cho quân nhân trong quân đội nói riêng đã được các công trình nghiên cứu làm rõ mà luận án có thể kế thừa, phát triển.

Hai là, luận giải, xây dựng, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN bao gồm: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục và các điều kiện bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Đồng thời, nghiên cứu giáo dục Luật NDQT trong quân đội một số nước trên thế giới và nhận định giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

Ba là, phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Chỉ ra những kết quả và nguyên nhân kết quả, hạn chế và nguyên nhân hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Bốn là, từ kết quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, luận án nêu quan điểm và đề xuất giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Trong đó có sự tham khảo, nghiên cứu thực tiễn việc giáo dục Luật NDQT trong quân đội ở một số nước trên thế giới.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là một vấn đề rất rộng lớn. Trong phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề sau:

- Về nội dung: Luận án nghiên cứu giáo dục Luật nhân đạo quốc tế với các nhóm vấn đề chủ yếu sau: (1) Nguyên tắc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế; (2) Nội dung giáo dục Luật nhân đạo quốc tế; (3) Hình thức, phương pháp giáo dục Luật nhân đạo quốc tế; (4) Các điều kiện bảo đảm giáo dục Luật nhân đạo quốc tế.

- Về không gian: Luận án nghiên cứu giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN qua thực tế giáo dục Luật NDQT tại các đơn vị trong QĐNDVN, tập trung vào một số đơn vị thuộc quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, nhà trường quân đội. Đồng thời, đề cập đến một số quốc gia đạt được những thành công trong giáo dục Luật NDQT trong quân đội để so sánh, gợi mở cho việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

- Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, các số liệu sử dụng trong Luận án từ ngày 05/6/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Công hàm tuyên bố Việt Nam gia nhập các Công ước Geneva năm 1949 của Luật NDQT cho đến nay và tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, chú trọng sử dụng các số liệu từ khi QĐNDVN tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc từ tháng 6 năm 2014 đến nay tại Phái bộ Nam Sudan, Cộng hòa Trung Phi, khu vực Abyei và Trụ sở Liên hợp quốc; số liệu điều tra xã hội học đối với các đơn vị, gồm: Cục Gìn giữ

hòa bình Việt Nam; Cục Dân vận, Tổng cục Chính trị QĐNDVN; Quân khu 1; Quân đoàn 12; Quân chủng Phòng không - Không quân; Quân chủng Hải quân; Bộ đội Biên phòng; Binh chủng Pháo binh; Cảnh sát biển Việt Nam; Trường Sĩ quan Chính trị, được thực hiện năm 2024.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án sử dụng phương pháp luận biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các văn bản, chỉ thị, mệnh lệnh, kế hoạch, hướng dẫn của BQP, Tổng cục Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN về giáo dục pháp luật, giáo dục Luật NDQT làm cơ sở lý luận nền tảng cho việc nghiên cứu luận án.

Luận án chủ yếu tiếp cận dưới góc độ lý luận chung về nhà nước và pháp luật và có kết hợp với lý luận về giáo dục pháp luật, giáo dục Luật NDQT và giáo dục quyền con người.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, kết hợp với các phương pháp cụ thể, bao gồm: phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp hệ thống hóa; phương pháp khảo sát thực tiễn, điều tra xã hội học; phương pháp logic-lịch sử; phương pháp diễn giải, quy nạp; phương pháp thống kê, cụ thể:

- Trong Chương 1, tác giả sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích, tổng hợp để đánh giá, nêu lên nhận xét về các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án; phương pháp logic - lịch sử để xem xét và trình bày hoạt động giáo dục Luật NDQT thông qua các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án, từ đó đưa ra các luận điểm khoa học trong xem xét, nghiên cứu, rút ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong

giáo dục Luật NDQT; sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu khi nhận định những vấn đề đã được nghiên cứu, chưa được nghiên cứu trong các công trình khoa học có liên quan đến luận án.

- Trong Chương 2, tác giả chủ yếu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp diễn giải, quy nạp để xây dựng khái niệm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để nghiên cứu đặc điểm, vai trò của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu để tìm hiểu kinh nghiệm và có được cái nhìn đa chiều, toàn diện, đúng đắn và sâu sắc về vấn đề cần nghiên cứu về hoạt động giáo dục Luật NDQT của một số nước trên thế giới, của quân đội một số nước trên thế giới và những giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- Trong Chương 3, tác giả sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp logic - lịch sử để khái quát về truyền thống về vang và chức năng, cơ cấu tổ chức của QĐNDVN; sử dụng phương pháp khảo sát thực tiễn, điều tra xã hội học để trưng cầu ý kiến đối với cán bộ chủ trì, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và hạ sĩ quan, binh sĩ tại một số đơn vị thuộc quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, nhà trường quân đội, cụ thể: Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam, Cục Dân vận thuộc Tổng cục Chính trị QĐNDVN, Quân khu 1, Quân đoàn 12, Quân chủng Phòng không - Không quân, Quân chủng Hải quân, Bộ đội Biên phòng, Binh chủng Pháo binh, Cảnh sát biển Việt Nam, Trường Sĩ quan Chính trị để khảo sát, đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT tại các đơn vị; sử dụng phương pháp hệ thống hóa để tập hợp tư liệu, số liệu về nội dung, hình thức, phương pháp và các điều kiện bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; báo cáo và khảo sát thực tiễn hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, kết hợp sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp thống kê để đánh giá kết quả đạt được và

những hạn chế, bất cập của hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, từ đó tìm ra nguyên nhân của kết quả và hạn chế của hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, làm cơ sở đề xuất giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay.

- Trong Chương 4, tác giả sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích, tổng hợp để đưa ra các quan điểm, giải pháp có căn cứ khoa học; kết hợp sử dụng phương pháp khảo sát thực tiễn, điều tra xã hội học mức độ đồng thuận về các quan điểm, giải pháp mà tác giả đưa ra để bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả thiết thực.

5. Điểm mới về khoa học của Luận án

Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối toàn diện về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, luận án có những đóng góp mới cả về lý luận và thực tiễn, bao gồm:

- Dưới góc độ lý luận về nhà nước và pháp luật, lần đầu tiên luận án xây dựng được khái niệm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; chỉ ra được đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và điều kiện bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

- Luận án là công trình đầu tiên phân tích, đánh giá toàn diện thực trạng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, chỉ ra những kết quả, hạn chế của hoạt động này và xác định được những nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó.

- Luận án là công trình đầu tiên đề xuất được các giải pháp đồng bộ, có tính khả thi cao nhằm bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa khoa học

Luận án đã cụ thể hóa lý luận về giáo dục pháp luật vào một lĩnh vực cụ thể là giáo dục Luật NDQT cho một đối tượng cụ thể là quân nhân trong QĐNDVN. Kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần bổ sung và hoàn thiện thêm lý luận về giáo dục pháp luật nói riêng và khoa học pháp lý nói chung.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Thông qua việc trình bày và đánh giá thực trạng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua; trình bày và luận giải các giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay, luận án cung cấp tài liệu tham khảo cho các nhà hoạt động thực tiễn trong quá trình hoàn thiện chính sách, pháp luật về giáo dục Luật NDQT cũng như tổ chức thực hiện và tiến hành hoạt động giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng trong xã hội nói chung, trong QĐNDVN nói riêng.

Với những ý nghĩa trên, luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực khoa học chính trị và khoa học pháp lý, giáo dục quyền con người; trong quá trình nghiên cứu, học tập và giảng dạy luật học trong các cơ sở đào tạo luật học và trong quá trình hoàn thiện chính sách, pháp luật về giáo dục Luật NDQT, tổ chức thực hiện và tiến hành giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN nói riêng và cho các đối tượng trong xã hội nói chung; dùng làm tài liệu tham khảo cho các tổ chức, cá nhân quan tâm đến vấn đề này.

7. Kết cấu của luận án

Luận án gồm mở đầu, nội dung, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục. Trong đó, nội dung của luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.

Chương 2: Cơ sở lý luận của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Chương 3: Thực trạng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Chương 4: Quan điểm, giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về Luật nhân đạo quốc tế

1.1.1.1. Các công trình trong nước

Vấn đề Luật NDQT trên thực tế chưa thật sự được nghiên cứu nhiều trong các công trình khoa học của các học giả, nhà khoa học ở Việt Nam. Những nghiên cứu về Luật NDQT chủ yếu đề cập, giới thiệu các văn kiện cơ bản của Luật NDQT, khái quát những nội dung cơ bản, xu hướng phát triển của Luật NDQT, vấn đề bảo đảm quyền con người trong thực hiện Luật NDQT,...được công bố trong các công trình giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, luận văn, luận án và các đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành khoa học pháp lý, kỷ yếu hội thảo. Tiêu biểu có các công trình sau đây:

Thứ nhất, Giáo trình của các trường Đại học đề cập đến Luật NDQT, như: ***Giáo trình Công pháp quốc tế*** của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Hồng Đức, năm 2014 [83]; ***Giáo trình Công pháp quốc tế*** của PGS,TS Nguyễn Bá Diên (chủ biên), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2014 [34]; ***Giáo trình Luật Quốc tế*** của Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, năm 2023 [82]. Nhìn chung, nội dung các giáo trình đã phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về Luật NDQT, bao gồm: Khái niệm, mục đích của Luật NDQT; nguồn, các nguyên tắc của Luật NDQT; các nội dung pháp lý cơ bản của Luật NDQT, gồm: Những quy định về các hoạt động trong chiến tranh, các thành viên hợp pháp của xung đột vũ trang, các quy định về bảo hộ nạn nhân chiến tranh, bảo vệ các hạng mục dân sự và giá trị văn hóa, các quy định về kết thúc chiến sự và chấm dứt tình trạng chiến tranh và mối quan hệ giữa Luật NDQT và Luật nhân quyền quốc tế.

Thứ hai, một số sách chuyên khảo và tham khảo đề cập đến các vấn đề của Luật nhân đạo quốc tế, bao gồm:

(1) Sách tham khảo **“Các văn kiện cơ bản về Luật nhân đạo quốc tế”** của Trung tâm nghiên cứu quyền con người, NXB Lý luận chính trị, năm 2005 [79]. Cuốn sách giới thiệu 41 văn kiện quốc tế được tuyển chọn từ cả ba nguồn Luật NĐQT là Luật Geneva, Luật Lahay và Luật Liên hợp quốc. Cuốn sách được chia thành 5 phần, tương ứng với từng lĩnh vực nội dung cơ bản của Luật NĐQT, cụ thể: Các văn kiện về giới hạn các phương pháp và phương tiện chiến tranh gồm 17 văn kiện; các văn kiện về bảo vệ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang gồm 8 văn kiện; các văn kiện về bảo vệ tài sản văn hóa gồm 5 văn kiện; các văn kiện về xét xử tội phạm chiến tranh gồm 9 văn kiện; các văn kiện về vị thế trung lập trong chiến tranh gồm 2 văn kiện. Đây là những văn kiện quốc tế quan trọng cung cấp những nội dung cơ bản về Luật NĐQT để NCS có thể xây dựng khung lý luận về Luật NĐQT, giáo dục Luật NĐQT ở Việt Nam nói chung, trong QĐNDVN nói riêng.

(2) Sách tham khảo, **“Luật nhân đạo quốc tế: Những nội dung cơ bản”** của Trung tâm nghiên cứu quyền con người, NXB. Lý luận chính trị, năm 2005 [80]. Cuốn sách này bao gồm 10 phần, đề cập đến những nội dung quan trọng nhất của Luật NĐQT như: Những vấn đề khái quát về Luật NĐQT; giới hạn việc sử dụng các phương pháp và phương tiện chiến tranh; bảo vệ tài sản văn hóa trong trường hợp xung đột vũ trang; Luật xung đột vũ trang trên biển và Luật xung đột vũ trang áp dụng trong việc sử dụng không quân; bảo vệ những đối tượng không có khả năng tự vệ trong chiến tranh; luật xung đột vũ trang không mang tính chất quốc tế; thực hiện và hiệu lực của Luật NĐQT; quan hệ giữa Luật NĐQT và Luật nhân quyền quốc tế; phong trào Chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế. Cuốn sách còn tập hợp một số bài nghiên cứu mà bước đầu phân tích các vấn đề như: Sự tương đồng giữa truyền thống khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam với các nguyên tắc cơ bản của Luật NĐQT; sự phù hợp của hệ thống pháp luật quốc

gia và thực tiễn bảo đảm những quy tắc của Luật NDQT về đối xử với tù binh trong 30 năm kháng chiến chống thực dân pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc năm 1979.

(3) Sách chuyên khảo, ***“Bảo vệ thường dân trong Luật nhân đạo quốc tế - một số vấn đề pháp lý và thực tiễn”*** của tác giả Phạm Hồng Hạnh, NXB. Công an nhân dân, năm 2022 [41]. Tác giả trước hết đã làm rõ một số vấn đề lý luận về bảo vệ thường dân trong Luật NDQT, bao gồm: Nguồn Luật quốc tế điều chỉnh bảo vệ nạn nhân trong xung đột vũ trang; khái niệm thường dân và bảo vệ thường dân; địa vị pháp lý của thường dân trong xung đột vũ trang; mối quan hệ giữa quyền con người và quyền của thường dân trong chiến tranh từ góc độ Luật quốc tế. Tiếp đến, tác giả cũng xác định nội dung quy định của Luật NDQT về bảo vệ thường dân, bao gồm: Bảo vệ thường dân trước những hậu quả của xung đột vũ trang; bảo vệ các quyền cụ thể của thường dân trong xung đột vũ trang; bảo vệ một số đối tượng thường dân đặc biệt trong xung đột vũ trang; chấm dứt bảo vệ đối với thường dân. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra cơ chế bảo đảm thực thi các quy định của Luật NDQT về bảo vệ thường dân trong các trường hợp cụ thể, bao gồm: Nghĩa vụ thực thi những quy định của Luật NDQT về bảo vệ thường dân; bảo đảm thực thi các quy định về bảo vệ thường dân theo quy định của công ước Geneva và nghị định thư; bảo đảm việc thực thi các quy định về bảo vệ thường dân theo cơ chế của Liên hợp quốc. Bên cạnh đó tác giả cũng phân tích, làm rõ thực tiễn bảo vệ thường dân trong Luật NDQT và một số vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay; trách nhiệm của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, Liên hợp quốc với hoạt động bảo vệ thường dân trong xung đột vũ trang.

Thứ ba, các bài viết đăng tải trên kỷ yếu hội thảo, các tạp chí, luận án, luận văn chuyên ngành khoa học pháp lý đề cập đến Luật nhân đạo quốc tế. Cụ thể:

(1) Bài viết, ***“Việt Nam và việc tham gia bốn công ước Geneva về bảo hộ nạn nhân chiến tranh”*** của tác giả Nguyễn Bá Diên, Kỷ yếu Hội thảo quốc

tế “Những đóng góp của Việt Nam trong lĩnh vực Luật NDQT”, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2018, tr.28-61 [33]. Trong bài viết tác giả đã tổng quan bốn Công ước Geneva về bảo hộ nạn nhân chiến tranh, chỉ ra các nội dung chính của các Công ước Geneva về bảo hộ nạn nhân chiến tranh, như: Các đối tượng được bảo hộ (thương binh, bệnh binh, binh sĩ đắm tàu, tù binh, lính đánh thuê), các đối tượng dân sự (nhân viên y tế, đơn vị y tế và phương tiện vận chuyển y tế, nhân viên tôn giáo, thường dân, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể). Làm rõ nguyên tắc bảo hộ các nạn nhân chiến tranh; trách nhiệm và nghĩa vụ của quốc gia theo quy định của bốn Công ước Geneva và các nghị định thư bổ sung. Đồng thời, tác giả khái quát tình hình tham gia và thực thi bốn Công ước Geneva về bảo hộ nạn nhân chiến tranh của Việt Nam, từ đó, đưa ra một số vấn đề đặt ra, gợi mở, đối sách cho Việt Nam.

(2) Bài viết, **“*Những ảnh hưởng của các Điều ước quốc tế về nhân đạo trong trật tự pháp luật quốc gia*”** của tác giả Nguyễn Thị Kim Ngân, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Những đóng góp của Việt Nam trong lĩnh vực Luật NDQT, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2018, tr.62-72 [59]. Trong bài viết tác giả đã luận giải làm rõ điều ước quốc tế về nhân đạo và nghĩa vụ thực hiện của các quốc gia thành viên. Dựa trên nội dung các vấn đề mà điều ước đề cập, điều ước quốc tế về nhân đạo được chia thành 6 nhóm: Nhóm điều ước quy định về bảo vệ nạn nhân trong xung đột vũ trang; nhóm điều ước quy định về phương pháp và phương tiện chiến tranh; nhóm điều ước quy định về chiến tranh trên biển và trên không; nhóm điều ước quy định về bảo vệ di sản văn hóa; nhóm điều ước quy định về truy cứu trách nhiệm hình sự; nhóm điều ước khác có liên quan đến Luật NDQT. Tác giả cũng chỉ ra Việt Nam đã tham gia hầu hết các điều ước quốc tế về nhân đạo, đồng thời cũng chỉ ra một số biện pháp để hiện thức hóa quy định của hiến pháp và bảo đảm sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế về nhân đạo.

(3) Bài viết, “**Sự phát triển và những vấn đề đang đặt ra với Luật nhân đạo quốc tế**” của tác giả Vũ Công Giao, Nguyễn Anh Đức, Tạp chí pháp luật về quyền con người, số 4, năm 2020 [38]. Trong bài viết các tác giả đã lập luận đưa ra khái niệm, mục tiêu và sự phát triển của Luật NDQT. Trong đó, các tác giả nhấn mạnh Luật NDQT không ngăn ngừa và chấm dứt chiến tranh, mà thay vào đó nhằm đạt các mục tiêu: Giới hạn tối đa việc sử dụng bạo lực vũ trang; bảo vệ những người không tham chiến hoặc không còn khả năng tham chiến; bảo vệ những di sản văn hóa của nhân loại tránh khỏi sự tàn phá của các cuộc chiến; buộc những chủ thể phạm các tội ác chống loài người, diệt chủng, tội ác chiến tranh phải chịu chế tài thích đáng. Đồng thời, các tác giả cũng chỉ ra những vấn đề đang đặt ra với Luật NDQT đòi hỏi phải nghiên cứu tìm ra cách thức giải quyết, trong đó bao gồm: Các phương tiện tác chiến từ xa; chiến tranh không gian mạng; bảo vệ môi trường và người tị nạn.

(4) Bài viết “**Bảo vệ thường dân trước những hậu quả của cuộc xung đột vũ trang theo quy định của Luật nhân đạo quốc tế**” của tác giả Phạm Hồng Hạnh, Tạp chí Luật học số 4, năm 2020 [40]. Trong bài viết, tác giả đã xây dựng Khái niệm thường dân; cơ sở pháp lý của hoạt động bảo vệ thường dân trong xung đột vũ trang. Bên cạnh đó, tác giả đã chỉ ra nội dung các quy định của Luật NDQT về bảo vệ thường dân trước những hậu quả xung đột vũ trang, bao gồm: Cấm hành vi bạo lực nhằm vào thường dân; cấm các cuộc tấn công bừa bãi; thành lập các khu vực bảo vệ thường dân trong trường hợp bị ố, bị thương; hỗ trợ nhân đạo cho thường dân trong xung đột vũ trang. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra việc chấm dứt bạo lực đối với thường dân trong các cuộc xung đột vũ trang, nhất là thường dân tham gia trực tiếp vào cuộc xung đột.

(5) Bài viết “**Nguồn của Luật nhân đạo quốc tế**” của tác giả Lê Thị Anh Đào, Đặng Công Đức Anh và Lê Mỹ Thanh, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, kỳ 1, số 406, năm 2024 [35]. Trong bài viết, các tác giả đã chỉ ra sự hình thành các nguồn của Luật NDQT gắn liền với lịch sử phát triển của luật pháp

về chiến tranh nhằm hạn chế tác động phá hoại của nó và giảm nhẹ sự khổ đau của con người. Luật NDQT bao gồm các quy phạm trong hai lĩnh vực chính: Bảo vệ và giúp đỡ những người bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang; quy định về phương tiện và phương thức tác chiến. Để xác định các nguồn của Luật NDQT, tác giả cho rằng trước hết, cần nghiên cứu lịch sử về sự phát triển của luật pháp về chiến tranh. Các quy định trong Luật NDQT thường được phát triển để ứng phó với hành vi của quốc gia trong các cuộc chiến tranh cụ thể. Sau trận chiến Solferino, năm 1864, Công ước Geneva đầu tiên ra đời với 14 nước châu Âu ký kết, quy định về cải thiện tình trạng cho thương binh và bệnh binh thuộc lực lượng vũ trang chiến đấu trên bộ. Đây là khung pháp lý đầu tiên thiết lập các quy tắc ứng xử chiến tranh, nó đã giúp hạn chế những tổn thất do các cuộc xung đột vũ trang gây ra. Trên cơ sở các nguồn của luật quốc tế nói chung, tác ra chỉ ra nguồn cơ bản của Luật NDQT bao gồm các điều ước quốc tế, tập quán quốc tế. Các quốc gia cũng bị ràng buộc bởi các nguyên tắc chung của luật. Đồng thời, các tác giả chỉ ra trong lĩnh vực NDQT có các nguyên tắc chung của luật như: Tương xứng khi tấn công, thiện chí, không có hiệu lực hồi tố, nguyên tắc về tính hợp pháp (không phải là tội phạm nếu không có luật; không bị trừng trị nếu không có luật)... Ngoài ra, Luật NDQT còn có các nguồn khác tuy không chứa đựng các quy phạm pháp luật nhưng có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và xác định sự tồn tại của Luật NDQT. Ví dụ như: Phán quyết của cơ quan tài phán, các nghị quyết được thông qua tại các hội nghị của Tổ chức Chữ thập đỏ quốc tế và Lưỡi liềm đỏ quốc tế, các nguyên tắc và cách sử dụng của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, tuyên bố của Đại hội đồng Liên Hợp quốc, các công trình nghiên cứu và bài giảng của các chuyên gia có uy tín về Luật NDQT...

(6) Bài viết ***“Nghiên cứu quy định của Luật nhân đạo quốc tế được áp dụng để bảo vệ dân thường trong các cuộc xung đột vũ trang ở khu vực Trung Đông hiện nay”*** của tác giả Lê Hùng, đăng trên Tạp chí điện tử Luật

sư Việt Nam, năm 2024 [46]. Trong bài viết, tác giả đã đưa ra khái niệm và lịch sử phát triển của Luật NDQT; xác định các nguyên tắc cơ bản của Luật NDQT, bao gồm: Nguyên tắc phân biệt, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc tỷ lệ. Bên cạnh đó, tác giả chỉ ra các văn kiện chính của Luật NDQT đã tạo ra một nền tảng pháp lý vững chắc nhằm bảo vệ nhân quyền trong bối cảnh xung đột vũ trang. Chúng không chỉ thể hiện cam kết của cộng đồng quốc tế đối với nhân quyền mà còn là công cụ cần thiết để giám sát và thực thi các quy định này, như: Bốn Công ước Geneva năm 1949, nghị định thư bổ sung năm 1977 và Công ước về cấm vũ khí hóa học năm 1993, Công ước về cấm vũ khí gây sát thương năm 2008. Tác giả đã nêu ra các quy định bảo vệ dân thường thường theo Luật NDQT, cụ thể: Nguyên tắc bảo vệ dân thường; định nghĩa và phạm vi áp dụng; các yêu cầu cụ thể của nguyên tắc; ý nghĩa của nguyên tắc, thực tiễn và thách thức. Đồng thời, đưa ra các biện pháp bảo vệ cụ thể trong Luật NDQT như: Tạo khu vực an toàn, hành lang nhân đạo, bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, cấm sử dụng các loại vũ khí gây hại cho dân thường, vai trò của các tổ chức quốc tế và phi chính phủ để bảo vệ dân thường trong các cuộc xung đột vũ trang ở khu vực Trung Đông hiện nay.

(7) Luận văn Thạc sĩ, ***“Vấn đề can thiệp nhân đạo trong quan hệ quốc tế hiện nay”*** của tác giả Nguyễn Thị Thanh Hoa, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quốc tế học, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014 [43]. Trong luận văn, tác giả đã làm rõ thêm bản chất thật sự của việc can thiệp nhân đạo trong quan hệ quốc tế hiện nay. Những quan điểm được phân tích trong luận văn đã góp phần nghiên cứu chuyên sâu hơn về vấn đề này theo một khía cạnh quan trọng vốn còn tồn đọng nhiều thắc mắc. Ngoài ra luận văn cũng gợi mở nên những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và tìm hiểu liên quan đến vấn đề can thiệp nhân đạo. Với những phân tích, đánh giá, khuyến nghị xuyên suốt đề tài sẽ giúp cho người đọc có một cái nhìn khách quan hơn về can thiệp nhân đạo trong quan hệ quốc tế hiện nay. Điều

này góp phần hình thành nên một nguồn thông tin mang tính chất tham khảo được đầu tư nghiêm túc phục vụ cho quá trình hoạch định những chính sách đối ngoại trước tình hình chính trị đương đại.

(8) Luận văn Thạc sĩ, **“Bảo vệ quyền con người trong bốn công ước Geneva về việc bảo hộ nạn nhân chiến tranh”** của Nguyễn Phương Nhung, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, 2015 [60]. Trong Luận văn, tác giả đã chỉ ra tính cấp thiết bảo vệ quyền con người trong bối cảnh xung đột vũ trang, đưa ra khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của bốn Công ước Geneva; đặc điểm, vai trò, phạm vi áp dụng của bốn Công ước Geneva; phân tích, lập luận nội dung cơ bản của bốn Công ước Geneva về bảo hộ nạn nhân chiến tranh như: Các nguyên tắc chung, bảo hộ đối với người tham chiến, bảo hộ đối với những đối tượng dân sự, các biện pháp bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả trong việc thực thi các quy định của bốn Công ước Geneva và hai nghị định thư bổ sung, đánh giá tính hiệu quả về các quy định bảo vệ quyền con người của nạn nhân chiến tranh. Đồng thời, đánh giá thực trạng thực thi bảo vệ quyền con người trong bốn Công ước Geneva và đề xuất một số giải pháp nâng cao tính hiệu quả trong việc thực thi các quy định của bốn Công ước Geneva và hai nghị định thư bổ sung.

1.1.1.2. Các công trình nước ngoài

Thứ nhất, một số sách chuyên khảo và tham khảo liên quan đến Luật NDQT. Luật NDQT luôn được các học giả quan tâm và chú trọng nghiên cứu dưới góc độ luật pháp quốc tế và trong một số khu vực, cụ thể:

(1) Sách tham khảo **“Military Necessity and Humanity in International Humanitarian Law: Preserving the Delicate Balance”** (tạm dịch: *Sự cần thiết của quân đội và tính nhân đạo trong Luật NDQT: Duy trì sự cân bằng mong manh*) của tác giả Schmitt, M.N, NXB T.M.C. Asser, năm 2011) [181]. Tác giả đã đánh giá, xem xét các nguyên tắc của Luật NDQT về sự cần thiết của quân đội và tính nhân đạo trong Luật NDQT. Tác

giả lập luận rằng mỗi nguyên tắc của Luật NDQT do các quốc gia tạo ra để đáp ứng cả nhu cầu chính đáng của họ trong các cuộc xung đột vũ trang hay chiến tranh. Trong các cuộc xung đột vũ trang hoặc chiến tranh sử dụng các biện pháp quân sự là cần thiết, đòi hỏi quân đội phải được trang bị và tuân thủ các nguyên tắc của Luật NDQT, để quân đội có thể chiến đấu hiệu quả trên chiến trường, tránh gây tổn hại không cần thiết cho các chiến binh và dân thường. Tuy nhiên, các nguyên tắc của Luật NDQT không tạo thành các quy phạm pháp luật quốc tế áp dụng cho tất cả các chủ thể của Luật NDQT, vì còn tồn tại đặc quyền của một số quốc gia trên thế giới.

(2) Sách tham khảo ***“How Does Law Protect in War? Cases, Documents and Teaching Materials on Contemporary Practice in International Humanitarian Law, Volume I: Outline of International Humanitarian Law”*** (tạm dịch: *Luật pháp bảo vệ trong chiến tranh như thế nào? Các tình huống, tài liệu và tài liệu giảng dạy về thực tiễn đương đại trong Luật NDQT, Tập I: Sơ lược về Luật NDQT*) của các tác giả Marco Sassòli, Antoine A. Bouvier and Anne Quintin, ấn bản thứ ba, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, năm 2011) [161]. Trong cuốn sách, các tác giả đã khái quát sơ lược về Luật NDQT, với 15 chương: Khái niệm và mục đích của Luật NDQT (Chương 1); Luật NDQT với tư cách là một nhánh của Công pháp quốc tế (Chương 2); lịch sử phát triển của Luật NDQT (Chương 3); nguồn của Luật NDQT (Chương 4); sự khác biệt cơ bản giữa thường dân và chiến binh (Chương 5); chiến binh và tù nhân chiến tranh (Chương 6); bảo vệ những người bị thương, bệnh tật và đắm tàu (Chương 7); bảo vệ thường dân (Chương 8); hành động thù địch (Chương 9); Luật hải chiến (Chương 10); Luật không chiến (Chương 11); Luật xung đột vũ trang phi quốc tế (Chương 12); thực thi Luật NDQT (Chương 13); Luật NDQT và Luật nhân quyền Quốc tế (Chương 14); Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (Chương 15). Các tác giả nhấn mạnh đây là những nội dung rất quan trọng

trong Luật NDQT mà mỗi nhà nước, mỗi cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền, nhất là lực lượng quân đội, lực lượng phòng vệ và từng quân nhân cần phải được trang bị, huấn luyện bằng những hình thức, biện pháp phù hợp với từng quốc gia, dân tộc, từng quân đội, để có thể thực hiện tốt các quy định của Luật NDQT tại các khu vực xảy ra xung đột vũ trang và chiến tranh.

(3) Sách tham khảo ***“Constraints on the waging of war: an introduction to international humanitarian law”*** (tạm dịch: *Những ràng buộc đối với việc tiến hành chiến tranh: một giới thiệu về Luật NDQT*) của các tác giả Frits Kalshoven, Liesbeth Zegveld, NXB Đại học Cambridge, năm 2011 [131]. Cuốn sách được tái bản thứ tư và được sửa đổi đầy đủ về các ràng buộc đối với việc tiến hành chiến tranh xem xét sự phát triển của các nguyên tắc cơ bản của Luật NDQT từ nguồn gốc của chúng cho đến nay. Trọng tâm, đặc biệt là các quy tắc quản lý vũ khí và các công cụ pháp lý thông qua đó tôn trọng luật pháp có thể được thực thi, kết hợp lý thuyết và thực hành thực tế. Trong cuốn sách, các tác giả cũng đưa ra các khái niệm chiến binh, phương tiện chiến tranh, phương thức chiến tranh, mục tiêu quân sự và bảo vệ dân thường, vũ khí hạt nhân, tài sản văn hóa, chiến binh và dân thường, người được bảo vệ, nguyên tắc bảo vệ, đối xử nhân đạo, đối xử với những người có thẩm quyền của một bên trong cuộc xung đột, trách nhiệm tập thể. Các tác giả nhằm nhấn mạnh cho các bên khi tiến hành chiến tranh, hoặc xung đột vũ trang phải thấy một tù nhân sẽ không bị tra tấn hoặc giết chết, một quả lựu đạn không bị ném mù quáng vào đám đông, một ngôi làng không bị ném bom, con người đã không phải chịu đựng một cách không cần thiết tai họa của chiến tranh.

(4) Sách tham khảo ***“The Law of Non-International Armed Conflict”*** (tạm dịch: *Luật xung đột vũ trang phi quốc tế*) của tác giả Sandesh Sivakumaran, NXB Đại học Oxford, năm 2012 [183]. Trong cuốn sách, tác giả đã chỉ ra những thay đổi đối với khung pháp lý áp dụng cho xung đột vũ

trang phi quốc tế từ thế kỷ 19, đến quy định có hệ thống thông qua Công ước Geneva 1949 và Nghị định thư bổ sung 1977. Các xung đột vũ trang từ cuộc nội chiến ở Hoa Kỳ, chiến tranh giành độc lập ở An-giê-ri và nỗ lực ly khai của Biafra, cho đến các cuộc xung đột hiện tại ở Colombia, Philippines và Sudan đều được tác giả xem xét đến để thấy rõ sự thay đổi của khung pháp lý trong giải quyết xung đột vũ trang phi quốc tế. Việc xác định và phân tích Luật NDQT được bổ sung bằng việc xem xét thực tiễn, cho phép xác định chính xác cả những vi phạm và sự tôn trọng Luật NDQT. Cho rằng các cuộc xung đột vũ trang phi quốc tế diễn ra giữa các quốc gia và các nhóm vũ trang phi quốc gia, hoặc giữa các nhóm vũ trang, trong đó, chú ý đến các nhóm vũ trang. Do đó, cuốn sách là một nội dung tham khảo thiết yếu cho luật pháp quốc tế và thực tiễn của các cuộc xung đột vũ trang phi quốc tế.

(5) Sách tham khảo ***“International Humanitarian law: A Comprehensive Introduction”*** (tạm dịch: *Luật NDQT: Giới thiệu toàn diện*) của tác giả Nils Melzer, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, năm 2016) [169]. Trong cuốn sách, tác giả đã giới thiệu toàn diện về Luật NDQT. Cuốn sách gồm 8 chương, cụ thể như sau: Mối tương quan của Luật NDQT với các khuôn khổ pháp lý khác (Chương 1); phạm vi áp dụng theo thời gian, cá nhân và địa lý (Chương 2); hành vi chiến sự (Chương 3); bảo vệ những nhóm người chính bị ảnh hưởng bởi các cuộc xung đột vũ trang, cụ thể là những người bị thương, bệnh tật và nhiệm vụ y tế (Chương 4); những người bị tước đoạt tự do (Chương 5); dân thường trong lãnh thổ do đối phương kiểm soát (Chương 6); việc triển khai và thi hành Luật NDQT (Chương 7); vai trò đặc biệt của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (Chương 8). Cuốn sách cung cấp cho các nhà nước, nhân viên nhà nước, nhân viên quân sự, các nhà hoạch định chính sách và các học giả sự hiểu biết cơ bản về cơ sở lý luận và các đặc điểm của Luật NDQT, cũng như vị trí và chức năng của nó trong bối cảnh pháp luật quốc tế hiện nay. Trong cuốn sách, mỗi chương đề cập đến một chủ đề cụ thể theo quan

điểm của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế. Cuốn sách khái quát quá trình phát triển của Luật NDQT và tập trung phân tích tình trạng hiện tại của Luật NDQT cũng như những thách thức pháp lý và thực tiễn phát sinh từ các tình huống xung đột vũ trang hiện nay.

(6) Sách tham khảo ***“The Handbook of International Humanitarian Law”*** (tạm dịch: *Sổ tay Luật NDQT*) của tác giả Fleck Dieter, ed, tái bản lần thứ 4, NXB Đại học Oxford, năm 2021 [129]. Tác giả đã khẳng định đây là một cuốn sổ tay có vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của cộng đồng quốc tế về Luật NDQT, đây là một văn bản phân tích các trường hợp và bình luận giải thích sâu rộng của một nhóm các chuyên gia xuất sắc và nổi tiếng quốc tế về Luật NDQT. Nó đã được cập nhật và sửa đổi rộng rãi, có tính đến những phát triển pháp lý gần đây, chẳng hạn như Hiệp ước cấm vũ khí hạt nhân năm 2017. Các lĩnh vực được đề cập trong cuốn sách bao gồm: Khái niệm tham gia trực tiếp vào chiến sự; chiến tranh trên không và tên lửa; hoạt động quân sự ngoài vũ trụ; hoạt động mạng quân sự; hoạt động giam giữ và bảo vệ môi trường liên quan đến xung đột vũ trang. Nhu cầu tiếp tục xem xét các vấn đề biên giới cũng như tác động qua lại của Luật NDQT, Luật nhân quyền và các nhánh khác của Luật quốc tế được nhấn mạnh. Cuốn sổ tay này cung cấp kiến thức chuyên sâu về sự phát triển và các vấn đề hiện tại của luật xung đột vũ trang và quan trọng nhất nó cung cấp một giải thích đầy đủ về các hoạt động nên được thực hiện để cải thiện việc thực thi Luật NDQT.

(7) Sách tham khảo ***“The Law of Armed Conflict: International Humanitarian Law in War”*** (tạm dịch: *Luật xung đột vũ trang: Luật NDQT trong chiến tranh*) của tác giả Gary D.Solis, NXB Đại học Cambridge, Vương quốc Anh, năm 2022 [132]. Trong cuốn sách, tác giả đã chỉ ra các điều ước quốc tế, quy tắc chiến tranh, truy tố các tội về chiến tranh; nguồn của Luật xung đột vũ trang; các công ước, nghị định thư về Luật xung đột vũ

trang; xác định tình trạng xung đột, xung đột vũ trang quốc tế, phi vũ trang quốc tế, các cuộc tấn công xuyên biên giới; trạng thái chiến trường cá nhân; tù nhân chiến tranh; quân nhân xuất ngũ và thực tập sinh quân sự tại quốc gia trung lập; gián điệp, lính đánh thuê; tham chiến trực tiếp và tham chiến không trực tiếp; nguyên tắc cốt lõi của Luật xung đột vũ trang; tội ác chiến tranh; tuân theo mệnh lệnh, phòng thủ; trách nhiệm chỉ huy; nhắm vào mục tiêu các chiến binh và người khác.

*Thứ hai, các bài viết đăng trên các tạp chí, luận án, luận văn chuyên ngành khoa học pháp lý đề cập đến Luật NDQT, như: Bài viết “**Towards a Single Definition of Armed Conflict in International Humanitarian Law: A Critique of Internationalized Armed Conflict**” (tạm dịch: Hướng tới một định nghĩa duy nhất về xung đột vũ trang trong Luật NDQT: Phê phán xung đột vũ trang quốc tế) của tác giả James G. Stewart, Tạp chí Hội Chữ thập đỏ quốc tế, tập 85, số 850, trang 313- 350, năm 2003 [148]. Trong bài viết, tác giả đã làm rõ một số vấn đề cơ bản về thực tế của xung đột vũ trang quốc tế, ngưỡng áp dụng Luật NDQT, sự khác biệt giữa xung đột vũ trang quốc tế và luật áp dụng trong xung đột vũ trang phi quốc tế, can thiệp quân sự, tác động của quốc tế hóa, ảnh hưởng của nó đến chính trị thế giới. Đồng thời, tác giả đưa ra lời khuyến nghị các quốc gia cần thống nhất nhận thức về xung đột vũ trang trong Luật NDQT, phê phán các xung đột vũ trang quốc tế trên thế giới hiện nay; Bài viết “**Typology of armed conflicts in international humanitarian law: legal concepts and actual situations**” (tạm dịch: Các loại xung đột vũ trang trong Luật NDQT: Khái niệm pháp lý và tình hình thực tế) của tác giả Sylvain Vite, Tạp chí Hội chữ thập đỏ quốc tế, tập 91, số 873, tr.69 -94, năm 2009) [187]. Trong bài viết này, tác giả đề xuất một loại hình xung đột vũ trang từ quan điểm của Luật NDQT. Đầu tiên, chỉ ra cách giải thích các loại xung đột vũ trang khác nhau trong thực tiễn pháp lý quốc tế và*

khái niệm hóa các loại xung đột vũ trang trong Luật xung đột vũ trang quốc tế và Luật xung đột vũ trang phi quốc tế. Đồng thời, trong bài viết này, tác giả tiếp tục xem xét các trường hợp áp dụng gây tranh cãi khác nhau. Tác giả cho rằng, thực tế xung đột vũ trang thực sự phức tạp hơn các tình huống được mô tả trong Luật NDQT; Luận văn Thạc sĩ ***“The Exigency and How to Improve and Implement International Humanitarian Legislations More Advantageously in Times of Both Cyber-warfare and Cyberspace”*** (tạm dịch: *Tính cấp bách và cách thức cải thiện và thực hiện Luật NDQT một cách thuận lợi hơn trong thời điểm xảy ra cả chiến tranh mạng và không gian mạng*) của tác giả Shawn J. Lalman, Thạc sĩ Khoa học về kỹ thuật an ninh mạng, Đại học Hàng không Embry-Riddle, Hoa Kỳ, năm 2023 [182]. Nghiên cứu này cung cấp một bản tóm tắt về các chủ đề sau: Các giới hạn tiềm năng áp dụng cho chiến tranh mạng theo luật pháp quốc tế; những phức tạp và tranh chấp đáng kể được đưa ra trong việc trình bày và sử dụng Luật NDQT chống lại chiến tranh mạng; hậu quả khả thi của chiến tranh mạng đối với các mục đích nhân đạo. Nghiên cứu này đưa ra tranh luận và vạch ra rằng các chủ thể phi nhà nước có thể phải chịu trách nhiệm về những vi phạm Luật NDQT do sử dụng vũ khí mạng nếu có đủ nguồn lực và kỹ năng. Nêu chi tiết các yếu tố mà các công tố viên và điều tra viên phải tính đến khi tổ chức điều tra các vi phạm nghiêm trọng Luật NDQT được thực hiện trong không gian mạng.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục Luật nhân đạo quốc tế

1.1.2.1. Các công trình trong nước

Trên thực tế, nội dung về giáo dục Luật NDQT chưa được các học giả trong nước đề cập một cách độc lập trong các công trình nghiên cứu ở trong nước mà chỉ mới dừng lại đề cập nội dung về giáo dục pháp luật cho các đối tượng. Tuy nhiên các công trình này cung cấp những luận cứ khoa học cả về lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật, trên cơ sở đó NCS có

thể vận dụng vào xây dựng cơ sở lý luận về giáo dục Luật NDQT. Tiêu biểu có các công trình sau đây:

(1) Luận án tiến sĩ ***“Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam”*** của tác giả Dương Thành Trung, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2016 [77]. Trong Luận án tác giả đã xây dựng, luận giải làm rõ cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer, bao gồm: Khái niệm, đặc trưng, vai trò của giáo dục pháp luật cho đồng bào Khmer; xác định các thành tố của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và các yếu tố tác động tới giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, tác giả đã chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, bất cập trong giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer và một số bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trên cơ sở khung lý luận và thực trạng, tác giả đã xây dựng các quan điểm và đề xuất các giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long trong những năm tiếp theo.

(2) Luận án tiến sĩ ***“Giáo dục pháp luật cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay”*** của tác giả Nguyễn Thị Tĩnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2016 [74]. Trong Luận án, tác giả đã xây dựng, luận giải làm rõ cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk, như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk; mục tiêu, nguyên tắc giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk; chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk. Trên cơ sở khung lý luận về giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk, tác giả đã đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế về giáo dục pháp luật cho

người dân tỉnh Đắk Lắk. Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk, tác giả đã xây dựng 06 quan điểm và 06 giải pháp đồng bộ, có tính khả thi nhằm tăng cường giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk trong những năm tiếp theo.

(3) Luận án tiến sĩ **“Giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông từ thực tiễn Thành phố Hà Nội”** của tác giả Nguyễn Thị Thu Hương, Học viện Khoa học xã hội, năm 2019 [51]. Trong Luận án, tác giả đã phân tích, luận giải cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội nói riêng như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông; các thành tố của giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông. Bên cạnh đó, tác giả đã chỉ ra cơ sở chính trị, pháp lý của hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông ở thành phố Hà Nội; đánh giá việc tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông ở Hà Nội trong những năm gần đây, trên cơ sở đó rút ra một số nhận xét chung về thực trạng và nguyên nhân của thực trạng giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông ở thành phố Hà Nội hiện nay. Đồng thời, trên cơ sở thực trạng giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông ở Hà Nội. Tác giả đã xây dựng quan điểm, xác định giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông từ thực tiễn thành phố Hà Nội.

(4) Luận án tiến sĩ **“Phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay”** của tác giả Lý Nam Hải, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2021 [39]. Trong Luận án, tác giả đã luận giải sự cần thiết phải phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay. Tác giả đã xây dựng, luận giải, phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam, như: Khái niệm, mục

đích, chủ thể, nội dung, phương thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam; các yếu tố ảnh hưởng đến phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam. Đồng thời, tác giả đã đánh giá thực trạng và xác định nguyên nhân của thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam, tác giả đã xây dựng 04 quan điểm và 05 nhóm giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay.

(5) Sách chuyên khảo ***“Phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ”*** của tác giả Trần Đức Hưng, NXB. Quân đội nhân dân, năm 2023 [49]. Trong cuốn sách, tác giả đã luận giải, làm rõ những vấn đề lý luận về phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ, như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ; các yếu tố tác động đến việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ; chủ thể, nội dung, hình thức, phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ. Đồng thời, tác giả đã đánh giá khách quan, toàn diện những ưu điểm, hạn chế trong phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ. Trên cơ sở thực trạng đã chỉ ra, tác giả đã xác định các yêu cầu và đề xuất các giải pháp đồng bộ, có tính khả thi nhằm tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ hiện nay.

(6) Bài viết ***“Các điều ước quốc tế về chiến tranh và sự tham gia của Việt Nam”*** của tác giả Trần Thị Loan, Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, số 23, năm 2023 [55].

Trong bài viết, tác giả đã chỉ rõ các điều ước quốc tế điều chỉnh về chiến tranh và khái quát lịch sử Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc, gia nhập các điều ước quốc tế về chiến tranh. Thực thi nghĩa vụ thành viên của các điều ước quốc tế về chiến tranh, Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp để bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả của các điều ước, trong đó, tác giả đã nhấn mạnh việc tuyên truyền, phổ biến nội dung của các công ước quốc tế về chiến tranh của Việt Nam bằng những hình thức, biện pháp phong phú, đa dạng. Đồng thời cũng chỉ ra sự cụ thể hóa một số quy định trong các điều ước quốc tế về chiến tranh vào pháp luật của Việt Nam. Điều này được thể hiện trong các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, các hành vi vi phạm pháp luật quốc tế về chiến tranh sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự, điều đó tạo nên một cơ chế bảo đảm thực hiện và sự tôn trọng các điều ước quốc tế về chiến tranh của nước ta, cụ thể: Trong Bộ luật Hình sự Việt Nam 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) việc nội luật hóa các quy định của các điều ước quốc tế về chiến tranh được thể hiện trong hai chương XXV về “Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu” và chương XXVI về “Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh”. Ngoài ra, để cụ thể hóa Công ước Geneva 1949, các Nghị định thư bổ sung năm 1977 về hoạt động Chữ thập đỏ, đảm bảo các hoạt động đó tôn trọng các nguyên tắc của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, Việt Nam đã ban hành Luật Hoạt động Chữ thập đỏ 2008 khẳng định cam kết chính trị mạnh mẽ của Việt Nam đối với Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế trong việc phổ biến, giáo dục các điều ước quốc tế về chiến tranh cho các đối tượng ở Việt Nam.

1.1.2.2. Các công trình nước ngoài

Ở nước ngoài, các công trình nghiên cứu về giáo dục Luật NDQT phong phú về mặt lý luận và thực tiễn. Có thể kể đến các công trình tiêu biểu sau đây:

(1) Sách chuyên khảo **“Culture, Ideology and Politics: The Shaping of China’s Conception of International Humanitarian Law”** (tạm dịch: Văn hóa, Tư tưởng và Chính trị: Định hình quan niệm của Trung Quốc về Luật NDQT) của tác giả Liang Zhuo, Nhà xuất bản Học thuật Torkel Opsahl thuộc Trung tâm Nghiên cứu Luật pháp quốc tế và chính sách, Bỉ, số 112, năm 2020) [155]. Trong cuốn sách, tác giả đã phân tích, làm rõ những cơ sở lý luận quan niệm của Trung Quốc về Luật NDQT dưới góc độ văn hóa, tư tưởng, chính trị. Chỉ ra di sản văn hóa, Trung Quốc công nhận rõ ràng nguyên tắc giới hạn, đó là: “Bất kỳ phương tiện và phương pháp chiến tranh nào được các quốc gia hoặc các quốc gia hiếu chiến áp dụng phải bị giới hạn bởi các yêu cầu bảo vệ của chủ nghĩa nhân đạo”, là “một trong những nguyên tắc cơ bản”. Tác giả đã chỉ ra sự cần thiết phải giáo dục Luật NDQT cho đội ngũ cán bộ trong các cơ quan của Nhà nước, trong đó, đối tượng được nhấn mạnh đến là Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc; giáo dục cho toàn xã hội nhận thức rằng: Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc luôn kề vai, sát cánh với nhân dân Trung Quốc và hết lòng phục vụ nhân dân Trung Quốc nói riêng và nhân dân trên thế giới nói chung. Trung Quốc đã liên tục nhấn mạnh sự cần thiết phải bảo vệ nghiêm ngặt dân thường và tù nhân chiến tranh bằng các hình thức, phương pháp, phong phú, đa dạng trong các bình luận về Luật NDQT. Đặc biệt giáo dục cho toàn xã hội nhận thức giáo dục việc thực hiện Luật NDQT không chỉ thông qua tuyên truyền, phổ biến đơn thuần mà việc không tuân thủ các nguyên tắc, quy định của Luật NDQT có thể phải chịu trách nhiệm hình sự, nhất việc bảo vệ dân thường và những người bị bắt được đặc biệt ghi nhận là nghĩa vụ của quân nhân, nếu vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự.

(2) Cuốn sổ tay **“The Manual of the Law of Armed Conflict”** (tạm dịch: Sổ tay về Luật xung đột vũ trang) của Bộ Quốc phòng Úc, Ấn phẩm Học thuyết Quốc phòng Úc, năm 2006 [101]. Cuốn sổ tay quy định: Trong

thời bình và chiến tranh, quốc gia được yêu cầu phổ biến các văn bản của Công ước Geneva 1949 và hai Nghị định thư bổ sung 1977 càng rộng rãi càng tốt trong phạm vi quốc gia của mình. Điều này có thể tạo điều kiện cho các cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước và toàn bộ người dân biết đến các nguyên tắc của Công ước và Nghị định thư. Những người dân thường hoặc quân nhân chịu trách nhiệm áp dụng các công ước hoặc nghị định thư phải nắm được những nội dung cơ bản trong các văn bản của Luật NDQT. Cuốn sổ tay cũng đưa ra các tình huống và cách xử lý các tình huống trong xung đột vũ trang và chiến tranh để mỗi cá nhân, tổ chức, đặc biệt là nhân viên nhà nước, sĩ quan, quân nhân thực hiện đảm bảo tuân thủ Luật NDQT.

(3) Bài viết “***National Implementation and Dissemination of International Humanitarian Law in the Republic of Korea***” (tạm dịch: *Việc thực thi và phổ biến Luật NDQT tại Hàn Quốc*) của tác giả DR. Young Sok Kim, Sách Luật NDQT khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Viện nghiên cứu pháp luật quốc tế thuộc Trung tâm Luật, Đại học Philippines, Tập 1, Số 215, năm 2005) [119]. Trong bài viết, tác giả đã đánh giá khái quát những nỗ lực trong triển khai và thực hiện phổ biến, giáo dục Luật NDQT ở Hàn Quốc. Trong đó, tác giả đã chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân trong phổ biến, giáo dục Luật NDQT ở Hàn Quốc, tập trung phân tích những hạn chế và nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phổ biến, giáo dục Luật NDQT ở Hàn Quốc. Đồng thời, đề xuất một số biện pháp thúc đẩy việc triển khai thực hiện và phổ biến, giáo dục rộng rãi Luật NDQT cho tất cả các đối tượng ở Hàn Quốc, nhất là nhân viên nhà nước và quân đội.

(4) Bài viết “***Dissemination of International Humanitarian Law in the People's Republic of China***” (tạm dịch: *Phổ biến Luật NDQT tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*) của tác giả Roderick O'Brien, Tạp chí Quốc tế, NXB Đại học Quốc gia Singapore, tập 3, số 1, trang 106-118, năm 2005 [179]. Trong bài viết, tác giả đã nhấn mạnh vị trí, vai trò của Luật NDQT

và việc phổ biến, giáo dục Luật NDQT tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tác giả đã khái quát quá trình Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tham gia vào Luật NDQT và phân tích, làm rõ việc thực hiện phổ biến, giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng là nhân dân và Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc bằng nhiều hình thức, biện pháp như: Cụ thể hóa các quy định của Luật NDQT vào các văn bản luật của Nhà nước, các quy định văn hóa công vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và kỷ luật quân đội; phổ biến, giáo dục Luật NDQT bằng các hoạt động thực tiễn, thông qua các cuộc chiến tranh trong giai đoạn chiến tranh và các hoạt động cứu trợ nhân đạo, gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc trong giai đoạn hiện nay.

(5) Bài viết ***“Dissemination of International Humanitarian Law in Greece: A Maritime Perspective”*** (Tạm dịch: *Phổ biến Luật NDQT tại Hy Lạp: Góc nhìn hàng hải*) của tác giả Alba Grembi, Tạp chí Nghiên cứu Luật NDQT, Tập 13: Số 1, Trang: 25-48, năm 2022 [93]. Trong bài viết này, tác giả đã phân tích, làm rõ các điều khoản cụ thể trong pháp luật của Hy Lạp hướng dẫn cách hành xử của chỉ huy hải quân trong một cuộc xung đột vũ trang trên biển. Từ đó, tác giả đã chỉ ra rằng những điều khoản trong pháp luật của Hy Lạp không đáp ứng đầy đủ yêu cầu đảm bảo tôn trọng Luật NDQT của lực lượng Hải quân Hy Lạp và sẽ không góp phần vào việc chấm dứt các hành vi vi phạm các quy tắc quốc tế về hỗ trợ người gặp nạn trên biển của các cơ quan nhà nước, nhất là lực lượng Hải quân. Thực trạng đó, tác giả chỉ ra sự cần thiết của một cuộc thảo luận rộng rãi giữa các học giả pháp lý về việc phổ biến, giáo dục Luật NDQT ở Hy Lạp, để có thể thiết lập một sổ tay quân sự quốc gia toàn diện với các hình thức, phương pháp phổ biến, giáo dục Luật NDQT cho các lực lượng vũ trang ở Hy Lạp, thể hiện tinh thần tuân thủ nghĩa vụ tôn trọng và đảm bảo tôn trọng các quy tắc của Luật NDQT trong lĩnh vực hàng hải của Hy Lạp trong thời bình và chiến

tranh, đồng thời đóng một vai trò quan trọng trong tăng cường an toàn cho người và tài sản trên biển trong xung đột hải quân.

(6) Bài viết “***Dissemination of International Humanitarian Law - The Belgian situation***”, (tạm dịch: *Phổ biến Luật NDQT - Tình hình ở Bỉ*) của tác giả Carl Vandekerckhove, Tạp chí Chữ thập đỏ quốc tế, Tập 27, Số đặc biệt 258, tháng 6 năm 1987, trang 277 - 281 [108]. Trong bài viết, tác giả khái quát tình hình phổ biến Luật NDQT ở Bỉ, cụ thể: Trong các trường đại học việc phổ biến, giáo dục Luật NDQT chỉ được cung cấp trong chương trình giảng dạy của Khoa Luật, không có ngành nào khác đề cập đến Luật NDQT. Để phổ biến, giáo dục Luật NDQT, Hội Chữ thập đỏ Bỉ hàng năm mời giáo sư nước ngoài dành hai giờ giảng về vấn đề này tại bốn trường đại học lớn nhất. Trong quá trình đào tạo nghĩa vụ cho nhân viên y tế trong nước nói chung, trong quân đội Bỉ nói riêng chỉ đề cập đến một số khái niệm, nội dung chính của Luật NDQT mà không có hướng dẫn kỹ lưỡng và có hệ thống về Luật NDQT. Hội Chữ thập đỏ Bỉ hiếm khi nhận được yêu cầu cung cấp tài liệu về Luật NDQT từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở Bỉ. Việc thông báo cho các phương tiện thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến việc áp dụng Luật NDQT chỉ được thực hiện trên cơ sở tự nguyện ở Bỉ.

(7) Bài viết “***Dissemination of International Humanitarian law at university level***” (tạm dịch: *Phổ biến Luật NDQT ở cấp đại học*) của tác giả Eric David, Tạp chí Chữ thập đỏ quốc tế, Tập 27, Số 257, trang 155 - 167, năm 1987 [126]. Trong bài viết, tác giả đã đặt ra câu hỏi tại sao phải phổ biến kiến thức Luật NDQT tại các trường đại học và đưa ra câu trả lời vì nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ đạo đức. Đồng thời tác giả chỉ ra những môn học nào, lĩnh vực nào cần lồng ghép việc phổ biến, giáo dục Luật NDQT như: Trong khoa học tự nhiên, các khóa học về triết học; trong khoa học xã hội và nhân văn, các khóa học về lý luận chính trị, nhân học, tâm lý xã hội, lịch sử, lý thuyết và xã hội học của quan hệ quốc tế; trong y học, khóa học về y đức; các khóa

học triết học và xã hội học đại cương; Luật NDQT trong các khóa học luật có tính chất chung; trình bày Luật NDQT trong giáo trình luật chuyên ngành. Tác giả đã khẳng định phổ biến, giáo dục kiến thức về Luật NDQT trong giới học thuật là nghĩa vụ pháp lý và đạo đức của các cá nhân và các quốc gia. Việc giáo dục Luật NDQT không nên chỉ giới hạn trong các khoa luật mà được thực hiện trong tất cả các ngành nghề, lĩnh vực đào tạo trong trường đại học. Việc thực hiện mục tiêu này dễ đạt được vì hầu hết các khóa học đại cương tổng quát được giảng dạy trong phần đầu của chương trình dành cho sinh viên đều có khả năng cung cấp kiến thức về Luật NDQT, nếu không phải là sự trình bày tổng thể thấu đáo về Luật NDQT, thì ít nhất phải là một phác thảo kỹ lưỡng về các nguyên tắc của Luật NDQT.

(8) Bài viết ***“Towards effective military training in international humanitarian law”*** (tạm dịch: *Hướng tới huấn luyện quân sự hiệu quả theo Luật NDQT*) của tác giả Elizabeth Stubbins Bates, Tạp chí Chữ thập đỏ quốc tế, số 96, tr.795-816, năm 2014 [123]. Trong bài viết, tác giả khẳng định sự cần thiết phải giáo dục Luật NDQT trong các nhà nước, nhất là trong các khóa học huấn luyện quân sự. Tác giả cho rằng nghĩa vụ huấn luyện quân sự theo Luật NDQT được giao cho Nhà nước toàn quyền quyết định. Bên cạnh đó, tác giả đã tổng hợp những hiểu biết sâu sắc của các học giả và học viên về huấn luyện quân sự theo Luật NDQT, chỉ ra sự cần thiết phải đưa các nội dung của Luật NDQT vào trong chương trình huấn luyện quân sự cho tất cả các đối tượng, chú trọng vào đối tượng học viên quân sự. Đồng thời, tác giả đề xuất một tiêu chí hợp tác của các cơ quan nhà nước trong chuẩn hóa, đầy đủ các nội dung, chương trình, các thông tin về huấn luyện quân sự hiệu quả theo Luật NDQT. Với tiêu chí đánh giá như vậy có thể cho phép các nhà nước và các nhà nghiên cứu, các chuyên gia quân sự chia sẻ hình thức, phương pháp hay nhất và có những đổi mới trong những năm tiếp theo về huấn luyện quân sự theo Luật NDQT đảm bảo sử dụng hợp lý, hiệu quả về chi phí.

(9) Bài viết ***“The American Red Cross and International Humanitarian Law Dissemination”*** (tạm dịch: *Hội Chữ thập đỏ Hoa Kỳ và Phổ biến Luật NDQT*) của tác giả Lucy Brown, Nghiên cứu Luật quốc tế, Đại học Chiến tranh Hải quân Hoa Kỳ, Tập 82, Tr.115-120, năm 2015[157]. Trong bài viết, tác giả đã nêu rõ vị trí, vai trò của Hội Chữ thập đỏ Hoa Kỳ và việc phổ biến Luật NDQT ở Hoa Kỳ, nhất là sau vụ tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001. Tác giả đặt ra vấn đề tại sao phải phổ biến, giáo dục Luật NDQT và đưa ra các thông điệp đối với các đối tượng phổ biến, giáo dục Luật NDQT ở Hoa Kỳ. Đồng thời, chỉ ra đối tượng chung là toàn bộ công chúng, song đối tượng tập trung chủ yếu phổ biến, giáo dục Luật NDQT là: Những người đã tham gia các hoạt động nhân đạo, thành viên của Hội Chữ thập đỏ Hoa Kỳ, thanh niên và các nhà giáo dục, các nhà lãnh đạo. Bằng các hình thức, biện pháp đào tạo giảng viên quốc gia về Luật NDQT để tham gia giới thiệu, thuyết trình tại các cộng đồng trên khắp cả nước; sử dụng các giảng viên không phải là chuyên gia pháp lý để hỗ trợ, hướng dẫn và khuyến khích mọi người thảo luận và học tập Luật NDQT. Bên cạnh đó, tác giả đã đi sâu vào phổ biến, giáo dục Luật NDQT cho giới trẻ, thanh niên Hoa Kỳ với chương trình “Khám phá Luật nhân đạo quốc tế” đã và đang được học sinh, sinh viên, giới trẻ Hoa Kỳ hưởng ứng tích cực, đánh giá tốt.

(10) Bài viết ***“Teaching and Research of International Humanitarian Law in Asia: Efforts, Issues and Prospects”***, (tạm dịch: *Giảng dạy và nghiên cứu Luật NDQT ở Châu Á: Nỗ lực, vấn đề và triển vọng*) của tác giả Pritam Ghosh, Tạp chí Giáo dục pháp luật châu Á, Tập 2, Số 1, Trang: 1-16, năm 2015 [173]. Trong bài viết, tác giả đã đưa ra một giải thích ngắn gọn về những nỗ lực về vấn đề học thuật đang diễn ra trên toàn cầu về Luật NDQT, để biến chủ đề này thành một phần không thể thiếu trong chương trình giảng dạy của các trường luật. Tác giả bắt đầu với một mô tả về cách Luật NDQT lần đầu tiên được chấp nhận như một phần của bất kỳ khóa học tiêu chuẩn nào

về luật, đặc biệt là ở phương Tây. Hơn nữa, những nỗ lực được thực hiện ở châu Á được phân tích sau đó là lý do tại sao Luật NĐQT vẫn chưa được chấp nhận như một khóa học chính thức ở châu Á. Cuối cùng, bài viết kết thúc với các khuyến nghị liên quan đến các nhà nghiên cứu pháp lý châu Á cần làm để nâng cao nhận thức về Luật NĐQT và biến nó thành một mô-đun giảng dạy bắt buộc trong tất cả các trường luật ở châu Á.

(11) Bài viết ***“Promoting the teaching of international humanitarian law in universities: the ICRC's experience in Central Asia*** (tạm dịch: *Thúc đẩy việc giảng dạy Luật NĐQT trong các trường đại học: kinh nghiệm của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế ở Trung Á*) của tác giả Luisa Vierucci, Tạp chí Chữ thập đỏ quốc tế, tập 83, số 841, tr.155-165, năm 2001 [158]. Trong bài viết, tác giả đề cập, kể từ đầu những năm 1990, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế đã thúc đẩy việc giảng dạy Luật NĐQT tại các trường đại học của các quốc gia, mặc dù không nhất thiết phải có chiến tranh và được thực hiện ở khoảng 25 quốc gia. Mục đích của chương trình là vừa nâng cao kiến thức về Luật NĐQT cho những người ra quyết định được biết đến nhiều hơn. Một trong những khu vực mà chương trình đại học của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế đã phát triển mạnh mẽ là Liên Xô cũ, nơi các quốc gia mới độc lập, đặc biệt là các quốc gia Trung Á, có rất ít hoặc không có truyền thống về luật quốc tế nói chung, Luật NĐQT nói riêng. Tác giả đã đưa ra các cách thức để phát triển việc giảng dạy Luật NĐQT trong các trường đại học như: Đào tạo giảng viên, nhân viên công quyền giảng dạy Luật NĐQT; hỗ trợ xuất bản và nghiên cứu về Luật NĐQT; đưa Luật NĐQT vào chương trình giảng dạy đại học; phát triển kiến thức và sự quan tâm đến Luật NĐQT trong sinh viên đại học. Đồng thời, tác giả đã khảo sát được kết quả của việc thúc đẩy giảng dạy Luật NĐQT thông qua các số liệu cụ thể: Ở Trung Á, các khóa học cụ thể từ tối thiểu tám giờ đến tối đa năm mươi bốn giờ được tổ chức tại mười một khoa luật, hai khoa quan hệ quốc tế và bốn khoa báo chí. Hơn nữa, các yếu

tổ của Luật NDQT đã được đưa vào các lớp luật quốc tế và các khóa học liên quan khác tại các khoa nói trên. Sách giáo khoa, bài báo và ấn bản văn bản của các công ước liên quan bằng tiếng Nga, tiếng địa phương và tiếng Anh có sẵn trong thư viện trường đại học. Sinh viên ngày càng nhận thức rõ hơn về Luật NDQT và ngày càng có nhiều sinh viên viết luận văn về các chủ đề liên quan để lấy bằng cấp đầu tiên hoặc sau đại học.

(12) Bài viết ***“Dissemination of international humanitarian law in Ecuador”*** (tạm dịch: *“Phổ biến Luật NDQT ở Ecuador”*) của tác giả Ricardo Camacho Zeas, Tạp chí Chữ thập đỏ quốc tế, tập 32, số 287, trang 179 - 182, năm 1992 [175]. Trong bài viết, tác giả chỉ ra: Ở Ecuador, quỹ thời gian hiếm khi được dành riêng để đưa các khóa học về Luật NDQT vào các chương trình giảng dạy quân sự, bởi vì các chính phủ cầm quyền đã không đưa ra quyết định chính sách nào về mặt đó hoặc vì các nguồn tài chính khan hiếm được dành cho các mục đích khác ưu tiên. Ở Ecuador, các hoạt động phổ biến Luật NDQT rất ít cho đến năm 1989, Luật NDQT mới được phổ biến với các nhóm đối tượng chính là lực lượng vũ trang, cảnh sát quốc gia và giới học thuật. Đặc biệt là ký kết tuyên bố hợp tác giữa Hội chữ thập đỏ Ecuador với BQP, Bộ Nội vụ và Cảnh sát quốc gia Ecuador. Tuyên bố hợp tác có hai điểm chính: Thứ nhất, đồng ý cho phép Hội Chữ thập đỏ tổ chức các khóa học, hội thảo với điều kiện không làm ảnh hưởng đến hoạt động thường ngày của các đơn vị quân đội, hải quân, không quân, cảnh sát quốc gia, nhân viên nhà nước và các lực lượng có liên quan; thứ hai, là một điều phối viên đã được chỉ định cho mỗi nhánh của lực lượng vũ trang, điều phối viên đó là Tổng thư ký của nhánh đó. Điều này có tầm quan trọng sống còn vì nó cho phép thiết lập các mối quan hệ làm việc thường xuyên trên cơ sở cá nhân hơn. Tác giả cũng chỉ rõ thông qua các tuyên bố hợp tác đã giúp Hội Chữ thập đỏ Ecuador đạt được tiến bộ nhanh chóng trong việc phổ biến kiến thức về Luật NDQT trong lực lượng vũ trang và cảnh sát của đất nước. Bằng nhiều hình thức biện pháp như: Tổ chức các khóa học

và hội thảo (trung bình hai tháng một lần) đã được tổ chức ở tất cả các cấp, từ tân binh cho đến những người ủng hộ thẩm phán của Tòa án quân sự tối cao; tổ chức các cuộc nói chuyện; thảo luận các tình huống theo nhóm.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội

1.1.3.1. Các công trình trong nước

Ở Việt Nam, hiện chưa có công trình khoa học nào đề cập về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN (theo nguồn công khai mà NCS có thể tiếp cận được). Tài liệu mà NCS tìm thấy chỉ mới dừng lại đề cập nội dung về giáo dục pháp luật cho các đối tượng trong QĐNDVN, song các công trình về giáo dục pháp luật sẽ cung cấp những luận cứ khoa học để NCS xây dựng khung lý luận về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Tiêu biểu có các công trình sau đây:

(1) Sách chuyên khảo ***“Một số giải pháp nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học viên quân sự các trường sĩ quan khu vực phía Nam”*** của tác giả Phạm Nguyễn Ngọc Anh, Nxb Quân đội nhân dân, năm 2023 [1]. Trong cuốn sách, tác giả đã luận giải, làm rõ những vấn đề lý luận về chất lượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học viên quân sự các trường sĩ quan khu vực phía Nam, như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của việc chất lượng, nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học viên quân sự các trường sĩ quan khu vực phía Nam; chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học viên quân sự các trường sĩ quan khu vực phía Nam. Đồng thời, tác giả đã đánh giá khách quan, toàn diện thực trạng, phân tích, làm rõ nguyên nhân của những hạn chế trong nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học viên quân sự các trường sĩ quan khu vực phía Nam. Trên cơ sở thực trạng, tác giả

đã xác định các yêu cầu và đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học viên quân sự các trường sĩ quan khu vực phía Nam hiện nay.

(2) Sách chuyên khảo ***“Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường quân đội hiện nay”*** của tác giả Bùi Quang Huy, Nxb Quân đội nhân dân, năm 2022 [47]. Trong cuốn sách, tác giả đã luận giải, làm rõ một số vấn đề lý luận về chất lượng và nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường quân đội, như: Khái niệm, mục đích, chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường quân đội; khái niệm và các yếu tố cấu thành chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường quân đội; khái niệm, đặc điểm và vai trò của nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường quân đội. Đồng thời, đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường quân đội, chỉ rõ ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường quân đội. Trên cơ sở thực trạng đã chỉ ra, tác giả đã xác định 05 yêu cầu và 04 giải pháp đồng bộ, có tính khả thi nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường quân đội hiện nay.

(3) Luận án tiến sĩ ***“Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam”*** của tác giả Trịnh Văn Hưng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2023 [50]. Trong Luận án, tác giả đã xây dựng, luận giải, làm rõ cơ sở lý luận về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN, như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; khái niệm, các tiêu chí đánh giá và các điều kiện bảo đảm chất

lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN; Kinh nghiệm giáo dục pháp luật trong nhà trường quân đội ở một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam. Đồng thời, tác giả đã đánh giá khách quan, toàn diện thực trạng chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường QĐNDVN bằng các số liệu và minh chứng có tính xác thực cao. Trên cơ sở thực trạng chỉ ra, tác giả đã xây dựng 04 quan điểm và 09 giải pháp cụ thể, có tính khả thi nhằm bảo chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên trong nhà trường QĐNDVN hiện nay.

(4) Luận án tiến sĩ ***“Giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam”*** của tác giả Nguyễn Văn Vi, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2018 [87]. Trong luận án, tác giả đã xây dựng, luận giải, làm rõ những vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật trong QĐNDVN, như: Khái niệm, đặc điểm của giáo dục pháp luật trong QĐNDVN; các thành tố cơ bản của giáo dục pháp luật trong QĐNDVN; sự cần thiết và vai trò của giáo dục pháp luật trong QĐNDVN; các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật trong QĐNDVN. Đồng thời, tác giả đánh giá khách quan, toàn diện kết quả, hạn chế và nguyên nhân kết quả, hạn chế của hoạt động giáo dục pháp luật trong QĐNDVN, rút ra những bài học kinh nghiệm về giáo dục pháp luật trong QĐNDVN. Trên cơ sở khung lý luận và đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật trong QĐNDVN, tác giả đã xây dựng 04 quan điểm và 04 nhóm giải pháp đồng bộ, có tính khả thi nhằm tăng cường giáo dục pháp luật trong QĐNDVN hiện nay.

(5) Luận án tiến sĩ ***“Giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan Quân đội hiện nay”*** của tác giả Trần Văn Hòa, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, năm 2018 [44]. Trong Luận án, tác giả đã xây dựng, phân tích, luận giải cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan Quân đội, như: Khái niệm, bản chất, đặc điểm và vai trò của giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan Quân đội; chủ thể, đối tượng,

chương trình, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan Quân đội; các yếu tố tác động và những yêu cầu đặt ra đối với hoạt động giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan Quân đội hiện nay. Đồng thời, trên cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật cho học viên các trường sĩ quan Quân đội, tác giả đã đánh giá khách quan, toàn diện những kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại và phân tích, làm rõ nguyên nhân của những hạn chế trong giáo dục pháp luật cho học viên các trường sĩ quan Quân đội. Từ thực trạng về giáo dục pháp luật cho học viên các trường sĩ quan Quân đội, tác giả đã xây dựng yêu cầu và đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan Quân đội hiện nay.

1.1.3.2. Các công trình nước ngoài

Ở nước ngoài, các công trình nghiên cứu về giáo dục Luật NDQT trong quân đội tương đối phong phú cả về lý luận và thực tiễn. Có thể kể đến các công trình tiêu biểu sau đây:

(1) Cuốn sách ***“The PLA and International Humanitarian Law: Achievements and Challenges”*** (tạm dịch: *Quân đội giải phóng nhân dân Trung Quốc và Luật NDQT: Những thành tựu và thách thức*) của tác giả Wang Wenjuan do Viện Chính sách an ninh và phát triển xuất bản, Stockholm, Thụy Điển, năm 2013 [197]. Trong cuốn sách, tác giả đã chỉ ra việc thực hiện các quy định của Luật NDQT đã được Quân Giải phóng nhân dân Trung quốc nghiên cứu đưa vào kế hoạch giáo dục quân sự và đảm bảo rằng các lực lượng trong quân đội được giáo dục tốt về Luật NDQT. Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đã thực hiện một loạt các biện pháp để phổ biến, giáo dục kiến thức về Luật NDQT, cụ thể: *Thứ nhất*, Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc chịu trách nhiệm dịch thuật và xuất bản các nội dung chính của Luật NDQT và các tài liệu liên quan sang tiếng Trung Quốc. Trong đó, tất cả các công ước của Luật NDQT mà Trung Quốc phê chuẩn và tham

gia đều đã được dịch và xuất bản. Ngoài ra, một số điều ước mà Trung Quốc chưa ký kết hoặc chưa tham gia cũng đã được dịch thuật; *thứ hai*, Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đã mở nhiều khóa đào tạo Luật NDQT và xuất bản nhiều tài liệu cho các sĩ quan quân đội, chẳng hạn như bản dịch tiếng Trung của “Bài giảng về Luật NDQT” và “Bản chất của của Luật NDQT”. Hơn 200.000 tập tài liệu bổ sung đã được phân phát cho quân đội. Luật NDQT đã được đưa vào các tài liệu giáo dục và tài liệu liên quan, được giảng dạy trong các lớp học và thậm chí được xây dựng theo cách đơn giản, trực quan và đồ họa cho tất cả các sĩ quan quân đội. Việc sản xuất không chỉ giới hạn ở các tài liệu bằng văn bản, các băng hình “Nhân đạo” đã được sản xuất và cấp phát cho các đơn vị cấp sư đoàn. Bộ phim “Huấn luyện Luật NDQT trong Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc” mô tả công việc của Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc trong việc hướng dẫn Luật NDQT cũng đã được phân phát cho các đơn vị trong quân đội; *thứ ba*, Luật NDQT đã trở thành một phần không thể thiếu trong giáo dục pháp luật của Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc. Kể từ năm 1986, Luật NDQT đã được đưa vào Chiến dịch giáo dục pháp luật 5 năm một lần, cung cấp cho các cán bộ trên cấp trung đoàn, bao gồm các chương và phần về luật pháp quốc tế và Luật nhân đạo quốc tế; *thứ tư*, Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc cũng đã sử dụng các phương tiện truyền thông để phổ biến kiến thức về Luật NDQT. Ví dụ, PLA Daily thường xuất bản các bài báo về Luật NDQT. Kênh quân sự CCTV đã sản xuất “Phim chiến tranh thầm lặng” bao gồm các quy tắc cơ bản của Luật NDQT. Ngoài ra, vào năm 2004, một đơn vị đặc biệt chịu trách nhiệm về Công ước bom mìn đã tổ chức “Cuộc thi kiến thức về Công ước bom mìn” trên toàn quốc với hàng nghìn binh sĩ tham gia.

(2) Sổ tay “*Manual on International Humanitarian Law for the Armed Forces of the Russian Federation*” (tạm dịch: Sổ tay về Luật

NDQT cho lực lượng vũ trang Liên bang Nga) của Bộ Quốc phòng Nga, năm 2002 [192]. Đây là cuốn sổ tay được biên soạn phù hợp với Hiến pháp và pháp luật Liên bang Nga, các quy định về lực lượng vũ trang Liên bang Nga, cũng như các điều ước quốc tế có liên quan đến Luật NDQT. Với mục đích để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho lực lượng vũ trang Nga tuân thủ Luật NDQT, sổ tay trang bị những kiến thức cơ bản về Luật NDQT trong thực hiện các hoạt động quân sự bao gồm: các định nghĩa cơ bản trong Luật NDQT; các nguyên tắc cơ bản của Luật NDQT; áp dụng Luật NDQT trong khi tổ chức và tiến hành các hoạt động chiến đấu; nội dung cụ thể của việc áp dụng các quy tắc của Luật NDQT trong hoạt động chiến đấu của lực lượng không quân và hải quân; áp dụng các quy phạm của Luật NDQT trong hoạt động hậu cần quân sự; nghiên cứu các chuẩn mực của Luật NDQT. Trong cuốn sổ tay, BQP Liên bang Nga yêu cầu các cơ sở đào tạo quân sự, trong các khóa học tổng thể về nhân đạo, nhân đạo xã hội, nhân đạo đặc biệt và sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành có liên quan phải được phổ biến, giáo dục các nội dung cơ bản về Luật NDQT, trong đó, đặt ra yêu cầu cao về trình độ đào tạo của học viên tốt nghiệp các trường quân sự phải biết và có thể áp dụng các quy tắc của Luật NDQT trong quá trình chuẩn bị và tiến hành chiến sự của các đơn vị quân đội, phải huấn luyện cho từng quân nhân và các đơn vị áp dụng các quy tắc của Luật NDQT trong các tình huống chiến đấu.

(3) Bài viết “***Dissemination of International Humanitarian Law - The Belgian situation***” (tạm dịch: *Phổ biến Luật NDQT - Tình hình ở Bỉ*) của tác giả Carl Vandekerckhove, Tạp chí Chữ thập đỏ quốc tế, tập 27, số đặc biệt 258, trang 277-281 [108]. Trong bài viết, tác giả chỉ ra một số vấn đề còn gặp khó khăn trong phổ biến, giáo dục Luật NDQT cho lực lượng quân sự, như: Bộ chỉ huy quân sự vẫn thiếu một cuốn sách hướng dẫn hữu ích giải thích rõ ràng về

Luật NDQT liên quan đến quân đội Bỉ; còn hướng dẫn khác nhau, mang tính học thuật và không được tích hợp vào thực tế quân sự; không có phương tiện hỗ trợ giảng dạy đầy đủ; thông tin về Luật NDQT đối với báo chí quân sự hầu như không tồn tại; không có quy trình đánh giá kiến thức về phổ biến, giáo dục Luật NDQT trong quân đội Bỉ. Đồng thời, tác giả đề cập muốn phổ biến, giáo dục Luật NDQT trong quân đội Bỉ cần khắc phục những khó khăn nêu trên, trong đó, đề cao vai trò của chính phủ Bỉ, Hội chữ thập đỏ Bỉ, cần đa dạng các hình thức phổ biến, bằng việc cho các quân nhân trong quân đội tham dự các khóa học về luật chiến tranh ở San Remo, mở các khóa học về Luật NDQT do các giáo sư, chuyên gia về Luật NDQT giảng dạy.

(4) Bài viết ***“The Chinese humanitarian heritage and the dissemination of and education in international humanitarian law in the Chinese People's Liberation Army”*** (tạm dịch: *Di sản nhân đạo của Trung Quốc và việc phổ biến, giáo dục Luật NDQT trong Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc*) của tác giả He Xiaodong, Tạp chí NDQT, số 841, năm 2001 [140]. Tác giả đã làm rõ di sản nhân đạo của Trung Quốc trong suốt chiều dài lịch sử, các nguyên tắc của chủ nghĩa nhân đạo cách mạng được Trung Quốc nhất quán tôn trọng tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc của các khái niệm NDQT, đặc biệt là liên quan đến việc bảo vệ người dân thường và đối xử với những người bị bắt giữ. Tác giả nhấn mạnh, đối với Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc là quân đội nhân dân, quân đội của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chăm lo cho dân, bảo vệ dân, hết lòng phục vụ nhân dân là mục đích và mục đích duy nhất của đội quân này. Trong nhiều thập kỷ, trong các cuộc chiến tranh cách mạng trước đây hay trong các hoạt động cứu trợ thiên tai, quân đội đã chứng tỏ mình là một quân đội nhân dân có kỷ luật cao, không bao giờ phạm một tội dù nhỏ nhất đối với nhân dân. Quân nhân trong Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc luôn được chú trọng phổ biến, giáo dục Luật NDQT bằng nhiều hình thức

biện pháp, trong đó chú trọng, giáo dục cho mọi quân nhân nắm vững 3 quy tắc kỷ luật chính, 8 điểm cần lưu ý trong hoạt động của quân nhân. Cho đến nay, Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đã tổ chức hàng chục khóa học về Luật NDQT. Ngoài ra, một số lớp đào tạo đã được tiến hành cho quân nhân về Công ước về một số loại vũ khí thông thường, Công ước về vũ khí hóa học và Nghị định thư về bom mìn. Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc cũng đã gánh vác trách nhiệm đào tạo nhân viên pháp lý trong các cơ sở giáo dục của quân đội, sĩ quan chính trị cấp sư đoàn, lữ đoàn và trung đoàn, cán bộ văn phòng chính phủ, thẩm phán quân sự, công tố viên, luật sư và chuyên gia pháp lý về Luật NDQT. Đại học Quốc phòng, cơ sở giáo dục được xếp hạng cao nhất trong Quân đội Giải phóng nhân dân Trung Quốc, tổ chức các lớp giảng Luật NDQT đặc biệt hàng năm cho các sĩ quan đang được đào tạo ở cấp sư đoàn và quân đoàn trở lên. Ngoài những điều trên, các bài tập huấn luyện quân sự cũng tìm cách khắc sâu kiến thức về Luật NDQT. Các tình huống liên quan đến Luật NDQT như bảo vệ thường dân và tù binh đã được lồng ghép vào các cuộc tập trận huấn luyện, bao gồm cả các cuộc tập trận quân sự chung quốc tế để các binh sĩ tham gia đã được huấn luyện về cách phản ứng và tuân thủ luật pháp - trong các cuộc tấn công bất hợp pháp trong các tình huống chiến đấu, thương tích do tai nạn và ném bom, phân biệt mục tiêu chiến đấu, điều trị tù binh, cũng như các tình huống có thể xảy ra khác.

(5) Bài viết “*The British Army’s Training in International Humanitarian Law*” (tạm dịch: *Huấn luyện của Quân đội Anh về Luật NDQT*) của tác giả Elizabeth Stubbins Bates, Tạp chí Luật An ninh và Xung đột, tập 25, số 2, trang 291-315, năm 2020 [124]. Trong bài viết, tác giả đã chỉ ra việc thực hiện nghĩa vụ đào tạo Luật NDQT bị trì hoãn ở Vương quốc Anh khi chính phủ khẳng định rằng Luật NDQT không thể áp dụng cho chiến tranh thuộc địa, phản đối sự phát triển của Luật NDQT

trong xung đột vũ trang phi quốc tế và muốn duy trì khả năng răn đe hạt nhân. Việc phổ biến, giáo dục, huấn luyện Luật NDQT của Quân đội Anh đã được cải tổ sau cái chết của Baha Mousa khi bị quân đội Anh giam giữ vào năm 2003 đã có những thay đổi từ năm 2004 đến năm 2011 và được quan tâm nhiều hơn từ năm 2012 đến năm 2017. Các lệnh cấm đối xử nhục mạ hoặc hạ thấp phẩm chất tình dục, và cấm cố ý gây ra đau đớn và đau khổ nghiêm trọng về tinh thần được nhấn mạnh phổ biến. Các hình thức phổ biến, giáo dục Luật NDQT chủ yếu thông qua các khóa huấn luyện quân sự cho các sĩ quan quân đội; thông qua xử lý các tình huống nhân đạo có thể xảy ra trong các cuộc tập trận.

(6) Bài viết *“Parameters of Effective Military Training in International Humanitarian Law”* (tạm dịch: Các thông số huấn luyện quân sự hiệu quả trong Luật NDQT) của các tác giả Grazvydas Jasutis and Rebecca Mikova, Trung tâm Quản trị Ngành An ninh Geneva, Thụy Sĩ, năm 2023 [134]. Tác giả cho thấy nhu cầu đào tạo về Luật NDQT là vô cùng quan trọng, vì nó thiết lập khuôn khổ pháp lý cho các cuộc xung đột vũ trang và giúp bảo vệ dân thường cũng như các chiến binh khỏi sự khủng khiếp của chiến tranh. Huấn luyện về Luật NDQT là điều cần thiết đối với quân nhân, vì nó sẽ giúp họ hiểu các nguyên tắc và quy định pháp lý điều chỉnh hành vi chiến sự và sẽ đảm bảo rằng họ hành động theo luật. Bài viết cung cấp thông tin chi tiết về cách triển khai đào tạo Luật NDQT một cách hiệu quả, thông qua phân tích, đánh giá hiệu quả đào tạo Luật NDQT trong quân đội một số nước trên thế giới, bao gồm: giáo dục quân sự và Luật NDQT; trình độ đào tạo; tần suất đào tạo Luật NDQT; hình thức, nội dung, phương pháp đào tạo Luật NDQT bằng các kịch bản để tái tạo các quá trình, sự kiện và hoàn cảnh của chủ đề được thảo luận, với các bài tập cá nhân và tập thể, nghiên cứu tình huống, đóng vai và làm mẫu hành vi. Huấn luyện mô phỏng theo kịch bản được tích hợp vào các bài tập chiến đấu vẫn có tầm quan trọng đặc biệt; đánh giá phương thức đào tạo; cơ chế theo dõi đào tạo; giảng viên giảng dạy Luật NDQT.

1.2. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Nhận xét, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến Luận án

Từ tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, có thể thấy rằng, các công trình nghiên cứu về giáo dục Luật NDQT được nghiên cứu dưới nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau, song về cơ bản mới chỉ làm rõ được một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Luật NDQT, giáo dục Luật NDQT ở một số nước và trong quân đội một số nước trên thế giới. Từ đó, có thể rút ra những nhận xét, đánh giá khái quát các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án như sau:

Thứ nhất, về lý luận giáo dục Luật NDQT, các công trình nghiên cứu đã đề cập khái niệm, các nội dung cơ bản Luật NDQT; đã đề cập đến mục đích, vai trò, hình thức, phương pháp phổ biến, giáo dục Luật NDQT nói chung. Tuy nhiên, các công trình này chưa làm rõ, cụ thể hóa được các vấn đề lý luận về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Đặc biệt là việc luận giải các khía cạnh liên quan đến khái niệm, đặc điểm, đối tượng, chủ thể, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu chưa đề cập đến điều kiện môi trường quân sự tác động đến thái độ, tình cảm của quân nhân đối với Luật NDQT, chưa luận giải về sự cần thiết phải giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay. Ngoài ra các điều kiện bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN cũng chưa được các công trình khoa học trên đề cập đến.

Thứ hai, về thực trạng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, chưa có công trình nào đề cập đến thực trạng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Các công trình trên chủ yếu đề cập đến thực trạng phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục Luật NDQT ở một số nước và quân đội một số quốc gia trên thế giới, song thực trạng chỉ nêu các số liệu về giáo dục Luật NDQT mang tính liệt kê

theo chương trình, kế hoạch được xây dựng bởi các cơ quan chức năng trong các nhà nước, chưa tập trung đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân của giáo dục Luật NDQT. Ngoài ra, các công trình còn bị hạn chế bởi đối tượng, phạm vi nghiên cứu, thể chế chính trị, kỷ luật quân đội của từng quốc gia.

Thứ ba, về quan điểm, giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện tại chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về vấn đề này. Một số công trình nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp về phổ biến, giáo dục Luật NDQT còn mang tính chất chung chung, đã lạc hậu, không phù hợp với đối tượng đặc thù là quân nhân trong QĐNDVN và trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội hiện nay.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu về Luật NDQT, giáo dục Luật NDQT nói chung, trong quân đội nói riêng đã có những kết quả nhất định, cung cấp tài liệu tham khảo hữu ích cho NCS, tuy nhiên nhìn một cách tổng thể có thể thấy, mặc dù số lượng các công trình nghiên cứu liên quan tới đề tài luận án khá phong phú, đa dạng nhưng chủ yếu là các công trình nước ngoài, chưa có một công trình nghiên cứu nào, chưa có một bài viết nào nghiên cứu, đề cập trực diện nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Trên thực tế, việc nghiên cứu về lý luận, thực trạng, quan điểm, giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay còn là một khoảng trống, chưa được đề cập, cần nghiên cứu một cách cụ thể, thấu đáo. Đòi hỏi cần phải có những công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này. Do vậy, Luận án ***“Giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam”*** là công trình đầu tiên giải quyết những vấn đề đặt ra.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu trực tiếp, chuyên sâu về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Do đó, luận án tập trung luận giải những nội dung cơ bản sau:

** Về lý luận giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam*

- Xây dựng, luận giải, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về giáo dục Luật NDQT nói chung.

- Phân tích, làm sáng tỏ những đặc điểm đặc thù của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; phân tích, luận giải vai trò và sự cần thiết của việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; xây dựng mới khung lý thuyết về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, như: Khái niệm, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

- Phân tích, làm sáng tỏ các điều kiện bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

** Về thực trạng giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam*

Phân tích, đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; xác định, phân tích, làm rõ nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.

** Về quan điểm, giải pháp bảo đảm giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam*

Xây dựng, phân tích và hệ thống hóa các quan điểm chỉ đạo giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay. Đồng thời, đề xuất các giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay.

1.2.3. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu

** Giả thuyết nghiên cứu*

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua đã được Đảng, Nhà nước, BQP và các cơ quan chức năng có liên quan chú trọng thực hiện và đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận, song vẫn còn tồn tại một số

hạn chế nhất định chưa đạt kết quả như mong muốn. Do đó, cần phải nhận thức rõ sự cần thiết của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, từ đó có những giải pháp toàn diện về nhận thức, tổ chức thực hiện và điều kiện bảo đảm, phù hợp, chuẩn hóa nội dung, đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT cho phù hợp với đặc thù của đối tượng là quân nhân trong QĐNDVN. Giải quyết tốt các vấn đề đó thì việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN sẽ có sự chuyển biến tích cực trong thời gian tới.

** Câu hỏi nghiên cứu*

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu đã nêu, câu hỏi nghiên cứu đặt ra cho luận án bao gồm:

- 1- Vì sao phải giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay?
- 2- Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN được hiểu như thế nào? Có những đặc thù gì so với giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng khác?
- 2- Thực trạng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua diễn ra như thế nào?
- 3- Những quan điểm, giải pháp nào có thể thực hiện để bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN trong thời gian tới?

Kết luận chương 1

Xuất phát từ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục Luật NDQT ở Việt Nam nói chung, trong QĐNDVN nói riêng, các vấn đề liên quan giáo dục Luật NDQT luôn nhận được sự quan tâm của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án cho thấy, trong thời gian qua, các vấn đề liên quan đến Luật NDQT, giáo dục Luật NDQT, đặc biệt là giáo dục Luật NDQT trong quân đội đã được các nhà khoa học trên thế giới, trong nước tiếp cận và quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, việc nghiên cứu được thực hiện dưới nhiều góc độ và ở nhiều khía cạnh thuộc các chuyên ngành khác nhau. Các nhà khoa học mới chỉ tập trung luận giải và nghiên cứu các vấn đề về cơ sở lý luận liên quan đến giáo dục Luật NDQT, giáo dục Luật NDQT trong quân đội ở một số quốc gia trên thế giới, chưa có công trình nào nghiên cứu về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án, NCS đã chỉ ra được những nội dung có giá trị tham khảo đối với luận án và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án. Đồng thời, NCS đã đặt ra giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu, đây là những câu hỏi cần được trả lời, giải quyết ở các phần tiếp theo của luận án.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

2.1.1. Khái niệm giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

2.1.1.1. Khái niệm Luật nhân đạo quốc tế

Luật lệ và tập quán quốc tế chiến tranh đã được tồn tại từ rất sớm dưới các hình thức tập quán hoặc dưới hình thức các quy định của pháp luật quốc gia. Ngay từ thời Hy Lạp cổ đại, giữa các quốc gia trong khu vực này đã tồn tại quy phạm tập quán pháp, theo đó, có những quy định, như chiến tranh không thể bắt đầu nếu thiếu tuyên bố về nó; người chết trên chiến trường phải được chôn cất; khi chiếm một thành phố, làng mạc thì binh sỹ không được sát hại những người ẩn nấp trong các nhà thờ, tù binh sẽ được trao đổi, mua lại hoặc có thể biến thành nô lệ chứ không được giết... Trải qua hàng trăm năm lịch sử, quá trình nhân đạo hoá xung đột vũ trang có những tiến bộ lớn, nhất là từ thế kỷ XIX, với sự ra đời của các tổ chức nhân đạo ở các nước trên thế giới. Năm 1863, H. Dunant đã cùng với bốn người khác là Moynier, tướng Dufour, các bác sỹ Appia và Maunoir thành lập Ủy ban quốc tế thường trực cứu trợ người bị thương - tổ chức tiền thân của Ủy ban quốc tế Chữ thập đỏ hiện nay. Ủy ban quốc tế Chữ thập đỏ đặt cho mình nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là hỗ trợ và thúc đẩy các quốc gia, các tổ chức quốc tế và các cá nhân thực hiện nghiêm chỉnh các Công ước Geneva và các điều ước quốc tế khác do Ủy ban quốc tế Chữ thập đỏ khởi xướng ký kết, nhằm bảo hộ các nạn nhân chiến tranh.

Luật NDQT hay còn được gọi là Luật lệ và tập quán quốc tế chiến tranh hoặc Luật xung đột vũ trang. Trong khi các tổ chức quốc tế thường sử

dụng thuật ngữ Luật NDQT thì các lực lượng vũ trang thường sử dụng thuật ngữ Luật lệ và tập quán quốc tế chiến tranh hoặc Luật xung đột vũ trang. Mặc dù có những khía cạnh khác nhau nhất định, song các thuật ngữ trên được coi là có nội hàm như nhau.

Trên thế giới hiện nay, khái niệm Luật NDQT được tiếp cận dưới các góc độ khác nhau, chưa có một khái niệm thống nhất mang tính phổ quát toàn thế giới. Trên bình diện toàn cầu, Luật NDQT là hệ thống các nguyên tắc, quy phạm pháp luật được xác lập nhằm giảm bớt nỗi đau của tất cả những nạn nhân trong xung đột vũ trang khi rơi vào tay kẻ thù, dù đó là người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu, bị bắt làm tù binh hoặc thường dân.

Ở Việt Nam, theo các nhà khoa học pháp lý Trường Đại học Luật Hà Nội cho rằng: Luật NDQT là hệ thống các nguyên tắc, quy phạm pháp luật quốc tế, điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia trong giai đoạn xung đột vũ trang, nhằm hạn chế áp dụng các phương tiện, phương pháp tiến hành chiến tranh, bảo hộ nạn nhân chiến tranh và định lập trách nhiệm đối với các chủ thể vi phạm các nguyên tắc, quy phạm đó của pháp luật quốc tế [82, tr.371]. Theo các nhà khoa học pháp lý Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Luật NDQT là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực được thiết lập bởi các điều ước và tập quán quốc tế nhằm điều chỉnh các mối quan hệ giữa các bên tham chiến trong các xung đột vũ trang (mang tính quốc tế và không mang tính quốc tế) để bảo vệ những nạn nhân chiến tranh (bao gồm dân thường và những chiến binh bị thương, bị ốm, bị đắm tàu, bị bắt làm tù binh) [83].

Luật NDQT là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp luật quốc tế được thể hiện chủ yếu trong bốn Công ước Geneva về bảo vệ nạn nhân chiến tranh năm 1949, bao gồm: Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc cải thiện điều kiện của những người bị thương và bị bệnh thuộc các lực lượng vũ trang trên chiến trường; Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc cải thiện điều kiện của những người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu

thuộc các lực lượng vũ trang trên viên; Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc đối xử với tù binh; Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc bảo hộ thường dân trong chiến tranh, mỗi công ước có 196 quốc gia thành viên tham gia và ba Nghị định thư bổ sung, bao gồm: Nghị định thư (I) năm 1977 bổ sung các công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế, có 174 quốc gia thành viên tham gia; Nghị định thư (II) năm 1977 bổ sung các công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang không có tính chất quốc tế, có 168 quốc gia tham gia; Nghị định thư (III) năm 2005 bổ sung về Biểu tượng, trong đó công nhận thêm một biểu tượng mới “Pha lê đỏ”, có 75 quốc gia thành viên tham gia. Ngoài ra, các nguyên tắc và quy định của Luật NDQT còn thể hiện ở các văn kiện quốc tế về giới hạn các phương pháp và phương tiện chiến tranh; các văn kiện quốc tế về bảo vệ tài sản văn hóa trong xung đột vũ trang; các văn kiện quốc tế về xét xử tội phạm chiến tranh và các văn kiện quốc tế về vị thế trung lập trong chiến tranh.

Luật NDQT được xây dựng dựa trên các nguyên tắc cơ bản, bao gồm: phân biệt giữa thường dân và chiến binh; cấm các cuộc tấn công chống lại những người không tham gia hoặc đã bị loại khỏi vòng chiến đấu; cấm gây đau khổ không cần thiết; nguyên tắc tương xứng; nguyên tắc về sự cần thiết quân sự; nguyên tắc nhân đạo. Những nguyên tắc này nhằm điều chỉnh chiến tranh, xung đột để giảm thiểu sự đau khổ của con người, đồng thời, phản ánh sự cân bằng giữa nhu cầu quân sự trong một cuộc chiến tranh, xung đột và nhu cầu bảo vệ nhân đạo. Tùy thuộc vào thực tế, sự cân bằng giữa các nguyên tắc và lợi ích sẽ có sự khác nhau. Ví dụ, trong thời kỳ chiến sự, sự cần thiết của quân đội có thể hạn chế nguyên tắc nhân đạo bằng cách cho phép hủy diệt, nhưng trong các tình huống khác như bảo vệ người bị thương và bệnh tật, nguyên tắc nhân đạo là trung tâm của Luật NDQT.

Cho đến nay, Luật NDQT có sự phát triển nhanh chóng với hàng trăm văn kiện, chi phối mạnh mẽ đời sống và sự phát triển của nhân loại không chỉ trong bối cảnh chiến tranh mà còn trong nhiều bối cảnh hòa bình, có vai trò quan trọng trong việc bảo hộ các nạn nhân trong các cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang xảy ra khắp các khu vực trên thế giới từ cuối thế kỷ XIX đến nay. Luật NDQT cho thấy khát vọng mãnh liệt của nhân loại về một thế giới mà mỗi con người cũng như các dân tộc đối xử với nhau dựa trên tình yêu thương, sự khoan dung và lòng nhân đạo. Đồng thời, chứng tỏ rằng nhân loại hoàn toàn có khả năng ngăn ngừa chiến tranh, xung đột vũ trang, bảo vệ hòa bình, xóa bỏ hận thù và bạo lực trên thế giới. Tuy nhiên phải thấy rằng, Luật NDQT không nhằm mục tiêu xóa bỏ, chấm dứt chiến tranh, biến chiến tranh, xung đột thành hợp pháp. Thay vào đó, Luật NDQT chấp nhận rằng chiến tranh, xung đột vũ trang tồn tại và điều chỉnh hành vi trong đó, áp dụng cho tất cả các cuộc xung đột vũ trang không quan trọng tại sao các bên lại xảy ra xung đột vũ trang, ai tham gia hoặc cuộc chiến có hợp pháp hay không. Luật NDQT chỉ nhằm điều chỉnh những diễn biến của các cuộc chiến tranh, xung đột vũ trang để đảm bảo sự tôn trọng đến mức cao nhất phẩm giá, sinh mạng của con người và yêu cầu các quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ giáo dục cho lực lượng vũ trang và nhân dân của nước mình về các quy định của Luật NDQT; phải ngăn chặn những vi phạm hoặc trừng phạt những người vi phạm, đặc biệt, phải có các quy định trong Luật hình sự của quốc gia mình để truy tố những hành vi vi phạm nghiêm trọng Luật NDQT, những hành vi bị coi là tội ác chiến tranh.

Từ những phân tích trên, có thể định nghĩa *Luật nhân đạo quốc tế là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm pháp lý quốc tế được thiết lập thông qua các điều ước quốc tế và tập quán quốc tế, nhằm điều chỉnh các quan hệ giữa các chủ thể trong điều kiện có xung đột vũ trang, nhằm bảo vệ con người và giảm thiểu hậu quả của chiến tranh, xung đột vũ trang quốc tế và không có tính chất quốc tế.*

2.1.1.2. Khái niệm giáo dục Luật NDQT

Khái niệm giáo dục Luật NDQT là một vấn đề lý luận cơ bản của khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật. Thông qua việc xây dựng, phân tích và làm rõ nội hàm của khái niệm giáo dục Luật NDQT, sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng giúp các nhà nghiên cứu khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật xây dựng các khái niệm có liên quan đến giáo dục pháp luật trên các lĩnh vực cụ thể cho các đối tượng cụ thể trong xã hội.

Giáo dục là quá trình học tập và truyền lại kiến thức và kỹ năng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Giáo dục có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau: giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu, cũng như các chương trình học chính quy. Giáo dục là sự trao đổi giữa người học và người dạy; hướng dẫn, định hướng giúp người học phát triển năng lực tư duy.

Theo Đại từ điển tiếng Việt: “Giáo dục là hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra” [91, tr.734]. Giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt, bản chất của nó là sự truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội của nhân loại. Hoạt động giáo dục là một quá trình đào tạo con người một cách có mục đích, nhằm chuẩn bị cho họ tham gia vào đời sống xã hội, lao động sản xuất, bằng cách tổ chức việc truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử xã hội của loài người.

Theo Từ điển giáo dục học quân sự: “Giáo dục là hoạt động hướng tới con người thông qua một hệ thống các biện pháp tác động nhằm truyền thụ những tri thức và kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng, lối sống, bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức cần thiết cho đối tượng, giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất nhân cách phù hợp với mục đích, mục tiêu giáo dục chuẩn bị cho đối tượng tham gia lao động sản xuất và đời sống xã hội” [22, tr.102]. Giáo dục là một hoạt động đặc trưng và tất yếu của xã hội loài người, điều kiện không thể thiếu để duy trì và phát triển con người con người và xã hội. Giáo dục là

nhân tố quan trọng nhất, vừa là động cơ, vừa là mục đích của đời sống xã hội.

Như vậy, giáo dục là hoạt động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể được tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm hình thành và phát triển các phẩm chất và kỹ năng cần thiết. Giáo dục thường diễn ra dưới sự hướng dẫn hoặc cũng có thể thông qua tự học.

Luật NDQT áp dụng đối với các cuộc xung đột vũ trang có ý nghĩa như một Hiệp ước quốc tế hoặc những điều luật tập quán nhằm giải quyết các vấn đề nhân đạo trực tiếp nảy sinh từ các cuộc xung đột vũ trang dù có mang tính chất quốc tế hay không. Luật NDQT yêu cầu các bên tham gia ký kết, trong thời bình cũng như thời chiến, phải có nghĩa vụ tiến hành phổ biến các nội dung của Luật NDQT một cách rộng rãi nhất trên lãnh thổ và phạm vi khả năng cho phép, nhất là đưa nội dung của Luật NDQT vào chương trình huấn luyện quân sự, cũng như chương trình giáo dục dân sự, để những nguyên tắc này được toàn dân biết đến, đặc biệt là trong các lực lượng vũ trang và đội ngũ nhân viên y tế. Thực hiện nghĩa vụ là thành viên của Luật NDQT, các quốc gia thành viên đã tích cực chủ động phổ biến, giáo dục Luật NDQT bằng việc xác định những nội dung kiến thức cơ bản về Luật NDQT, sử dụng đa dạng các hình thức, biện pháp giáo dục Luật NDQT gắn sát với từng đối tượng, nhất là đối tượng nhân viên nhà nước, lực lượng vũ trang, nhân viên y tế. Mục đích của giáo dục Luật NDQT nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống các văn kiện, nguyên tắc, nội dung cơ bản của Luật NDQT, từ đó, nâng cao nhận thức đúng đắn, có thái độ, tình cảm đúng đắn, hình thành thói quen và hành vi xử sự phù hợp với các quy định của Luật NDQT cho các đối tượng được giáo dục Luật NDQT.

Từ phân tích trên, có thể hiểu *Giáo dục Luật nhân đạo quốc tế là quá trình có mục đích, có tổ chức và định hướng rõ ràng của chủ thể giáo dục bằng việc sử dụng các hình thức và phương pháp phù hợp để tác động đến đối tượng giáo dục, nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về Luật nhân đạo*

quốc tế giúp họ hình thành nhận thức đúng đắn, nuôi dưỡng thái độ, tình cảm tích cực và phát triển thói quen, hành vi ứng xử phù hợp với các quy định của Luật nhân đạo quốc tế trong thực tiễn hoạt động.

2.1.1.3. Khái niệm giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong quân đội

Trong bối cảnh các cuộc xung đột vũ trang vẫn diễn ra tại nhiều khu vực trên thế giới như Ukraine, Dải Gaza, Syria hay Sudan, hậu quả nhân đạo mà chiến tranh để lại ngày càng nghiêm trọng và phức tạp. Các hành vi vi phạm Luật nhân đạo quốc tế, như tấn công vào dân thường, sử dụng vũ khí bị cấm, đối xử tàn bạo với tù binh hoặc phá hoại cơ sở hạ tầng dân sinh... đang đặt ra thách thức lớn cho cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người trong chiến tranh. Trước tình hình đó, nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế, đặc biệt là Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, đã tăng cường thúc đẩy việc giáo dục Luật NDQT trong quân đội như một biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn vi phạm.

Chẳng hạn, tại Thụy Sĩ, Pháp, Canada, Nhật Bản và nhiều quốc gia thành viên của Công ước Geneva, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế đã trở thành một nội dung bắt buộc trong chương trình huấn luyện cho mọi cấp bậc quân nhân. Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế cũng thường xuyên phối hợp với các Bộ Quốc phòng trên thế giới để tổ chức hội thảo, tập huấn và xây dựng tài liệu giảng dạy về Luật NDQT. Nhiều học viện quân sự quốc tế đã tích hợp môn Luật nhân đạo quốc tế vào đào tạo sĩ quan chỉ huy, sĩ quan tham mưu nhằm đảm bảo rằng người lính không chỉ có năng lực tác chiến mà còn hiểu và tôn trọng các giới hạn của pháp luật trong chiến tranh.

Những thực tiễn trên cho thấy, giáo dục Luật NDQT trong quân đội đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, hiện đại, có kỷ luật và nhân đạo. Trên cơ sở khái niệm giáo dục Luật NDQT nói chung, có thể hiểu *Giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong quân đội là hoạt động có định hướng, có mục đích, có tổ chức của chủ thể giáo dục thông qua các hình thức và phương pháp phù hợp tác động đến quân nhân nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về Luật nhân đạo quốc tế, giúp họ có nhận thức*

đúng đắn, có thái độ, tình cảm tích cực và hình thành thói quen, hành vi xử sự phù hợp với các quy định của Luật nhân đạo quốc tế trong quá trình huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, đặc biệt là trong điều kiện có xung đột vũ trang.

2.1.1.4. Khái niệm giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Trong giai đoạn hiện nay, Luật NDQT ngày càng được cộng đồng thế giới, các quốc gia coi trọng. Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế tăng cường các hoạt động giáo dục Luật NDQT, chú trọng vào các khu vực xảy ra chiến tranh, xung đột vũ trang, chủ động phối hợp với các quốc gia để giáo dục Luật NDQT đến các lực lượng trong xã hội. Tính đến nay, hầu hết các quốc gia đã tham gia ký kết và thực hiện nghiêm túc các quy định trong các công ước và nghị định thư bổ sung của Luật NDQT. Trong đó, nghĩa vụ thực hiện giáo dục Luật NDQT đến các lực lượng trong xã hội đã được các quốc gia xác định là một trong những nghĩa vụ cơ bản của quốc gia trong thực thi Luật NDQT.

Đối với Việt Nam, từ năm 1957 cho đến nay Việt Nam đã là thành viên của nhiều công ước, nghị định thư của Luật NDQT. Việc tuân thủ và bảo đảm hiệu lực của các điều ước quốc tế này đã được khẳng định rất rõ ràng trong Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và trong thực tiễn tổ chức thực thi Luật NDQT bằng nhiều hoạt động với nhiều hình thức, phương pháp đa dạng, phù hợp với từng đối tượng. Trong đó, giáo dục Luật NDQT đến cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và tầng lớp nhân dân được Đảng, Nhà nước Việt Nam quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo. Quân đội nhân dân Việt Nam được xác định là đối tượng giáo dục chủ yếu, bởi đây là lực lượng nòng cốt thực hiện các nguyên tắc, quy định của Luật NDQT, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các điều ước quốc tế, nghị định thư của Luật NDQT mà Việt Nam là thành viên, khẳng định vị thế, trách nhiệm của Việt Nam trên trường quốc tế.

Quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về giáo dục Luật NDQT, trải qua 80 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và phát triển, QĐNDVN dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đùm bọc,

giúp đỡ của Nhân dân đã cùng toàn dân đánh thắng hai thế lực xâm lược thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; tham gia nghĩa vụ quốc tế giúp đỡ nhân dân Lào, Campuchia giải phóng đất nước. Trong chiến tranh, cán bộ, chiến sĩ trong QĐNDVN luôn quán triệt thực hiện nghiêm các quy định của Luật NDQT; luôn bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người dân, đối xử nhân đạo, khoan dung với tù, hàng binh địch. Tù binh địch không bị tra tấn và đánh đập, được khám và chữa bệnh, ăn uống theo khẩu phần quy định, sinh hoạt theo nội quy thống nhất, được giáo dục và trả về đoàn tụ cùng gia đình. Trong thời bình, phát huy tinh thần nhân đạo cao cả, cán bộ, chiến sĩ trong QĐNDVN tiếp tục quán triệt sâu sắc các quy định của Luật NDQT; luôn là lực lượng nòng cốt sẵn hàng hy sinh cứu hộ, cứu nạn nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước trên thế giới trong thiên tai, thảm họa thiên nhiên; tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc góp phần tích cực vào các nhiệm vụ tái thiết, duy trì hòa bình và hỗ trợ nhân đạo.

Để có được những kết quả trên, hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN luôn được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan, đơn vị. Do đó, lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong QĐNDVN luôn làm tốt công tác giáo dục truyền thống nhân đạo, lòng khoan dung của dân tộc Việt Nam, của QĐNDVN; quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về Luật NDQT; các quy định của Luật NDQT; sử dụng đa dạng các hình thức, phương pháp giáo dục gắn sát với từng đối tượng, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của quân nhân trong thực hiện các nhiệm vụ nhân đạo, đáp ứng mục tiêu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, trong đó có một số lực lượng tiên tiến lên hiện đại.

Trên cơ sở phân tích các vấn đề trên, có thể hiểu *Giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam là hoạt động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể thông qua các hình thức, phương pháp tác động*

đến quân nhân nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về Luật nhân đạo quốc tế giúp họ hình thành nhận thức đúng đắn, có thái độ, tình cảm tích cực và từng bước hình thành thói quen, hành vi xử sự phù hợp với các quy định của Luật nhân đạo quốc tế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc và tham gia các hoạt động quân sự, quốc phòng, góp phần xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

2.1.2. Đặc điểm của giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Thứ nhất, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam diễn ra trong môi trường quân sự đặc thù.

Đây là đặc điểm nổi bật, phản ánh sự khác biệt về môi trường, điều kiện tổ chức giáo dục Luật NDQT so với các ngành, lĩnh vực khác. Môi trường quân sự không chỉ là nơi sinh hoạt, làm việc mà còn là nơi rèn luyện, huấn luyện chiến đấu, mang những đặc điểm riêng biệt và chi phối sâu sắc đến mọi hoạt động, trong đó có việc giáo dục Luật NDQT. Sự đặc thù này có thể được phân tích trên các khía cạnh sau:

Một là, tính kỷ luật và mệnh lệnh cao. Trong QĐNDVN mọi quân nhân hoạt động trong một hệ thống thứ bậc chặt chẽ. Mệnh lệnh của cấp trên phải được chấp hành tuyệt đối, không có ngoại lệ hay tranh luận. Đây là nguyên tắc cốt lõi để đảm bảo sự thống nhất và sức mạnh chiến đấu của quân đội. Tính kỷ luật giúp việc truyền đạt và tiếp thu kiến thức Luật NDQT diễn ra nhanh chóng, có hệ thống. Các quy tắc, điều luật được quán triệt và thực hiện một cách nghiêm túc. Việc tuân thủ Luật NDQT cũng trở thành một mệnh lệnh, một phần của kỷ luật quân đội, không phải là lựa chọn. Song, nếu không khéo léo, việc giáo dục có thể bị đơn giản hóa thành “học thuộc lòng” và “chấp hành mệnh lệnh” mà thiếu đi sự thấu hiểu sâu sắc về ý nghĩa nhân đạo. Quân nhân cần phải hiểu vì sao phải tuân thủ, chứ không chỉ là phải tuân thủ theo mệnh lệnh.

Hai là, tính sẵn sàng chiến đấu và tác chiến. Quân đội luôn trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Các hoạt động huấn luyện, diễn tập, và thực hiện nhiệm vụ diễn ra liên tục, đôi khi trong điều kiện khẩn cấp và nguy hiểm. Thời gian dành cho việc học tập lý thuyết bị giới hạn và phải lồng ghép vào thực tiễn. Đây là cơ hội để gắn kết Luật NDQT với thực tế chiến đấu. Thay vì chỉ giảng lý thuyết, việc giáo dục có thể tích hợp trực tiếp vào các tình huống huấn luyện, diễn tập chiến thuật. Ví dụ: trong một cuộc diễn tập đánh chiếm mục tiêu, lồng ghép các quy tắc về đối xử với tù binh, không tấn công các mục tiêu dân sự,... Điều này giúp kiến thức trở nên sống động, dễ nhớ và dễ áp dụng hơn. Song việc này đòi hỏi đội ngũ giảng viên, giáo viên phải có sự am hiểu sâu sắc về cả Luật NDQT và chuyên môn quân sự để có thể thiết kế các bài giảng, kịch bản diễn tập một cách hợp lý và hiệu quả, tránh việc giáo dục bị coi là gánh nặng hay cản trở nhiệm vụ chính.

Ba là, tính bí mật và bảo mật. Hoạt động quân sự luôn chứa đựng các thông tin mật, từ chiến thuật, vũ khí, lực lượng đến kế hoạch tác chiến. Việc bảo vệ bí mật quân sự là nguyên tắc sống còn. Do đó, việc giáo dục Luật NDQT phải được thực hiện một cách khéo léo để đảm bảo không tiết lộ thông tin mật. Ví dụ, khi thảo luận về việc sử dụng vũ khí, chỉ nên đề cập đến các nguyên tắc chung của Luật NDQT (không sử dụng vũ khí gây đau đớn không cần thiết) mà không đi sâu vào chi tiết kỹ thuật của từng loại vũ khí mật. Bên cạnh đó, các chương trình giáo dục Luật NDQT cho quân đội thường mang tính nội bộ, được biên soạn và giảng dạy bởi chính đội ngũ chuyên gia của quân đội để đảm bảo an toàn thông tin và phù hợp với đặc thù của từng binh chủng, đơn vị.

Bốn là, tính khắc nghiệt và gian khổ. Môi trường quân sự thường gắn liền với sự khắc nghiệt của thời tiết, địa hình, thiếu thốn về vật chất và sự căng thẳng về tâm lý. Môi trường khắc nghiệt chính là phép thử lớn nhất đối với việc tuân thủ Luật NDQT. Khi đối mặt với sự nguy hiểm, căng thẳng và áp lực, quân nhân rất dễ vi phạm các quy tắc nhân đạo. Do đó, việc giáo dục không chỉ là cung cấp

kiến thức mà còn phải rèn luyện bản lĩnh, ý chí, sự thấu hiểu và lòng nhân ái để quân nhân luôn giữ vững tinh thần tuân thủ pháp luật ngay cả trong những điều kiện khó khăn, gian khổ nhất. Việc giáo dục Luật NDQT phải giúp họ nhận thức rằng sự tuân thủ không phải là sự yếu đuối mà là sức mạnh, là bản lĩnh của một người lính chuyên nghiệp.

Có thể thấy, “Môi trường quân sự đặc thù” không phải là một rào cản, mà là một khuôn khổ riêng biệt định hình cách thức và phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Nó vừa tạo ra những lợi thế (tính kỷ luật, tính thực tiễn) vừa đặt ra những thách thức (tính bí mật, tính khắc nghiệt) mà nếu giải quyết thành công, sẽ giúp xây dựng một đội ngũ quân nhân không chỉ tinh thông nghiệp vụ mà còn giàu lòng nhân đạo, tuân thủ pháp luật quốc tế.

Thứ hai, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam gắn chặt và phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ chính trị - quân sự, đặc biệt là sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc.

Quân đội nhân dân Việt Nam là quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, mang bản chất giai cấp công nhân sâu sắc, luôn lấy nhiệm vụ bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa làm mục tiêu hàng đầu. Vì vậy, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN không thể tách rời nhiệm vụ xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phải nhằm nâng cao ý thức pháp luật, đạo đức chiến đấu và tinh thần nhân đạo của người quân nhân cách mạng, phục vụ cho yêu cầu sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống, đặc biệt trong điều kiện hiện đại hóa chiến tranh và hội nhập quốc tế.

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ cốt lõi của QĐNDVN. Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng, có chức năng chiến đấu, công tác và lao động sản xuất, trong đó chiến đấu là chức năng cơ bản nhất. Mọi nội dung giáo dục trong quân đội, trong đó có giáo dục Luật NDQT - đều

phục tùng và phục vụ cho mục tiêu sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Do đó, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN không thể tách rời khỏi yêu cầu thực tiễn tác chiến, sử dụng vũ lực, huấn luyện quân sự, diễn tập chiến đấu... Bên cạnh đó, xuất phát từ đặc trưng của chiến tranh hiện đại và yêu cầu tuân thủ pháp luật quốc tế của QĐNDVN. Trong các cuộc xung đột vũ trang hiện nay, quy chuẩn đạo đức - pháp lý quốc tế ngày càng được coi trọng, đặc biệt là các Công ước Geneva 1949 và Nghị định thư bổ sung. QĐNDVN phải bảo đảm hành vi chiến đấu phù hợp với luật pháp quốc tế, đòi hỏi quân nhân phải nắm vững quy định pháp lý quốc tế và trong nước về chiến tranh, sử dụng vũ khí, đối xử với tù binh, dân thường, tránh sa vào hành động trả thù, tàn bạo, vô nhân tính - điều đi ngược với bản chất quân đội nhân dân; ứng xử nhân đạo, đúng luật, tránh các hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến uy tín, chính nghĩa và vị thế của quân đội, nhà nước. Thực hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng về chiến tranh chính nghĩa, bảo vệ Tổ quốc gắn với bảo vệ quyền con người và luật pháp quốc tế. Tăng cường khả năng phối hợp tác chiến quốc tế, trong bối cảnh Việt Nam tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc.

Mặt khác, Việt Nam là thành viên Luật NDQT, việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN nhằm tuân thủ cam kết quốc tế, bảo đảm QĐNDVN hành xử đúng chuẩn mực nhân đạo, tạo uy tín với cộng đồng quốc tế. Gắn kết luật pháp quốc tế với luật pháp quốc gia, xây dựng ý thức “thượng tôn pháp luật” trong QĐNDVN phục vụ yêu cầu hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa quân đội, góp phần xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Thứ ba, chủ thể giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam rất đa dạng, có kỹ năng phổ biến, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế.

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là một nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, kiến thức, kỹ năng thực hiện các yêu cầu, quy định của Luật NDQT cho quân nhân, góp phần xây dựng QĐNDVN cách mạng, chính quy, tinh nhuệ,

hiện đại. Đòi hỏi, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, xác định giáo dục Luật NDQT là một nội dung trong kế hoạch công tác thường xuyên, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan, đơn vị mình.

Với tổ chức biên chế chặt chẽ theo phân cấp, do đó giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN do nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nhau thực hiện và được tổ chức có hệ thống, thống nhất từ trên xuống dưới, bao gồm:

Chủ thể quản lý nhà nước là Quốc hội và Chính phủ đóng vai trò bảo đảm nền tảng pháp lý, chính sách và nguồn lực để triển khai giáo dục Luật NDQT một cách thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong toàn quân. Đây là tiền đề quan trọng giúp QĐNDVN không chỉ thực hiện đúng luật pháp quốc tế về xung đột vũ trang, mà còn thể hiện bản chất nhân văn, chính nghĩa của quân đội cách mạng.

Chủ thể lãnh đạo giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là QUTƯ, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN. Xuất phát từ nguyên tắc Đảng lãnh đạo quân đội tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt. Do đó, yêu cầu đặt ra mọi hoạt động, mọi mặt công tác của cơ quan, đơn vị đều đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong quân đội. Trong đó, có hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Chủ thể chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện là BQP, Tổng cục Chính trị QĐNDVN, Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật BQP, Vụ Pháp chế - BQP, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam, Cục Dân vận - Tổng cục Chính trị QĐNDVN, cơ quan chính trị các cấp trong quân đội. Trong đó, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật BQP, Cục Dân vận - Tổng cục Chính trị QĐNDVN, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam, Vụ Pháp chế - BQP, cơ quan chính trị các cấp giữ vai trò nòng cốt. Cơ quan, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, giáo dục Luật NDQT các cấp chủ trì, phối hợp với cơ quan thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến,

giáo dục pháp luật, cơ quan chính trị và cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, tổng hợp, báo cáo kết quả giáo dục Luật NDQT của cơ quan, đơn vị với thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp trên và cấp mình.

Đội ngũ người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên, giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN là lực lượng nòng cốt, trực tiếp thực hiện giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong cơ quan, đơn vị. Đây là những chủ thể đã được tuyển chọn chặt chẽ theo quy định của quân đội, có sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, được trang bị những kỹ năng cần thiết trong phổ biến, giáo dục pháp luật, có những hiểu biết nhất định về pháp luật, Luật NDQT, có thói quen chấp hành pháp luật và có khả năng tự điều chỉnh hành vi theo yêu cầu của pháp luật, Luật NDQT. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên giảng dạy về nhà nước và pháp luật ở các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ tư lệnh Cảnh sát biển, các nhà trường quân đội là lực lượng rất quan trọng, trực tiếp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Tuy nhiên, về cơ bản các chủ thể giáo dục Luật NDQT trên còn mang nặng tác phong mệnh lệnh trong quản lý, giáo dục, kiến thức về Luật NDQT còn hạn chế, chưa được bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp giáo dục Luật NDQT, đa số sử dụng phương pháp giáo dục khoa học xã hội nhân văn trong giáo dục nên thiếu chặt chẽ, tính chính xác chưa cao, chưa có phương pháp định hướng đúng cho quân nhân vận dụng các nguyên tắc, quy định của Luật NDQT để xử lý các vụ việc, tình huống xảy ra. Chính vì vậy, giáo dục Luật NDQT một số nội dung còn dừng lại ở việc tuyên truyền, còn mang tính hình thức. Đòi hỏi, cần phải có giải pháp khắc phục triệt để những tồn tại nêu trên để giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả thiết thực.

Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế và Hội Chữ thập đỏ Việt Nam là các tổ chức quan trọng trong việc hỗ trợ QĐNDVN triển khai giáo dục Luật NDQT. Họ cung cấp tài liệu, chuyên gia và tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ, chiến sĩ trong việc hiểu và áp dụng Luật NDQT.

Ngoài ra, báo Quân đội nhân dân, truyền hình Quốc phòng Việt Nam cũng là chủ thể tích cực tham gia vào giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, các chủ thể này thông qua tin bài, bản tin thời sự, phản ánh hiện trường sẽ nêu bật các hạn chế, bất cập, các hành vi vi phạm Luật NDQT trong các cuộc chiến tranh, xung đột vũ trang diễn ra trên thế giới. Các nhà báo, phóng viên, phát thanh viên, biên tập viên là những người trực tiếp viết bài hoặc thực hiện các phóng sự liên quan đến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước Việt Nam hoặc các vấn đề liên quan đến giáo dục Luật NDQT được phân tích và bình luận chi tiết cụ thể để quân nhân có thể nắm bắt một cách dễ dàng, định hướng nhận thức xã hội, đấu tranh chống lại âm mưu, thủ đoạn hay các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch chống phá Nhà nước, QĐNDVN trong thực thi Luật NDQT, giúp quân nhân hiểu và thực hiện theo đúng nguyên tắc, quy định của Luật NDQT trong thực hiện nhiệm vụ.

Thứ tư, đối tượng giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam đa dạng, có ý thức tổ chức kỷ luật cao.

Đối tượng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN bao gồm toàn thể các quân nhân có biên chế trong Quân đội, bao gồm SQ, QNCN, HSQ, BS (gọi tắt là quân nhân), có thể chia thành hai nhóm cơ bản:

Nhóm 1: SQ, QNCN. Đây là những quân nhân phần lớn được đào tạo cơ bản, có trình độ đại học, được trang bị kiến thức quân sự và khoa học xã hội nhân văn tương đối toàn diện, trong đó có kiến thức về nhà nước và pháp luật. Tuyệt đại đa số an tâm tư tưởng xác định tốt nhiệm vụ, có động cơ phấn đấu đúng đắn, có xu hướng nghề nghiệp rõ ràng, có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao trong xây dựng đơn vị và phục vụ Quân đội. Bên cạnh đó, SQ, QNCN phần lớn đã kế thừa, phát huy được những phẩm chất, giá trị truyền thống nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam, của QĐNDVN, của Bộ đội cụ Hồ, trung thành với Đảng, với nhân dân, tin tưởng vào con đường xã hội chủ nghĩa, vào sự nghiệp đổi mới đất nước, có nhận thức trong việc

nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của bản thân để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chức trách nhiệm vụ được giao, sẽ tạo những thuận lợi cho việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Tuy nhiên bên cạnh đó còn có những tồn tại, khó khăn như: Chất lượng đội ngũ SQ, QNCN không đồng đều, về cơ bản SQ, QNCN chưa được trang bị những kiến thức cơ bản về Luật NDQT, chưa nhận thức được vị trí, vai trò của việc giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong cơ quan, đơn vị. Điều đó, tác động không nhỏ đến giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Nhóm 2: HSQ, BS. Đây là lực lượng trong độ tuổi thanh niên. Những năm gần đây, HSQ, BS trong QĐNDVN được tuyển chọn chặt chẽ, chất lượng ngày càng cao. Họ là những thanh niên có đủ các tiêu chuẩn về lý lịch, phẩm chất chính trị, đạo đức, học lực, sức khỏe, độ tuổi, tình nguyện tham gia nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc. Với tuổi đời còn trẻ, năng động, sáng tạo, nhạy cảm với cái mới, nhưng bản lĩnh, nhân cách đang trong quá trình hình thành, phát triển, trong thời kỳ đổi mới, mở cửa hội nhập quốc tế, có điều kiện học tập, lĩnh hội những tri thức mới, có nhiều hoài bão, ước mơ, khát vọng vươn lên, ham hiểu biết, năng động, sáng tạo trong cuộc sống, mong muốn tự khẳng định uy tín trong tập thể. Nhìn chung, đa số quân nhân trong học tập, huấn luyện, rèn luyện có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có chí tiến thủ vươn lên, năng động, sáng tạo nắm bắt cái mới và đã có những tố chất cần thiết để tiếp thu kiến thức về Luật NDQT. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Tuy nhiên, do chưa trải nghiệm nhiều trong thực tiễn cách mạng, thực tiễn xây dựng và chiến đấu của quân đội, nên trước ảnh hưởng, tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, sinh hoạt, học tập, huấn luyện và rèn luyện căng thẳng, khó khăn, gian khổ,... Cùng với đó, yếu tố vùng miền, dân tộc, thành phần xuất thân, chịu ảnh hưởng rất lớn của phong tục tập quán, lối sống, cách

sống, thói quen, tác phong sinh hoạt,...còn không ít HSQ, BS có thói quen dựa dẫm, ỷ lại, quen hưởng thụ, ngại rèn luyện phấn đấu, khó hoà nhập với tập thể, dễ có biểu hiện tự do, tùy tiện, buông thả, chấp hành kỷ luật không nghiêm... làm cho bản lĩnh người quân nhân cách mạng ở một số HSQ, BS dễ bị chao đảo, tính kiên trì, sức chịu đựng kém, hành động mang tính bột phát, dễ chán nản bi quan, ngại học tập, huấn luyện, rèn luyện, chấp hành pháp luật, kỷ luật chưa nghiêm, tác động không nhỏ đến hiệu quả giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

2.1.3. Vai trò của giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Một là, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam góp phần hiện thực hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực thi Luật nhân đạo quốc tế.

Việt Nam tham gia các Công ước Geneva năm 1949 về Luật NDQT từ năm 1957. Việc phê chuẩn các Công ước Geneva năm 1949 là dấu mốc lịch sử quan trọng, là minh chứng cho việc tôn trọng, thúc đẩy thực thi Luật NDQT, đề cao truyền thống yêu chuộng hòa bình, nhân đạo và khoan dung của Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam.

Từ khi là thành viên của Luật NDQT, các hoạt động nhân đạo đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm bằng nhiều chủ trương, đường lối chiến lược đúng đắn, kịp thời, bằng những chính sách, pháp luật phù hợp gắn với đa dạng các hình thức, giải pháp thực thi Luật NDQT. Trong đó, giáo dục Luật NDQT trong hệ thống giáo dục quốc dân và cho các đối tượng liên quan là một trong những hoạt động được chú trọng đẩy mạnh. QĐNDVN là lực lượng nòng cốt trong thực hiện các cam kết quốc tế về Luật NDQT mà Việt Nam là thành viên. Do đó, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là nội dung quan trọng luôn được Đảng, Nhà nước, QUTƯ, BQP đặc biệt quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, có trọng tâm, trọng điểm với tính chất đặc thù của hoạt động quân sự, phù hợp với

chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và đối tượng quản lý, góp phần thực hiện thắng lợi quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực thi Luật NDQT. Đồng thời, góp phần giúp quân nhân trong quân đội nhận thức sâu sắc về vị trí, ý nghĩa của hoạt động NDQT, việc gia nhập các công ước và nghị định thư của Luật NDQT là hoàn toàn phù hợp với truyền thống nhân đạo của dân tộc Việt Nam và nhất quán với chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam; nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực hiện các vấn đề về nhân đạo trên thế giới, khu vực và trong nước.

Hai là, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam góp phần xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại” trong tình hình mới.

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN góp phần xây dựng đội ngũ quân nhân có trình độ kiến thức, bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, thúc đẩy tiềm lực về quốc phòng và sức mạnh quân sự nhằm thực hiện nhiệm vụ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả, xây dựng QĐNDVN ngày càng phát triển theo hướng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại.

Trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá nước ta bằng “diễn biến hòa bình” nhằm bóp méo và xuyên tạc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về việc thực thi Luật NDQT, nhằm vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng, sự điều hành quản lý của Nhà nước đối với xã hội, phi chính trị hóa quân đội. Để xây dựng nền quốc phòng toàn dân ngày càng vững mạnh đặt ra yêu cầu ngày càng cao cả về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ phù hợp với các công ước, nghị định thư của Luật NDQT cũng như việc nâng cao trình độ hiểu biết các kiến thức về Luật NDQT cho quân nhân

trong QĐNDVN. Do đó, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN có vai trò rất quan trọng, giúp cho mỗi quân nhân có nhận thức sâu sắc và đúng đắn về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của quân đội về thực thi Luật NDQT, đường lối đối ngoại quốc phòng của Việt Nam. Đồng thời, là cơ sở pháp lý, bồi dưỡng phương pháp, các thức xử lý các tình huống nhận đạo trong thực hiện nhiệm vụ, tích cực tham gia đấu tranh, phản bác các quan điểm thù địch, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch về thực thi các công ước, nghị định thư về Luật NDQT cho quân nhân; góp phần hình thành bản lĩnh và phẩm chất, nhân cách của người quân nhân cách mạng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, trong bối cảnh tình hình đất nước hiện nay hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; là thành viên tích cực, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

Ba là, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam tạo tâm khiên pháp lý bảo vệ quân nhân và tránh hành vi vi phạm Luật Nhân đạo quốc tế của quân nhân.

Đây là một vai trò thiết yếu, đảm bảo rằng trong bất kỳ hoàn cảnh nào, QĐNDVN vẫn luôn giữ vững bản chất của một quân đội cách mạng, tuân thủ pháp luật, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân.

Thứ nhất, tạo “tâm khiên pháp lý” bảo vệ quân nhân. Khi được trang bị kiến thức Luật NDQT, người lính không chỉ biết cách hành động đúng đắn mà còn được bảo vệ bởi chính các quy định của luật pháp quốc tế. “Tâm khiên pháp lý” này có ý nghĩa trên nhiều phương diện:

Được hưởng quy chế bảo hộ khi rơi vào tay đối phương. Luật NDQT quy định rõ ràng về quy chế đối với tù binh chiến tranh. Nếu quân nhân trong QĐNDVN tuân thủ các quy tắc của Luật NDQT khi chiến đấu, họ sẽ được đối xử như tù binh chiến tranh khi bị bắt. Điều này đồng nghĩa với việc họ sẽ

được bảo vệ khỏi hành vi tra tấn, hành hạ, bạo lực, và sẽ được đối xử nhân đạo. Đây là sự bảo vệ trực tiếp và quan trọng nhất đối với sinh mạng và danh dự của người lính.

Giảm thiểu rủi ro pháp lý sau xung đột. Một cuộc xung đột kết thúc không có nghĩa là mọi thứ đã xong. Các hành vi vi phạm Luật NDQT có thể bị truy tố hình sự theo pháp luật quốc gia hoặc quốc tế (Tòa án Hình sự Quốc tế - ICC). Khi được giáo dục về Luật NDQT, quân nhân biết rõ đâu là hành vi hợp pháp, đâu là tội phạm chiến tranh (ví dụ: cố tình tấn công thường dân, sử dụng vũ khí bị cấm). Điều này giúp họ hành động đúng đắn, tránh bị truy tố trong tương lai.

Tăng cường bản lĩnh và sự tự tin. Khi người lính hiểu rõ giới hạn pháp lý của hành động, họ sẽ tự tin hơn trong thực hiện nhiệm vụ. Họ không lo sợ mình đang thực hiện một hành vi vi phạm pháp luật, từ đó có thể tập trung hoàn toàn vào mục tiêu chiến đấu mà vẫn giữ vững đạo đức và lương tri. “Tám khiên pháp lý” này giúp người lính vững vàng về tâm lý, không bị hoang mang, dao động khi phải đưa ra các quyết định khó khăn trong chiến đấu.

Thứ hai, tránh hành vi vi phạm Luật NDQT. Đây là mục đích cốt lõi và là tiền đề để có được “tám khiên pháp lý”. Việc giáo dục Luật NDQT giúp quân nhân nhận thức rõ ràng về các hành vi bị cấm và tầm quan trọng của việc tuân thủ luật pháp.

Phân biệt mục tiêu rõ ràng: Luật NDQT yêu cầu phân biệt rõ ràng giữa chiến binh và thường dân, giữa mục tiêu quân sự và tài sản dân sự. Việc giáo dục giúp người lính nhận thức được điều này, từ đó tránh việc tấn công nhầm vào thường dân, bệnh viện, trường học, hay các di sản văn hóa.

Đối xử đúng đắn với những người không tham gia chiến sự: Việc giáo dục giúp người lính hiểu rõ cách đối xử với tù binh, người bị thương, người bị đắm tàu, và các nhân viên y tế. Các nguyên tắc như cấm tra tấn, cấm trả thù,

và đảm bảo chăm sóc y tế cho người bị thương được quán triệt sâu sắc, từ đó tránh được các hành vi vi phạm nhân quyền nghiêm trọng.

Hạn chế việc sử dụng vũ khí bị cấm: Việc giáo dục LNHQT cung cấp kiến thức về các loại vũ khí bị cấm (ví dụ: vũ khí sinh học, hóa học) hoặc vũ khí gây đau đớn không cần thiết. Điều này giúp quân nhân có ý thức về việc sử dụng vũ khí một cách có trách nhiệm, phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế.

Bốn là, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam góp phần gìn giữ hòa bình thế giới, mở rộng hợp tác quốc tế giữa Quân đội nhân dân Việt Nam và quân đội các nước trên thế giới trong thực thi, phát triển Luật nhân đạo quốc tế.

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là nội dung quan trọng thúc đẩy công tác đối ngoại, hợp tác quốc phòng thời kỳ đẩy mạnh hội nhập quốc tế, mở rộng hợp tác quốc tế trong thực thi, phát triển Luật NDQT góp phần nâng cao chất lượng ban hành và thực thi Luật NDQT trong Quân đội, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, bảo đảm cho quân đội hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao, góp phần lan tỏa tinh thần nhân ái, “thương người như thể thương thân” của dân tộc Việt Nam, chính sách nhân đạo, đoàn kết, vì hòa bình của Đảng và Nhà nước Việt Nam trước cộng đồng quốc tế.

Thông qua giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN bằng các hình thức, phương pháp phong phú, đa dạng như: trao đổi đoàn; hợp tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về Luật NDQT; tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lên lớp trực tiếp về Luật NDQT,... sẽ góp phần cung cấp thông tin, chia sẻ kinh nghiệm giáo dục Luật NDQT cho quân nhân và kinh nghiệm xây dựng, ban hành văn bản và thực thi Luật NDQT trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng. Đồng thời, thông qua giáo dục Luật NDQT, chủ động nghiên cứu, khảo sát thực tế hoạt động xây dựng, thực thi Luật NDQT của các

nước tiên tiến, để cụ thể hóa các nội dung Luật NDQT vào các văn bản luật về quân sự, quốc phòng, như: Luật Quốc phòng, Luật Sĩ quan QĐNDVN, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Cảnh sát biển Việt Nam, Luật Biên phòng Việt Nam, Luật Dân quân tự vệ... ký kết bản ghi nhớ hợp tác về thực thi Luật NDQT trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng giữa BQP Việt Nam với BQP các quốc gia trong khu vực và thế giới. Duy trì chặt chẽ, nền nếp công tác giám sát, đánh giá kết quả hoạt động hợp tác quốc tế về thực thi Luật NDQT. Nhờ đó, đã thu hút được các nguồn lực bên ngoài vào đẩy nhanh tiến trình hiện đại hóa Quân đội, tăng cường sức mạnh quốc phòng, nâng cao khả năng phòng thủ đất nước và năng lực xây dựng, điều chỉnh, thể chế hóa, thực thi Luật NDQT trong QĐNDVN.

2.2. NGUYÊN TẮC, NỘI DUNG, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

2.2.1. Nguyên tắc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Nguyên tắc giáo dục là những luận điểm cơ bản có tính quy luật của lý luận giáo dục, được thể chế hóa thành những quy định chuẩn mực, mang tính pháp quy, chỉ đạo các hoạt động giáo dục nhằm đạt được những mục đích, mục tiêu giáo dục đã được đề ra. Có những nguyên tắc giáo dục chỉ đạo hoạt động của hệ thống giáo dục như giáo dục phát triển kinh tế - xã hội, dân chủ hóa giáo dục, xã hội hóa sự nghiệp giáo dục,... Có những nguyên tắc giáo dục chỉ đạo quá trình giáo dục nhân cách như: giáo dục toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; giáo dục chuyên đề về pháp luật, chính trị,...

Nguyên tắc giáo dục là kết quả nhận thức của con người về các quy luật giáo dục, do đó nguyên tắc giáo dục có cơ sở khách quan, nó phản ánh những quy luật của quá trình giáo dục. Nguyên tắc giáo dục là những tri

thức, kinh nghiệm được tổng kết từ thực tiễn giáo dục của nhà trường, các cơ sở giáo dục và của các nhà giáo dục đã đạt thành công trong quá trình giáo dục, từ đó rút ra những phương hướng chỉ đạo hoạt động giáo dục trong thực tiễn. Do đó, có thể hiểu nguyên tắc giáo dục pháp luật là những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giáo dục pháp luật, định hướng chỉ đạo xây dựng nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức quá trình giáo dục pháp luật nhằm đào tạo con người theo mục tiêu giáo dục pháp luật đã đề ra.

Từ khái niệm nguyên tắc của giáo dục pháp luật nói chung, luận án đưa ra quan niệm: *Nguyên tắc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam là những tư tưởng chỉ đạo, mang tính định hướng và bắt buộc, bảo đảm cho hoạt động giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong quân đội diễn ra đúng mục tiêu, nội dung, phương pháp và yêu cầu thực tiễn, phù hợp với đặc điểm chính trị, quân sự, tổ chức và pháp lý của Quân đội nhân dân Việt Nam.*

Đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đòi hỏi độ chính xác, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực; phải kịp thời, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng đa dạng các hình thức giáo dục, phù hợp với nhu cầu, lứa tuổi, trình độ của đối tượng giáo dục và truyền thống nhân đạo, lòng khoan dung của dân tộc Việt Nam; phải gắn với việc thi hành pháp luật về giáo dục Luật NDQT, hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc phòng, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân và xã hội. Do đó, Luận án xác định nguyên tắc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Một là, nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với hoạt động giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đây là nguyên tắc xuất phát từ bản chất giai cấp công nhân của Quân đội nhân dân Việt Nam - quân đội cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam tổ

chức, lãnh đạo và rèn luyện. Sự lãnh đạo của Đảng được thể hiện qua các nghị quyết, chỉ thị, chiến lược giáo dục và phát triển nguồn nhân lực quân sự, trong đó có nội dung giáo dục pháp luật, nhân đạo và đối ngoại quốc phòng. Cơ quan đại diện cho sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội là Quân ủy Trung ương và Tổng cục Chính trị QĐNDVN. Thực hiện tốt nguyên tắc này, bảo đảm hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phù hợp với định hướng chính trị - tư tưởng của Đảng, gắn liền với nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”. Tránh nguy cơ xa rời thực tiễn cách mạng, lệch hướng trong việc tiếp nhận tư tưởng pháp lý nước ngoài nếu không được định hướng đúng.

Hai là, nguyên tắc bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu giáo dục Luật nhân đạo quốc tế với chức năng, nhiệm vụ của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN không chỉ cung cấp kiến thức lý thuyết, mà phải hướng đến phục vụ trực tiếp nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, gìn giữ hòa bình,... Phải làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế về nhân đạo với các tình huống thực tế quân sự, nhất là trong bối cảnh chiến tranh hiện đại, chiến tranh phi đối xứng, tác chiến mạng, hoạt động dân sự - quân sự... Thực hiện tốt nguyên tắc này góp phần hình thành ở quân nhân ý thức trách nhiệm pháp lý, đạo đức và nhân đạo khi thực hiện nhiệm vụ quân sự. Tạo nền tảng để QĐNDVN hội nhập sâu hơn với lực lượng quân đội các nước trong gìn giữ hòa bình, đối ngoại quốc phòng, hợp tác nhân đạo.

Ba là, nguyên tắc gắn giáo dục Luật nhân đạo quốc tế với giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, pháp luật.

Luật NDQT chứa đựng các giá trị nhân đạo phổ quát (như bảo vệ dân thường, tù binh, cấm sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt...) cần được tiếp cận trong mối quan hệ với đạo đức cách mạng, lý tưởng chiến đấu và truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam. Phải kết hợp giáo dục pháp luật với giáo dục tư tưởng, đạo đức, tác phong quân nhân, kỷ luật và lý tưởng cách mạng. Thực hiện

tốt nguyên tắc này góp phần hình thành nhận thức và hành vi đúng đắn, bền vững, toàn diện ở người quân nhân, không chỉ dựa vào sự cưỡng chế của pháp luật mà còn trên nền tảng đạo đức và lý tưởng phục vụ nhân dân. Làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế với truyền thống quân sự và văn hóa Việt Nam, như tư tưởng “lấy nhân nghĩa thắng hung tàn”, “lấy trí nhân thay cường bạo”.

Bốn là, nguyên tắc toàn diện, thường xuyên, có hệ thống và phù hợp với từng đối tượng.

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phải được triển khai theo kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, lồng ghép vào chương trình huấn luyện, sinh hoạt chính trị - pháp luật, các khóa đào tạo, tập huấn chuyên sâu. Phải phân hóa nội dung và phương pháp phù hợp với cán bộ lãnh đạo, sĩ quan chỉ huy, chiến sĩ nghĩa vụ, quân nhân chuyên nghiệp, lực lượng gìn giữ hòa bình... Thực hiện tốt nguyên tắc này sẽ tránh tình trạng hình thức, dàn trải hoặc quá hàn lâm, đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng đúng - trúng - đủ cho từng lực lượng, nâng cao chất lượng bộ đội cả về nhận thức pháp lý và hành vi thực tiễn trong khi thi hành nhiệm vụ.

Năm là, nguyên tắc kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; giữa giáo dục trong nhà trường và ngoài đơn vị.

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN cần gắn với tình huống chiến đấu giả định, bài tập thực hành, nhiệm vụ huấn luyện quốc tế, hoạt động dân vận, cứu hộ cứu nạn, tham gia gìn giữ hòa bình... Ở nhà trường quân sự, giảng dạy cần có tính học thuật, hệ thống; trong đơn vị, cần chú trọng thực hành, huấn luyện, kiểm tra xử lý tình huống thực tế. Thực hiện tốt nguyên tắc này góp phần biến tri thức pháp luật thành kỹ năng xử lý tình huống và hành vi đúng đắn trong môi trường quân sự. Đồng thời, nâng cao tính tác chiến pháp lý của quân nhân trong bối cảnh hiện đại hóa quân đội, hội nhập quốc tế và chiến tranh phi truyền thống.

Tóm lại, các nguyên tắc trên quan hệ chặt chẽ với nhau, thực hiện nguyên tắc này là cơ sở để thực hiện các nguyên tắc khác, vì thế trong quá trình giáo dục

Luật NDQT trong QĐNDVN không được xem nhẹ một nguyên tắc nào. Việc quán triệt và vận dụng đúng các nguyên tắc nêu trên là yêu cầu bắt buộc trong bối cảnh hiện nay, khi QĐNDVN đang xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Đồng thời, đây cũng là điều kiện để khẳng định trách nhiệm, bản lĩnh và tính nhân đạo của quân đội Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

2.2.2. Nội dung giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là những yêu cầu, mong muốn tìm hiểu Luật NDQT của quân nhân, nội dung giáo dục Luật NDQT sẽ quyết định đến hiệu quả của giáo dục Luật NDQT cho đối tượng này. Nếu xác định đúng nội dung giáo dục Luật NDQT sẽ giúp cho quá trình giáo dục Luật NDQT đạt hiệu quả cao, ngược lại, nếu xác định sai nội dung, không phù hợp với đối tượng cần giáo dục Luật NDQT thì sẽ không đạt được mục đích của hoạt động. Do đó, việc xác định nội dung giáo dục Luật NDQT là một yếu tố cực kỳ quan trọng của quá trình giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, làm cho nội dung giáo dục Luật NDQT ngày càng gần với yêu cầu thực tiễn, với đặc điểm, trình độ nhận thức của từng quân nhân.

Nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN xác định không chỉ là những kiến thức cơ bản về Luật NDQT, mà còn bao gồm sự am hiểu về vai trò, mục tiêu của Luật NDQT đối với nhân loại, về lịch sử hình thành, phát triển và cách thức áp dụng, thực thi Luật NDQT trong thực tiễn, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực thi Luật NDQT, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Trên cơ sở nội dung giáo dục, chủ thể giáo dục thực hiện việc bồi dưỡng tình cảm và hành vi tuân thủ Luật NDQT cho đối tượng giáo dục.

Thực chất việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là tác động vào ý thức, tình cảm của mỗi quân nhân để từng bước trang bị hệ thống kiến thức,

hiểu biết, xây dựng thái độ đúng, niềm tin, hành vi ứng xử tuân thủ Luật NDQT của quân nhân và rèn luyện những kỹ năng, kỹ xảo cần thiết để họ có thể thực hiện quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thực thi Luật NDQT và xử lý các tình huống nhân đạo trong thực hiện nhiệm vụ. Vì thế, nội dung giáo dục Luật NDQT cần được xác định theo hướng cơ bản, hệ thống và toàn diện. Trước hết, cần tập trung những nội dung cơ bản là:

Một là, giáo dục các văn kiện cơ bản về Luật nhân đạo quốc tế.

Đề quân nhân trong QĐNDVN có nhận thức, trách nhiệm, có hành vi, thói quen tuân thủ các quy định của Luật NDQT, trước hết phải giáo dục cho quân nhân nắm được khái quát về hệ thống các văn kiện cơ bản của Luật NDQT, bao gồm: Các văn kiện về giới hạn các phương pháp và phương tiện chiến tranh; các văn kiện về bảo vệ tài sản văn hóa; các văn kiện về xét xử tội phạm chiến tranh; các văn kiện về vị thế trung lập trong chiến tranh; các văn kiện về bảo vệ nạn nhân của các cuộc xung đột vũ trang. Trong đó, chú trọng giáo dục các Công ước quốc tế và nghị định thư bổ sung về bảo vệ nạn nhân của các cuộc xung đột vũ trang mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nhất là các công ước và nghị định thư bổ sung sau: Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc cải thiện điều kiện của những người bị thương, bị bệnh thuộc các lực lượng vũ trang trên chiến trường; Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc cải thiện điều kiện của những người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu thuộc các lực lượng vũ trang trên biển; Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc đối xử với tù binh; Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc bảo hộ thường dân trong chiến tranh; Nghị định thư (I) bổ sung các Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế; Nghị định thư (II) bổ sung các Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang không có tính chất quốc tế; Nghị định thư (III) năm 2005 bổ sung về Biểu tượng, trong đó công nhận thêm một biểu tượng mới “Pha lê đỏ”.

Hai là, giáo dục những nội dung cơ bản của Luật nhân đạo quốc tế.

Sau khi quân nhân có được kiến thức tổng quan về hệ thống các văn kiện của Luật NDQT. Đề quân nhân nắm được những kiến thức cơ bản về Luật NDQT, có kỹ năng, kỹ xảo xử lý các tình huống trong thực hiện các nhiệm vụ quân sự, nhiệm vụ nhân đạo. Đòi hỏi, phải giáo dục cho họ những nội dung cơ bản của Luật NDQT, bao gồm:

Thứ nhất, những vấn đề cơ bản về Luật NDQT như: Khái niệm, bản chất, đối tượng, phạm vi điều chỉnh và vai trò của Luật NDQT; quá trình hình thành, phát triển của Luật NDQT từ các Công ước Geneva đến các Nghị định thư bổ sung; mối quan hệ giữa Luật NDQT với Luật nhân quyền quốc tế, Luật quốc tế về sử dụng vũ lực; vị trí, vai trò của Luật NDQT trong bảo vệ quyền con người và hạn chế hậu quả xung đột vũ trang.

Thứ hai, các nguyên tắc cốt lõi của Luật NDQT, như: Nguyên tắc phân biệt giữa dân thường và mục tiêu quân sự; nguyên tắc hạn chế phương tiện, phương pháp chiến tranh (cấm sử dụng vũ khí gây thương vong không cần thiết); nguyên tắc đối xử nhân đạo với người bị thương, tù binh, dân thường trong vùng chiến sự; nguyên tắc nghĩa vụ bảo vệ, chăm sóc nạn nhân chiến tranh không phân biệt bên tham chiến.

Thứ ba, các quy định cơ bản của Luật NDQT liên quan trực tiếp đến hoạt động quân sự như: Quy định về tù binh chiến tranh, người bị thương, người bị bắt giữ trong xung đột; quy định về bảo vệ dân thường, cơ sở hạ tầng dân sự (bệnh viện, trường học, cơ sở tôn giáo); hạn chế sử dụng vũ khí bị cấm như vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, mìn sát thương cá nhân, bom chùm; trách nhiệm của người chỉ huy quân sự trong việc tuân thủ Luật NDQT và ngăn ngừa hành vi vi phạm; cơ chế trách nhiệm hình sự cá nhân khi vi phạm nghiêm trọng Luật NDQT (tội ác chiến tranh); những nội dung của Luật NDQT cơ bản áp dụng trong nhiệm vụ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc; quy định về đối xử nhân đạo, bảo vệ dân thường trong nhiệm vụ quốc tế; các tình huống thực tiễn yêu cầu vận dụng kiến thức Luật NDQT trong

khi thi hành nhiệm vụ ở nước ngoài.

Thứ tư, trách nhiệm, nghĩa vụ và kỹ năng thực hành của quân nhân theo Luật nhân đạo quốc tế, như: Nghĩa vụ của quân nhân trong việc tôn trọng và bảo vệ con người trong chiến tranh và hoạt động quân sự; kỹ năng nhận diện tình huống, đánh giá đúng - sai trong hành vi quân sự liên quan đến Luật NDQT; kỹ năng ứng xử đúng pháp luật khi bắt giữ tù binh, tiếp xúc với dân thường, xử lý mục tiêu quân sự - phi quân sự; biện pháp phòng ngừa vi phạm Luật NDQT trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu.

Đây là những nội dung cơ bản, cốt lõi, quan trọng nhất của Luật NDQT, việc nắm vững các nội dung này có ý nghĩa rất quan trọng đối với quân nhân trong QĐNDVN góp phần xây dựng, hình thành hành vi, thói quen tuân thủ các quy định của Luật NDQT trong thực hiện các nhiệm vụ quân sự.

Ba là, giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam; chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật nhân đạo quốc tế.

Trên cơ sở giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT, để quân nhân trong QĐNDVN tuân thủ nghiêm chỉnh, triệt để các quy định của Luật NDQT, một nội dung quan trọng không thể thiếu đó là phải giáo dục cho họ nắm được truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam; chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT, cụ thể như sau:

Thứ nhất, giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam. Truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam là cơ sở để dân tộc Việt Nam bảo tồn bản sắc của mình và tiếp nhận được những giá trị tiến bộ từ nền văn minh nhân loại. Do đó, giáo dục cho quân nhân trong QĐNDVN về truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam là một nội dung hết sức cần thiết. Trong đó, cần tập trung vào một số vấn đề sau: Đạo lý truyền thống của người Việt

Nam được hình thành và hun đúc suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước; đạo lý ứng xử, bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam luôn cố gắng để loại bỏ nguy cơ chiến tranh, duy trì hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc.

Thứ hai, giáo dục chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật nhân đạo quốc tế. Giáo dục cho quân nhân thấy được, trong chiến tranh, kế thừa truyền thống lấy nhân nghĩa làm gốc của dân tộc, trong suốt quá trình chỉ đạo chiến tranh cách mạng, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán thực hiện tốt các quy định của Luật NDQT, thi hành nhiều chính sách nhân đạo, khoan hồng đối với tù, hàng binh, có nhiều chính sách hiếm thấy theo thông lệ chiến tranh, vượt trên cả quy định của công ước quốc tế đối với tù, hàng đối phương; luôn bảo đảm tính mạng, tài sản và các điều kiện sinh hoạt, học tập, lao động, rèn luyện cho tù hàng binh. Bên cạnh đó, giáo dục cho quân nhân thấy được, trong thời bình, Đảng và Nhà nước Việt Nam thường xuyên coi trọng việc thực thi Luật NDQT, nhiều quy định của Luật NDQT được cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam.

Bốn là, giáo dục cho quân nhân nhận diện âm mưu, thủ đoạn, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động về việc thực hiện nhiệm vụ tham gia gìn giữ hòa bình thế giới của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Những năm qua, với bạn bè quốc tế, lực lượng QĐNDVN luôn sẵn sàng góp sức, cùng lực lượng quân đội và Nhân dân nước bạn chiến đấu chống lại giặc ngoại xâm, chống thiên tai, dịch bệnh, thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ trong thời bình, đóng góp cho việc gìn giữ hoà bình trên toàn thế giới, qua đó góp phần tô đẹp thêm truyền thống của QĐNDVN nói riêng và hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, vì những mưu đồ, mục đích không trong sáng, trên không gian mạng vẫn có những luận điệu, ý kiến trái chiều nhằm xuyên tạc mục đích, ý nghĩa các hoạt động của lực lượng Quân đội Việt Nam khi tham gia thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Do đó, cần giáo dục cho quân nhân trong QĐNDVN thấy được việc tuyên truyền

xuyên tạc, bóp méo sự thật về đường lối đối ngoại quốc phòng và hoạt động gìn giữ hòa bình của QĐNDVN là mục tiêu để các thế lực thù địch trong nước và ngoài nước tập trung chống phá cách mạng Việt Nam. Âm mưu của chúng là nhằm hạ thấp uy tín, vị thế của Đảng, Nhà nước và QĐNDVN, tạo dư luận xấu với bè bạn quốc tế. Chúng đã lợi dụng các tổ chức quốc tế để gây áp lực, cô lập, ngăn cản Việt Nam tham gia vào các diễn đàn thế giới, nhất là việc tham gia nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

Giáo dục cho quân nhân nhận biết được thủ đoạn của các tổ chức phản động sử dụng các trang mạng xã hội để phát tán tài liệu, đăng tải các bài viết có nội dung kích động lòng thù hận dân tộc, đăng tải những vấn đề chưa được giải quyết kịp thời trong quan hệ quốc phòng cũng như quan hệ giữa nước ta với các nước trong khu vực, để xuyên tạc, bóp méo sự thật, giúp quân nhân có nhận thức đúng đắn, kiên quyết đấu tranh với âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc Việt Nam thực thi các nhiệm vụ NDQT theo quy định của Luật NDQT.

2.2.3. Hình thức giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là cách thức cụ thể để tổ chức, thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT mà chủ thể giáo dục Luật NDQT xác định. Việc áp dụng hình thức nào vào giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phải được cân nhắc, tính toán, lựa chọn trên cơ sở nội dung giáo dục muốn truyền tải và phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của đối tượng giáo dục.

Hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN được sử dụng cần phải đáp ứng tiêu chí: Tính phù hợp, tính khả thi và tính hiệu quả khi áp dụng với từng đối tượng giáo dục, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong quân đội. Để nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN được thực hiện hiệu quả thiết thực, đòi hỏi, bất kỳ một hình thức giáo dục nào cũng phải tuân thủ tiêu chí trên.

Giáo dục Luật NDQT là một bộ phận của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Nhà nước và của QĐNDVN. Do đó, hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN tuân thủ các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật được quy định trong Điều 12 Thông tư số 42/2016/TT-BQP ngày 30/3/2016 của BQP Quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong BQP. Do đó, hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay bao gồm những hình thức cơ bản sau:

Tổ chức lên lớp tập trung trực tiếp, tập huấn, hướng dẫn tìm hiểu, cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT.

Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị; tủ sách pháp luật, bảng tin, bản tin của cơ quan, đơn vị.

Thi tìm hiểu pháp luật, diễn đàn, tọa đàm, sân khấu hóa, ngày pháp luật.

Thông qua thực hiện nhiệm vụ hàng ngày của quân nhân; công tác điều tra, xét xử, thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Lồng ghép trong giao ban, sinh hoạt tập trung, thông báo thời sự, giáo dục chính trị, hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức đoàn thể, hội đồng quân nhân, câu lạc bộ và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

Thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện của Quân đội.

Với các hình thức giáo dục pháp luật trên, do tính chất đặc thù của đối tượng cần giáo dục là quân nhân trong QĐNDVN, hoạt động trong môi trường quân sự đặc thù, để bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả, thiết thực, các chủ thể giáo dục Luật NDQT cần thực hiện kết hợp nhiều hình thức giáo dục pháp luật khác nhau. Trong đó, việc tổ chức lên lớp trực tiếp, kết hợp với tập huấn, hướng dẫn tìm hiểu, cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT; thi tìm hiểu pháp luật, diễn đàn, tọa đàm, sân khấu hóa, ngày pháp luật là hình thức được áp dụng tương đối phổ biến.

Thông qua hình thức này các chủ thể giáo dục có thể trao đổi trực tiếp, nắm bắt được đặc điểm, trình độ, năng lực của đối tượng giáo dục để sử dụng các phương pháp giáo dục đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Tuy nhiên, để vận dụng các hình thức này đòi hỏi chủ thể giáo dục Luật NDQT phải có trình độ, kiến thức toàn diện về Luật NDQT, có uy tín và kinh nghiệm trong giảng dạy, đồng thời, các trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT phải được đảm bảo đầy đủ, thì mới phát huy hiệu quả các hình thức này.

Bên cạnh đó, giáo dục Luật NDQT thông qua các phương tiện thông tin đại chúng cũng là một hình thức mà đang được các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN áp dụng tương đối phổ biến hiện nay. Đây là hình thức có thể thực hiện nhiều lần, với nhiều nhóm đối tượng khác nhau, không cần nhiều chi phí và không tốn nhiều thời gian của đối tượng. Tuy nhiên, khi thực hiện hình thức này là chủ thể giáo dục khó nắm bắt được thông tin phản hồi kịp thời từ các đối tượng giáo dục Luật NDQT như khi áp dụng hình thức lên lớp trực tiếp.

2.2.4. Phương pháp giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Phương pháp giáo dục, cách thức hoạt động của nhà giáo và của người được giáo dục, được thực hiện trong sự thống nhất với nhau, nhằm hoàn thành những nhiệm vụ giáo dục phù hợp với mục đích giáo dục đã xác định [22, tr.360]. Phương pháp giáo dục tồn tại với tư cách là một nhân tố hữu cơ của quá trình giáo dục, nó có mối quan hệ biện chứng với các nhân tố khác của quá trình này (mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, nội dung giáo dục, nguyên tắc giáo dục, người được giáo dục với hoạt động tự giáo dục,..). Từ khái niệm phương pháp giáo dục nói chung, có thể xác định phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là những cách thức, biện pháp tác động nên quân nhân, qua đó hình thành ý thức tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN.

Để bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, phương pháp giáo dục đóng vai trò rất quan trọng, việc quân nhân lĩnh hội được các kiến thức về Luật NDQT ở mức độ nhiều hay ít phần lớn phụ thuộc vào phương pháp truyền tải của chủ thể giáo dục Luật NDQT thực hiện. Từ nội dung, hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đã xác định, các phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay, bao gồm:

Nhóm phương pháp tác động vào ý thức của quân nhân. Nhóm phương pháp này gồm các phương pháp cụ thể: Phương pháp diễn giảng, phương pháp đàm thoại, phương pháp tranh luận, phương pháp nêu gương. Mục đích thực hiện nhóm phương pháp này là làm cho quân nhân hình thành và chuyển biến về nhận thức, tình cảm, thái độ, niềm tin, thói quen, hành vi phù hợp với các quy định của Luật NDQT. Để phát huy tính hiệu quả của nhóm giải pháp này, đòi hỏi, chủ thể giáo dục Luật NDQT phải nghiên cứu nắm chắc các nội dung giáo dục Luật NDQT để sử dụng linh hoạt các giải pháp trong quá trình giáo dục bảo đảm tính hệ thống, tính lôgic và tính giáo dục. Đồng thời, chủ thể giáo dục phải tự tin, nhiệt tình, trách nhiệm, sử dụng lời nói có tính thuyết phục cao; lựa chọn những dẫn chứng, sự kiện hấp dẫn phù hợp với từng nhóm quân nhân.

Nhóm phương pháp hình thành hành vi và thói quen hành vi của đối tượng giáo dục. Kết quả cuối cùng của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là hình thành ở đối tượng hành vi pháp lý chuẩn mực theo quy định của Luật NDQT. Đây là nhóm phương pháp tổ chức cho đối tượng giáo dục tham gia vào các hoạt động đa dạng, các mối quan hệ giao lưu phong phú nhằm giúp họ chuyển hóa ý thức thành hành vi và rèn luyện thành thói quen chuẩn mực. Nhóm này gồm có các phương pháp: Phương pháp giao công việc, phương pháp tập luyện thói quen, phương pháp rèn luyện, phương pháp tạo tình huống. Trong đó, phương pháp tạo tình huống

là một trong những phương pháp giáo dục Luật NDQT có hiệu quả nhất. Chủ thể giáo dục Luật NDQT có thể lựa chọn và đưa ra các tình huống có thật hoặc tình huống giả định liên quan tới các quy định của Luật NDQT về những hành vi, việc làm mà quân nhân được phép thực hiện hoặc không được phép thực hiện trong quá trình xảy ra tình huống nhân đạo; từ đó có thể đặt ra cho quân nhân những câu hỏi nhất định liên quan đến những tình huống đã đặt ra. Sau đó, phân tích các vấn đề liên quan để giúp quân nhân nhận biết được những hành vi vi phạm Luật NDQT và hậu quả của nó để quân nhân củng cố kiến thức về Luật NDQT và các văn bản pháp luật có liên quan đến những vấn đề mình sẽ gặp phải khi tham gia các nhiệm vụ gìn giữ hòa bình thế giới và các nhiệm vụ nhân đạo.

Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử của đối tượng giáo dục. Trong quá trình giáo dục Luật NDQT, các chủ thể giáo dục cần có phương pháp để kích thích những hành vi tích cực, điều chỉnh hành vi tiêu cực của đối tượng giáo dục. Nhóm phương pháp này bao gồm: Phương pháp thi đua nhằm kích thích khuynh hướng tự khẳng định ở mỗi quân nhân, thúc đẩy họ phấn đấu, hăng hái vươn lên, lôi cuốn người khác cùng tiến lên giành những thành tích cao nhất trong thực hiện Luật NDQT. Để phương pháp này đạt hiệu quả cần tổ chức tốt việc thi đua với những mục tiêu cụ thể, rõ ràng và thiết thực, với sự tham gia hăng hái của tất cả quân nhân. Đồng thời, thực hiện sơ tổng kết, thi đua đều đặn, biểu dương, khen thưởng công bằng và thích đáng các quân nhân và tập thể quân nhân đạt thành tích cao trong thi đua; Phương pháp khen thưởng và xử phạt là phương pháp trực tiếp tác động mạnh mẽ đến nhân cách quân nhân được giáo dục. Bởi vậy chủ thể giáo dục cần chú ý không phải khen hay chê, thưởng hay phạt một nhân cách mà là khen hay chê, thưởng hay phạt những hành động đúng hay sai, tốt hay xấu. Khen thưởng và xử phạt phải được sử dụng có chừng mực về tần số cũng như về cường độ, không thể áp dụng mãi cho một số quân nhân cùng một

hình thức, vì như vậy sẽ dẫn đến hiện tượng thích nghi hoặc chai sạn. Do đó, cần khen thưởng những cố gắng nỗ lực của quân nhân trong thực hiện Luật NDQT, và trong xử phạt cần loại bỏ mọi phương pháp, phương tiện, thái độ hạ thấp nhân phẩm quân nhân. Đối với các cơ quan, đơn vị quân đội huấn luyện chiến sĩ mới, các phương pháp khen thưởng, xử phạt có vai trò rất quan trọng. Bởi vì, các quân nhân này chưa được đào tạo bài bản trong quân đội, ý thức kỷ luật chưa cao, tâm lý chưa vững vàng.

Trên đây là nội dung các nhóm phương pháp giáo dục Luật NDQT cơ bản. Trong quá trình giáo dục Luật NDQT, mỗi chủ thể giáo dục có thể lựa chọn một hay kết hợp các phương pháp phù hợp với đặc điểm của đối tượng, nội dung, hình thức, điều kiện vật chất bảo đảm của từng cơ quan, đơn vị trong từng giai đoạn cụ thể.

2.2.5. Các điều kiện bảo đảm giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

**** Điều kiện bảo đảm về chính trị***

Điều kiện chính trị là một trong những yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Nếu một quốc gia có chế độ chính trị ổn định, quốc gia đó sẽ có thời gian, công sức tập trung vào việc xây dựng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các quy định của Luật NDQT vào pháp luật của quốc gia là tiền đề quan trọng cho việc giáo dục Luật NDQT có hiệu quả.

Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, vì vậy điều kiện đảm bảo về chính trị được thể hiện ở vai trò lãnh đạo của Đảng trong hoạt động của bộ máy Nhà nước. Trong giới hạn nghiên cứu, điều kiện đảm bảo về chính trị đối với giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thể hiện ở đường lối, chủ trương của Đảng. Đảng xác định nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo đối với giáo dục Luật NDQT nói chung, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN nói riêng; xây dựng đường lối chiến lược, xác định mục tiêu, lãnh đạo, chỉ đạo nhằm bảo đảm quyền con người, thực thi Luật

NDQT. Dựa trên cơ sở chính trị đó, Nhà nước thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng về giáo dục Luật NDQT thành pháp luật; đưa quan điểm, đường lối của Đảng về thực thi Luật NDQT trong QĐNDVN vào trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của quân nhân.

**** Điều kiện bảo đảm về pháp lý***

Để giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt được kết quả cao, thì bảo đảm về pháp lý là điều kiện rất quan trọng. Trong đó, điều cần thiết là phải xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, hoàn thiện; các quy định pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đảm bảo tính dân chủ, công bằng, toàn diện, phát triển, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Quân đội và yêu cầu phát triển đất nước; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc giáo dục Luật NDQT phải được quy định rõ ràng, cụ thể đáp ứng yêu cầu là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN khi được pháp luật quy định sẽ là chuẩn mực để các tổ chức, các lượng lượng và quân nhân thực hiện nghiêm chỉnh, triệt để.

Từ thực trạng pháp luật về giáo dục Luật NDQT cho thấy hiện nay Việt Nam đã từng bước nội luật hóa các chuẩn mực quốc tế và cụ thể hóa được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về Luật NDQT. Những năm qua, pháp luật về giáo dục Luật NDQT được quan tâm xây dựng, sửa đổi, bổ sung theo hướng ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, phù hợp, nghiêm minh. Tuy chưa có văn bản pháp luật nào quy định cụ thể về giáo dục Luật NDQT, song các văn bản pháp luật, như: Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012; Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phổ biến, giáo dục pháp luật; Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BQP là cơ sở pháp lý để giáo dục Luật NDQT đạt hiệu quả thiết thực.

Đối với QĐNDVN, quán triệt và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của QUTƯ về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Quân đội. Ngày 20 tháng 3 năm 2016 Bộ trưởng BQP đã ban hành Thông tư số 42/2016/TT-BQP quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong BQP. Đặc biệt, ngày ngày 13 tháng 11 năm 2020, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 130/2020/QH14 về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của liên hợp quốc. Đây là những văn bản pháp luật quan trọng, là cơ sở, điều kiện quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả, tính khả thi bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả.

Sự hoàn thiện của pháp luật là điều kiện bảo đảm để thực hiện có hiệu quả giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, góp phần quan trọng xây dựng QĐNDVN cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, củng cố vị thế, vai trò, trách nhiệm của Việt Nam trong thực thi các cam kết quốc tế nói chung, các cam kết về Luật NDQT nói riêng.

**** Điều kiện bảo đảm về tổ chức và con người***

Con người là trung tâm của mọi vấn đề trong xã hội, pháp luật do con người xây dựng và được thực hiện bởi con người, vì con người. Trong giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, điều kiện con người chính là các chủ thể giáo dục Luật NDQT. Nếu chủ thể giáo dục chỉ có ý thức trách nhiệm mà không có năng lực tổ chức, thực hiện thì giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN không thể đạt hiệu quả cao. Năng lực tổ chức, thực hiện có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, hiệu quả giáo dục Luật NDQT cho quân nhân. Năng lực tổ chức, thực hiện được thể hiện ở trình độ kiến thức, hiểu biết Luật NDQT và kỹ năng sư phạm của chủ thể giáo dục.

Chủ thể giáo dục Luật NDQT là lực lượng trực tiếp tham gia vào các khâu, các bước trong quá trình giáo dục Luật NDQT, có đạo đức cách

mạng, đạo đức công vụ, có chuyên môn giỏi, có kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật tốt và có ý thức tự giác chấp hành pháp luật cao, có tinh thần ham học hỏi pháp luật, nhất là các quy định của Luật NDQT sẽ làm cho các nguyên tắc, quy định của Luật NDQT nhanh chóng thâm nhập vào quân nhân, biến những hành vi, cách xử sự của quân nhân thành những hành vi, cách xử sự phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực, quy định của Luật NDQT. Ngược lại, nếu các chủ thể giáo dục Luật NDQT có năng lực chuyên môn, kiến thức về Luật NDQT chưa tốt, không được bồi dưỡng kỹ năng giáo dục Luật NDQT, chưa có kinh nghiệm trong thực tiễn thực hiện các tình huống nhân đạo quy định trong Luật NDQT, không có tinh thần tự giác trong học tập, tìm hiểu Luật NDQT sẽ là những trở lực lớn đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

**** Điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, kinh phí***

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, kinh phí có tác động rất lớn đến chất lượng, hiệu quả giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN muốn đạt hiệu quả cao phải được tiến hành theo những phương thức phù hợp. Mỗi phương thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN luôn đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, kinh phí nhất định.

Trong QĐNDVN mọi hoạt động của quân nhân diễn ra trong môi trường quân sự mang tính đặc thù do vậy, việc học tập, tìm hiểu pháp luật nói chung, Luật NDQT nói riêng của quân nhân chủ yếu thông qua hệ thống tài liệu, sách, báo, tạp chí, các văn bản pháp luật được trang bị ở các thư viện, tủ sách pháp luật, ngăn sách pháp luật của các đơn vị, do đó để đảm bảo xây dựng các thư viện, tủ sách pháp luật, ngăn sách pháp luật đầy đủ các hệ thống tài liệu, sách, báo, văn bản về Luật NDQT bảo đảm tính cập nhật các văn bản mới và áp dụng công nghệ thông tin thì cần đòi hỏi có nguồn kinh phí và cơ sở vật chất để tổ chức thực hiện. Thực tiễn cho thấy cơ quan, đơn vị nào có sự

quan tâm, đầu tư về kinh phí, cơ sở vật chất cho giáo dục Luật NDQT thì kết quả nhận thức, tình cảm, thái độ, hành vi của quân nhân ở đơn vị đó đạt hiệu quả tốt. Ngoài ra để phát huy tinh thần, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục Luật NDQT cần có kinh phí để đào tạo và chi trả cho hoạt động này. Điều này đòi hỏi một nguồn kinh phí nhất định thì giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN mới đạt hiệu quả cao như mục đích đã đặt ra.

2.3. GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

2.3.1. Giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong quân đội một số nước

Luận án tập trung khảo sát giáo dục Luật NDQT trong quân đội ở một số quốc gia như: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Cuba, Cộng hòa Liên bang Đức, Vương quốc Bỉ, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Liên bang Úc. Đối với, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là quốc gia thuộc châu Á, Cộng hòa Cuba là quốc gia thuộc châu Mỹ đây là hai quốc gia kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội giống như Việt Nam, có rất nhiều kinh nghiệm trong việc phổ biến và giảng dạy Luật NDQT. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của quân đội hai nước này có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam, đều là quân đội nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu hy sinh để bảo vệ đất nước, bảo vệ tính mạng của nhân dân, vì hòa bình thế giới. Do vậy, nghiên cứu giáo dục Luật NDQT trong quân đội của hai quốc gia này có ý nghĩa tham khảo nhất định trong nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay. Đối với Cộng hòa Liên bang Đức và Vương quốc Bỉ là hai quốc gia thuộc châu Âu; Hợp chúng quốc Hoa Kỳ quốc gia thuộc châu Mỹ; Úc là quốc gia thuộc châu Úc (châu Đại Dương) được Hội Chữ thập đỏ quốc tế đánh giá cao trong việc thực hiện nghĩa vụ phổ biến, giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng trong xã hội, nhất là đối với các lực lượng vũ trang và nhân viên nhà nước. Đây là các quốc gia tích cực cử lực lượng quân đội tham gia các hoạt động

gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Quân đội của các quốc gia này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, tham gia các hoạt động cứu trợ nhân đạo được Hội chữ Thập đỏ quốc tế, cộng đồng quốc tế đánh giá cao đánh giá cao trong việc chấp hành các quy định của Luật NDQT trong các cuộc xung đột vũ trang trên thế giới thời gian qua, do đó, nghiên cứu giáo dục Luật NDQT trong quân đội ở các quốc gia này sẽ góp phần nhất định vào đề xuất các hình thức, phương pháp nhằm bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả, thiết thực.

Thứ nhất, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Năm 1956, Trung Quốc phê chuẩn các hiệp ước chính của Công ước Geneva năm 1949 và đến năm 1983 Trung Quốc đã phê chuẩn hai Nghị định thư bổ sung cho các Công ước Geneva năm 1977. Tại Hội nghị quốc tế lần thứ 27 của Hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ năm 1999, Trung Quốc đã cam kết sẽ thúc đẩy và tăng cường việc phổ biến và giáo dục rộng rãi Luật NDQT cho người dân Trung Quốc. Để thực thi cam kết này, Ủy ban Quốc gia về Luật NDQT được thành lập vào tháng 11 năm 2007. Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đã thành lập các cơ quan chuyên môn nhằm thúc đẩy nghiên cứu và giáo dục Luật NDQT. Quân nhân trong Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc luôn được chú trọng phổ biến, giáo dục Luật NDQT bằng nhiều hình thức biện pháp, trong đó chú trọng, giáo dục cho mọi quân nhân nắm vững 3 quy tắc kỷ luật chính, 8 điểm cần lưu ý trong hoạt động của quân nhân. Cho đến nay, Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc và Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế đã tổ chức hàng chục khóa học về Luật NDQT. Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đã đào tạo nhân viên pháp lý trong các cơ sở giáo dục của quân đội, sĩ quan chính trị cấp sư đoàn, lữ đoàn và trung đoàn, cán bộ văn phòng chính phủ, thẩm phán quân sự, công tố viên, luật sư và chuyên gia pháp lý về Luật NDQT. Đại học Quốc phòng, cơ sở giáo dục được xếp hạng cao nhất trong Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc, tổ chức các lớp giảng Luật NDQT đặc biệt hàng năm cho

các sĩ quan đang được đào tạo ở cấp sư đoàn và quân đoàn trở lên. Ngoài những điều trên, các kiến thức, các tình huống liên quan đến Luật NDQT như bảo vệ thường dân và tù binh đã được Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc lồng ghép vào các cuộc tập trận huấn luyện, bao gồm cả các cuộc tập trận quân sự chung quốc tế để các binh sĩ tham gia đã được huấn luyện về cách phản ứng và tuân thủ Luật NDQT trong các cuộc tấn công bất hợp pháp, trong các tình huống chiến đấu, thương tích do tai nạn và ném bom, phân biệt mục tiêu chiến đấu, điều trị tù binh, cũng như các tình huống có thể xảy ra khác.

Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc chịu trách nhiệm dịch thuật và xuất bản văn bản quốc tế về Luật NDQT và các tài liệu liên quan bao gồm các tài liệu hướng dẫn và hiệu quả của Luật NDQT sang tiếng Trung Quốc. Tất cả các hiệp ước mà Trung Quốc phê chuẩn và tham gia đều đã được dịch và xuất bản. Ngoài ra, một số điều ước mà Trung Quốc chưa ký kết hoặc chưa tham gia cũng đã được dịch thuật. Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đã thực hiện nhiều khóa đào tạo Luật NDQT và xuất bản nhiều tài liệu cho các sĩ quan quân đội, như bản dịch tiếng Trung của “Bài giảng về Luật NDQT” và “Bản chất của Luật NDQT”. Hơn 200.000 tập tài liệu bổ sung đã được phân phát cho quân đội ở tất cả các đơn vị. Luật NDQT đã được đưa vào các tài liệu giáo dục và tài liệu liên quan, được giảng dạy trong các lớp học và được xây dựng theo cách đơn giản, trực quan và đồ họa cho tất cả các sĩ quan quân đội. Các băng hình “Nhân đạo” đã được sản xuất và cấp phát cho các đơn vị trên cấp sư đoàn. Bộ phim “Huấn luyện Luật NDQT trong Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc” mô tả công việc của Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc trong việc hướng dẫn Luật NDQT cũng đã được cấp phát cho các đơn vị trong quân đội. Ngoài ra, Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc cũng tích cực sử dụng các phương tiện truyền thông để phổ biến kiến thức về Luật NDQT [197].

Thứ hai, Cộng hòa Cuba

Cuba là quốc gia tích lũy kinh nghiệm trong việc phổ biến và hướng dẫn Luật NDQT. Trung tâm Nghiên cứu Luật NDQT đã được thành lập tại Cuba

cách đây hơn 30 năm. Do đó, Cuba đã có thể đưa Luật NDQT vào chương trình giảng dạy của hệ thống giáo dục quốc gia. Cuba cũng đã đóng góp vào việc phổ biến và giảng dạy Luật NDQT cho sinh viên nước ngoài tại Cuba và các chuyên gia từ Trung Mỹ và Caribe. Cuba tái khẳng định sự sẵn sàng cung cấp thêm hỗ trợ cho Hội Chữ thập đỏ quốc tế và Hội Chữ thập đỏ các nước trong nhiệm vụ cao cả là phổ biến kiến thức về Luật NDQT trong xã hội Cuba và các nước khác. Do đó, Cuba đã thực hiện tốt việc phổ biến Luật NDQT cho các lực lượng trong đất nước như: Cán bộ, nhân viên nhà nước, các lực lượng vũ trang cách mạng Cuba, các quan chức Nhà nước khác và nhân dân Cuba. Đặc biệt, Cuba đảm bảo rằng tất cả quân nhân ở tất cả các cấp trong lực lượng vũ trang Cuba đều được giáo dục, đào tạo về Luật NDQT. Quân nhân được yêu cầu thực hiện giáo dục Luật NDQT định kỳ theo các tiêu chuẩn đã được thống nhất bằng các hình thức, phương pháp đa dạng, như: Tham gia vào khóa học về Luật NDQT, tham gia diễn tập các tình huống nhân đạo trong xung đột vũ trang, hội thảo, tập huấn, được yêu cầu tham gia “Bài kiểm tra huấn luyện quân sự hàng năm”. Do đó, quân nhân trong lực lượng vũ trang Cuba cơ bản có kiến thức, kỹ năng thực hành các quy định của Luật NDQT [113].

Thứ ba, Cộng hòa Liên bang Đức

Trong báo cáo gửi Đại hội đồng Liên hợp quốc về tình trạng của Nghị định thư bổ sung năm 1977, Đức đã tuyên bố: Chính phủ Liên bang hỗ trợ việc phổ biến Luật NDQT trong mọi lĩnh vực và mọi cấp độ nhà nước. Bốn Công ước Geneva và hai Nghị định thư bổ sung phải phổ biến càng rộng rãi càng tốt. Bộ Ngoại giao Liên bang Đức, Bộ Quốc phòng Liên bang Đức và Hội Chữ thập đỏ Đức đã xuất bản và phân phối rộng rãi bộ sưu tập “Tài liệu về Luật nhân đạo quốc tế”, bao gồm các tài liệu có tầm quan trọng cốt lõi đối với Luật NDQT bằng tiếng Anh và tiếng Đức. Chính phủ Đức yêu cầu các cơ quan quân sự phải nắm chắc các văn bản của các Công ước và các Nghị định thư bổ sung của Luật NDQT. Tất cả binh lính Đức đều được giáo dục những kiến thức cơ bản của Luật NDQT thông qua các khoá học. Những khoá học

này không chỉ nhằm mục đích giáo dục kiến thức mà còn để phát triển nhận thức về điều gì đúng và điều gì sai trong xung đột vũ trang cho quân nhân trong quân đội Đức. Tất cả các cấp bậc đều được giáo dục nội dung, nguyên tắc cơ bản của Luật NDQT. Những quân nhân có kế hoạch tham gia vào thực hiện nhiệm vụ tại nước ngoài sẽ được hướng dẫn toàn diện hơn về Luật NDQT. Trong quân đội Đức, các sĩ quan đều có các cố vấn pháp lý, nhiệm vụ chính họ là cung cấp tư vấn pháp lý - đặc biệt là về các vấn đề của Luật NDQT và thực hiện các hướng dẫn pháp lý về Luật NDQT. Trong các khóa học quân sự cho sĩ quan quân đội Đức, họ được giáo dục, hướng dẫn cách xây dựng các bài giảng và đào tạo về Luật NDQT. Các khóa học này được điều chỉnh phù hợp với trình độ chuyên môn tương ứng của các sĩ quan quân đội. Đáng chú ý, tất cả các quân nhân Đức đều được trang bị sổ tay Luật NDQT, sổ tay này cung cấp cho quân nhân Đức các quy tắc của Luật NDQT và giải thích cần thiết về quy tắc của Luật NDQT, có tính chất ràng buộc và phải được chấp hành triệt để, tận tâm và ngay lập tức [128].

Thứ tư, Vương quốc Bỉ.

Tại Hội nghị quốc tế lần thứ 27 của Hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ diễn ra từ ngày 31 tháng 10 đến ngày 06 tháng 11 năm 1999, Bỉ đã cam kết triển khai các chương trình đào tạo về Luật NDQT hướng đến mọi lực lượng trong xã hội, nhất là những người quan tâm đến việc áp dụng và tôn trọng luật Luật NDQT. Giáo dục Luật NDQT trong quân đội Bỉ được Chính phủ Bỉ, quân đội Bỉ rất quan tâm. Tất cả quân nhân đều được huấn luyện về Luật NDQT trong quá trình huấn luyện cơ bản. Thực hiện đào tạo Luật NDQT là một phần của khóa học dành cho sĩ quan tham mưu, khóa học dành cho sĩ quan cấp cao, khóa học dành cho nhân viên cấp cao; tổ chức các khóa học chuyên sâu về Luật NDQT cho hạ sĩ quan, đơn vị y tế, cố vấn pháp lý và chỉ huy. Trước khi quân đội hoặc đơn vị tham gia vào một hoạt động gìn giữ hòa bình, cứu trợ nhân đạo, hoặc tham chiến, họ được đào tạo bồi dưỡng tập trung vào các nội dung cụ thể của Luật NDQT và quy tắc tham gia cũng như kỹ năng áp dụng thực tế trong các

bài tập địa hình. Trong quân đội Bỉ cũng có các cố vấn pháp lý đã được đào tạo nâng cao về Luật NDQT, họ được bổ nhiệm vào các cấp khác nhau của quân đội (lữ đoàn, sư đoàn, đơn vị lực lượng đặc biệt và Bộ Tham mưu lực lượng vũ trang). Ngoài ra, Quân đội Bỉ tiến hành các cuộc tập trận quân sự và huấn luyện trên mặt đất xử lý một số tình huống nhân đạo có thể xảy ra trên thực tế. Hằng năm, quân đội Bỉ phối hợp với Hội chữ thập đỏ Bỉ thường xuyên tổ chức cho các quân nhân trong quân đội tham dự các khóa học về Luật NDQT ở San Remo do các giáo sư, chuyên gia về Luật NDQT giảng dạy [108].

Thứ năm, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Tại Hội nghị quốc tế lần thứ 27 của Hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ diễn ra từ ngày 31 tháng 10 đến ngày 06 tháng 11 năm 1999, Hoa Kỳ đã cam kết sẽ nỗ lực mở rộng và tăng cường các nỗ lực phổ biến Luật NDQT, bao gồm cả việc hợp tác với Hội Chữ thập đỏ Hoa Kỳ. Lực lượng vũ trang Hoa Kỳ sẽ đảm bảo rằng các chương trình ngăn ngừa vi phạm luật chiến tranh bao gồm đào tạo và phổ biến theo yêu cầu của Luật NDQT được thiết lập và thực hiện. Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ yêu cầu người đứng đầu các đơn vị trong Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ phải xây dựng và thực hiện chương trình trong huấn luyện và trong thực hiện nhiệm vụ tại khu vực xảy ra xung đột hoặc chiến tranh một cách hiệu quả để ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật NDQT. Việc huấn luyện được thực hiện diễn ra ở cả các nhà trường quân sự Hoa Kỳ như: Học viện quân sự Hoa Kỳ West Point; Học viện Hải quân Hoa Kỳ; Học viện Không quân Hoa Kỳ; Trường Cao đẳng Chiến tranh Hải quân Hoa Kỳ,... bằng việc cung cấp các khóa học về Luật NDQT cho sĩ quan, sinh viên và chương trình hướng dẫn chung cho binh lính nhập ngũ trong các khóa đào tạo cơ bản về Luật NDQT cho các đơn vị trong quân đội Hoa Kỳ. Tất cả binh sĩ trong Quân đội Hoa Kỳ sẽ tham gia một số hình thức đào tạo về Luật NDQT sáu tháng một lần, tất cả chỉ huy và sĩ quan của Thủy quân lục chiến phải được đào tạo về Luật NDQT. Lực lượng Không quân được đào tạo các luật chuyên

biệt về xung đột vũ trang trong thời gian phục vụ tại ngũ. Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ thành lập nhóm làm việc về Luật Chiến tranh để tạo điều kiện hợp tác giữa cộng đồng pháp lý quân sự trong các vấn đề của Luật NDQT; cung cấp những cảm nang bỏ túi về các quy tắc giao chiến và Luật chiến tranh thường xuyên tổ chức các cuộc tập trận trước khi triển khai các tình huống chiến đấu để bảo đảm khi thực hiện nhiệm vụ người lính nắm được các mục tiêu cần được bảo vệ và các quy tắc giao chiến. Đào tạo các sĩ quan bào chữa cho các tiểu đoàn trong hoạt động tiền phương để người chỉ huy có thể tiếp cận các lời khuyên pháp lý cần thiết vào mọi lúc [94].

Thứ sáu, Liên bang Úc.

Chính phủ Úc yêu cầu phổ biến và thực hiện các biện pháp thiết thực để thúc đẩy sự hiểu biết và tuân thủ Luật NDQT càng rộng rãi càng tốt, để các nguyên tắc của Luật NDQT được cán bộ, nhân viên nhà nước, lực lượng vũ trang, các tổ chức xã hội và dân thường biết đến. BQP Úc yêu cầu các quân nhân của họ phải được trang bị những kiến thức cơ bản về Luật NDQT thông qua các khóa đào tạo, huấn luyện quân sự, đặc biệt là đội ngũ sĩ quan. Chú trọng, trang bị cho quân nhân các quy định về bảo vệ thường dân, đối xử đối với tù hàng binh trong xung đột vũ trang, chiến tranh. Khi bắt đầu Chiến tranh Iraq vào tháng 3 năm 2003, BQP Úc đã ban hành hướng dẫn cho các tổ chức, các phương tiện truyền thông thông tin về các hạn chế theo Luật NDQT đối với việc nhận dạng tù nhân chiến tranh. BQP Úc yêu cầu những người lính, tổ chức quân sự và các tổ chức truyền thông nên biết về Điều 13 của Công ước Geneva III, quy định rằng tù binh chiến tranh phải luôn được “bảo vệ, đặc biệt là chống lại các hành vi bạo lực hoặc đe dọa và chống lại sự lăng mạ và sự tò mò của công chúng”, yêu cầu hạn chế chụp ảnh và quay phim tù binh, tù nhân dân sự và thực tập sinh dân sự, “làm mờ” khuôn mặt của cả Liên minh và tù nhân chiến tranh Iraq. Đặc biệt, quân nhân trong quân đội Úc sẽ bị truy tố đối với các hành vi vi phạm Luật NDQT [139, 157].

2.3.2. Giá trị tham khảo với Việt Nam

Từ thực tiễn giáo dục Luật NDQT trong quân đội của một số nước trên thế giới, có thể rút ra một số giá trị tham khảo đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Thứ nhất, cần có nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, xem đó là yêu cầu không thể thiếu đối với một quân đội chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, có truyền thống nhân văn, nhân đạo, đòi hỏi Luật NDQT phải được phổ biến đến mọi quân nhân trong QĐNDVN, nhất là đội ngũ sĩ quan trực tiếp tham gia các nhiệm vụ ở biên giới, biển đảo, gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. Nghiên cứu thành lập trung tâm nghiên cứu Luật NDQT trong QĐNDVN với chức năng đào tạo, huấn luyện về Luật NDQT cho đội ngũ sĩ quan, cán bộ pháp lý ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN.

Thứ hai, cần lựa chọn nội dung phù hợp, đa dạng hóa các hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Hiện nay, hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN còn chưa đa dạng, mới chỉ dừng lại ở các hình thức lên lớp trực tiếp, tập huấn,... chưa tạo được sức hút đối với quân nhân tham gia. Do đó, cần tiến hành xây dựng một chương trình giáo dục Luật NDQT bắt buộc với các SQ, QNCN, học viên trong các các nhà trường quân đội, thông qua đội ngũ này để giáo dục Luật NDQT cho quân nhân thuộc quyền. Giáo dục Luật NDQT thông qua các hoạt động thực tiễn huấn luyện quân sự của quân nhân tại đơn vị, cần phải lồng ghép nội dung giáo dục Luật NDQT vào các khóa huấn luyện, các chương trình ngoại khóa phù hợp với đặc thù nhiệm vụ của các lực lượng trong Quân đội để nâng cao nhận thức của quân nhân về vị trí, vai trò, các nội dung cơ bản của Luật NDQT. Cần tăng cường sử dụng các phương tiện truyền thông để phổ biến kiến thức về Luật NDQT cho quân nhân. Đổi mới toàn diện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN bảo đảm khách quan, chính xác.

Nghiêm túc chấn chỉnh, có biện pháp xử lý nghiêm khắc, thích đáng đối với cơ quan, đơn vị không thực hiện đúng các quy định về giáo dục Luật NDQT và đối với các quân nhân có hành vi vi phạm Luật NDQT.

Thứ ba, cần tăng cường đầu tư phương tiện, tài liệu phục vụ giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Hiện nay hệ thống phương tiện, tài liệu phục vụ giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN còn ít, nhất là tài liệu dịch sang tiếng Việt. Do đó, BQP, cơ quan chức năng Việt Nam cần tiến hành dịch thuật và xuất bản văn bản quốc tế của Luật NDQT và các tài liệu liên quan sang tiếng Việt, kể cả các điều ước mà Việt Nam chưa ký kết hoặc chưa tham gia. Tăng cường sưu tầm, lựa chọn, các phim tài liệu, băng hình về các tình huống nhân đạo có thể xảy ra trong các cuộc xung đột vũ trang, chiến tranh, sản xuất các bộ phim huấn luyện về Luật NDQT gắn sát với đặc điểm các lực lượng trong QĐNDVN cấp phát cho các đơn vị trong QĐNDVN để quân nhân trong QĐNDVN xem, trải nghiệm, đúc rút kinh nghiệm cho bản thân, sẵn sàng xử lý các tình huống nhân đạo gặp phải trong thực tiễn công tác, thực hiện nhiệm vụ.

Thứ tư, cần tăng cường hoạt động đối ngoại quốc phòng, chủ động hợp tác và tranh thủ sự giúp đỡ của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế cũng như các trung tâm pháp lý quân đội của các nước biên soạn Sổ tay Luật NDQT với những nội dung cơ bản, các nguyên tắc của Luật NDQT có tính chất ràng buộc gắn với chức năng, nhiệm vụ của QĐNDVN, để cán bộ, chiến sĩ nghiên cứu, học tập và chấp hành triệt để các nguyên tắc, quy định của Luật NDQT.

Kết luận chương 2

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là hoạt động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể thông qua các hình thức, phương pháp tác động đến quân nhân nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về Luật NDQT giúp quân nhân có nhận thức đúng đắn, có thái độ, tình cảm đúng mực, hình thành thói quen, hành vi xử sự phù hợp với các quy định của Luật NDQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quân sự.

Luận án phân tích xây dựng các khái niệm liên quan đến đề tài nghiên cứu như: Luật NDQT, giáo dục Luật NDQT, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Nghiên cứu phân tích đặc điểm của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, xác định đây là hoạt động có đặc điểm diễn ra trong môi trường quân sự đặc thù; là một bộ phận của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ quan, đơn vị có liên quan chặt chẽ đến các mặt công tác khác; chủ thể giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN rất đa dạng, có kỹ năng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; đối tượng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đa dạng, có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Làm rõ giáo dục Luật NDQT có vai trò góp phần thực hiện hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực thi Luật NDQT; góp phần xây dựng quân đội “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại” trong tình hình mới; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của quân nhân về thực hiện Luật NDQT, phòng ngừa, hạn chế và xử lý kịp thời những biểu hiện, hành vi vi phạm Luật NDQT; góp phần gìn giữ hòa bình thế giới, mở rộng hợp tác quốc tế giữa QĐNDVN và quân đội các nước trên thế giới trong thực thi, phát triển Luật NDQT. Đồng thời, Luận án đã luận giải và phân tích nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và điều kiện bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Đây là những cơ sở lý luận quan trọng để đánh giá thực trạng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Bên cạnh đó, Luận án nghiên cứu giáo dục Luật NDQT của một số nước,

một số quân đội trên thế giới, cho thấy đây là vấn đề được các quốc gia trên thế giới rất quan tâm. Mỗi quốc gia có những phương pháp, cách làm khác nhau phụ thuộc vào thể chế chính trị, điều kiện kinh tế, văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo của mỗi quốc gia. Từ nghiên cứu giáo dục Luật NDQT của một số nước, một số quân đội trên thế giới, luận án có thể kế thừa, phát triển vận dụng phù hợp vào thực tiễn giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Những vấn đề lý luận đã trình bày ở trên có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất, tác động qua lại lẫn nhau là cơ sở quan trọng cho việc đánh giá thực trạng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN ở chương 3 và để phân tích luận giải, xác định các quan điểm và đề xuất các giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay trong chương 4.

Chương 3

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

3.1.1. Truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam

Ngày 22/12/1944, tại khu rừng giữa hai tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm Nà Sang, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng), Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của QĐNDVN được thành lập theo Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trải qua 80 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành, đối mặt với biết bao thử thách, khắc nghiệt, nhất là những bước ngoặt của cách mạng, QĐNDVN luôn tỏ rõ bản lĩnh của một đội quân cách mạng; một lực lượng chính trị đặc biệt, lực lượng chiến đấu tuyệt đối trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào, dù phải chịu đựng nhiều gian khó, hy sinh; dù phải đương đầu với những âm mưu, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt của kẻ thù, QĐNDVN luôn tuyệt đối trung thành, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, chủ động, sáng tạo, mưu trí dũng cảm, quyết chiến, quyết thắng, gắn bó máu thịt với Nhân dân, thương yêu đồng chí, đồng đội, kỷ luật nghiêm minh; các thế hệ cán bộ, chiến sĩ QĐNDVN đã nối tiếp lập nên những chiến công hiển hách, làm rạng rỡ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, xây đắp nên truyền thống vẻ vang của QĐNDVN, đó là:

Một là, trung thành vô hạn với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng.

Hai là, gắn bó máu thịt với Nhân dân, quân với dân một ý chí.

Ba là, đoàn kết nội bộ, cán bộ, chiến sĩ bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, thương yêu giúp đỡ nhau, trên dưới đồng lòng thống nhất ý chí và hành động.

Bốn là, kỷ luật tự giác, nghiêm minh.

Năm là, độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước, tôn trọng và bảo vệ của công.

Sáu là, lối sống trong sạch, lành mạnh, có văn hóa, trung thực, khiêm tốn, giản dị, lạc quan.

Bảy là, luôn luôn nêu cao tinh thần ham học, cầu tiến bộ, nhạy cảm, tinh tế trong cuộc sống.

Tám là, đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung, chí nghĩa, chí tình.

Với truyền thống vẻ vang của QĐNDVN được hun đúc trong suốt 80 năm xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành là tiền đề tạo điều kiện thuận lợi giúp QĐNDVN triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; tăng cường mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa cán bộ, chiến sĩ, đoàn kết quốc tế, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó, trong đó có nhiệm vụ giáo dục Luật NDQT cho cán bộ, chiến sĩ trong QĐNDVN.

3.1.2. Chức năng, cơ cấu tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam

** Chức năng của Quân đội nhân dân Việt Nam*

Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định: QĐNDVN là quân đội cách mạng, “đội quân chiến đấu, đội quân công tác và sản xuất” [36, t.24, tr.847]. Chức năng cơ bản của QĐNDVN được khẳng định và phát huy trong 80 năm qua.

Thực hiện chức năng là đội quân chiến đấu, QĐNDVN được xây dựng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; tổ chức tinh, gọn, mạnh, cơ động, linh hoạt, hiệu quả cao; trang bị các loại vũ khí, khí tài hiện đại; đẩy mạnh nghiên cứu phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam; thường xuyên huấn luyện, diễn tập, nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu và khả

năng sẵn sàng chiến đấu; làm nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân; xử lý thắng lợi các tình huống quốc phòng, sẵn sàng đánh thắng mọi hình thái chiến tranh xâm lược, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

Thực hiện chức năng là đội quân công tác, QĐNDVN luôn giữ vững mối quan hệ máu thịt với nhân dân, là lực lượng nòng cốt tham gia công tác vận động quần chúng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, các đơn vị quân đội tích cực thực hiện công tác dân vận, đi đầu trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; tích cực tham gia phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và bảo vệ tài nguyên, môi trường,... Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trên địa bàn đóng quân, tích cực tham gia xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Công tác đối ngoại quốc phòng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước, nâng cao uy tín, vị thế của đất nước và QĐNDVN trên trường quốc tế, như tích cực tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; huấn luyện, diễn tập chung về hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa, tìm kiếm cứu nạn, hợp tác quốc tế trong khắc phục hậu quả chiến tranh,...

Thực hiện chức năng là đội quân lao động sản xuất, các đơn vị kinh tế - quốc phòng trong QĐNDVN luôn duy trì được nhịp độ phát triển ổn định, bảo đảm việc làm cho hàng trăm nghìn lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ ngân sách đối với Nhà nước, tạo ra nhiều sản phẩm lương thực, sản phẩm công nghệ có giá trị cao, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế quốc dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội.

** Cơ cấu tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam*

Quân đội nhân dân Việt Nam bao gồm lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên. Lực lượng thường trực của QĐNDVN gồm có bộ đội

chủ lực, bộ đội địa phương; các quân khu, quân chủng, bộ đội biên phòng, quân đoàn, binh chủng; hệ thống các đơn vị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật; các học viện, nhà trường, viện nghiên cứu và các đơn vị kinh tế - quốc phòng. Cụ thể bao gồm các lực lượng chủ yếu sau đây:

Bộ đội chủ lực bao gồm 7 quân khu (1, 2, 3, 4, 5, 7, 9) và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; 2 quân đoàn (12, 34); 6 binh chủng (Đặc công, Pháo binh, Tăng - Thiết giáp, Công binh, Thông tin liên lạc, Hóa học); Quân chủng Phòng không - Không quân, Quân chủng Hải quân, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng, Cục gìn giữ hòa bình Việt Nam.

Bộ đội địa phương thành lập ngày 07 tháng 4 năm 1949, là lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân, được tổ chức ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp quận, huyện, thị xã; là lực lượng nòng cốt trong chiến tranh nhân dân địa phương, lực lượng cơ động chủ yếu trên địa bàn địa phương trong tác chiến; phối hợp cùng dân quân tự vệ, công an nhân dân trong tác chiến và bảo vệ an ninh chính trị địa phương trong thời bình;

Lực lượng dự bị động viên là một thành phần của QĐNDVN. Đây là lực lượng quan trọng góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân; sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực khi có yêu cầu; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Các học viện, nhà trường QĐNDVN. Trong đó, BQP trực tiếp quản lý Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân, Học viện Chính trị, Học viện Hậu cần, Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Quân y và Trường Sĩ Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2, Trường Sĩ Chính trị; các học viện, nhà trường còn lại thuộc quyền quản lý của các tổng cục, quân chủng, binh chủng. Các học viện, nhà trường QĐNDVN có nhiệm vụ đào tạo sĩ chỉ huy cấp phân đội bậc đại học; sĩ quan chỉ huy tham mưu cấp chiến thuật, chiến dịch; đào tạo sau đại học; tham gia nghiên cứu khoa học quân sự.

Các viện nghiên cứu chủ yếu, bao gồm: Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng Việt Nam; Viện Khoa học và Công nghệ quân sự; Viện Quan hệ quốc tế về quốc phòng. Các đơn vị kinh tế - quốc phòng của QĐNDVN là lực lượng đi đầu trong kết hợp kinh tế với quốc phòng. Các tập đoàn, tổng công ty, các đoàn kinh tế - quốc phòng đã góp phần đáng kể vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đồng thời là lực lượng chủ yếu ở những khu vực khó khăn nhất, tham gia phát triển kinh tế xã hội địa phương, tạo thế trận quốc phòng vững chắc tại các địa bàn trọng yếu của Tổ quốc.

Với chức năng, nhiệm vụ và tổ chức biến chế như trên, sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, song với tổ chức biên chế thành nhiều lực lượng, phân bố trên địa bàn cả nước; mỗi đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ khác nhau, sẽ đặt ra những khó khăn, thách thức đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Do đó, để bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, các chủ thể khi đề xuất các giải pháp cần chú ý đến yếu tố này.

3.2. KẾT QUẢ GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ NGUYÊN NHÂN

3.2.1. Kết quả giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Kết quả về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN được NCS tổng hợp, phân tích, đánh giá thông qua các kế hoạch, báo cáo sơ kết, tổng kết, kết luận về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục Luật NDQT nói riêng của các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN, như: Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Đề án “Đổi mới công tác giáo dục chính trị tại đơn vị trong giai đoạn mới”; Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”; Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Báo

cáo Tổng kết 10 năm công tác huấn luyện gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc; các báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm, công tác xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật; thực tiễn giáo dục Luật NDQT của BQP và các đơn vị trong toàn quân. Đồng thời tiến hành thực hiện 10 cuộc khảo sát, phỏng vấn chuyên gia, trao đổi với 400 cán bộ chủ trì; 1000 SQ, QNCN (gọi chung là cán bộ) và 2000 HSQ, BS (gọi chung là chiến sĩ) của 10 đơn vị quân đội và cho thấy: Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN có vai trò hết sức quan trọng nhằm nâng cao những kiến thức cơ bản về Luật NDQT cho quân nhân, giúp họ có nhận thức đúng đắn, có thái độ, tình cảm đúng mực, hình thành thói quen, hành vi xử sự phù hợp với các quy định của Luật NDQT trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ quân sự. Thời gian qua, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đã có được những kết quả tích cực cả về chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp và các điều kiện bảo đảm, cụ thể như sau:

Thứ nhất, các nguyên tắc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam cơ bản được thực hiện đầy đủ.

Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục pháp luật, trong đó có lồng ghép nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Tổng cục Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN, cơ quan chính trị cấp Quân khu, Quân chủng, Quân đoàn chỉ đạo đưa nội dung Luật NDQT vào các hoạt động giáo dục chính trị, pháp luật trong nhà trường và đơn vị cơ sở. Đội ngũ cán bộ chính trị, giảng viên, giáo viên có nhận thức tốt về vai trò giáo dục Luật NDQT, từ đó chủ động lồng ghép các nội dung nhân đạo, pháp lý quốc tế vào trong giáo dục tư tưởng quân nhân.

Cục Dân vận, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam đã đưa nội dung Luật NDQT được tích hợp vào các khóa huấn luyện, tập huấn cán bộ, chiến sĩ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, lực lượng tham gia hợp tác quốc tế. Xây dựng hệ thống các bài giảng, tài liệu phổ biến giáo dục Luật NDQT trong quân đội thường xuyên đề cập đến các vấn đề như: Bảo vệ dân thường, quy tắc xử lý tù

binh, tránh gây thương vong không cần thiết. Tăng cường xây dựng các tình huống mô phỏng, trong đó lồng ghép yêu cầu tuân thủ Luật NDQT, bước đầu tạo nên mô hình giáo dục gắn với thực tiễn quân sự - quốc tế. Cụ thể: Quá trình QĐNDVN tham gia phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc đã được quốc tế đánh giá cao về tác phong chuyên nghiệp, ứng xử nhân đạo, khả năng xử lý tình huống theo chuẩn mực quốc tế, điều này cho thấy mục tiêu giáo dục Luật NDQT đang từng bước gắn với nhiệm vụ thực tế [27, 29]. Bên cạnh đó, hoạt động giáo dục chính trị ở đơn vị trong toàn quân luôn đề cao phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, một biểu tượng hội tụ các giá trị nhân đạo, nghĩa tình, gần dân, giúp dân - vốn là nền tảng đạo đức để tiếp thu và thực hiện Luật NDQT hiệu quả. Một số nhà trường quân đội, đơn vị cơ sở đã có sáng kiến thực hiện lồng ghép nội dung học tập Luật NDQT gắn với truyền thống dân tộc và đạo đức người quân nhân cách mạng thông qua thực hiện “Ngày pháp luật quân đội”, “Tuần lễ nhân đạo quốc tế”. Những giá trị của Luật NDQT không tách rời đạo đức cách mạng, mà được chuyển hóa thành hành vi cụ thể của quân nhân, như giúp nhân dân trong thiên tai, đối xử nhân đạo với tù binh... Những điều này là minh chứng cho việc giáo dục Luật NDQT đã kết hợp hiệu quả với giáo dục đạo đức - tư tưởng [17].

Bên cạnh đó, Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều chương trình giáo dục pháp luật hằng năm có tính hệ thống, trong đó có chỉ đạo các đơn vị lồng ghép giáo dục Luật NDQT theo đặc điểm từng lực lượng. Một số nhà trường quân đội đã đưa chuyên đề Luật NDQT vào chương trình trong các môn học chính khóa, như Học viện Quốc phòng, Học viện Lục quân, Học viện Chính trị, Học viện Quân y,...; tổ chức hội thảo, tọa đàm, nghiên cứu khoa học về Luật NDQT, tạo tiền đề lý luận để xây dựng chương trình giáo dục sát thực tế. Hoạt động bồi dưỡng cán bộ chính trị trung - cao cấp đã giới thiệu, cập nhật các quy định pháp luật quốc tế về nhân đạo, chống tra tấn, cấm vũ khí hóa học, vũ khí sát thương hàng loạt... Đối với lực lượng gìn giữ hòa bình (quân y và công binh) việc phân hóa nội dung Luật NDQT theo tính chất nhiệm vụ (hỗ trợ dân sự,

cứu hộ, gìn giữ trật tự...) đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Điều này cho thấy sự đúng đắn trong tiếp cận phân loại đối tượng. Nhiều đơn vị chiến đấu đã kết hợp giáo dục Luật NDQT với huấn luyện thực hành diễn tập ứng phó khủng bố, gìn giữ hòa bình, sơ tán dân thường, xử lý vũ khí cấm; kiểm tra nhận thức của quân nhân về Luật NDQT gắn với bài tập giả định chiến đấu và cứu nạn [27,29].

Thứ hai, đại đa số chủ thể giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam có nhận thức đúng đắn, trách nhiệm cao.

Thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục Luật NDQT; nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, những năm qua, đa số các chủ thể giáo dục Luật NDQT đã có nhận thức đúng, trách nhiệm cao, thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, cụ thể như sau:

Quân ủy Trung ương, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong QĐNDVN đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nhiều chủ trương, biện pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phù hợp với thực tiễn yêu cầu, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, trong đó: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng về vị trí, vai trò của việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, xác định giáo dục Luật NDQT là một bộ phận của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nhằm đưa Luật NDQT vào thực tiễn thực hiện nhiệm vụ quân sự của quân nhân; thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đưa nội dung giáo dục Luật NDQT vào trong Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, trong đó, đặt ra mục tiêu phải đánh giá được kết quả thực hiện, làm rõ nguyên nhân ưu điểm, hạn chế và đề ra phương hướng, biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong cơ quan, đơn vị mình.

Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN

đã thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong toàn quân làm tốt công tác giáo dục, quán triệt đường lối, quan điểm của đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn kiện cơ bản của Luật NDQT, các văn bản pháp luật của Việt Nam về thực thi Luật NDQT, nhất là: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bộ luật Hình sự, Bộ Luật Tố tụng hình sự; Luật Biên phòng Việt Nam, Luật Cảnh sát biển Việt Nam; Nghị quyết số 130/2020/QH14, ngày 13/11/2020 của Quốc hội về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; Nghị định số 61/2021/NĐ-CP, ngày 25/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Nghị quyết số 130/2020/QH14 của Quốc hội về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; Thông tư số 192/2016/TT-BQP, ngày 26 tháng 11 năm 2016 của BQP quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật trong BQP; Thông tư số 16/2020/TT-BQP, ngày 21 tháng 02 năm 2020 quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và thẩm quyền xử lý kỷ luật trong BQP; Thông tư số 143/2023/TT-BQP, ngày 27 tháng 12 năm 2023 của BQP quy định xử lý kỷ luật trong QĐNDVN; điều lệnh, điều lệ, quy chế, quy định của Quân đội đến các đối tượng thuộc quyền. Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ trong tất cả các khâu, từ chuẩn bị lực lượng tham gia giáo dục, đến việc xác định nội dung, xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện giáo dục. Bên cạnh đó, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN đã chủ động ký kết các văn bản hợp tác gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc với 10 nước đối tác (Ô-xtrây-li-a, Trung Quốc, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Pháp, Nga, New Zealand, Canada), Hiệp định khung và Bản ghi nhớ về hợp tác kỹ thuật với Liên minh châu Âu về gìn giữ hòa bình, trong đó có hợp tác về huấn luyện, đào tạo lực lượng gìn giữ hòa bình [29].

Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp đã làm tốt công tác tham mưu, chủ động nghiên cứu, quán triệt các văn bản, chỉ thị của cấp trên, thực hiện tương đối tốt nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân. Thực hiện tốt chức năng xây dựng, triển khai các kế hoạch, chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục Luật NDQT nói riêng. Đồng thời, tích cực chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện giáo dục Luật NDQT bảo đảm chặt chẽ, nghiêm túc, hiệu quả, thiết thực. Định kỳ làm tốt công tác sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả giáo dục Luật NDQT trong các cơ quan, đơn vị, đi sâu làm rõ hạn chế, nguyên nhân hạn chế, từ đó có chủ trương, biện pháp khắc phục kịp thời góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong cơ quan, đơn vị.

Cục Dân vận - Tổng cục Chính trị QĐNDVN là cơ quan trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý, theo dõi, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Những năm qua, Cục Dân vận đã làm tốt công tác tham mưu cho Thủ trưởng BQP, Tổng Cục Chính trị, phối hợp chặt chẽ với Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế khu vực Đông Nam Á, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam, Quân chủng Phòng không - Không quân; Quân chủng Hải quân, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng với hình thức, phương pháp tương đối đa dạng, phù hợp và hiệu quả, chú trọng lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, sĩ quan Hải quân, Phòng không - Không quân, Cảnh sát biển, Bộ đội Biên phòng. Bên cạnh đó, hằng năm, Cục Dân vận còn tổ chức các đợt tập huấn Luật NDQT cho các lực lượng báo cáo viên, giảng viên, giáo viên ở các đơn vị và các nhà trường quân đội góp phần quan trọng nâng cao kiến thức, hiểu biết về Luật NDQT cho lực lượng này. Đây là lực lượng nòng cốt trong giáo dục Luật NDQT cho học viên các nhà trường quân đội - lực

lượng tốt nghiệp ra trường trực tiếp giáo dục Luật NDQT cho quân nhân ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN.

Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam là cơ quan trực thuộc BQP, có chức năng tham mưu với QUTƯ, BQP trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, chỉ huy lực lượng QĐNDVN tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; giúp Bộ trưởng BQP thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc của Quân đội. Nhận thức sâu sắc nhiệm vụ được giao, để lực lượng Quân đội tham gia nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc áp ứng yêu cầu đề ra, từ năm 2014 đến nay, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam đã làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện giáo dục Luật NDQT cho những quân nhân được tuyển chọn tham gia nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, trong đó tập trung trang bị cho quân nhân những kiến thức cơ bản của Luật NDQT, cách thức xử lý các tình huống nhân đạo trong thực hiện nhiệm vụ với nhiều hình thức, phương pháp phong phú, thiết thực phù hợp với từng đối tượng, như: Mời giảng viên trong nước và quốc tế lên lớp trực tiếp, tổ chức tập huấn, trao đổi, tọa đàm. Do đó, lực lượng quân nhân tham gia nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc được Liên hợp quốc, cộng đồng quốc tế và nhân dân các nước mà QĐNDVN thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình ghi nhận, đánh giá cao, góp phần củng cố, nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Vụ Pháp chế - BQP là cơ quan thuộc BQP, cơ quan nghiệp vụ đầu ngành về công tác pháp chế trong Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy về mọi mặt của QUTƯ, Bộ trưởng BQP về công tác pháp chế; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ Văn phòng BQP và Chánh Văn phòng BQP về công tác Đảng, công tác chính trị và hành chính quân sự. Nhận thức rõ trách nhiệm trong giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, những năm qua, Vụ Pháp chế BQP đã làm tốt công tác tham mưu giúp Thủ trưởng BQP, phối hợp chặt chẽ với Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước bằng

pháp luật đối với lĩnh vực gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc theo quy định của Luật NDQT và pháp luật Việt Nam; tổ chức quản lý tốt công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thẩm định, rà soát, hệ thống hoá, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện Luật NDQT; hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục Luật NDQT. Thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, theo dõi, quản lý việc thực hiện pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Cơ quan chính trị ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN, nhất là các đơn vị thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân; Quân chủng Hải quân, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong tham mưu, đề xuất, chỉ đạo, xây dựng chương trình, nội dung giáo dục Luật NDQT vào kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm; kịp thời cung cấp các tài liệu, đề cương giới thiệu các văn kiện cơ bản về Luật NDQT để quân nhân học tập, nghiên cứu; hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện giáo dục Luật NDQT cho quân nhân bằng nhiều hình thức, phương pháp như: Lên lớp tập trung, tập huấn, thi tìm hiểu Luật NDQT, ngày pháp luật trong Quân đội, sử dụng pano, khẩu hiệu, truyền thanh, cung cấp tài liệu về Luật NDQT góp phần quan trọng nâng cao nhận thức, kỹ năng xử lý các tình huống nhân đạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quân sự của quân nhân.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN được xác định là lực lượng nòng cốt, trực tiếp thực hiện giáo dục Luật NDQT cho quân nhân. Do đó, cấp ủy đảng các cấp, cán bộ chủ trì các cơ quan, đơn vị luôn quan tâm củng cố và bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ này. Công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cũng như bồi dưỡng các kỹ năng sư phạm, kỹ năng mềm cho đội ngũ này đã được thực hiện thường xuyên hơn. Mỗi khi có các văn bản quy phạm pháp luật mới về thực thi Luật NDQT được ban hành, đội

ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đều được tập huấn cập nhật những kiến thức nhất định phục vụ tốt hơn cho hoạt động giáo dục Luật NDQT. Tuyệt đại đa số đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở các cơ quan, đơn vị đã luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm, tích cực học tập, trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng, bước đầu bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng được nâng cao. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên, giáo viên pháp luật được qua đào tạo chính quy, có kiến thức chuyên môn về nhà nước và pháp luật, có kinh nghiệm qua hoạt động thực tiễn quân sự và hoạt động sư phạm; do đó, trong quá trình giảng dạy đã biết liên hệ thực tiễn gắn với hoạt động quân sự để chứng minh, làm dẫn chứng giúp người học dễ hiểu và nhanh chóng tiếp thu kiến thức về Luật NDQT ngay tại buổi học. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở các đơn vị đã tích cực, chủ động trong việc nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, kiến thức pháp luật, kỹ năng giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục Luật NDQT nói riêng; chuẩn bị và thực hiện tốt nội dung các chuyên đề giáo dục Luật NDQT được giao; tích cực viết tin, bài tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật NDQT, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục Luật NDQT, đăng Bản tin Pháp luật của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật BQP, báo, tạp chí trong Quân đội, phương tiện thông tin, truyền thông của cơ quan, đơn vị.

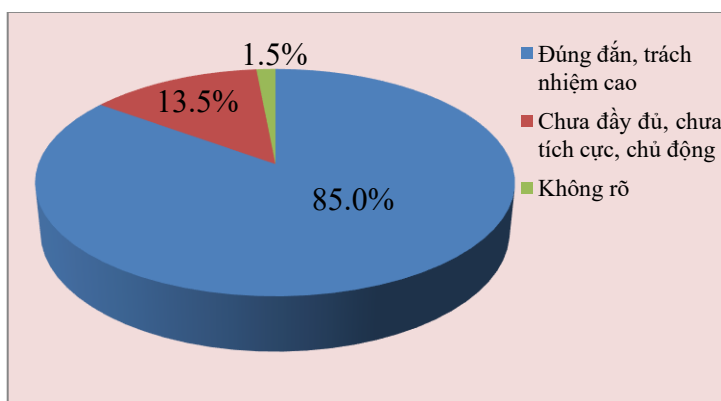
Đối với chủ thể SQ, QNCN, HSQ, BS ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN, nhất là các đơn vị thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân; Quân chủng Hải quân, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, Cục Giữ hòa bình Việt Nam. Trên cơ sở quán triệt, thực hiện các chủ trương, giải pháp của cấp trên, từ nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của giáo dục Luật NDQT, đặc biệt là vai trò vừa là đối tượng vừa là chủ thể của mình. Tuyệt đại đa số SQ, QNCN, HSQ, BS đã nêu cao trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu, tìm hiểu Luật NDQT, đã biến việc giáo dục Luật NDQT của các cấp ủy,

tổ chức đảng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên và cơ quan chính trị các cấp thành quá trình tự giáo dục Luật NDQT của bản thân. Bên cạnh đó, các đài phát thanh, truyền hình quốc gia, đài phát thanh, truyền hình địa phương và các đài phát thanh truyền hình quân đội cũng như các cơ quan báo chí trung ương, địa phương và quân đội đã phát hàng ngàn chương trình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật NDQT góp phần quan trọng giúp quân nhân nắm được những kiến thức cơ bản về Luật NDQT.

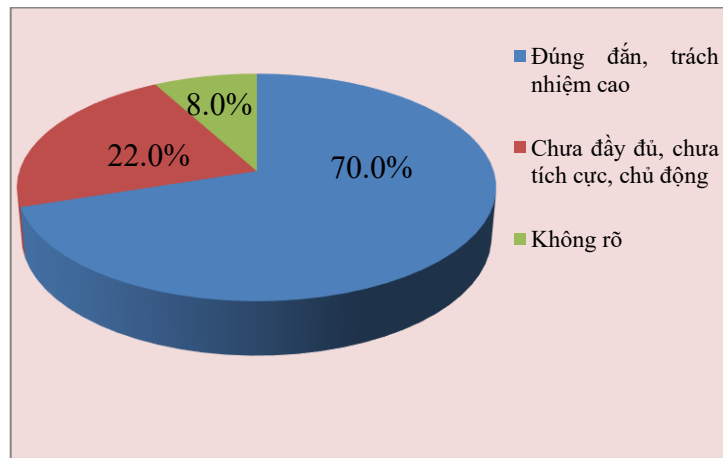
Nhìn chung, từ nhận thức đúng vị trí, vai trò của việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, các chủ thể giáo dục Luật NDQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng trong giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị. Vì vậy, hoạt động giáo dục Luật NDQT được triển khai nghiêm túc, kịp thời, đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và bám sát thực tiễn nhiệm vụ của đơn vị. Đây là ưu điểm nổi bật, phản ánh rõ những chuyển biến về nhận thức, thái độ, trách nhiệm của các chủ thể trong giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN [16].

Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 85,00% số cán bộ chủ trì; có 70,00% số SQ, QNCN, 78,00% HSQ, BS được hỏi cho rằng các chủ thể giáo dục Luật NDQT có nhận thức đúng đắn, trách nhiệm cao, được minh họa bằng các biểu đồ dưới đây:

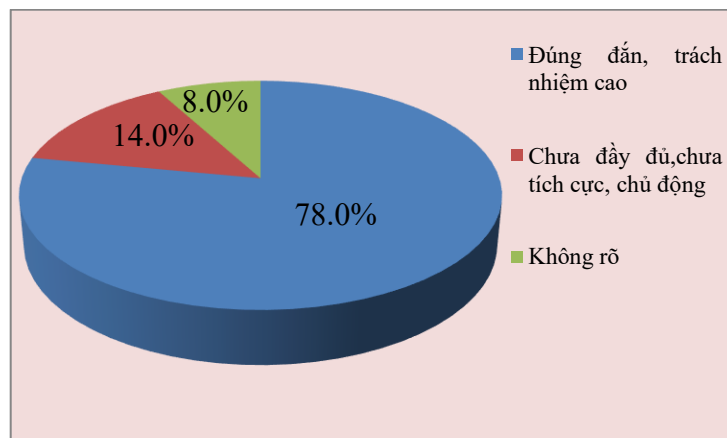
Biểu đồ 3.1. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về nhận thức, trách nhiệm của chủ thể giáo dục Luật NDQT ở đơn vị mình



Biểu đồ 3.2. Đánh giá của SQ, QNCN về nhận thức, trách nhiệm của chủ thể giáo dục Luật NDQT ở đơn vị mình



Biểu đồ 3.3. Đánh giá của HSQ, BS về nhận thức, trách nhiệm của chủ thể giáo dục Luật NDQT ở đơn vị mình



Thứ ba, nội dung giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam được thực hiện khá toàn diện, có hệ thống sát với từng đối tượng.

Để giáo dục Luật NDQT đạt hiệu quả, thiết thực nội dung giáo dục phải phù hợp với đối tượng, thời gian, hình thức, phương pháp giáo dục. Xác định đúng nội dung giáo dục là điều kiện tiên quyết để giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN có tính thiết thực và hiệu quả. Do đó, việc lựa chọn, phân bổ nội dung giáo dục cho phù hợp có ý nghĩa rất quan trọng. Bám sát mục đích giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, nội dung giáo dục Luật NDQT đã được các chủ thể quan tâm xây dựng đồng bộ, rộng khắp và có tính thực tiễn cao, gắn sát với đối tượng giáo dục, cụ thể như sau:

Một là, thường xuyên làm tốt việc giáo dục các văn kiện cơ bản của Luật NDQT. Cấp ủy, tổ chức đảng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN, nhất là các đơn vị thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân; Quân chủng Hải quân, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam, các đơn vị đóng quân trên địa bàn các tỉnh biên giới thuộc Quân khu 1, Quân khu 2, Quân khu 3, Quân khu 4, Quân khu 5, Quân khu 7, Quân khu 9 đã chủ động lựa chọn các văn kiện cơ bản của Luật NDQT gắn sát với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để giáo dục đến SQ, QNCN thuộc quyền góp phần quan trọng giúp họ có nhận thức tổng quan, khái quát về Luật NDQT, thấy được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc nghiên cứu, học tập các quy định của Luật NDQT đối với thực tiễn thực hiện nhiệm vụ quân sự. Theo thống kê kết quả phổ biến các văn kiện Luật NDQT của Cục Dân vận từ năm 2011 đến nay, các cơ quan, đơn vị trong toàn quân đã tập trung phổ biến, giáo dục 20 văn kiện cơ bản bao gồm: Công ước Geneva về cải thiện tình trạng của những binh sĩ bị ốm, bị thương trên chiến trường, 1864; Công ước liên quan đến các quyền và nghĩa vụ của các bên trung lập trong chiến tranh trên biển, 1907; Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng, 1948; Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về cải thiện điều kiện của những người bị thương và bị bệnh thuộc các lực lượng vũ trang trên chiến trường; Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về cải thiện điều kiện của những người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu thuộc các lực lượng vũ trang trên biển; Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc đối xử với tù binh; Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ dân thường trong chiến tranh; Công ước La-hay bảo vệ các tài sản văn hóa khi xảy ra xung đột vũ trang, 1954; Công ước về việc không áp dụng thời hiệu đối với tội phạm chiến tranh và tội phạm chống nhân loại, 1968; Công ước về cấm phát triển, sản xuất và tàng trữ các loại vũ khí vi trùng (sinh học) và vũ khí độc hại cũng như về sự hủy diệt của các loại vũ khí đó, 1972; Công ước quốc tế về chống tuyến mộ,

sử dụng, tài trợ và đào tạo lính đánh thuê, 1989; Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng các loại vũ khí hóa học và về sự hủy diệt của chúng, 1993; Công ước về bảo đảm an toàn cho nhân viên Liên hợp quốc và những người có liên quan, 1994; Nghị định thư về cấm hoặc hạn chế sử dụng mình, bẫy chông và các loại vũ khí khác (Nghị định thư II được sửa đổi đối với Công ước năm 1980), 1996; Nghị định thư (I) bổ sung các Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế, 1977; Nghị định thư (II) bổ sung các Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang không có tính chất quốc tế, 1977; Nghị định thư liên quan tới các loại vũ khí la-de gây mù mắt (Nghị định thư IV mới đối với Công ước 1980), 1995; Nghị định thư (II) của Công ước Lahay về bảo vệ tài sản văn hóa trong trường hợp xung đột vũ trang, 1999; Nghị định thư không bắt buộc kèm theo Công ước về quyền trẻ em, về sử dụng trẻ em trong xung đột vũ trang, 2000; Quy chế Rô-m về Tòa án Hình sự quốc tế, 1998 [Phụ lục 4].

Hai là, thường xuyên làm tốt việc giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT. Trên cơ sở giáo dục cho đội ngũ quân nhân về các văn kiện cơ bản của Luật NDQT. Để quân nhân nắm được những kiến thức cơ bản về Luật NDQT, có kỹ năng, hành vi xử sự theo đúng quy định của Luật NDQT trong thực hiện nhiệm vụ quân sự. Cấp ủy, tổ chức đảng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở các cơ quan, đơn vị đã chủ động giáo dục cho quân nhân nắm được những nội dung cơ bản của Luật NDQT gắn sát với nhiệm vụ của đơn vị, chức trách, nhiệm vụ của từng quân nhân, như:

Giáo dục chung cho quân nhân nắm được khái niệm, vị trí, vai trò, mục tiêu, nguyên tắc cơ bản, lịch sử hình thành, phát triển, nguồn và phạm vi áp dụng, các đối tượng được bảo hộ trong Luật NDQT; Những quy tắc chung về giới hạn sử dụng các phương pháp và phương tiện chiến tranh, khái niệm các mục tiêu quân sự, các mục tiêu dân sự, phân biệt chiến binh với cá nhân dân sự và thường dân, những phương pháp chiến tranh bị cấm

nhằm bảo vệ thường dân và các mục tiêu dân sự, những giới hạn về quyền lựa chọn các phương tiện chiến tranh bao gồm: Cấm phát triển, tàng trữ, sử dụng và thủ tiêu các loại vũ khí sinh học, cấm và hạn chế sử dụng các vũ khí thông thường gây sát thương quá đáng, không cần thiết hoặc không phân biệt, vấn đề cấm sản xuất và sử dụng vũ khí hạt nhân, vấn đề xử lý vật liệu nổ còn dư sau chiến tranh. Giáo dục tốt trách nhiệm, nghĩa vụ và kỹ năng thực hành của quân nhân theo Luật nhân đạo quốc tế, như: Nghĩa vụ của quân nhân trong việc tôn trọng và bảo vệ con người trong chiến tranh và hoạt động quân sự; kỹ năng nhận diện tình huống, đánh giá đúng - sai trong hành vi quân sự liên quan đến Luật NDQT; kỹ năng ứng xử đúng pháp luật khi bắt giữ tù binh, tiếp xúc với dân thường, xử lý mục tiêu quân sự - phi quân sự; biện pháp phòng ngừa vi phạm Luật NDQT trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu.

Giáo dục cho quân nhân nắm được bảo vệ các tài sản văn hóa trong trường hợp xung đột vũ trang trong Luật quốc tế trước năm 1954, Công ước Lahay năm 1954 và các nghị định tư bổ sung về bảo vệ tài sản văn hóa trong trường hợp xung đột vũ trang; khái niệm, biểu tượng phân biệt các tài sản văn hóa, những nguyên tắc cơ bản về bảo vệ tài sản văn hóa trong bối cảnh xung đột vũ trang theo Công ước Lahay và các nghị định thư bổ sung; trách nhiệm hình sự và thẩm quyền tài phán với những vi phạm các quy tắc về bảo vệ tài sản văn hóa trong bối cảnh xung đột vũ trang.

Giáo dục cho quân nhân nắm được sự phát triển của những quy tắc về bảo vệ những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu trong Luật NDQT; khái niệm người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu; những nguyên tắc về bảo vệ các nhân viên y tế, đơn vị y tế và phương tiện vận chuyển y tế; khái quát về sự phát triển của Luật NDQT về đối xử với tù binh, khái niệm tù binh, những nguyên tắc về bảo vệ và đối xử với tù binh; khái quát về vấn đề bảo vệ thường dân trong chiến tranh, bảo vệ dân thường khỏi ảnh hưởng của chiến sự, bảo vệ thường dân trong các lãnh thổ đối phương hoặc bị đối phương chiếm đóng.

Giáo dục cho quân nhân nắm được một số nội dung cơ bản của Luật về xung đột vũ trang không mang tính chất quốc tế, như: Nguồn và các nguyên tắc áp dụng của Luật về xung đột vũ trang không mang tính chất quốc tế; những nội dung cơ bản của Luật về xung đột vũ trang không mang tính chất quốc tế, bao gồm, những đối tượng được bảo hộ, bảo vệ những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu, bảo vệ những nhân viên y tế và tôn giáo, bảo vệ những đơn vị y tế và phương tiện vận chuyển y tế, bảo vệ thường dân, bảo vệ các công trình chứa sức mạnh nguy hiểm và các tài sản văn hóa.

Riêng đối với lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển ngoài những nội dung đã được giáo dục ở trên còn được giáo dục cho quân nhân nắm được lịch sử phát triển của Luật xung đột vũ trang trên biển, các quy tắc về những khu vực chiến sự trên biển, các nguyên tắc của luật quốc tế áp dụng với xung đột vũ trang trên biển, giới hạn về sử dụng các phương tiện và phương pháp chiến tranh trong các cuộc xung đột vũ trang trên biển, bảo vệ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang trên biển. Đối với lực lượng Không quân được giáo dục khái quát về luật về xung đột vũ trang áp dụng trong việc sử dụng không quân, các quy tắc bảo vệ một số loại máy bay trong thời gian xung đột vũ trang, như: Bảo vệ máy bay y tế; bảo vệ máy bay dân dụng; bảo vệ các nạn nhân trên các máy bay y tế và máy bay dân dụng trong xung đột vũ trang.

Bên cạnh việc chú trọng giáo dục các nội dung cơ bản của Luật NDQT cho quân nhân, cấp ủy, tổ chức đảng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở các cơ quan, đơn vị đã chủ động giáo dục cho quân nhân nắm được cơ chế thực hiện Luật NDQT, nghĩa vụ của các quốc gia trong việc đảm bảo sự tôn trọng Luật NDQT, trách nhiệm pháp lý của cá nhân đối với Luật NDQT và cơ chế xử lý những vi phạm Luật NDQT do cá nhân gây ra. Để nâng cao kỹ năng, hành vi tuân thủ Luật NDQT, cấp ủy, tổ chức đảng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở các cơ quan, đơn vị đã kết hợp với huấn luyện bổ sung các nội dung như: Kỹ năng sinh tồn, chiến đấu bảo vệ đơn vị, cấp cứu

chấn thương quốc tế, vận chuyển y tế đường không, nhận thức bom mìn, vật liệu nổ, phòng chống cháy nổ, công tác phân tích tình báo, công tác dân vận, nghiệp vụ báo chí, công tác truyền thông cơ bản, huấn luyện bổ túc kíp xe...[29]. Từ đó, nâng cao kiến thức, hiểu biết về Luật NDQT, hình thành niềm tin, thái độ đúng đắn, hành vi tuân thủ, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết trong thực thi các quy định của Luật NDQT và xử lý các tình huống nhân đạo trong thực hiện nhiệm vụ quân sự của quân nhân.

Ba là, thường xuyên làm tốt việc giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam; chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT. Những năm qua, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN đã thường xuyên giáo dục cho quân nhân trong đơn vị về đạo lý truyền thống khoan dung, nhân đạo của người Việt Nam. Do đó, quân nhân trong QĐNDVN đã nhận thức và hiểu sâu sắc rằng: Việt Nam là một dân tộc văn hiến với nhiều truyền thống quý báu. Trong đó, nổi bật là truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo, khoan dung. Yêu hòa bình, khoan dung, nhân đạo là mạch nguồn xuyên suốt trong cách nghĩ và lối sống của người Việt Nam. Vì lòng nhân ái, nên người Việt Nam biết rộng lượng, khoan dung. Khoan dung là bản tính của con người Việt Nam, nhân đạo, khoan dung là nguồn gốc dân đến khát vọng hòa bình của cả dân tộc. Do đó, hiểu rõ tính nhân văn và giá trị thực tiễn của Luật NDQT nên Nhà nước Việt Nam đã sớm trở thành thành viên của công ước cốt lõi về Luật NDQT. Bên cạnh việc giáo dục cho quân nhân về truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở các cơ quan, đơn vị đã chú trọng giáo dục cho quân nhân về chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thực thi Luật NDQT, cụ thể: Giáo dục cho quân nhân nắm được chính sách đối xử với tù, hàng binh của Việt Nam trong suốt 30 năm chiến tranh chống

sự xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn thi hành chính sách, nhân đạo, khoan hồng đối với tù hàng binh đối phương, làm hết sức mình để bảo vệ tính mạng, tài sản và các điều kiện sinh hoạt, học tập, lao động, rèn luyện cho tù hàng binh.

Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở các cơ quan, đơn vị đã tích cực, chủ động giáo dục cho quân nhân nhận thức sâu sắc Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng và thực hiện các cam kết quốc tế, các quy định của Luật NDQT, nhiều quy định của Luật NDQT được cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam, như: Bộ luật hình sự hiện hành là văn bản pháp luật được cụ thể hóa với nhiều tội danh gắn với các khung hình phạt đối với những hành vi tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm của người bị bắt, giữ, giam, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm (khoản 3, Điều 157); Người nào có trách nhiệm mà cố ý bỏ thương binh, tử sĩ tại trận địa hoặc không chăm sóc, cứu chữa thương binh dẫn đến không tìm thấy thương binh, tử sĩ hoặc thương binh bị chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: Là chỉ huy hoặc sĩ quan; đối với 02 thương binh hoặc 02 tử sĩ trở lên (Điều 417); Người nào ngược đãi tù binh, hàng binh, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm (Điều 420); Người nào tuyên truyền, kích động chiến tranh xâm lược hoặc chuẩn bị, tiến hành, tham gia chiến tranh xâm lược nhằm chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền khác, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, kể cả hành vi phạm tội trong trường hợp do bị ép buộc hoặc do thi hành mệnh lệnh của cấp trên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm (Điều 421); Người nào trong thời bình hay

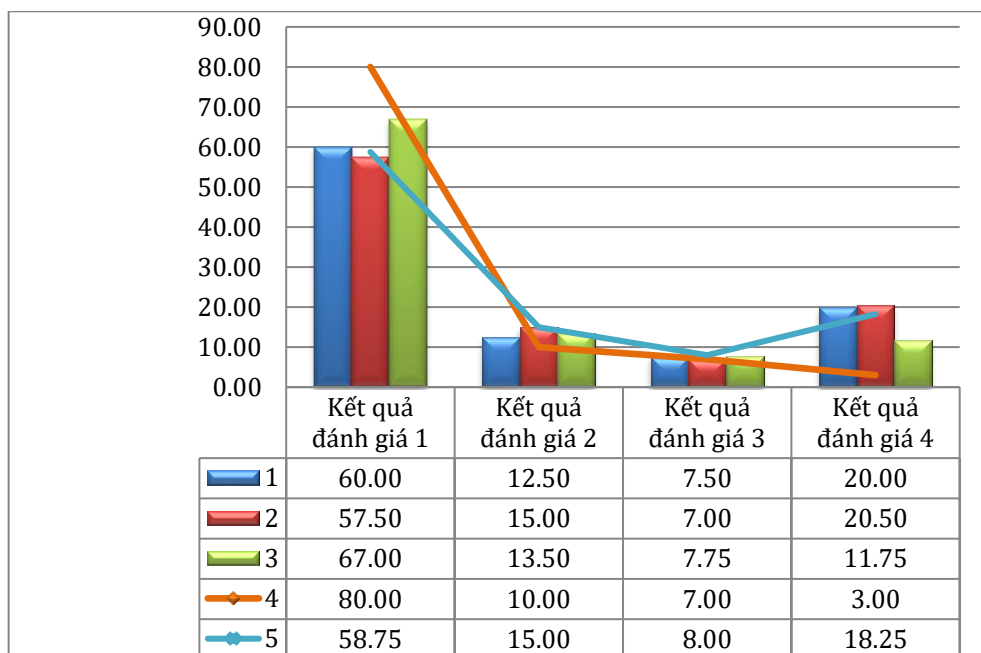
trong chiến tranh mà thực hiện hành vi tiêu diệt hàng loạt dân cư của một khu vực, phá hủy nguồn sống, phá hoại cuộc sống văn hóa, tinh thần của một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền, làm đảo lộn nền tảng của một xã hội nhằm phá hoại xã hội đó hoặc thực hiện hành vi diệt chủng khác hoặc thực hiện hành vi diệt sinh, diệt môi trường tự nhiên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Phạm tội trong trường hợp do bị ép buộc hoặc do thi hành mệnh lệnh của cấp trên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm (Điều 422); Người nào trong thời kỳ chiến tranh mà ra lệnh hoặc trực tiếp tiến hành việc giết hại dân thường, người bị thương, tù binh, cướp phá tài sản, tàn phá các nơi dân cư, sử dụng các phương tiện hoặc phương pháp chiến tranh bị cấm hoặc thực hiện hành vi khác vi phạm nghiêm trọng pháp luật quốc tế hoặc các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Phạm tội trong trường hợp do bị ép buộc hoặc do thi hành mệnh lệnh của cấp trên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm (Điều 423); Người nào tuyển mộ, huấn luyện hoặc sử dụng lính đánh thuê nhằm chống lại một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân (Điều 424); Người nào làm lính đánh thuê nhằm chống một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 15 năm (Điều 425). Trên cơ sở đó quân nhân nắm được các quy định này, để xây dựng động cơ, thái độ, hành vi xử sự đúng đắn trong thực hiện các nhiệm vụ quân sự, nhất là thực hiện nhiệm vụ trên biên giới đất liền, trên biển, trên không và tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

Bốn là, thường xuyên làm tốt việc giáo dục cho quân nhân dân diện âm mưu, thủ đoạn, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động về việc thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN. Những năm qua, cấp ủy, tổ chức đảng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở các

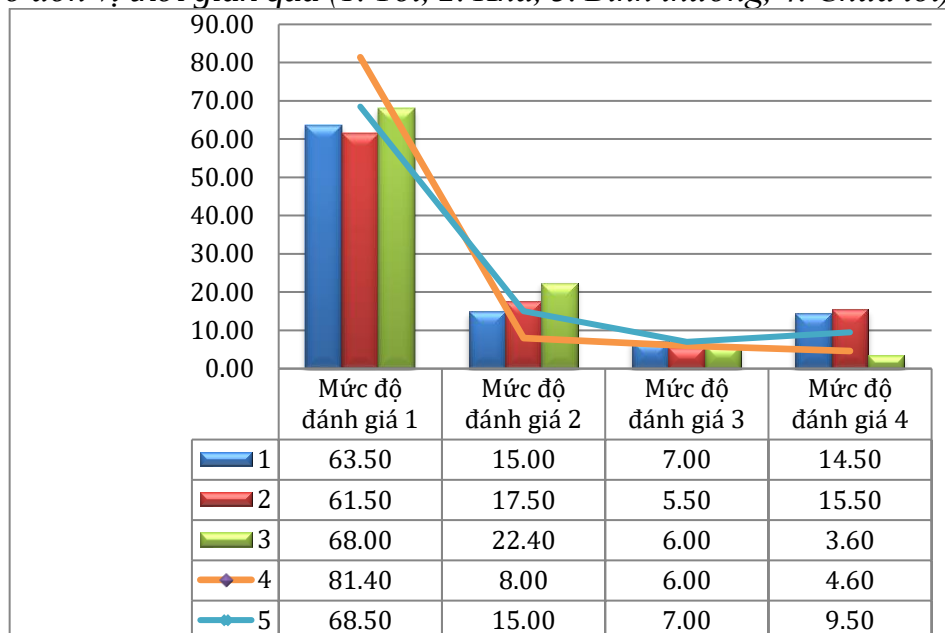
cơ quan, đơn vị đã thường xuyên nâng cao nhận thức đúng về các vấn đề chính trị - xã hội thế giới, khu vực, trong nước, tác động tiêu cực từ mặt trái nền kinh tế thị trường, xu thế toàn cầu hóa, sự phát triển bùng nổ của mạng xã hội; thường xuyên giáo dục cảnh giác với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động về nhiệm vụ tham gia gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN. Qua đó, giúp quân nhân có nhận thức đúng đắn, không ngừng phát triển năng lực khai thác, phân tích, nhận định các thông tin cả tích cực, tiêu cực và đề cao cảnh giác, ngăn ngừa sự tác động của các thông tin xấu độc, nâng cao khả năng phê phán, kiên quyết đấu tranh với âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc QĐNDVN thực thi các nhiệm vụ NDQT theo quy định của Luật NDQT.

Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học đánh giá cho thấy, đa số cán bộ chủ trì, SQ, QNCN, HSQ, BS đánh giá khá, tốt việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua, được minh họa bằng các biểu đồ dưới đây:

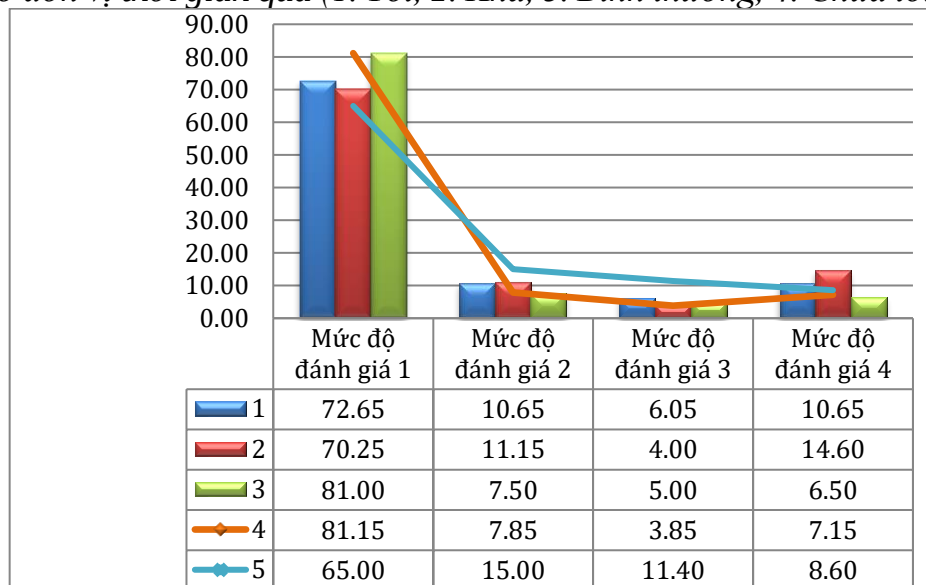
Biểu đồ 3.4. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Biểu đồ 3.5. Đánh giá của SQ, QNCN về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Biểu đồ 3.6. Đánh giá của HSQ, BS về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Chú thích:

	1. Giáo dục các văn kiện cơ bản về Luật NDQT
	2. Giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT
	3. Giáo dục quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT
	4. Giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam
	5. Giáo dục về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc tham gia gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN

Thứ tư, hình thức, phương pháp giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam được sử dụng phong phú, đa dạng, kịp thời mang lại kết quả tích cực trong thực tiễn.

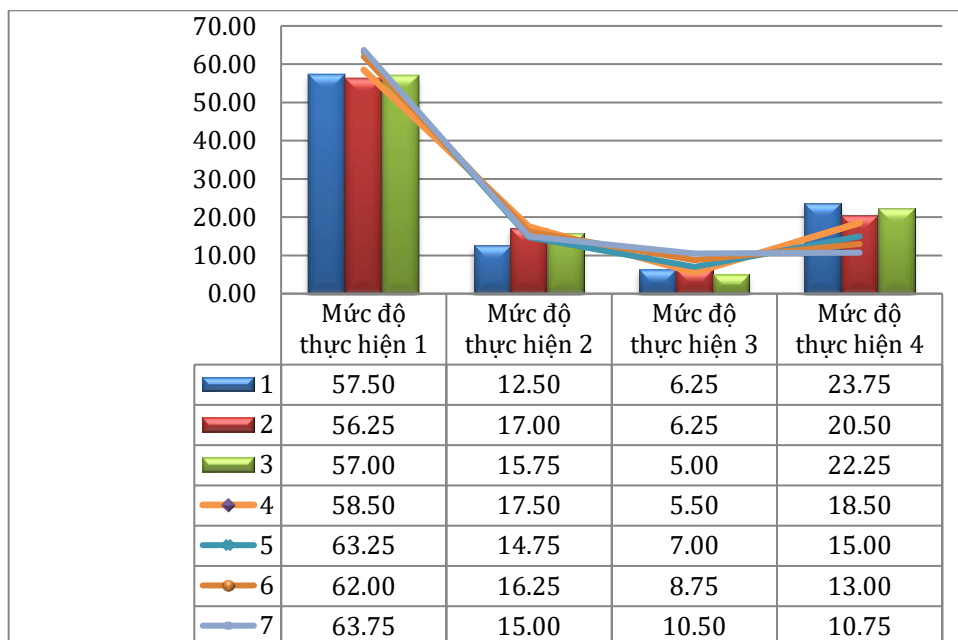
Trên cơ sở nhận thức rõ vai trò của hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, các chủ thể giáo dục đã lựa chọn, tổ chức các hình thức, phương pháp giáo dục bảo đảm được tính khoa học, thực tiễn, phù hợp với đặc điểm trình độ của các chủ thể và đối tượng, đặc điểm của đơn vị trong từng thời điểm, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, tránh máy móc giáo điều hay áp đặt. Thực tiễn cho thấy, các hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đã được triển khai thường xuyên theo các mức độ khác nhau, gắn với các nội dung cụ thể, cho kết quả cao.

Một là, hình thức giáo dục Luật NDQT được thực hiện rất đa dạng, tiến hành đồng bộ và thường xuyên như: Tổ chức lên lớp trực tiếp cho quân nhân về các quy tắc chiến tranh, các điều ước về bảo hộ nhân đạo đối với nạn nhân chiến tranh; nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tập bài về những tình huống được nêu ra; tập huấn, hướng dẫn, diễn đàn, thi tìm hiểu Luật NDQT; cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT; thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, mạng thông tin điện tử toàn cầu, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị; thông qua “Ngày pháp luật” trong Quân đội, tủ sách “Pháp luật” và các hoạt động giáo dục khác; phối hợp với Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế nói chung, khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á nói riêng tổ chức nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN và giảng viên, giáo viên giảng dạy pháp luật ở các học viện, nhà trường quân đội; cử sĩ quan tham dự tập huấn, hội thảo về Luật NDQT do Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế tổ chức; in ấn, phát hành nhiều tài liệu tuyên truyền về Luật NDQT. Qua đó, giúp quân nhân nhận thức, kiến thức về Luật NDQT, thấy

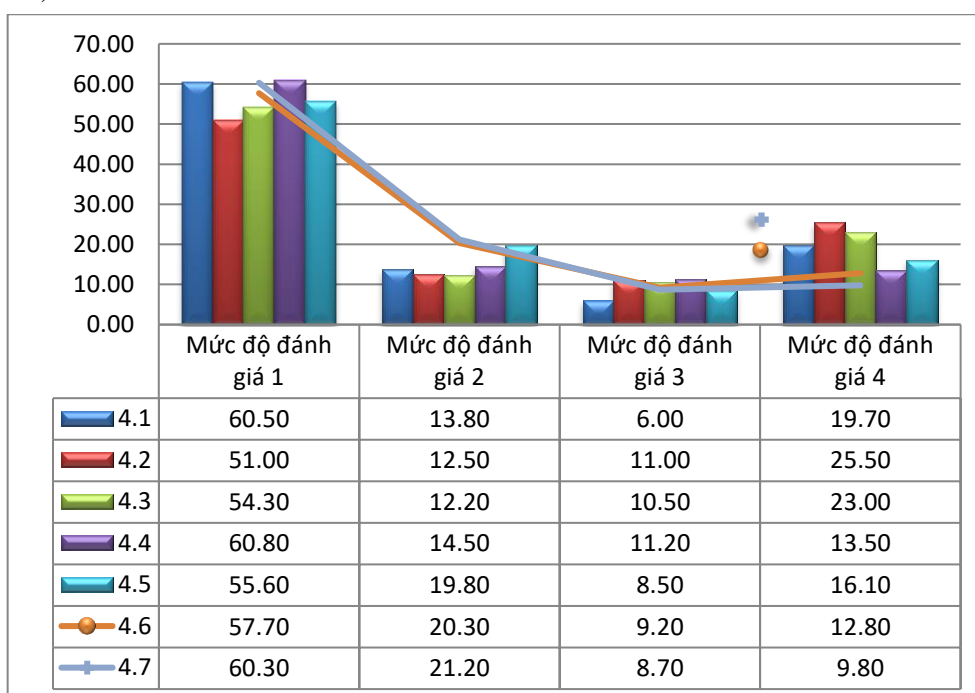
được việc tham gia Luật NDQT hoàn toàn phù hợp với truyền thống nhân đạo của dân tộc Việt Nam; nhất quán với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Từ năm 2011 đến nay Cục Dân vận đã mở 15 lớp tập huấn về Luật NDQT cho 441 lượt sĩ quan cho các đơn vị thuộc lực lượng Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, giảng viên các nhà trường quân đội [26]. Tính đến tháng 11 năm 2024, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam đã huấn luyện về Luật NDQT cho 1700 lượt SQ, QNCN cho 06 thê đội bệnh viện dã chiến cấp 2 và 03 thê đội công Đội công binh; phối hợp với Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Ôt-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Pháp tổ chức 30 khóa đào tạo tiếng Anh, 03 khóa tiếng Pháp cho 548 cán bộ sĩ quan tham gia gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc; cử 311 cán bộ sĩ quan tham gia 182 khóa huấn luyện, hội nghị, hội thảo chuyên sau tại 34 quốc gia. Tổ chức thành công 03 khóa vận hành trang bị công binh hạng nặng vào năm 2018, 2019, 2020 trong khuôn khổ Chương trình đối tác ba bên giữa Liên hợp quốc, Nhật Bản và Việt Nam. Tổ chức thành công 02 cuộc diễn tập quốc tế có quy mô lớn và tính chất phức tạp, gồm: Diễn tập thực địa cuối chu kỳ nhóm chuyên gia gìn giữ hòa bình chu kỳ 4 (2021-2023), có sự tham gia trực tiếp của 371 người đến từ 18 quốc gia thành viên và 01 quốc gia quan sát viên; diễn tập song phương giữa Việt Nam và Ấn độ về gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc trên sa bàn năm 2018, 2019, trên thực địa năm 2022, 2023, 2024 [27, 29].

Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, đa số cán bộ chủ trì, SQ, QNCN, HSQ, BS được hỏi có đánh giá khá, tốt về việc thực hiện hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua, được minh họa bằng các biểu đồ dưới đây:

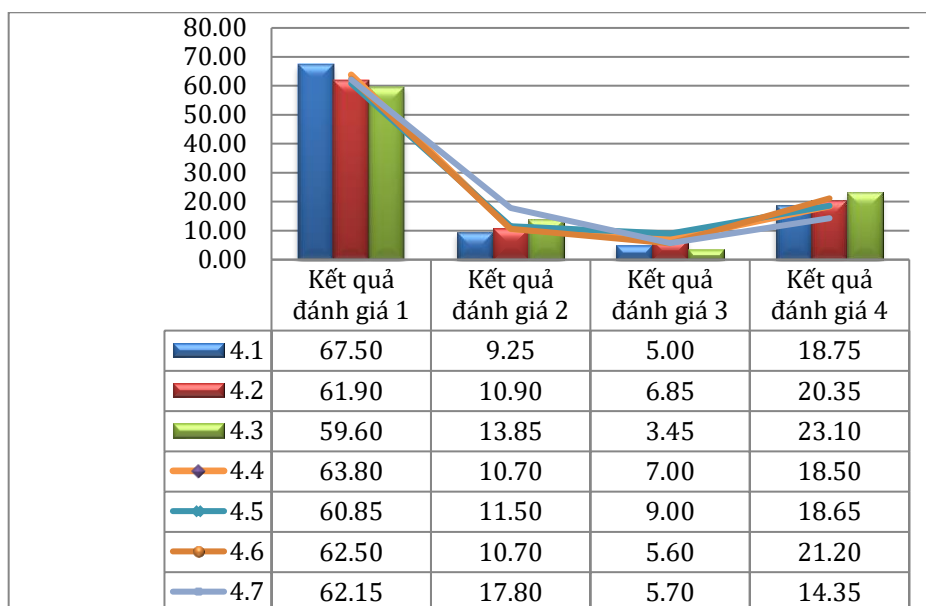
Biểu đồ 3.7. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Biểu đồ 3.8. Đánh giá của SQ, QNCN về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Biểu đồ 3.9. Đánh giá của HSQ, BS về thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Chú thích:

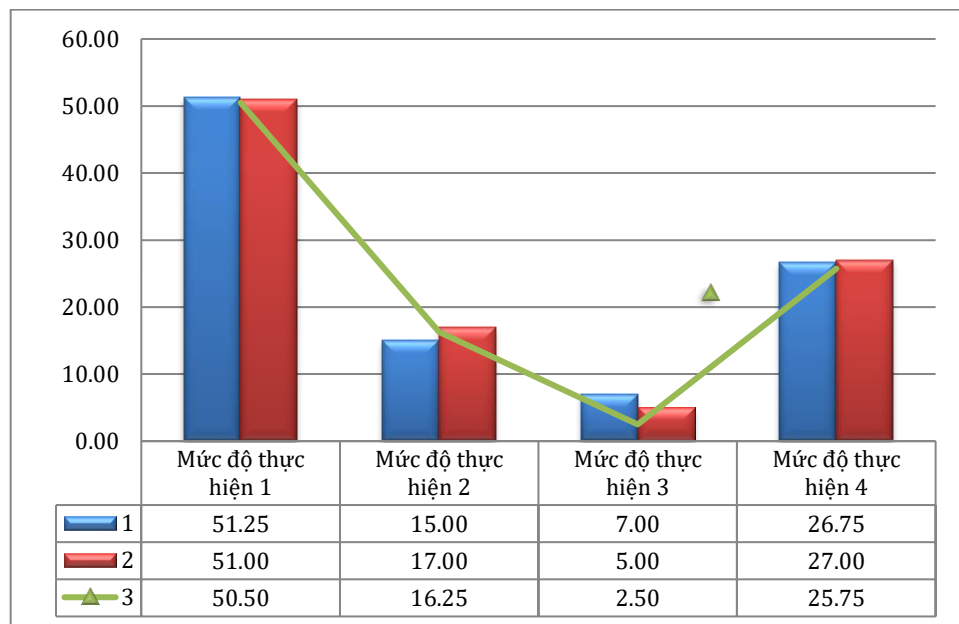
	1. Tổ chức lên lớp tập trung trực tiếp
	2. Nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tập bài tình huống về Luật NDQT
	3. Cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT
	4. Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị
	5. Thi tìm hiểu, diễn đàn, tọa đàm về Luật NDQT
	6. Thông qua “Ngày pháp luật”, tủ sách “Pháp luật”
	7. Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật NDQT

Hai là, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đã được các đơn vị trong QĐNDVN quan tâm thực hiện thường xuyên và được tiến hành tích cực, linh hoạt, có hiệu quả. Nhận thức sâu sắc phương pháp giáo dục đóng vai trò rất quan trọng, các kiến thức về Luật NDQT được quân nhân lĩnh hội phần lớn phụ thuộc vào phương pháp truyền tải của chủ thể giáo dục. Do đó, các chủ thể giáo dục đã vận dụng, linh hoạt, sáng tạo các phương pháp giáo dục Luật NDQT, như: Sử dụng các phương pháp diễn giảng, đàm thoại, tranh luận, nêu gương tác động vào ý thức của quân nhân, làm cho quân nhân hình thành và chuyển biến về nhận thức, tình cảm, thái độ, niềm tin, thói

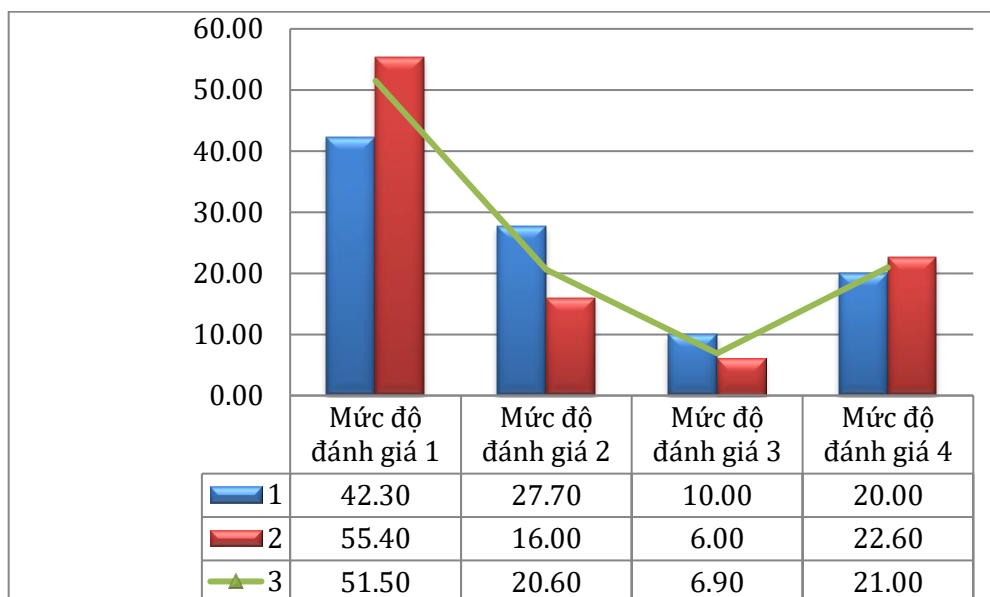
quen, hành vi phù hợp với các quy định của Luật NDQT; sử dụng các phương pháp giao công việc, tập luyện thói quen, rèn luyện và tạo tình huống nhằm hình thành hành vi, thói quen hành vi của quân nhân. Trong đó, chú trọng phương pháp tạo tình huống, bằng việc đưa ra các tình huống có thật hoặc tình huống giả định liên quan đến các quy định của Luật NDQT, đặt ra câu hỏi để người học thảo luận, phân tích các vấn đề liên quan giúp người học củng cố kiến thức về Luật NDQT, kỹ năng, hành động khi tham gia các nhiệm vụ, nhất là nhiệm vụ tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Ngoài ra, các chủ thể giáo dục kết hợp nhuần nhuyễn phương pháp thi đua, khen thưởng và xử phạt nhằm kích thích khuynh hướng tự khẳng định ở mỗi quân nhân, thúc đẩy họ phấn đấu thực hiện tốt Luật NDQT.

Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, đa số cán bộ chủ trì, SQ, QNCN, hạ sĩ quan, chiến sĩ được hỏi có đánh giá khá, tốt về việc thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua, được minh họa bằng các biểu đồ dưới đây:

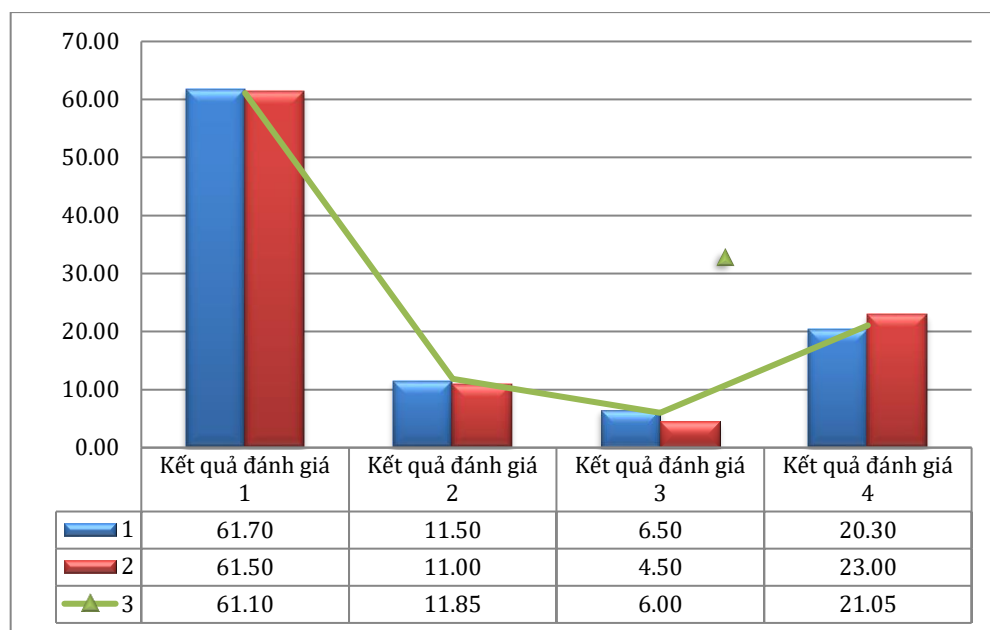
Biểu đồ 3.10. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Biểu đồ 3.11. Đánh giá của SQ, QNCN về thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Biểu đồ 3.12. Đánh giá của HSQ, BS về thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Chú thích:

■	1. Nhóm phương pháp tác động vào ý thức quân nhân
■	2. Nhóm phương pháp hình thành hành vi và thói quen hành vi của đối tượng giáo dục
▲	3. Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử của đối tượng giáo dục

Nhìn chung, nhờ sự phong phú, đa dạng về hình thức, phương pháp tiến hành, mà giáo dục Luật NDQT ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN đã thực sự đi vào chiều sâu, lôi cuốn được đông đảo các lực lượng tham gia; thông qua đó, kịp thời nắm bắt, phát hiện, giải quyết những vướng mắc của quân nhân khi tham gia nhiệm vụ nhân đạo, góp phần nâng cao nhận thức, xây dựng thái độ, hành vi chuẩn mực, ngăn chặn, hạn chế các vụ việc vi phạm các quy định của Luật NDQT, đồng thời, phát huy truyền thống khoan dung, nhân đạo của QĐNDVN anh hùng [17, 27, 29].

Thứ năm, nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật nhân đạo quốc tế của quân nhân được giáo dục Luật nhân đạo quốc tế thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực.

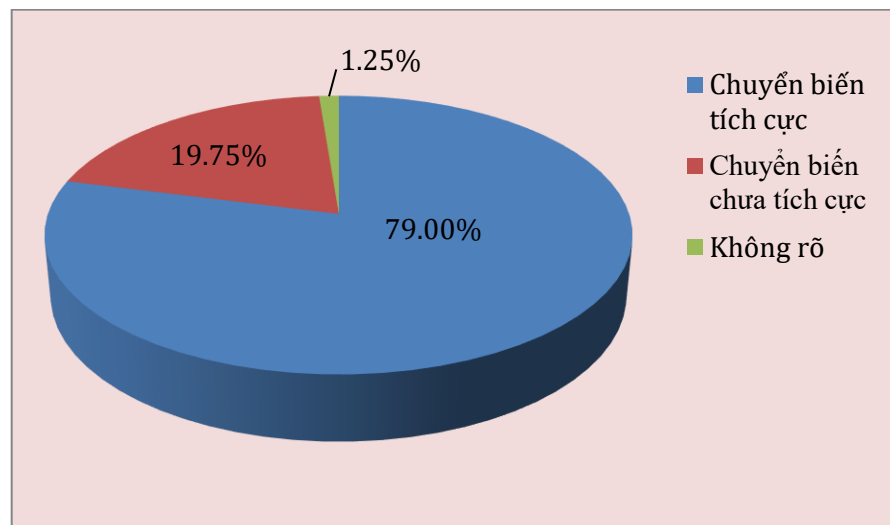
Thông qua giáo dục Luật NDQT của các chủ thể giáo dục đã góp phần làm chuyển biến về nhận thức và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân, trực tiếp góp phần xây dựng QĐNDVN cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, thực hiện nghĩa vụ quốc tế, nhất là nhiệm vụ tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc và thực hiện các nhiệm vụ nhân đạo khác.

Đối với kiến thức hiểu biết về Luật NDQT của quân nhân sau khi được giáo dục. Đa số quân nhân ngày càng nhận thức sâu sắc hơn quan điểm, đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước; nắm vững các cam kết, chủ trương thực hiện các biện pháp hòa bình để giải quyết tranh chấp quốc tế, trong đó có cam kết thực hiện các điều ước của Luật NDQT. Đa số quân nhân đều phát huy được tính tích cực, sáng tạo; tích cực học tập, rèn luyện, nhận thức trách nhiệm và kết quả kiểm tra nhận thức về các quy định của Luật NDQT ngày càng được nâng lên qua từng năm đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra. Đa số quân nhân có nhận thức ngày càng toàn diện, có ý chí quyết tâm cao, chủ động khắc phục khó khăn trong rèn luyện kỷ luật, ý thức cao trong học tập và rèn luyện nâng cao kiến thức cơ bản về chính sách, pháp

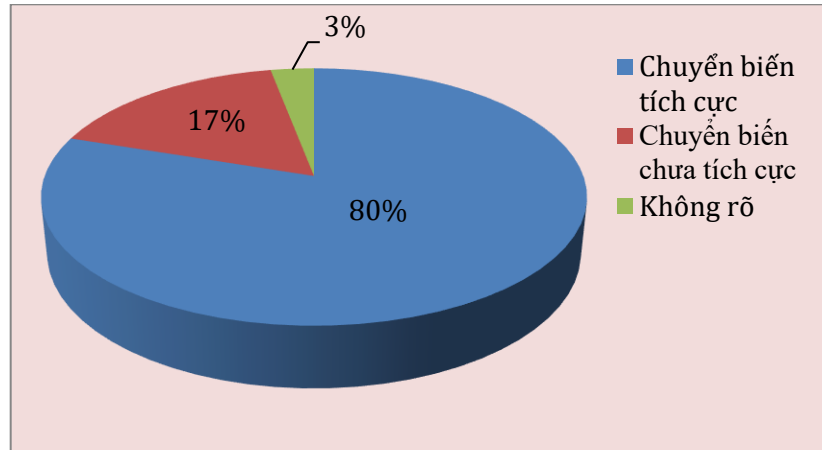
luật của Nhà nước, của Quân đội trong thực thi Luật NDQT; có ý thức tôn trọng, tuân thủ, hành động theo các quy định của Luật NDQT, giáo dục người khác chấp hành các quy định của Luật NDQT; nắm được khung pháp lý đối với việc sử dụng vũ lực, phân biệt các loại xung đột và cách áp dụng; những nguyên tắc cơ bản của Luật NDQT và cách áp dụng khi triển khai khi xảy ra chiến sự, thông qua các bài tập, tình huống, nhất là quân nhân tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc [17, 27].

Bên cạnh đó, sự chuyển biến về nhận thức của quân nhân còn được thể hiện ở việc đa số quân nhân được giáo dục Luật NDQT đã tự giác, tích cực, chủ động tìm hiểu Luật NDQT thông qua các tài liệu được các chủ thể giáo dục Luật NDQT cung cấp hoặc thông các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội. Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, đa số cán bộ chủ trì, SQ, QNCN, HSQ, BS được hỏi có đánh giá khá, tốt về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân ở đơn vị, được minh họa bằng các biểu đồ dưới đây:

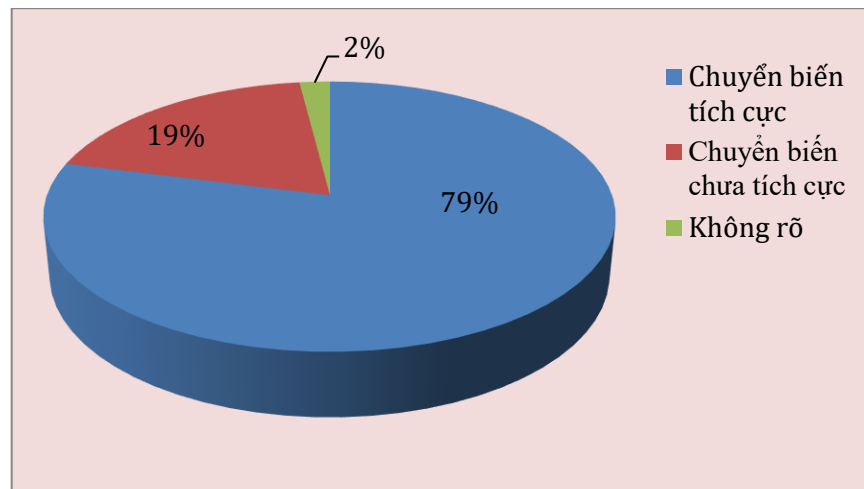
Biểu đồ 3.13. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.



Biểu đồ 3.14. Đánh giá của SQ, QNCN về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.



Biểu đồ 3.15. Đánh giá của HSQ, BS về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.



Nhìn chung, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đã có những kết quả nhất định trong việc nâng cao nhận thức, thái độ, tình cảm, niềm tin, hình thành thói quen, hành vi xử sự của quân nhân đối với các quy định của Luật NDQT, nêu cao tình yêu quê hương, đất nước, phát huy truyền thống khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam, của QĐNDVN; đồng thời, không ngừng được củng cố, tăng cường sự tin tưởng tuyệt đối của quân nhân với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của QĐNDVN trong thực thi Luật NDQT.

3.2.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Một là, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước, Đảng ta luôn dành sự quan tâm đến hội nhập quốc tế, thực hiện các cam kết quốc tế; luôn nỗ lực ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ, đảm bảo quyền con người, đặc biệt luôn đề cao và dành nhiều ưu tiên cho thực hiện các quy định, chuẩn mực của Luật NDQT. Đảng đã đề ra nhiều chủ trương, đường lối về đối ngoại quốc tế, đối ngoại quốc phòng, thực hiện các cam kết quốc tế; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội và Nhân dân thực hiện nghiêm các quy định của Luật NDQT. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực thi Luật NDQT, đồng thời xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức đảng, đảng viên có biểu hiện xem nhẹ việc thực thi Luật NDQT, có hành vi vi phạm pháp luật các quy định của Luật NDQT.

Thấy rõ được vị trí, vai trò quan trọng của việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, QUTƯ, BQP, Tổng cục Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động giáo dục Luật NDQT, đã kịp thời ban hành những văn bản hướng dẫn thi hành hoạt động giáo dục Luật NDQT; chỉ đạo xây dựng nội dung, chương trình giáo dục, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác huấn luyện và giảng viên, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giáo dục Luật NDQT cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; tăng cường công tác phối hợp, hợp tác quốc tế trong giáo dục Luật NDQT; thường xuyên kiểm tra hoạt động giáo dục Luật NDQT để tìm ra những nguyên nhân hạn chế, từ đó đề ra những chủ trương, giải pháp khắc phục hạn chế trong giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Chính nhờ sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của

QUTU', BQP, Tổng cục Chính trị, Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN mà giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

Hai là, hệ thống các văn bản về phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế nói riêng từng bước được bổ sung, hoàn thiện.

Nhìn chung, trong những năm qua, hệ thống văn bản về phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục Luật NDQT từng bước được bổ sung, đồng bộ, hoàn thiện, như: Quyết định 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; Quyết định 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật; Thông tư liên tịch 30/2010/TTLT-BGDĐT-BTP giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc phối hợp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường; Đặc biệt với sự ra đời của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Nghị định 28/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật; Đề án Tổng thể về việc Việt Nam tham gia Hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc; Đề án Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc gia đoạn 2014-2020 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 130/2020/QH14 của Quốc hội về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; Thông tư liên tịch 14/2014/TTLT-BTC-BTP giữa Bộ Tài chính và bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; Thông tư 10/2016/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật... Đặc biệt là Thông tư 42/2016/TT-BQP ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng BQP quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong BQP. Đây là hệ thống văn bản pháp luật tạo hành lang pháp lý đảm bảo thuận lợi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN nói riêng đạt hiệu quả, thiết thực.

Ba là, các cơ quan, đơn vị trong Quân đội nhân dân Việt Nam đã triển khai tích cực, chủ động, có tính sáng tạo, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục Luật nhân đạo quốc tế.

Những năm gần đây, hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đã có nhiều đổi mới tích cực, sáng tạo về nội dung tạo được hứng thú, tính tích cực tự giác, tinh thần ham học hỏi Luật NDQT cho quân nhân. Các cơ quan chuyên trách, các đơn vị trong toàn quân đã tập trung chỉ đạo cho Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, cơ quan chính trị, bộ phận chuyên trách ở đơn vị xác định nội dung giáo dục Luật NDQT ngày càng thiết thực, chủ động cập nhật những văn bản mới ban hành liên quan đến hoạt động quân sự, quốc phòng, chế độ, chính sách, trách nhiệm đối với quân nhân. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật đã phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong giáo dục Luật NDQT, chủ động trong chuẩn bị nội dung bài giảng, xây dựng nội dung bài giảng sát với nội dung giáo dục Luật NDQT, trình độ kiến thức của từng đối tượng, bám sát vào hoạt động thực tiễn học tập, sinh hoạt công tác của quân nhân. Tất cả nội dung bài giảng đều được kiểm tra và tổ chức thông qua trước khi giáo viên lên lớp nhằm đảm bảo tính đúng đắn, chặt chẽ.

Cùng với việc đổi mới về nội dung, các cơ quan chuyên trách, các đơn vị cũng tích cực đổi mới hình thức, phương pháp. Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật định kỳ hàng quý, năm tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm hoạt động giáo dục Luật NDQT, trong đó tập trung đi sâu nghiên cứu các hình thức giáo dục Luật NDQT đảm bảo khi truyền đạt cho quân nhân dễ hiểu, dễ nhớ và phù hợp với nhận thức của từng đối tượng, phát huy trí tuệ, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục đáp ứng yêu cầu, mục đích đề ra. Chú trọng đổi mới hình thức lên lớp tập trung, khi lên lớp giảng viên lấy thực hành làm chính, thường xuyên đưa ra tình huống nhân đạo để quân nhân xử lý tạo được hứng thú cho người học, giúp người học nhớ được kiến thức ngay trên lớp.

Bốn là, quân nhân có phẩm chất đạo đức, ý thức, thái độ trách nhiệm cao trong việc học tập, tìm hiểu Luật nhân đạo quốc tế.

Quân nhân trong QĐNDVN là những đảng viên, đoàn viên, thanh niên ưu tú, được lựa chọn kỹ lưỡng, có đủ điều kiện về chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ, thể chất; đã xác định cho mình động cơ, nguyện vọng công tác lâu dài trong quân đội, hăng hái, nhiệt tình trong học tập, công tác, rèn luyện. Qua quá trình học tập, công tác, rèn luyện trong môi trường quân đội được giác ngộ lý tưởng cộng sản, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng và Nhân dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội; được trang bị một cách toàn diện những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về nhà nước và pháp luật, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, có ý thức tổ chức, kỷ luật cao, tự giác chấp hành pháp luật, kỷ luật, mệnh lệnh của người chỉ huy. Đây được coi là những nguyên nhân quan trọng xây dựng động cơ đúng đắn, tự giác học tập, nghiên cứu, tìm hiểu Luật NDQT của quân nhân góp phần bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả thiết thực.

3.3. HẠN CHẾ CỦA VIỆC GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ NGUYÊN NHÂN

3.3.1. Hạn chế của việc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích, đánh giá thông qua các kế hoạch, báo cáo sơ kết, tổng kết, kết luận về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục Luật NDQT nói riêng của các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN và kết quả 10 cuộc khảo sát, phỏng vấn chuyên gia, trao đổi với 400 cán bộ chủ trì; 1000 SQ, QNCN (gọi chung là cán bộ) và 2000 HSQ, BS (gọi chung là chiến sĩ) của 10 đơn vị quân đội và cho thấy: Thời gian qua, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN còn tồn tại một số hạn chế nhất định cả về chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp và các điều kiện bảo đảm, cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc thực hiện nguyên tắc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam có thời điểm còn lúng túng, chưa chặt chẽ.

Một số cơ quan, đơn vị còn coi giáo dục Luật NDQT là phần việc bổ trợ, chưa xác định rõ vai trò chiến lược của Luật NDQT trong xây dựng phẩm chất chính trị - pháp luật cho quân nhân. Chưa có văn bản chuyên biệt của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về chiến lược giáo dục Luật NDQT, dẫn đến việc triển khai ở cấp dưới còn lúng túng, thiếu định hướng thống nhất. Vai trò tham mưu của cơ quan chính trị trong lĩnh vực Luật NDQT còn mờ nhạt, chủ yếu gắn với giáo dục chính trị - pháp luật chung, chưa có nội dung chuyên sâu hoặc chương trình riêng [17].

Nhiều chương trình giáo dục pháp luật hiện vẫn thiên về lý thuyết, chưa sát với nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu. Thiếu tình huống mô phỏng thực tiễn chiến đấu liên quan đến vấn đề Luật NDQT như xử lý tù binh, bảo vệ dân thường, đối phó với chiến tranh phi đối xứng, khủng bố... Các lực lượng thường trực (như bộ binh, đặc công, pháo binh, tăng thiết giáp...) ít được tiếp cận nội dung nhân đạo quốc tế do chủ yếu tập trung huấn luyện kỹ thuật - chiến thuật [17].

Việc lồng ghép giáo dục Luật NDQT gắn với giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, pháp luật còn mang tính khẩu hiệu, hình thức. Một số cán bộ, giảng viên chưa được đào tạo bài bản về Luật NDQT, dẫn đến khả năng lồng ghép, tích hợp còn máy móc, đơn giản hóa nội dung. Thiếu những tình huống thực tế cụ thể để minh họa mối liên hệ giữa Luật NDQT với phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, làm giảm tính thuyết phục trong giáo dục.

Giáo dục Luật NDQT chưa trở thành một nội dung độc lập có vị trí rõ ràng trong chương trình đào tạo chính khóa ở nhiều học viện, nhà trường quân đội. Một số đối tượng như sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan - binh sĩ chưa được tiếp cận bài bản với Luật NDQT do thiếu thời gian, giáo viên, tài liệu. Thiếu chương trình riêng biệt cho các lực lượng

đặc thù như gìn giữ hòa bình, quân y, công binh, quân báo, biên phòng, cảnh sát biển, không quân dẫn đến giáo dục còn chung chung, không đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại. Giáo dục Luật NDQT chủ yếu dạy lý thuyết, ít có điều kiện tổ chức thực hành mô phỏng, diễn tập thực tế gắn với quy định của Luật NDQT. Đơn vị chiến đấu chủ yếu tập trung vào huấn luyện kỹ - chiến thuật, ít chú trọng đến tình huống pháp lý trong thực hành chiến đấu. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục Luật NDQT chưa được thực hiện thường xuyên, thiếu công cụ đánh giá phù hợp [17,27,29].

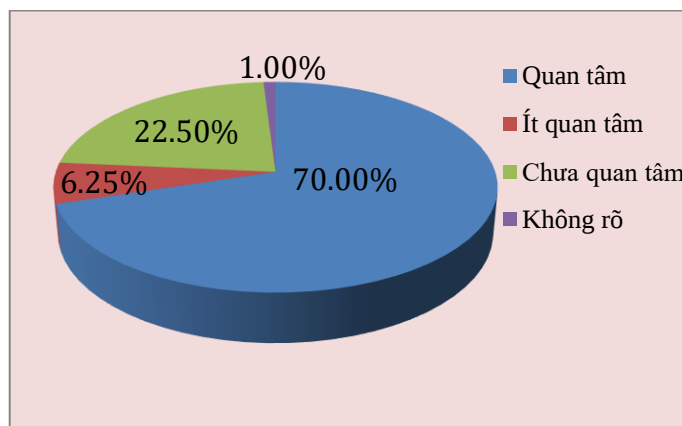
Thứ hai, nhận thức, trách nhiệm của một số chủ thể về giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam còn chưa đầy đủ.

Thực tiễn giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua cho thấy, các chủ thể tuy đã nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục Luật NDQT cho quân nhân, song các chủ thể còn nhận thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN chỉ cần tập trung giáo dục cho đội ngũ SQ, QNCN làm nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, lực lượng thực thi nhiệm vụ trên biển, trên không và bảo vệ biên giới quốc gia, cụ thể là SQ, QNCN ở các đơn vị Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam, Quân chủng Hải Quân, Quân chủng Phòng không - Không quân, Cảnh Sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, dẫn đến hiện nay vẫn còn nhiều quân nhân chưa được giáo dục Luật NDQT. Một số cấp ủy, cán bộ chủ trì, nhất là người chỉ huy ở một số cơ quan, đơn vị vẫn còn nhận thức nhiệm vụ giáo dục Luật NDQT là việc của cơ quan chính trị, của đội ngũ cán bộ chính trị. Do đó, chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng tham gia giáo dục Luật NDQT. Có thời điểm, trong lãnh đạo, chỉ đạo giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong cơ quan, đơn vị còn biểu hiện coi nhẹ, thậm chí giao khoán cho cơ quan chính trị, đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác giáo dục pháp luật. Bên cạnh đó, việc tổ chức thực hiện một số nội dung giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị còn thiếu sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng.

Việc tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan chính trị ở một số đơn vị có lúc còn hạn chế, chưa thường xuyên nên triển khai, tổ chức thực hiện các mặt hoạt động giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị có nội dung còn chậm. Hướng dẫn, kiểm tra kết quả các đơn vị thực hiện hoạt động giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị chưa chặt chẽ, chậm đổi mới, nhất là những thời điểm đơn vị thực hiện nhiệm vụ khó khăn, phức tạp hoặc khi có những tình huống khẩn trương, xuất hiện “điểm nóng” về tình hình an ninh, chính trị, xã hội trên địa bàn, trong nước và trên thế giới. Báo cáo Tổng kết 10 năm công tác huấn luyện gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật của BQP, của các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN cho thấy: Một số cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị còn chưa quan tâm đúng mức đến nhiệm vụ giáo dục Luật NDQT cho quân nhân dẫn đến hiện tượng quân nhân thiếu kiến thức, kỹ năng xử lý các tình huống được quy định trong Luật NDQT [17, 27, 29].

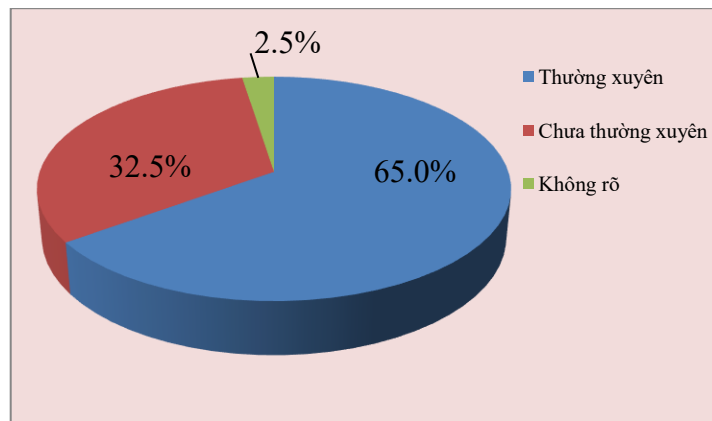
Trên cơ sở trao đổi với đội ngũ cán bộ chủ trì một số cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN, kết hợp thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học, cho thấy sự quan tâm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các đơn vị đối với giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN còn ít quan tâm chiếm 6,25%, thậm chí chưa quan tâm chiếm 22,5%, được minh họa bằng biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 3.16. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về sự quan tâm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các đơn vị đối với giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN



Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật của một số đơn vị chưa phát huy hết tính năng động sáng tạo; việc phân công, phối hợp giữa các cơ quan chuyên trách thực hiện giáo dục Luật NDQT cho quân nhân ở các đơn vị còn chung chung, chưa xác định rõ ràng thẩm quyền, trách nhiệm dẫn đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục Luật NDQT chưa đáp ứng mục đích đặt ra (hầu hết trong các Báo cáo Tổng kết 10 năm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan, đơn vị đều có nhận định đây là mặt tồn tại, hạn chế). Trên cơ sở trao đổi với đội ngũ chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy ở một số cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN, kết hợp thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy sự phối hợp giữa các chủ thể thực hiện giáo dục Luật NDQT chưa cao, có tới 32,50% số cán bộ chủ trì đánh giá về mức độ phối hợp của các lực lượng đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN chưa thường xuyên, được minh họa bằng biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 3.17. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về mức độ phối hợp của các lực lượng đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN



Bên cạnh đó, hoạt động giáo dục Luật NDQT của các chủ thể giáo dục ở nhiều đơn vị chưa được thực hiện thường xuyên, chỉ tổ chức khi có kế hoạch, có các văn bản pháp luật triển khai thực hiện Luật NDQT mới được ban hành; khi phải cử lực lượng tham gia thực hiện các nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc hoặc khi có những diễn biến mới của tình hình kinh tế chính trị, xung đột vũ trang trên thế giới và khu vực.

Chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là chủ thể trực tiếp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN chưa đồng đều. Trình độ, năng lực sư phạm và ứng dụng công nghệ thông tin vào giáo dục Luật NDQT còn hạn chế. Công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giáo dục Luật NDQT cho đội ngũ này chưa đi vào thực chất và chưa toàn diện, còn hạn chế về kỹ năng truyền tải, kỹ năng sư phạm trong giáo dục Luật NDQT, do đó khi thực hiện giáo dục Luật NDQT cho quân nhân thường nặng về giới thiệu kiến thức dẫn đến người nghe cảm thấy nhàm chán, khó hiểu. Mặt khác, với đặc thù đối tượng là các quân nhân ở các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ khác nhau, một số nội dung giáo dục có tính chất quốc tế, khó hiểu, khó nắm bắt,... điều này đòi hỏi đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, được đào tạo bài bản về pháp luật thì hoạt động giáo dục Luật NDQT mới đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN hiện nay còn mỏng, còn hạn chế về năng lực chuyên môn, nhiều người chưa được đào tạo về pháp luật, Luật NDQT [16, 27].

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục Luật NDQT ở một số cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ. Mặc dù, hàng năm các chủ thể quản lý giáo dục Luật NDQT đã có các buổi kiểm tra, đánh giá và yêu cầu báo cáo rút kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo, hội nghị rút kinh nghiệm hoạt động giáo dục Luật NDQT. Tuy nhiên, các báo cáo còn mang tính chất chung chung chưa đánh giá cụ thể từng tiêu chí cụ thể đã làm được, chưa làm được để có các giải pháp trong các giai đoạn tiếp theo.

Như vậy, nhìn chung các chủ thể giáo dục Luật NDQT đã đạt được những kết quả tích cực trong tổ chức quản lý và thực hiện giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Tuy nhiên, các chủ thể này vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định trong quá trình thực hiện hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Điều này đòi hỏi phải có giải pháp nhất định để đảm bảo giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả, thiết thực.

Thứ ba, một số nội dung giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam còn chung chung, chưa sát với đối tượng giáo dục.

Qua nghiên cứu các báo cáo tổng kết, phỏng vấn chuyên gia, trao đổi với một số cán bộ chủ trì các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN, kết hợp điều tra khảo sát thực tiễn giáo dục Luật NDQT ở một số cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN thời gian qua cho thấy: Nội dung giáo dục Luật NDQT cho quân nhân ở các cơ quan, đơn vị chưa thực sự bảo đảm tính logic, khoa học, toàn diện; chưa giáo dục cho quân nhân có được nhận thức khái quát các văn kiện cơ bản của Luật NDQT mới chỉ dừng lại giới thiệu bốn Công ước Geneva năm 1949 và hai nghị định thư bổ sung năm 1977, dẫn đến nhiều quân nhân còn cho rằng Luật NDQT chỉ bao gồm bốn Công ước và hai nghị định thư bổ sung này. Việc giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT cho quân nhân còn chung chung, mới chỉ dừng lại ở dạng khái quát mà chưa đi sâu, phân tích để quân nhân hiểu bản chất những nội dung đó dẫn đến khi đặt ra tình huống giả định về Luật NDQT để quân nhân xử trí thì nhiều quân nhân còn lúng túng, đưa ra cách thức xử trí tình huống còn chưa phù hợp. Đồng thời, việc giáo dục nội dung Luật NDQT còn chưa tính đến đặc thù nhiệm vụ của quân nhân thuộc các quân, binh chủng, chưa phân nhóm được các đối tượng quân nhân để tiến hành hoạt động giáo dục, dẫn đến nhiều nội dung của Luật NDQT được giáo dục cho quân nhân chưa sát, thậm chí không cần thiết đối với đối tượng, gây lãng phí kinh phí tổ chức, giảm hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Bên cạnh đó, quân nhân trong QĐNDVN được biên chế trong các đơn vị thuộc các quân, binh chủng, đơn vị bảo đảm khác nhau, có độ tuổi, giới tính, trình độ nhận thức khác nhau, nên việc lựa chọn nội dung phù hợp với từng đối tượng là rất quan trọng, quyết định đến hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT, thu hút quân nhân tích cực tham gia tìm hiểu Luật NDQT. Ngoài ra, nếu nội dung giáo dục Luật NDQT phù hợp với từng đối tượng quân nhân sẽ thuận lợi cho việc sử dụng các phương thức giảng dạy, truyền đạt của các

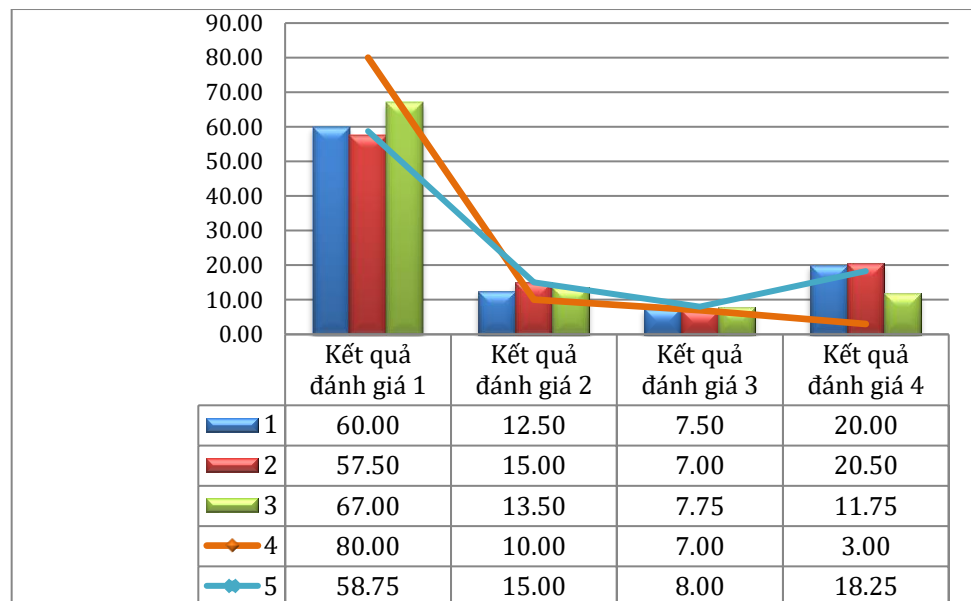
chủ thể giáo dục Luật NDQT. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều chủ thể giáo dục chưa tiến hành điều tra, khảo sát thực tiễn nhằm xác định các nội dung giáo dục Luật NDQT cần thiết, gắn sát với nhiệm vụ, sự quan tâm của từng đối tượng quân nhân, dẫn đến việc lựa chọn nội dung giáo dục Luật NDQT của các chủ thể khá bị động, mang tính chất định tính, phán đoán làm ảnh hưởng kết quả giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Theo Báo cáo tổng hợp kết quả giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN của Cục Dân vận - Tổng Cục Chính trị QĐNDVN cho thấy, nội dung giáo dục Luật NDQT cho đối tượng SQ, QNCN ở các đơn vị Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, giảng viên luật ở các nhà trường quân đội mới chỉ tập trung khái quát một số nội dung cơ bản của Luật NDQT mà chưa đi sâu phân tích, làm rõ những nội dung này, cụ thể là: Giới thiệu, tìm hiểu về vai trò của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh các cuộc xung đột vũ trang; trách nhiệm, nghĩa vụ của các quốc gia và quân đội của các quốc gia ký kết hoặc tham gia các Công ước Geneva, các Nghị định thư bổ sung trong việc tuân thủ, tuyên truyền, phổ biến Luật NDQT; các Luật quốc tế có liên quan như Luật Nhân quyền, Công ước quốc tế về Luật Biển, Luật Biển Việt Nam; các bài tập thực hành liên quan đến các tình huống trên biển; việc vận dụng Luật NDQT trong quá trình lên kế hoạch cũng như ra quyết định của người chỉ huy các cấp; ứng dụng Luật NDQT trong xử trí tình huống thông qua việc phân tích, đánh giá các sự vụ, sự việc đã xảy ra hoặc các tình huống giả định [27, 29].

Bên cạnh đó, nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN còn thực hiện theo các chương trình, kế hoạch đã được xác định từ trước, chưa linh hoạt, đổi mới theo thời điểm và bám sát các tình huống xung đột vũ trang trên thế giới, nhiều nội dung giáo dục không mang tính sinh động còn trùng lặp. Ngoài ra, nội dung giáo dục Luật NDQT cho quân nhân còn dàn trải, không

có trọng tâm, trọng điểm, dẫn đến các nội dung giáo dục Luật NDQT bị “loãng”, quân nhân khó lĩnh hội. Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy một số nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN chưa tốt, có tới 20,00% số cán bộ chủ trì đánh giá việc giáo dục các văn kiện cơ bản về Luật NDQT chưa tốt, 20,50% số cán bộ chủ trì cho rằng việc giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT chưa tốt, 18,25% số cán bộ chủ trì cho rằng việc giáo dục nhận diện âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc tham gia gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN chưa tốt, được minh họa bằng các biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 3.18. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Chú thích:

■	1. Giáo dục các văn kiện cơ bản về Luật NDQT
■	2. Giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT
■	3. Giáo dục quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT
■	4. Giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam
■	5. Giáo dục về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc tham gia gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN

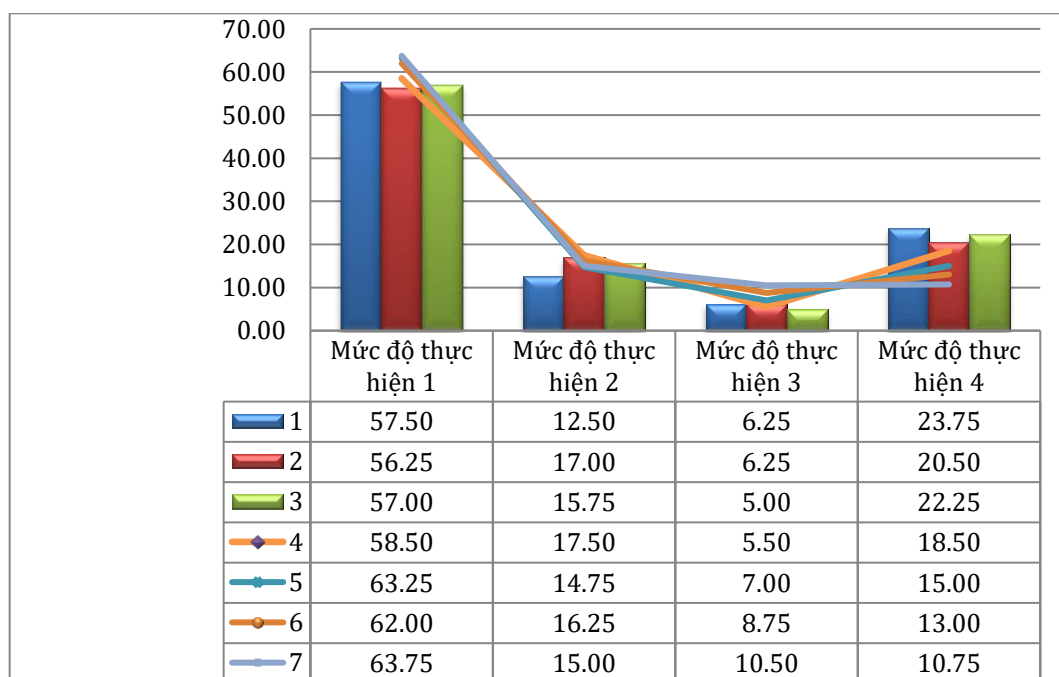
Thứ tư, hình thức giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam chưa được vận dụng, linh hoạt, sáng tạo, chưa sát với đặc điểm, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

Qua nghiên cứu Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan, đơn vị; Báo cáo Tổng kết 10 năm công tác huấn luyện gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc của Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam; Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện phổ biến, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN của Cục Dân vận - Tổng cục Chính trị QĐNDVN, trao đổi với một số cán bộ chủ trì các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN, kết hợp điều tra khảo sát thực tiễn giáo dục Luật NDQT ở một số cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN thời gian qua cho thấy: Việc lựa chọn hình thức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân thời gian qua tương đối đa dạng, song chưa được vận dụng, linh hoạt, sáng tạo, chưa sát với đặc điểm, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, còn mang nặng tính áp đặt, mệnh lệnh, dập khuôn. Chưa kết hợp nhuần nhuyễn, hiệu quả giữa giáo dục, thuyết phục, động viên, biểu dương, khen thưởng gương người tốt, việc tốt trong chấp hành các nguyên tắc, quy định của Luật NDQT, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của quân đội trong thực hiện Luật NDQT.

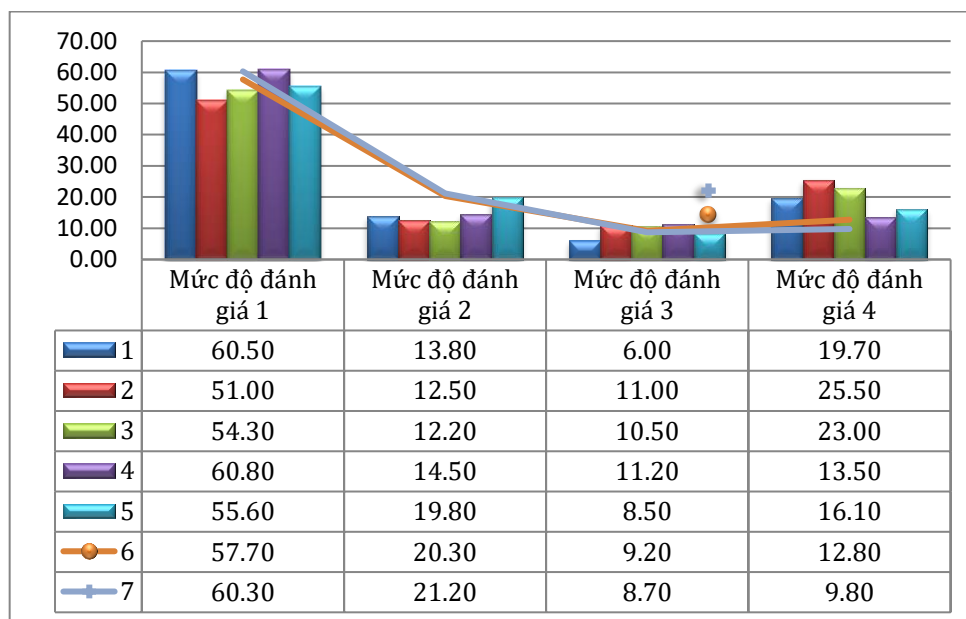
Hiện nay, hầu hết hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN chủ yếu thực hiện bằng hình thức lên lớp trực tiếp, tổ chức tập huấn cho các đối tượng. Việc kết hợp giáo dục Luật NDQT với tổ chức các hoạt động ngoại khóa như thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn, bài tập xử trí các tình huống trong các cuộc xung đột, chiến tranh, tìm hiểu thông qua sách báo và các phương tiện thông tin truyền thông chưa được coi trọng, chưa thực sự thiết thực. Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy: Có 23.75% ý kiến cán bộ chủ trì, 19.70% ý kiến của SQ, QNCN, 18.75 ý kiến của HSQ, BS đánh giá việc giáo dục Luật NDQT bằng hình thức tổ chức lên lớp tập trung trực tiếp; 20.25% ý kiến cán bộ chủ trì, 25.25% ý kiến của SQ, QNCN, 20.35 ý kiến của HSQ, BS đánh giá việc giáo dục Luật NDQT bằng hình thức nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tập

bài tình huống về Luật NDQT; 22.50 ý kiến của cán bộ chủ trì, 23.00% ý kiến của SQ, QNCN, 23.10% ý kiến của HSQ, BS đánh giá việc giáo dục Luật NDQT bằng hình thức cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT; 18.50% ý kiến của cán bộ chủ trì, 13.50% ý kiến của SQ, QNCN, 18.50% ý kiến của HSQ, BS đánh giá việc giáo dục Luật NDQT bằng hình thức thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị; 15.00% ý kiến của cán bộ chủ trì, 16.10% ý kiến của SQ, QNCN, 18.65% ý kiến của HSQ, BS đánh giá việc giáo dục Luật NDQT bằng hình thức thi tìm hiểu, diễn đàn, tọa đàm về Luật NDQT; có 13.00% ý kiến của cán bộ chủ trì, 12.80% ý kiến của SQ, QNCN, 21.20% ý kiến của HSQ, BS đánh giá việc giáo dục Luật NDQT bằng hình thức thông qua “Ngày pháp luật”, tủ sách “Pháp luật” và 10.75% ý kiến của cán bộ chủ trì, 9.80% ý kiến của SQ, QNCN, 14.35% ý kiến của HSQ, BS đánh giá việc giáo dục Luật NDQT bằng hình thức tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật NDQT chưa tốt, được minh họa bằng các biểu đồ dưới đây:

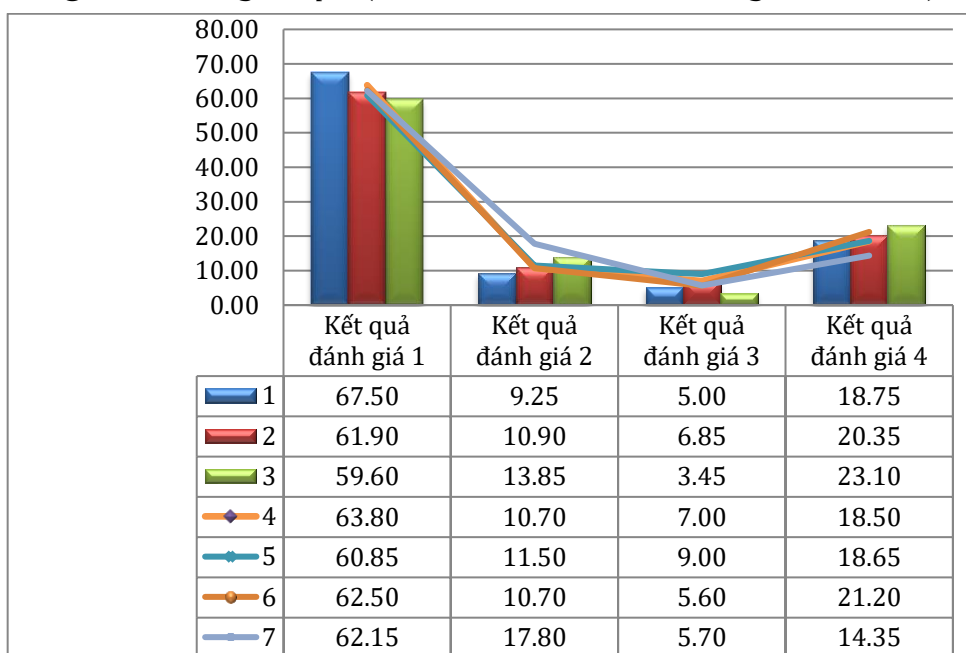
Biểu đồ 3.19. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về việc thực hiện hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Biểu đồ 3.20. Đánh giá của SQ, QNCN về hình thức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Biểu đồ 3.21. Đánh giá của HSQ, BS về hình thức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



Chú thích:

	1. Tổ chức lên lớp tập trung trực tiếp
	2. Nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tập bài tình huống về Luật NDQT
	3. Cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT

	4. Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị
	5. Thi tìm hiểu, diễn đàn, tọa đàm về Luật NDQT
	6. Thông qua “Ngày pháp luật”, tủ sách “Pháp luật”
	7. Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật NDQT

Thứ năm, phương pháp giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam còn chậm đổi mới, chưa sát đặc điểm, chức trách, nhiệm vụ của từng đối tượng quân nhân.

Thực tiễn khảo sát hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN cho thấy: Phương pháp thuyết trình một chiều vẫn được các chủ thể giáo dục Luật NDQT vận dụng thường xuyên dẫn đến tâm lý nhàm chán của quân nhân, thiếu sự tương tác hai chiều dẫn đến quân nhân rơi vào thế bị động, không gây được sự chú ý của quân nhân, không phát huy được tinh thần học hỏi cũng như mong muốn được chia sẻ kinh nghiệm trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Luật NDQT. Bên cạnh đó, phương pháp giáo dục Luật NDQT cho quân nhân còn chậm đổi mới, mang nặng tính lý thuyết mặc dù đã có sự lồng ghép các phương pháp khác nhau trong quá trình giáo dục Luật NDQT nhưng vẫn còn tình trạng giáo dục theo kiểu độc thoại, một chiều, chưa coi quân nhân là trung tâm của hoạt động giáo dục, phương pháp giáo dục còn đơn điệu, chưa thu hút được quân nhân tham gia học tập, các phương pháp học tập chủ động như đối thoại, tranh luận, nêu tình huống nhân đạo, đóng vai còn ít được thực hiện. Dù đã sử dụng khá nhiều phương pháp giáo dục khác nhau, nhưng hiện nay, vẫn chưa đánh giá phương pháp nào đạt hiệu quả cao nhất, phù hợp với nội dung, hình thức và đối tượng nhất định, việc sử dụng các phương pháp không phù hợp sẽ lãng phí kinh phí và thời gian tổ chức, đối tượng hưởng thụ ít, tính hiệu quả thấp.

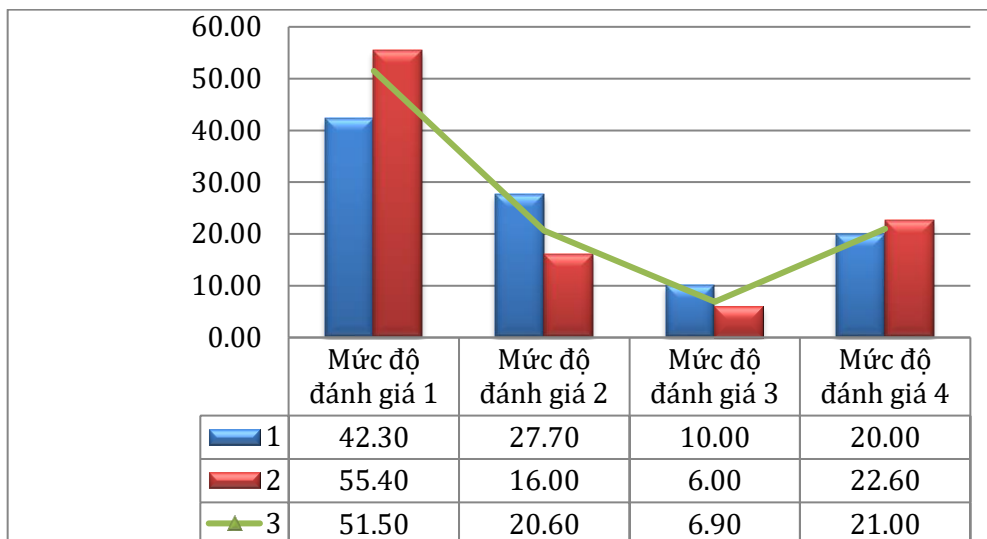
Ngoài ra, trong giai đoạn hiện nay, với sự phát triển của khoa học công nghệ thời đại 4.0, việc cập nhật, sử dụng các thiết bị kỹ thuật, mạng xã hội để giáo dục Luật NDQT sẽ mang lại hiệu quả tích cực, vừa có thể giảm tải công việc cho chủ thể giáo dục Luật NDQT, vừa nhanh chóng, thuận tiện và phù hợp với từng đối tượng quân nhân vì họ có thể đọc thông tin, nắm được các thông tin mọi lúc mọi nơi. Tuy nhiên, thực tế bằng việc khảo sát tại các đơn vị cho thấy, các chủ thể giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN chưa áp dụng nhiều các hình thức giáo dục Luật NDQT thông các phương tiện kỹ thuật hiện đại, mạng xã hội.

Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, một bộ phận cán bộ chủ trì, SQ, QNCN, HSQ, BS được hỏi trả lời phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua chưa hay và khó hiểu, được minh họa bằng các biểu đồ dưới đây:

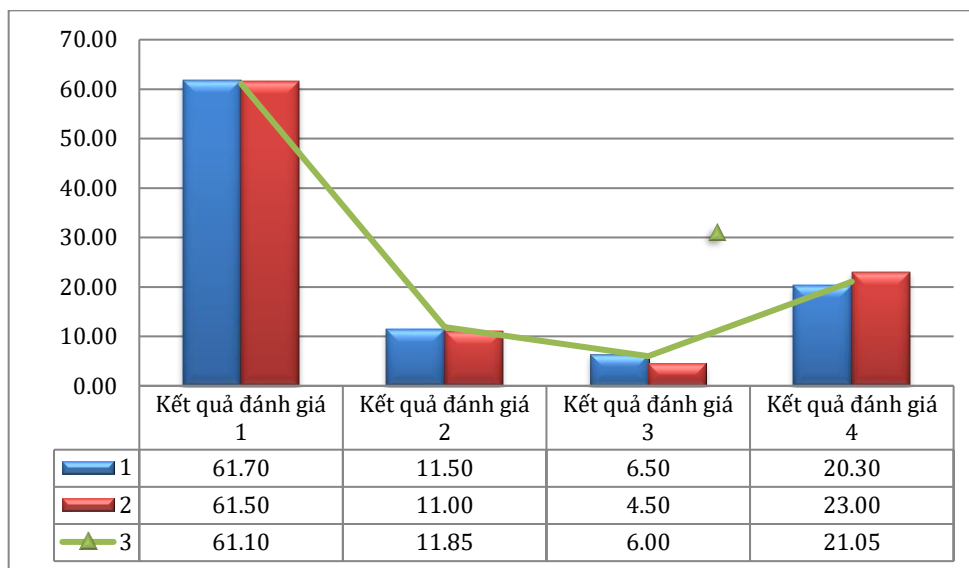
Biểu đồ 3.22. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về việc thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua (1. Hấp dẫn, lôi cuốn, 2. Bình thường, 3. Chưa hay, 4. Khó hiểu)



Biểu đồ 3.23. Đánh giá của SQ, QNCN về việc thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua (1. Hấp dẫn, lôi cuốn, 2. Bình thường, 3. Chưa hay, 4. Khó hiểu)



Biểu đồ 3.24. Đánh giá của HSQ, BS về việc thực hiện phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua (1. Hấp dẫn, lôi cuốn, 2. Bình thường, 3. Chưa hay, 4. Khó hiểu)



Chú thích:

	1. Nhóm phương pháp tác động vào ý thức quân nhân
	2. Nhóm phương pháp hình thành hành vi và thói quen hành vi của đối tượng giáo dục
	3. Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử của đối tượng giáo dục

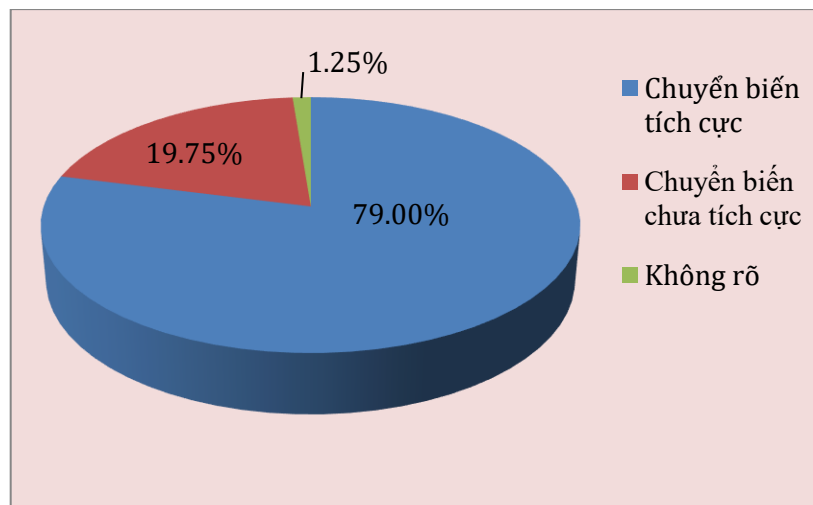
Thứ sáu, một bộ phận quân nhân mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật nhân đạo quốc tế còn hạn chế.

Thực tiễn hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua, cho thấy giáo dục Luật NDQT cho quân nhân mới chủ yếu tập trung trang bị cho quân nhân những kiến thức khái quát về Luật NDQT, mang tính dàn trải chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa quan tâm thích đáng đến trang bị những kiến thức về Luật NDQT liên quan trực tiếp đến việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của quân nhân gắn sát với đặc điểm, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Vì vậy, một bộ phận quân nhân được giáo dục Luật NDQT bị thiếu hụt kiến thức về Luật NDQT liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ của họ, dẫn đến năng lực lãnh đạo, chỉ huy quản lý của đội ngũ sĩ quan, kỹ năng trong thực hiện nhiệm vụ quân sự của đội ngũ quân nhân chuyên nghiệp, HSQ, BS còn hạn chế, lúng túng trong xử lý các tình huống giải định về Luật NDQT.

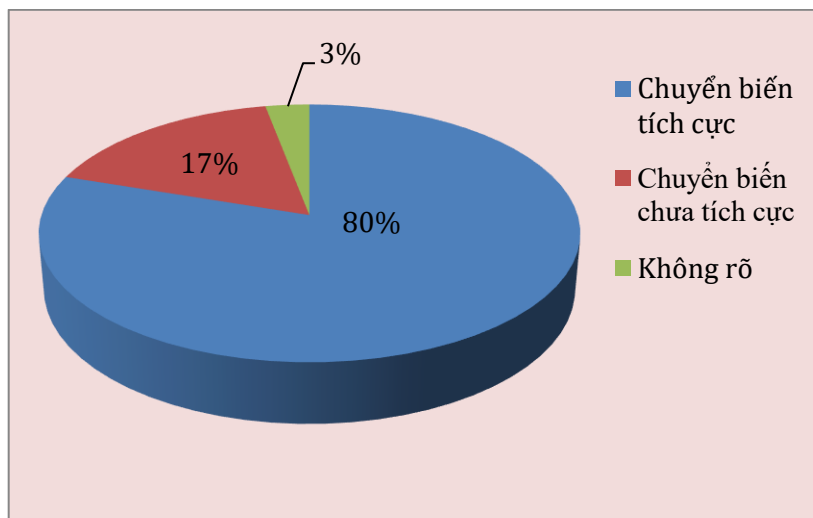
Một bộ phận quân nhân được giáo dục Luật NDQT nhận thức chưa thật đầy đủ, đúng đắn về tầm quan trọng của Luật NDQT trong thực hiện các nhiệm vụ quân sự, nhất là khi có xảy ra xung đột vũ trang hoặc thực hiện các nhiệm vụ trong các cuộc xung đột vũ trang trên thế giới theo đề nghị của Liên hợp quốc dẫn đến hoạt động tự học tập, tự nghiên cứu, tìm hiểu Luật NDQT và việc rèn luyện bản lĩnh, kỹ năng thông qua thực tiễn thực hiện nhiệm vụ hàng ngày chưa trở thành nhu cầu, thói quen của quân nhân. Kiến thức về Luật NDQT chỉ có thể đạt được và trở nên vững chắc khi quân nhân có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực chủ động, tự học, tự rèn trong mọi lúc, mọi nơi, tự bồi dưỡng bản thân. Tuy nhiên, thời gian qua, còn không ít quân nhân ngại học tập, rèn luyện, thiếu tích cực, chủ động tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu Luật NDQT, còn bàng quan, thờ ơ, vô cảm trước những hành vi vi phạm Luật NDQT của một số quân nhân tham gia vào các cuộc xung đột vũ trang trên thế giới hiện nay.

Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 19,75% cán bộ chủ trì; 17,00% SQ, QNCN; 19,00% HSQ, BS được hỏi cho rằng mức độ chuyển biến về nhận trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong đơn vị thời gian qua chuyển biến chưa tích cực, được minh họa bởi các biểu đồ sau đây:

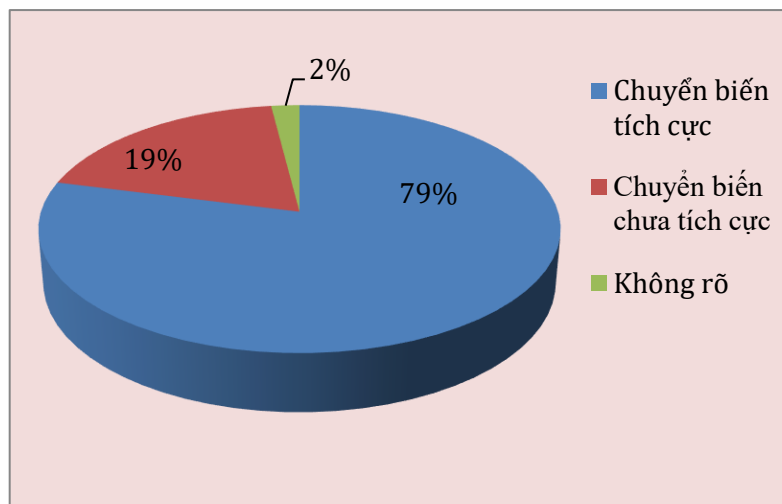
Biểu đồ 3.25. Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.



Biểu đồ 3.26. Đánh giá của SQ, QNCN về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.



Biểu đồ 3.27. Đánh giá của SQ, QNCN về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.



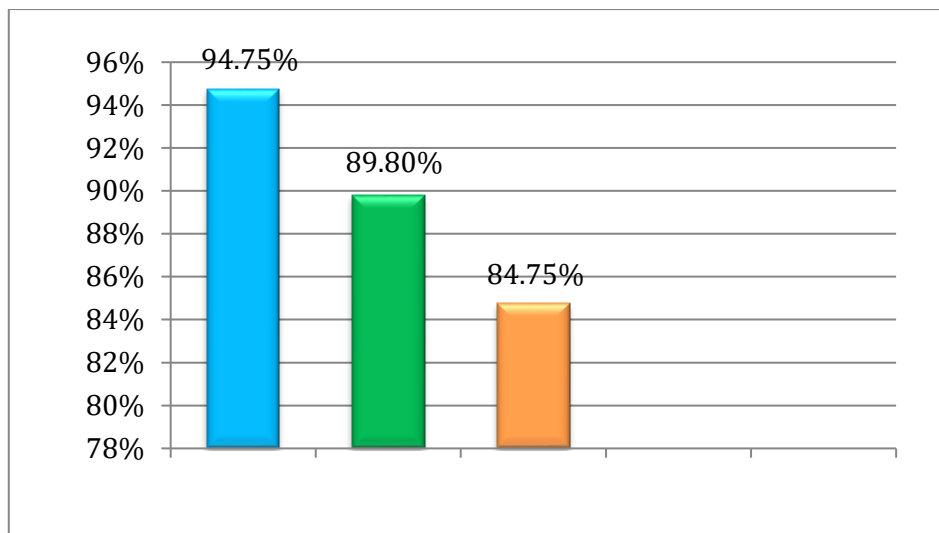
3.3.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, tình hình thế giới, khu vực, nhất là xung đột giữa các quốc gia hiện nay.

Những năm qua, nền kinh tế thị trường ở nước ta được xây dựng theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh những tác động tích cực, kinh tế thị trường đã mở ra khả năng tiềm tàng giải phóng mọi năng lực của con người, tạo điều kiện cho sự phát triển nhân cách của con người, đạo đức. Kinh tế thị trường còn có tác động tiêu cực đó là lối sống coi trọng vật chất, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, làm giàu bất chính, coi thường kỷ cương, bất chấp pháp luật đã tác động không nhỏ vào tư tưởng quân nhân. Những yếu tố này đang từng ngày, từng giờ tác động đến nhận thức, hành vi, tư tưởng tình cảm, ảnh hưởng đến môi trường học tập, công tác của quân nhân. Đây được coi là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhận thức của quân nhân trong giáo dục Luật NDQT còn hạn chế.

Cùng với đó, lợi dụng tình hình chính trị thế giới, xung đột giữa các quốc gia, các thế lực thù địch vẫn ráo riết tăng cường chống phá cách mạng nước ta bằng nhiều thủ đoạn như: “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; đối với quân đội chúng dùng thủ đoạn “phi chính trị hóa quân đội” hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng với quân đội, làm cho quân đội biến chất, phai nhạt lý tưởng, giảm sút lòng tin, sống buông thả coi thường pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; gây khó khăn, cản trở đến quá trình giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay. Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 94,75% số cán bộ chủ trì, 89,80% SQ, QNCN, 84,75% HSQ, BS được hỏi trả lời đây là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế nêu trên, được minh họa bằng các biểu đồ sau đây:

Biểu đồ 3.28. Đánh giá “Sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, tình hình thế giới, khu vực, nhất là xung đột giữa các quốc gia hiện nay” là nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.



Chú thích:

■	Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì
■	Đánh giá của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp
■	Đánh giá của hạ sĩ quan, binh sĩ

Hai là, một bộ phận chủ thể giáo dục Luật NDQT có kiến thức về Luật NDQT chưa toàn diện, chủ yếu là kiêm nhiệm.

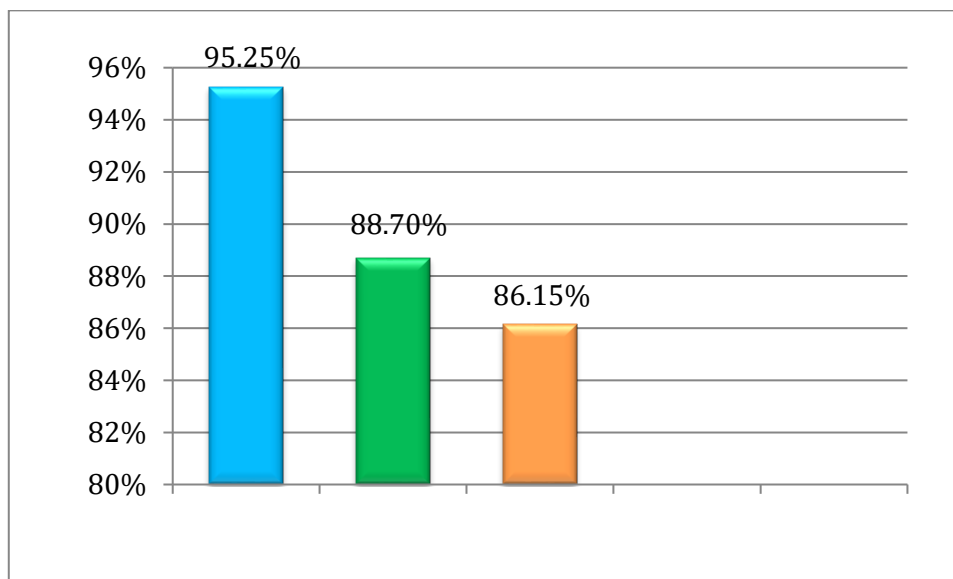
Qua tổng hợp, phân tích các báo cáo tổng kết, kết hợp điều tra khảo sát tại các đơn vị cho thấy, một bộ phận chủ thể giáo dục Luật NDQT chưa phát huy vai trò, trách nhiệm trong hoạt động giáo dục Luật NDQT ở đơn vị mình, còn hiện tượng ỷ lại vào cấp trên, coi nhẹ việc giáo dục Luật NDQT nên chưa tích cực trong học tập, nghiên cứu các nội dung kiến thức về Luật NDQT dẫn đến kiến thức, kỹ năng giáo dục Luật NDQT còn hạn chế chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chức trách, nhiệm vụ.

Một số chủ thể giáo dục Luật NDQT chưa tâm huyết, chưa đề cao trách nhiệm, đầu tư về thời gian, công sức để nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo trong việc chuẩn bị nội dung giáo dục Luật NDQT; tính nêu gương, mô phạm chưa cao; chưa thấy rõ vai trò quan trọng của việc giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị cũng như sự cần thiết phải học tập và nâng cao trình độ, nhận thức, ý thức chấp hành các quy định của Luật NDQT. Ngoài ra, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở các cơ quan, đơn vị còn mỏng, năng lực, kinh nghiệm có mặt còn hạn chế, cơ bản là cán bộ kiêm nhiệm, chưa được đào tạo cơ bản về phương pháp, nghiệp vụ sư phạm, trình độ không đồng đều, ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động giáo dục Luật NDQT. Về biên chế tổ chức, nguồn cán bộ, giảng viên trực tiếp giáo dục Luật NDQT còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ [27,29].

Bên cạnh đó, với sự phát triển của khoa học công nghệ tạo ra nhiều tiện ích về khoa học công nghệ, trong đó có các phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục Luật NDQT. Tuy nhiên, các chủ thể giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN vẫn chưa tranh thủ tối đa các tiện ích này, chưa làm chủ công nghệ, nhiều giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật còn chưa thành thạo công nghệ thông tin, chưa vận dụng được hiệu quả các tiện ích của công nghệ cho các bài giảng, bài thuyết trình trong quá trình giáo dục Luật

NDQT cho quân nhân, dẫn đến hoạt động giáo dục Luật NDQT cho quân nhân đạt hiệu chưa quả cao. Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 95,25% số cán bộ chủ trì, 88,70% SQ, QNCN, 86,15% HSQ, BS được hỏi trả lời đây là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế nêu trên, được minh họa bằng biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 3.29. Đánh giá “Một bộ phận chủ thể giáo dục Luật NDQT có kiến thức về Luật NDQT chưa toàn diện, chủ yếu là kiêm nhiệm” là nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.



Chú thích:

■	Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì
■	Đánh giá của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp
■	Đánh giá của hạ sĩ quan, binh sĩ

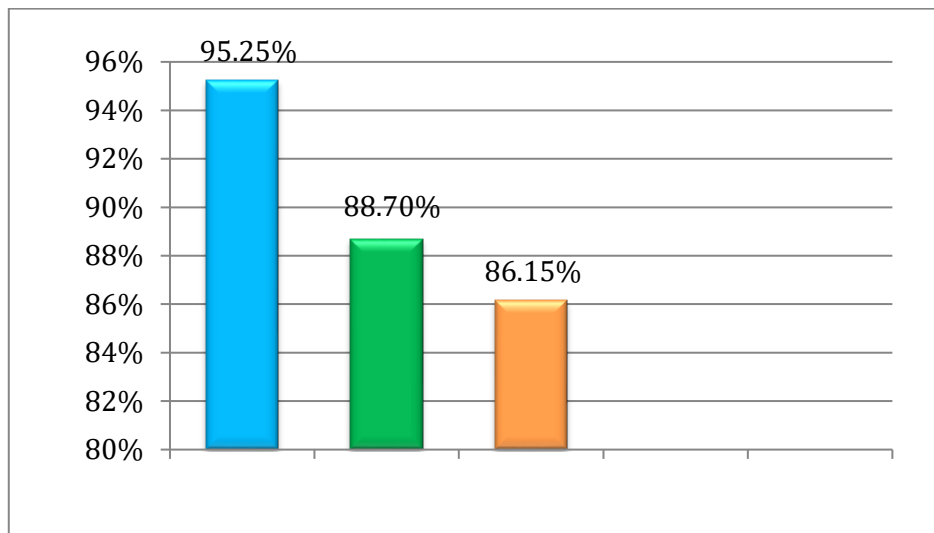
Ba là, đối tượng giáo dục Luật NDQT rất đa dạng, trình độ nhận thức không đồng đều.

Có thể nói, quân nhân được giáo dục Luật NDQT rất đa dạng được bố trí học tập, công tác ở các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ khác nhau, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ cũng khác nhau. Bên cạnh đó, quân nhân trong QĐNDVN có trình độ học vấn không đồng đều, độ tuổi của quân nhân khác nhau, điều này dẫn đến khả năng lĩnh hội kiến thức cần phải có

những hình thức, phương pháp phù hợp với từng đối tượng quân nhân, góp phần làm cho hoạt động giáo dục Luật NDQT gặp nhiều khó khăn, khó đạt hiệu quả như mong muốn.

Mặt khác, tâm lý e dè, bị động, mặc cảm, ngại tiếp cận kiến thức pháp luật và kiến thức Luật NDQT cũng là nguyên nhân dẫn đến thực trạng hạn chế giáo dục Luật NDQT cho quân nhân. Đồng thời, do tư tưởng công việc, môi trường hoạt động quân sự, hoạt động với cường độ cao, dẫn đến một bộ phận quân nhân tỏ ra mệt mỏi, né tránh hoặc với hình thức chiếu lệ khi được giáo dục Luật NDQT gây khó khăn cho các chủ thể khi tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục Luật NDQT. Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 96,25% số cán bộ chủ trì, 90,30% SQ, QNCN, 92,80% HSQ, BS được hỏi trả lời đây là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế nêu trên, được minh họa bằng biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 3.30. Đánh giá “Đối tượng giáo dục Luật NDQT rất đa dạng, trình độ nhận thức không đồng đều” là nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.



Chú thích:

■	Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì
■	Đánh giá của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp
■	Đánh giá của hạ sĩ quan, binh sĩ

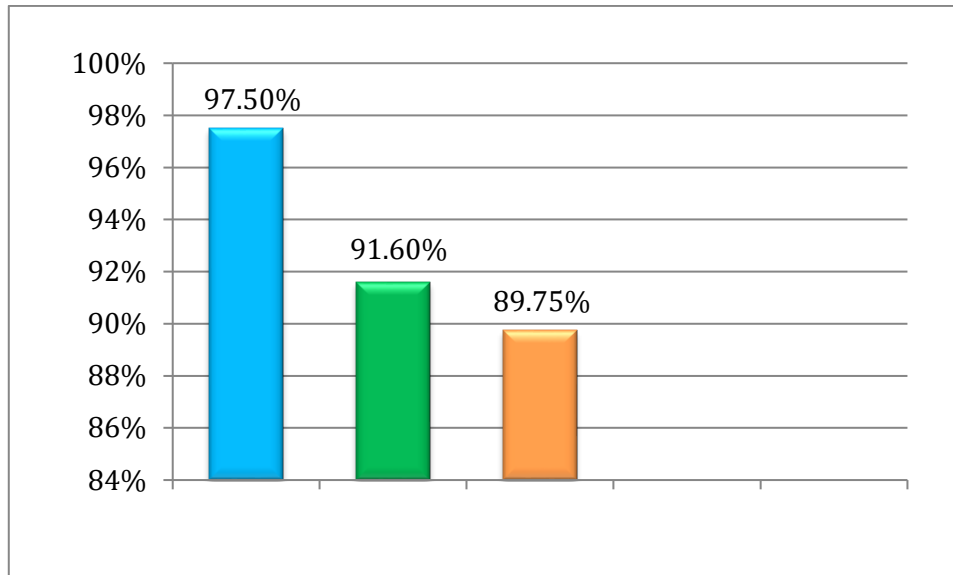
Bốn là, nguồn kinh phí, cơ sở vật chất, tài liệu bảo đảm cho việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN còn hạn chế.

Việc áp dụng hiệu quả hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phụ thuộc nhiều vào kinh phí phục vụ hoạt động này. Hiện nay, nguồn kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN lấy từ ngân sách nhà nước là chủ yếu. Tuy nhiên, nguồn ngân sách này vẫn chưa đáp ứng, chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ đề ra của việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Công tác xã hội hóa hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN vẫn chưa được các chủ thể thực hiện áp dụng một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, nguồn ngân sách từ việc xã hội hóa, kêu gọi ủng hộ của các chủ thể khác trong xã hội còn rất ít, chưa được các chủ thể quan tâm đúng mức. Hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN có sự tham gia của nhiều chủ thể, tuy nhiên, một số nơi sử dụng nguồn lực chưa hiệu quả, một số đơn vị chưa cân đối tốt nguồn kinh phí dẫn đến kinh phí sử dụng cho hoạt động giáo dục Luật NDQT còn hạn hẹp. Do khó khăn về kinh phí thực hiện nên việc áp dụng các hình thức, phương pháp, đặc biệt là các phương thức hiện đại, tốn kém cũng được các chủ thể xem xét, cân nhắc, ảnh hưởng đến kết quả giáo dục Luật NDQT cho quân nhân ở các đơn vị.

Ngoài ra, việc bảo đảm về cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu về Luật NDQT, nhất là các bản dịch sang tiếng Việt; hệ thống thao trường để huấn luyện các tình huống giả định phục vụ cho hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của quân nhân; việc cập nhật các văn bản, tài liệu mới của Liên hợp quốc, của Nhà nước về Luật NDQT còn chưa kịp thời dẫn đến ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chuẩn bị bài giảng của đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và chất lượng nghiên cứu, học tập của quân nhân. Trên cơ sở thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 97,50% số cán bộ chủ trì, 91,60% SQ,

QNCN, 89,75% HSQ, BS được hỏi trả lời đây là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế nêu trên, được minh họa bằng biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 3.31. Đánh giá “nguồn kinh phí, cơ sở vật chất, tài liệu bảo đảm cho việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN còn hạn chế” là nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua.



Chú thích:

	Đánh giá của đội ngũ cán bộ chủ trì
	Đánh giá của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp
	Đánh giá của hạ sĩ quan, binh sĩ

Kết luận chương 3

Trong thời gian qua, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN luôn được các cấp lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị quan tâm sâu sát, thường xuyên duy trì và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, có chiều sâu, đã đem lại những kết quả quan trọng thể hiện trên các phương diện mục tiêu, chủ thể, nội dung, phương pháp, hình thức và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục Luật NDQT. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật nhìn chung đã nhận thức rõ về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Phần lớn quân nhân đã nhận thức tương đối đầy đủ về Luật NDQT, vai trò của giáo dục Luật NDQT đối với quá trình hình thành phẩm chất, nhân cách của người quân nhân cách mạng.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì giáo dục Luật NDQT vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, chưa đáp ứng được với mục tiêu, yêu cầu đặt ra. Quá trình thực hiện mục tiêu giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN mới chỉ chú trọng đến việc truyền đạt, bồi dưỡng nhận thức mà chưa quan tâm đến việc xây dựng hình thành thái độ, niềm tin, tình cảm đối với pháp luật và ý thức rèn luyện thói quen hành vi chấp hành các nguyên tắc, quy định của Luật NDQT cho quân nhân để đáp ứng với, yêu cầu, nhiệm vụ của Quân đội trong tình hình mới.

Do đó, để giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN có thể đạt được kết quả như mong muốn thì cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp sẽ được trình bày ở chương 4.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

4.1.1. Thường xuyên quán triệt quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về tinh thần nhân đạo, lòng khoan dung và thực thi Luật nhân đạo quốc tế trong tình hình mới

Trong bối cảnh Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Do đó, các quan điểm, chính sách Đảng, Nhà nước là những nguyên tắc chỉ đạo bao trùm, định hướng hoạt động giáo dục Luật NDQT. Việc quán triệt quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tinh thần nhân đạo, lòng khoan dung và thực thi Luật NDQT trong tình hình mới có ý nghĩa rất quan trọng nhằm đảm bảo giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả, thiết thực và đúng định hướng.

Việt Nam là đất nước từng phải trải qua rất nhiều đau thương, mất mát do chiến tranh, Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam hiểu hơn ai hết giá trị của độc lập, tự do, hạnh phúc, bởi thế Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam đã và đang cố gắng cao nhất để xây dựng một đất nước ngày càng phát triển, các quyền và tự do cơ bản của người dân được tôn trọng và bảo vệ, tăng cường thực hiện có hiệu quả, trách nhiệm cao các công ước quốc tế về quyền con người, trong đó có các công ước quốc tế và nghị định thư của Luật NDQT, được cộng đồng quốc tế và nhân dân tiến bộ thế giới ghi nhận và đánh giá cao về thực hiện chính sách nhân đạo của Việt Nam.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước, QĐNDVN luôn nhắc nhở nhân dân và các chiến sĩ phải chấp hành nghiêm kỷ luật chiến tranh, kỷ luật cấm giết hại và ngược đãi tù

binh và thực hiện nghiêm chỉnh sách đối với lính Pháp, lính lê dương, lính Phi. Kêu gọi Nhân dân “khoan hồng đại độ” đối với những ai tham gia nguy quân, nguy quyền và căn dặn cán bộ nên đối đãi nhân đạo với các tù binh, để cho thế giới biết rằng Việt Nam là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người, cướp nước. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta chỉ thị quân đội và các cấp, các ngành khi bắt được tù binh phải đối đãi, cho ăn uống tử tế, chỉ tước khí giới mà không đụng đến đồ vật thường của họ; phải chăm sóc, điều trị tù binh bị thương tận tình, nuôi dưỡng tù binh và hàng binh chu đáo.

Đặc biệt, nhận rõ tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người theo các tiêu chuẩn quốc tế và các công ước quốc tế liên quan tới quyền con người và các vấn đề nhân đạo, ngày 5 ngày 6 năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh, thay mặt nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, gửi Công hàm đến Chủ tịch Liên bang Thụy Sĩ, tuyên bố gia nhập bốn Công ước Geneva năm 1949 của Luật NDQT. Việc phê chuẩn các Công ước Geneva là dấu mốc lịch sử quan trọng, là minh chứng cho chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đề cao việc tôn trọng Luật NDQT và thúc đẩy thực thi Luật NDQT. Đồng thời, việc Việt Nam phê chuẩn các Công ước này cũng có ý nghĩa quan trọng, đề cao truyền thống yêu chuộng hòa bình, nhân đạo và khoan dung của Nhân dân Việt Nam.

Kể từ khi gia nhập bốn Công ước Geneva năm 1949 của Luật NDQT, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã và đang tăng cường thực thi các Công ước này thông qua hoàn thiện pháp luật và cơ chế trong nước, hợp tác quốc tế nhằm nâng cao nhận thức, bồi dưỡng năng lực cho các lực lượng liên quan để bảo đảm thực thi các quy tắc cụ thể của các Công ước này trong các tình huống theo quy định, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế về triển khai các công tác nhân đạo nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, ứng phó với các tình

huống khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, đối xử nhân đạo với ngư dân tàu thuyền nước ngoài trên biển.

Quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT được nhân dân Việt Nam đồng lòng ủng hộ qua nhiều thế hệ, quyết tâm giành được độc lập, tự do, thống nhất đất nước để được sống trong môi trường hòa bình. Kể từ khi chiến tranh chấm dứt, đất nước thống nhất, các chính sách về nhân đạo, tham gia gìn giữ hòa bình thế giới luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam đặc biệt chú trọng. Hiện nay, với chủ trương đẩy mạnh hội nhập quốc tế, Việt Nam là thành viên của hầu hết các công ước và nghị định thư của Luật NDQT ngày càng đóng vai trò quan trọng trong các diễn đàn quốc tế, trong đó có các diễn đàn về bảo đảm quyền con người trong ngăn ngừa và giải quyết các cuộc xung đột vũ trang. Đặc biệt, ngày 13 tháng 11 năm 2020, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 130/2020/QH14 về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của liên hợp quốc nhằm tham gia hoạt động hỗ trợ khắc phục hậu quả chiến tranh, duy trì hòa bình sau xung đột, vì mục đích nhân đạo trên cơ sở đề nghị của Liên hợp quốc. Do đó, để thực hiện tốt nhiệm vụ gìn giữ hòa bình thế giới, QĐNDVN cần thực hiện tốt việc giáo dục Luật NDQT cho quân nhân, trong đó tập trung quán triệt quan điểm thường xuyên quán triệt quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về nhân đạo và thực thi Luật NDQT trong tình hình mới.

Việc quán triệt những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về tinh thần nhân đạo, lòng khoan dung và thực thi Luật NDQT trong tình hình mới chính là cơ sở để các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN xây dựng kế hoạch, đề án, quản lý, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn tổ chức thực hiện, xây dựng các giải pháp khả thi, phù hợp nhằm bảo đảm giáo dục Luật NDQT được triển khai có hiệu quả.

4.1.2. Giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam phải gắn chặt chẽ với giáo dục kỷ luật quân đội cho quân nhân

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện kỷ luật tự giác nghiêm minh cho quân đội. Người khẳng định: “Quân đội mạnh là nhờ giáo dục khéo, nhờ chính sách đúng và nhờ kỷ luật nghiêm. Vì vậy, kỷ luật phải nghiêm minh” [56]. Kỷ luật là yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh chiến đấu của QĐNDVN. Chấp hành kỷ luật là một nguyên tắc quan trọng trong xây dựng QĐNDVN cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, bảo đảm cho quân đội luôn có sự tập trung thống nhất cao về ý chí, hành động, vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Giáo dục, rèn luyện kỷ luật quân đội là nội dung cơ bản để xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, một biện pháp cơ bản, quan trọng nhằm trang bị những kiến thức về pháp luật, kỷ luật và chuyển hóa những yêu cầu của pháp luật, điều lệnh, điều lệ quy định của quân đội thành nhu cầu động cơ bên trong của mỗi quân nhân. Giúp họ hình thành thói quen sống, làm việc và sinh hoạt có kỷ luật. Không ngừng hoàn thiện phẩm chất nhân cách người quân nhân cách mạng, đáp ứng được với yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Do đó, để giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt kết quả tốt đòi hỏi phải chú trọng đến công tác giáo dục, rèn luyện kỷ luật quân đội cho quân nhân. Việc kết hợp giữa giáo dục Luật NDQT với giáo dục kỷ luật quân đội sẽ góp phần hình thành cho quân nhân các phẩm chất đạo đức của một người quân nhân cách mạng, các chuẩn mực văn hóa, đạo đức, tinh thần nhân đạo, lòng khoan dung, phù hợp với các quy định của Luật NDQT.

Thực tiễn giáo dục, rèn luyện kỷ luật trong QĐNDVN cho thấy cho thấy đơn vị nào, thời gian nào cấp ủy, chỉ huy và quân nhân có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của công tác giáo dục kỷ luật, có trách nhiệm cao,

thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, chu đáo công tác giáo dục, rèn luyện kỷ luật thì đơn vị đó, thời điểm đó chất lượng, hiệu quả giáo dục chấp hành pháp luật, chấp hành các quy định của Luật NDQT của quân nhân được nâng lên; phẩm chất nhân cách người quân nhân cách mạng ngày càng được hoàn thiện, tinh thần nhân đạo, lòng khoan dung của dân tộc Việt Nam ngày càng thấm sâu vào mỗi quân nhân, việc quán triệt các quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhân đạo, thực thi Luật NDQT của quân nhân tốt hơn. Ngược lại, ở đơn vị nào cấp ủy, chỉ huy và quân nhân nhận thức chưa đúng, không đầy đủ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác giáo dục, rèn luyện kỷ luật, buông lỏng trong quản lý, chỉ đạo, tổ chức thiếu chặt chẽ trong giáo dục kỷ luật thì đơn vị đó ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật, ý thức, trách nhiệm của quân nhân trong thực hiện các nhiệm vụ nhân đạo không cao. Do đó, đòi hỏi cấp ủy, chỉ huy các cấp ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN cần phải thường xuyên quán triệt các nguyên tắc giáo dục, triển khai chặt chẽ các nội dung, biện pháp giáo dục Luật NDQT kết hợp với giáo dục, rèn luyện kỷ luật quân đội cho quân nhân theo quy định, đảm bảo phù hợp với đặc điểm các đơn vị và từng đối tượng quân nhân.

4.1.3. Giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam phải được tiến hành kiên trì, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm gắn với tính đặc thù của các cơ quan, đơn vị

Mục tiêu chung của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tôn trọng và chấp hành các chính sách về nhân đạo của Đảng, Nhà nước, các quy định của Luật NDQT cho quân nhân. Giáo dục Luật NDQT với những nội dung có kiến thức rộng và khó, liên quan đến rất nhiều văn bản pháp luật quốc tế, quốc gia. Vì vậy, để các nội dung của giáo dục Luật NDQT thấm dần vào từng quân nhân cần phải kiên trì tổ chức thực hiện hoạt động này. Đồng thời, chú trọng xác định đúng nội dung, hình thức,

phương pháp giáo dục Luật NDQT cho quân nhân, thực hiện hoạt động này một cách có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Bên cạnh đó, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN cần chú ý đến tính đặc thù của mỗi cơ quan, đơn vị. Mỗi cơ quan, đơn vị quân đội có chức năng, nhiệm vụ khác nhau theo quy định của Nhà nước, BQP. Do đó, giáo dục Luật NDQT cho quân nhân của từng đơn vị cần phải xác định được các nội dung, hình thức, phương pháp đảm bảo phù hợp với đặc điểm nhiệm vụ của mỗi quân nhân. Trong đó, chú trọng tính đặc thù của các lực lượng trực tiếp hiện nay đang thực hiện các nhiệm vụ trên biển, trên không, các lực lượng tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Đặc biệt, là lực lượng trực tiếp tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc tại các khu vực đã có thỏa thuận hòa bình giữa các bên liên quan, các hoạt động vì mục đích hòa bình, nhân đạo, tái thiết. Lực lượng này đòi hỏi phải xác định nội dung, sử dụng hình thức, phương pháp khác với các lực lượng khác trong quân đội. Từ đó có thể thấy, nếu không tách biệt và phân loại được các nhóm đối tượng thì nội dung giáo dục Luật NDQT dành cho quân nhân trong QĐNDVN sẽ không bảo đảm cung cấp được những nội dung cần thiết, đặc thù cho từng nhóm đối tượng, cách thức thực hiện cũng như phương pháp giáo dục Luật NDQT sẽ không phát huy được hiệu quả dẫn đến nội dung giáo dục Luật NDQT cho quân nhân sẽ dàn trải, không đúng trọng tâm trọng điểm vào những vấn đề quân nhân đang cần giải quyết tốn kém thời gian, tiền bạc mà không phát huy hiệu quả. Do đó, việc xác định đúng nội dung, lựa chọn, sử dụng các hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT cho quân nhân cần được xác định và tiến hành phù hợp với đặc thù của từng đối tượng quân nhân và đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN hiện nay.

4.1.4. Phát huy vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp hiệp đồng của các tổ chức, các lực lượng đối với việc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay

Mọi hoạt động học tập, công tác của quân nhân trong QĐNDVN luôn diễn ra trong mối quan hệ mật thiết với các tổ chức, lực lượng trong cơ quan, đơn vị. Những mối quan hệ này thường xuyên tác động và trực tiếp điều khiển, thúc đẩy quá trình hình thành, phát triển ý thức chấp hành pháp luật của quân nhân, trong đó, có các quy định của Luật NDQT, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT.

Phát huy vai trò của các tổ chức, các lực lượng chính là phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng; năng lực tổ chức, điều hành của người chỉ huy; sự hướng dẫn, chỉ đạo của các cơ quan chức năng, trách nhiệm của các tổ chức quần chúng như Hội đồng quân nhân, Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội phụ nữ... trong đơn vị; sự phối hợp với chính quyền địa phương và gia đình quân nhân trong việc giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong cơ quan, đơn vị. Mọi tổ chức đều phải nhận thức rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong giáo dục Luật NDQT và xây dựng ý thức tự giác tuân thủ chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Luật NDQT cho quân nhân, trong đó tổ chức đảng là nòng cốt, là hạt nhân đoàn kết và lãnh đạo phát huy sức mạnh của các tổ chức, các lực lượng trong đơn vị.

Để tạo ra sự chuyển biến, phát triển toàn diện, vững chắc, có hiệu quả việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN cần phải có sự tham gia, phối hợp của tất cả các tổ chức, lực lượng với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Trước hết, cấp ủy, tổ chức đảng, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy các cấp phải tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả việc giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong cơ quan, đơn vị; giáo dục Luật NDQT cho quân nhân cần phải được tiến hành đồng bộ, phát huy tốt vai trò, chức năng của các cơ quan BQP, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị QĐNDVN, Vụ Pháp chế, Cục Dân vận, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam,

Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và các cơ quan thông tấn, báo chí.

Bên cạnh đó, phải phát huy được vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp đồng bộ của các tổ chức, các lực lượng trong cơ quan, đơn vị tham gia vào giáo dục Luật NDQT cho quân nhân, trước hết, cấp ủy, tổ chức đảng, người chỉ huy, chính trị viên, các tổ chức quần chúng tiếp tục quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết Đảng, tổ chức thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, chương trình giáo dục Luật NDQT. Thường xuyên giáo dục, quán triệt cho quân nhân thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt của việc giáo dục Luật NDQT đối với việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người quân nhân trong giai đoạn hiện nay. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng phải được tiến hành thường xuyên, liên tục với các nội dung, hình thức, biện pháp phù hợp. Yêu cầu này đòi hỏi lãnh đạo, chỉ huy các cấp khi đặt ra các yêu cầu, nội dung, hình thức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị phải xuất phát từ thực tế, đặc điểm đối tượng, phát huy được tối đa tính tích cực tự tu dưỡng, tự rèn luyện của quân nhân. Quá trình giáo dục Luật NDQT cho quân nhân cần được nâng dần từ thấp lên cao; thường xuyên có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với sự tiến bộ, mức độ trưởng thành của quân nhân theo năm, tránh hiện tượng định kiến, nóng vội đốt cháy giai đoạn mà đặt ra những yêu cầu quá cao, không phù hợp. Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, lấy xây dựng, phát huy tính tích cực tự giác của quân nhân là chính để khắc phục mặt tiêu cực, hạn chế trong giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

4.2.1. Nhóm giải pháp chung

4.2.1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Đây là giải pháp rất quan trọng, sự lãnh đạo của Đảng đối với giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN vừa là nguyên tắc, vừa là điều kiện bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả, đúng quan điểm, đường lối của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, trao đổi, phỏng vấn cán bộ chủ trì các đơn vị, kết hợp với tổng hợp kết quả các phiếu điều tra xã hội học đối với 400 cán bộ chủ trì; 1000 SQ, QNCN và 2000 HSQ, BS của 10 đơn vị quân đội cho thấy, có 97,00% cán bộ chủ trì, 89,80% SQ, QNCN và 90,50% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp cần thiết; 96,25% cán bộ chủ trì, 89,00 SQ, QNCN, 89,90 % HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp có tính khả thi cao bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả [Phụ lục 1.10.1; Phụ lục 2.8.1; Phụ lục 3.8.1]. Sự lãnh đạo của Đảng đối với giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phải luôn được thực hiện một cách toàn diện, chặt chẽ, có chiều sâu. Để thực hiện tốt giải pháp này cần thực hiện một số nội dung, biện pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao khả năng hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về thực thi các Công ước và nghị định thư của Luật NDQT, giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng trong xã hội nói chung, cho quân nhân trong QĐNDVN nói riêng. Qua nghiên cứu các quan điểm của Đảng, chưa thấy có quan điểm nào đề cập cụ thể, trực diện đến nội dung giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng trong xã hội, nhất là giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN mới chỉ được lồng ghép, thể hiện trong quan điểm của Đảng về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, về quyền con người và bảo đảm quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam. Vì vậy, để bảo đảm hiệu quả giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay, đòi hỏi Đảng cần đề ra chủ trương, hoạch định đường lối, chính sách cụ thể về giáo dục Luật NDQT, đưa ra các quan điểm chỉ đạo, định hướng xây dựng, hoàn thiện về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giáo dục Luật NDQT.

Thứ hai, Đảng cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo QUTƯ, BQP, cấp ủy đảng các cấp trong QĐNDVN đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT cho quân nhân. Tiếp tục quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác

phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”; Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta”; Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20/7/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Công tác nhân quyền trong tình hình mới”; Nghị quyết 130/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; Quyết định số 1309/QĐ-TTg, ngày 5/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân”; Quyết định số 42/QĐ-TTg ngày 12/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Đề án tuyên truyền thành tựu của Việt Nam về dân chủ, nhân quyền, dân tộc và tôn giáo thực hiện trong giai đoạn 2017-2021; các quy định trong các công ước và nghị định thư của Luật NDQT mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công hàm tuyên bố Việt Nam gia nhập các Công ước Geneva năm 1949, ngày 5/6/1957 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Luật NDQT, bao gồm: Công ước Geneva về việc cải thiện tình trạng của thương binh, bệnh binh thuộc lực lượng vũ trang chiến đấu trên bộ; Công ước Geneva về việc cải thiện tình trạng của những thương binh, bệnh binh và những người bị đắm tàu thuộc lực lượng hải quân; Công ước Geneva về việc bảo hộ thường dân trong chiến tranh; Công ước Geneva về đối xử đối với tù binh trong chiến tranh; chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thực thi Luật NDQT; Nghị định thư (I) bổ sung các Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế và Nghị định thư (II) bổ sung các Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang không có tính chất quốc tế.

Thứ ba, Đảng cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo QUTU, BQP rà soát, bổ sung, xây dựng, cụ thể hóa các quy định của Luật NDQT, chú trọng thực hiện các quy định về giáo dục Luật NDQT trong các công ước, nghị định thư của Luật NDQT bảo đảm sát đúng, phù hợp với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của Quân đội và đặc điểm, trình độ nhận thức của các đối tượng quân nhân. Tăng

cường công tác kiểm tra, giám sát, thường xuyên sơ kết, tổng kết, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong giáo dục Luật NDQT và xử lý kịp thời các tập thể, cá nhân thiếu trách nhiệm trong giáo dục Luật NDQT, các hành vi vi phạm các quy định của Luật NDQT, quy định của pháp luật Nhà nước, quy định của Quân đội về thực thi Luật NDQT trong thực tiễn thực hiện các tình huống nhân đạo xảy ra của quân nhân. Bên cạnh đó, Đảng cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo QUTU, BQP thường xuyên làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN quan tâm xây dựng nguồn lực đảm bảo cho hoạt động giáo dục Luật NDQT; củng cố, kiện toàn, phát huy vai trò trách nhiệm của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, đội ngũ giảng viên, giáo viên giảng dạy pháp luật, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, đội ngũ cán bộ thực hiện giáo dục Luật NDQT theo từng giai đoạn gắn sát với tình hình thực tiễn nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động, thói quen chấp hành các quy định của Luật NDQT cho quân nhân.

4.2.1.2. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Đây là giải pháp có vị trí, vai trò quan trọng góp phần bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả, thiết thực. Một hệ thống các văn bản pháp luật hoàn thiện, với đầy đủ các nội dung cần thiết từ các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng đến các thiết chế cụ thể liên quan đến lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục Luật NDQT nói riêng sẽ giúp cho việc áp dụng và thực thi các chính sách pháp luật về giáo dục Luật NDQT một cách tốt nhất, do đó, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN sẽ đạt hiệu quả cao như mong muốn. Qua trao đổi, xin ý kiến chuyên gia và tổng hợp kết quả các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 97,25% cán bộ chủ trì, 88,50% SQ, QNCN và 89,40% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp cần thiết; 97,75% cán bộ chủ trì, 90,00 SQ, QNCN, 87,50 % HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp có tính khả thi cao bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả [Phụ lục 1.10.2, Phụ lục 2.8.2, Phụ lục 3.8.2].

Tuy nhiên, pháp luật về giáo dục Luật NDQT còn là khoảng trống, hiện nay giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN chủ yếu dựa trên cơ sở pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật hiện hành, trong khi đó hệ thống pháp luật này còn tồn tại một số hạn chế nhất định và gây khó khăn trong quá trình giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN nói riêng, như: Thiếu cụ thể, rõ ràng; trùng lặp chồng chéo, chưa đầy đủ nội hàm hoặc mâu thuẫn nhau; nhiều văn bản thiếu tính khả thi; tính ổn định của hệ thống văn bản về giáo dục phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục Luật NDQT còn yếu. Trong khi đó, trong một thời gian dài, công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được chú trọng, một số văn bản pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục Luật NDQT đã ban hành và có hiệu lực từ trước đến nay không còn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng hiện nay (điển hình như Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Thông tư số 42/2016/TT-BQP, ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng BQP Quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong BQP), dẫn đến hoạt động giáo dục Luật NDQT ở Việt Nam nói chung, trong QĐNDVN nói riêng sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Để bảo đảm và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN một vấn đề quan trọng là phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục Luật NDQT nói riêng; kịp thời khắc phục những quy định có liên quan đến giáo dục Luật NDQT đã bộc lộ những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện giáo dục. Hệ thống văn bản pháp luật về giáo dục Luật NDQT càng hoàn thiện thì giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng nói chung, cho quân nhân trong QĐNDVN nói riêng càng diễn ra thuận lợi, có hiệu quả. Vì vậy, ở giải pháp này, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu cụ thể hóa các quy định trong các công ước và nghị định thư của Luật NDQT mà Việt Nam là thành viên; nghiên cứu gia nhập các công ước, nghị định thư còn lại của Luật NDQT. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã là thành viên của gần 20 công ước, nghị định thư của Luật NDQT. Tuy nhiên một số công ước của Luật NDQT, Việt Nam mới chỉ

tham gia ký kết nhưng chưa là thành viên như: Công ước cấm hoặc hạn chế sử dụng một số loại vũ khí sinh thông thường có thể gây sát thương quá mức hoặc có tác động không phân biệt; Nghị định thư liên quan tới các loại vũ khí la-de gây mù mắt 1996; Nghị định thư về cấm hoặc hạn chế sử dụng mìn, bẫy chông và các loại vũ khí khác 1996; Công ước về cấm sử dụng, tàng trữ, sản xuất và chuyển giao các loại mìn sát thương cá nhân và về sự hủy diệt của chúng 1997. Bên cạnh đó, tuy Việt Nam đã tham gia ký kết, phê chuẩn và trở thành thành viên của Nghị định thư bổ sung thứ I về bảo vệ nạn nhân của các xung đột vũ trang. Nhưng cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa gia nhập Nghị định bổ sung thứ II về bảo vệ nạn nhân của các xung đột vũ trang phi quốc tế. Đối chiếu nội dung của Công ước, nghị định thư còn lại của Luật NDQT với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam cho thấy về cơ bản nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam đã tương thích với các quy định trong Công ước, nghị định thư còn lại của Luật NDQT. Vì vậy, Việt Nam cần nghiên cứu, xem xét lộ trình sớm tham gia công ước, nghị định thư còn lại của Luật NDQT để tạo thêm cơ sở pháp lý nhằm ưu tiên tối đa việc thực thi Luật NDQT, bảo đảm hoạt động giáo dục Luật NDQT ở Việt Nam, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả thiết thực.

Thứ hai, rà soát, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật về giáo dục Luật NDQT ở Việt Nam nói chung, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN nói riêng. Thực tiễn giáo dục Luật NDQT ở Việt Nam nói chung, trong QĐNDVN nói riêng thời gian qua cho thấy hệ thống chính sách, pháp luật về phổ biến, giáo dục, thực thi Luật NDQT đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế. Đặt ra yêu cầu các chủ thể có trách nhiệm như Quốc hội, Chính phủ, BQP, các bộ ngành liên quan, các cơ quan chức năng thuộc BQP cần tiến hành hệ thống hóa các văn bản pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, thực thi Luật NDQT hiện đang được áp dụng; tổ chức tổng kết kinh nghiệm, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, tiếp nhận các ý kiến đánh giá, đề xuất, kiến nghị từ các chuyên gia, các nhà khoa học, các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các chủ thể trực tiếp tiến hành giáo dục Luật NDQT và quân nhân là đối tượng của hoạt

động giáo dục Luật NDQT, từ đó có cơ sở thực tiễn, khoa học để hoàn thiện chính sách, pháp luật về giáo dục Luật NDQT ở Việt Nam nói chung, trong QĐNDVN nói riêng bảo đảm phù hợp. Trong đó, cần tập trung ban hành văn bản pháp luật quy định cụ thể về giáo dục Luật NDQT cho các đối tượng, chú trọng vào đối tượng là quân nhân trong QĐNDVN - lực lượng chủ yếu thực thi Luật NDQT. Hiện nay trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 cũng như các văn bản pháp luật khác, nhất là Thông tư số 42/2016/TT-BQP, ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng BQP Quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong BQP, chưa có văn bản nào quy định trực tiếp đến giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; chưa quy định cụ thể nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT. Đồng thời, các văn bản pháp luật Việt Nam hiện hành cũng chưa có văn bản nào quy định cơ chế để bảo đảm giáo dục Luật NDQT, nhất là giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Vì vậy, cần thiết phải có một văn bản pháp luật điều chỉnh một cách toàn diện, đầy đủ các nội dung liên quan đến giáo dục Luật NDQT ở Việt Nam, nhất là đối với lực lượng QĐNDVN - Lực lượng nòng cốt trong thực thi Luật NDQT. Việc sớm ban hành văn bản pháp luật quy định về giáo dục Luật NDQT nói chung, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là yêu cầu mang tính khách quan và cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Thứ ba, tăng cường công tác tiếp thu ý kiến, phản biện xã hội trong thực hiện chính sách, pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong QĐNDVN nói riêng. Tăng cường công tác tiếp thu ý kiến, phản biện xã hội, thông qua tiếp thu ý kiến, phản biện xã hội có thể tìm ra những bất cập, hạn chế và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm xây dựng, hoàn thiện pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Thông qua việc lấy ý kiến, phản biện xã hội cho hoạt động này có ý nghĩa thiết thực, từ đó quá trình triển khai thực hiện giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN sẽ được mọi quân nhân ủng hộ và dễ nắm bắt hơn góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm của quân nhân trong xây dựng ý thức

chấp hành, tình cảm và có hành vi pháp lý đúng đắn và chính xác tuân thủ các quy định của Luật NDQT trong thực hiện các tình huống nhân đạo xảy ra trong thực tiễn học tập và công tác.

Thứ tư, cần nghiên cứu xây dựng chương trình, đề án riêng về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay đang được thực hiện lồng ghép vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong BQP mà chưa có một chương trình dành riêng, vì vậy, các chủ thể có thẩm quyền nên xây dựng một chương trình riêng, đề án dành riêng cho hoạt động này. Bên cạnh đó, do tính chất đặc thù của QĐNDVN, việc xây dựng chương trình, đề án riêng về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN cần tập trung vào các nội dung giáo dục Luật NDQT liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và đặc điểm từng đối tượng quân nhân. Việc xây dựng chương trình, đề án riêng về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay là cấp thiết, phù hợp với các yêu cầu đặt ra trong điều kiện Việt Nam là thành viên trách nhiệm, tích cực trong thực thi Luật NDQT, trong đó, QĐNDVN là lực lượng nòng cốt.

4.2.1.3. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ và Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với việc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Đây là giải pháp quan trọng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan nhà nước, Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Qua phỏng vấn, xin ý kiến chuyên gia và tổng hợp kết quả các phiếu điều tra xã hội học đối với 400 cán bộ chủ trì; 1000 SQ, QNCN và 2000 HSQ, BS của 10 đơn vị quân đội cho thấy, có 86,25 % cán bộ chủ trì, 85,00% SQ, QNCN và 92,70% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp cần thiết; 87,50% cán bộ chủ trì, 82,00% SQ, QNCN, 88,60 % HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp có tính khả thi cao bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả [Phụ lục 1.10.3, Phụ lục 2.8.3; Phụ lục 3.8.3]. Để thực hiện tốt giải pháp này cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, phát huy vai trò, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ đối với việc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Thứ nhất, phát huy vai trò, trách nhiệm của Quốc hội đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Trước hết, cần nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội trong hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN nói riêng. Hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phải thể chế hóa kịp thời quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về thực thi Luật NDQT và hoạt động đối ngoại quốc phòng. Chú trọng mở rộng việc lấy ý kiến của BQP, các cơ quan, đơn vị và quân nhân trong QĐNDVN để đảm bảo quyền được tham gia hoạch định chính sách, pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Pháp luật về giáo dục Luật NDQT được ban hành phải đảm bảo tính khách quan, khả thi, phù hợp với các điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, chức năng, nhiệm vụ của QĐNDVN, đặc điểm, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN và phải bảo đảm tương thích với Công ước, nghị định thư của Luật NDQT mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội đối với việc thực hiện pháp luật về Luật NDQT, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thông qua hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại các phiên họp toàn thể của Quốc hội; thông qua các hoạt động giám sát chuyên đề liên quan đến thực thi Luật NDQT, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội. Thực hiện kiểm tra chặt chẽ và có chế tài, biện pháp cụ thể về việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát.

Thứ hai, phát huy vai trò, trách nhiệm của Chính phủ đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Chính phủ cần chỉ đạo cho BQP tăng cường công tác rà soát, tổng kết, rút kinh nghiệm việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Trên cơ sở đó, xác định hạn chế, nguyên nhân, những khoảng trống trong giáo dục Luật NDQT, đề xuất với Quốc hội ban hành văn bản cụ thể về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Căn cứ vào văn

bản pháp luật về thực thi Luật NDQT, về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, Chính phủ cần kịp thời ban hành các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật để thi hành Hiến pháp, pháp luật về thực thi Luật NDQT, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; chỉ đạo các BQP thường xuyên rà soát lại chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục Luật NDQT để kịp thời sửa đổi, bổ sung; lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật NDQT; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực để tổ chức tốt việc thi hành chính sách, pháp luật về giáo dục quyền con người, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý SQ, QNCN, HSQ, BS có hành vi vi phạm trong việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Hai là, phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với hoạt động giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế ngày càng lớn mạnh và là tổ chức có uy tín trong hoạt động nhân đạo trên toàn thế giới, với 193 thành viên. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trở thành thành viên của Phong trào từ tháng 11/1957. Trải qua 78 năm xây dựng và phát triển, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam không ngừng lớn mạnh, ngày càng xứng đáng là vai trò nòng cốt trong các hoạt động cứu trợ khẩn cấp và trợ giúp nhân đạo, chăm sóc sức khỏe, sơ cấp cứu ban đầu, hiến máu, hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác, tìm kiếm tin tức thân nhân thất lạc, tuyên truyền các giá trị nhân đạo, phòng ngừa, ứng phó thảm họa, góp phần quan trọng vào củng cố, phát huy giá trị truyền thống yêu chuộng hòa bình, nhân đạo và khoan dung của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và bảo vệ những giá trị có tính phổ quát của Luật NDQT cho nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang còn những hạn chế nhất định, nhất là đối với lực lượng QĐNDVN là lực lượng nòng cốt trong thực thi Luật NDQT. Thực tiễn giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay, công tác phối hợp với Bộ Quốc phòng, các cơ quan chức năng có liên quan trong giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong các cơ quan, đơn vị trong toàn quân

chưa thực sự thường xuyên, chưa rõ nét. Hoạt động phổ biến, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam mới chỉ chú trọng vào hoạt động phối hợp với BQP mời các chuyên gia của Ủy ban Chữ thập Đỏ quốc tế, các chuyên gia về Luật NDQT khi BQP có kế hoạch tổ chức tập huấn Luật NDQT cho các lực lượng. Do đó, cần phát huy hơn nữa vai trò của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tham gia vào hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN góp phần quan trọng vào nâng cao ý thức, kiến thức về Luật NDQT, hình thành thói quen, kỹ năng, định hướng hành vi của quân nhân trong thực hiện các tình huống nhân đạo, nhất là khi xảy ra các cuộc xung đột vũ trang, về chiến tranh.

Để phát phát huy vai trò trách nhiệm của Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cần quan tâm và tập trung thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm về hoạt động nhân đạo và vai trò của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức, hoạt động của Hội và hoạt động nhân đạo trong tình hình mới. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng và hội chữ thập đỏ các cấp tiếp tục quán triệt, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 43-CT/TW, Luật Hoạt động chữ thập đỏ và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác nhân đạo. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị đối với công tác chữ thập đỏ và vị trí, vai trò của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Các cấp ủy, tổ chức đảng xác định hoạt động chữ thập đỏ, công tác nhân đạo và kết quả thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội tại địa phương, đơn vị là nhiệm vụ chính trị; phát huy vai trò nòng cốt của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong công tác nhân đạo và phong trào chữ thập đỏ hiện nay.

Hai là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước; tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về hoạt động Chữ thập đỏ và công tác nhân đạo. Nhà nước và chính quyền các cấp tiếp tục chỉ đạo, triển

khai thực hiện Luật Hoạt động Chữ thập đỏ, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Làm tốt công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động chữ thập đỏ, công tác nhân đạo, từ thiện; công tác thi đua, khen thưởng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động nhân đạo, từ thiện. Quan tâm bố trí nguồn lực và điều kiện để bảo đảm hoạt động của các cấp Hội; tham gia thực hiện tốt các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nhân đạo, vì hòa bình, hữu nghị và phát triển trong tình hình mới.

Ba là, Hội Chữ thập đỏ các cấp tiếp tục đổi mới, sáng tạo, chủ động tham mưu và tổ chức các hoạt động; khẳng định vai trò nòng cốt, đầu mối, dẫn dắt điều phối về công tác nhân đạo. Tiếp tục xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức Hội từ Trung ương đến cơ sở vững mạnh, phát triển hội viên, tình nguyện viên, cộng tác viên chữ thập đỏ trong các cơ quan, đơn vị. Phát huy vai trò các câu lạc bộ, tổ, đội xung kích, tình nguyện trong việc vận động nhân dân tham gia các hoạt động do Hội phát động, tổ chức. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động hội chữ thập đỏ, công tác nhân đạo, từ thiện theo hướng thiết thực, hiệu quả, gắn với điều kiện thực tiễn của địa phương, đơn vị.

Bốn là, đẩy mạnh công tác phối hợp trong hoạt động Chữ thập đỏ và công tác nhân đạo; tăng cường tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của Hội Chữ thập đỏ, thu hút sự tham gia của toàn thể nhân dân, các tổ chức, cá nhân trong các hoạt động nhân đạo; chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng về mục đích, ý nghĩa, nội dung của hoạt động chữ thập đỏ, truyền thống nhân ái, tình thương yêu con người, tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động chữ thập đỏ; pháp Luật NDQT, nguyên tắc cơ bản của Phong trào chữ thập đỏ và trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, điều ước quốc tế khác về hoạt động nhân đạo mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, để tổ chức tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động nhân đạo, bảo đảm tính thống nhất, thiết thực,

hiệu quả. Thực hiện tốt vai trò nòng cốt, cầu nối điều phối các hoạt động nhân đạo; góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phát động; gắn các hoạt động nhân đạo, tuyên truyền các giá trị nhân đạo và tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh với các phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

4.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể

4.2.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đối với việc giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Xuất phát từ nguyên tắc Đảng lãnh đạo quân đội tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; do đó, hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phải luôn đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của các tổ chức Đảng trong Quân đội. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của QUTƯ, BQP là cơ sở định hướng đúng đắn để cấp ủy, chỉ huy các cấp trong Nhà trường quán triệt và tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục Luật NDQT. Vì vậy, cấp ủy, chỉ huy các cấp ở các cơ quan, đơn vị trong toàn quân cần tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết của QUTƯ, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của BQP về giáo dục Luật NDQT và nhiệm vụ quốc phòng, đối ngoại quốc phòng sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống, tham gia thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Qua tổng hợp kết quả các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 88,50% cán bộ chủ trì, 89,00% SQ, QNCN và 91,75% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp cần thiết; 90,00% cán bộ chủ trì, 88,00% SQ, QNCN, 93,30 % HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp có tính khả thi cao bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả [Phụ lục 1.10.4, Phụ lục 2.8.4, Phụ lục 3.8.4].

Bảo đảm cho sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng trong QĐNDVN là yếu tố góp phần giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN luôn đi đúng hướng, định hướng chính trị - tư tưởng cho quân nhân. Đây là nội dung trọng tâm trong công

tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đơn vị của cấp ủy, người chỉ huy các cấp ở các cơ quan, đơn vị trong quân đội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành các quy định, chuẩn mực của Luật NDQT. Đặc biệt, tình hình trong nước và quốc tế đang có những diễn biến phức tạp, khó lường, các thế lực thù địch ra sức chống phá cách mạng Việt Nam với âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, lật đổ chính quyền nhà nước, phi chính trị hóa quân đội, gây bạo loạn với thủ đoạn hết sức tinh vi, xảo quyệt, gây ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng, tình cảm của quân nhân, nhất là đối với lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, các tình huống, nhiệm vụ cứu trợ nhân đạo, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của QUTƯ, BQP đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là hết sức cần thiết. Để giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả thiết thực, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, Quân ủy Trung ương, BQP cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị QĐNDVN và các cơ quan chức năng có liên quan của BQP như: Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật - BQP, Vụ pháp chế - BQP, Cục Dân vận - Tổng Cục Chính trị QĐNDVN, Cục Đối ngoại - BQP, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên trị các cơ quan, đơn vị trong toàn quân tăng cường quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực thi Luật NDQT, chỉ thị, nghị quyết của QUTƯ, quy định của BQP về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN và các quy định có liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT cho quân nhân ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN.

Hai là, Quân ủy Trung ương, BQP cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN quan tâm củng cố, kiện toàn, phát huy vai trò trách nhiệm của đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, đội ngũ cán bộ trực tiếp giáo dục Luật

NDQT cho quân nhân. Chỉ đạo việc xây dựng nguồn lực đảm bảo thực hiện giáo dục Luật NDQT theo từng giai đoạn gắn sát với tình hình thực tiễn nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, huấn luyện chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu với bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống, văn hóa pháp luật trong đơn vị tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động, thói quen chấp hành các quy định của pháp luật Nhà nước, kỷ luật của quân đội, đơn vị về thực thi Luật NDQT.

Ba là, Quân ủy Trung ương, BQP cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong toàn quân nghiên cứu xây dựng và ban hành nghị quyết chuyên đề về giáo dục Luật NDQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Gắn đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về *Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*; Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Cuộc vận động Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ thời kỳ mới nhằm nâng cao hiểu biết, xây dựng ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật cho quân nhân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong giáo dục Luật NDQT và xử lý kịp thời các biểu hiện coi nhẹ, hành vi vi phạm các quy định của Luật NDQT trong cơ quan, đơn vị.

4.2.2.2. Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng trong Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia giáo dục Luật nhân đạo quốc tế cho quân nhân

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN chỉ có thể đạt được kết quả tốt khi các chủ thể có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đối với việc giáo dục Luật NDQT và có trách nhiệm cao đối với

hoạt động này. Qua tổng hợp kết quả các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 92,25% cán bộ chủ trì, 90,60% SQ, QNCN và 91,00% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp cần thiết; 94,50% cán bộ chủ trì, 90,20% SQ, QNCN, 90,75% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp có tính khả thi cao bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả [Phụ lục 1.10.5, Phụ lục 2.8.5, Phụ lục 3.8.5].

Thực tiễn giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN những năm qua, cho thấy một trong những nguyên nhân những hạn chế trong giáo dục Luật NDQT là do một số cấp ủy, tổ chức đảng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở các cơ quan, đơn vị trong Quân đội chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ, hoặc trách nhiệm chưa cao. Để nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong giáo dục Luật NDQT, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, đối với cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN phải nhận thức rõ lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động giáo dục Luật NDQT là một trong những nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Quân đội về giáo dục Luật NDQT; căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức chỉ huy các cấp cần cụ thể hoá thành chủ trương, biện pháp lãnh đạo ở cấp mình, hướng dẫn, chỉ đạo cấp dưới cụ thể hóa thành kế hoạch, thường xuyên tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục Luật NDQT gắn với kiểm tra, đánh giá kết quả các mặt công tác khác.

Thứ hai, đối với các cơ quan chức năng của BQP, trực tiếp là Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật - BQP, Vụ Pháp chế, Cục Dân vận - Tổng cục Chính trị QĐNDVN, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam, Cục Đối ngoại - BQP chủ động phối hợp nghiên cứu, rà soát, cụ thể hoá quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Luật NDQT thành các văn bản, chỉ thị, hướng dẫn phục vụ giáo dục Luật NDQT

trong QĐNDVN đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quân đội; xây dựng kế hoạch tổng thể, quán triệt, hướng dẫn, tổ chức cho các cơ quan, đơn vị trong toàn quân thực hiện nghiêm các quy định đó. Định kỳ kiểm tra, thanh tra, tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm việc giáo dục Luật NDQT ở các cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, đối với Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cơ quan, đơn vị và đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ trực tiếp giáo dục Luật NDQT cho quân nhân. Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cơ quan, đơn vị cần phát hiện, bồi dưỡng và lựa chọn những cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức kỷ luật cao, có kỹ năng giáo dục pháp luật, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ hiểu biết về Luật NDQT để kiện toàn vào đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật làm nhiệm vụ giáo dục Luật NDQT. Tham mưu, đề xuất, xác định nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT phù hợp với từng đối tượng. Hằng năm, định kỳ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật NDQT cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật ở các cơ quan, đơn vị. Kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết về Luật NDQT và tạo mọi điều kiện thuận lợi về vật chất và tinh thần để khuyến khích họ phát huy tốt vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ trực tiếp giáo dục Luật NDQT cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong nghiên cứu, học tập các quy định của Luật NDQT, xây dựng nội dung giáo án giảng dạy, tuyên truyền, phổ biến Luật NDQT chu đáo, gắn sát với từng đối tượng quân nhân, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, cần sử dụng đa dạng, linh hoạt các hình thức, phương pháp trong quá trình giáo dục Luật NDQT cho quân nhân, chú trọng vào các phương pháp nêu vấn đề, nêu tình huống để quân nhân xử trí, hình thành kỹ năng xử trí các tình huống trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quân sự đảm bảo đúng quy định của Luật NDQT.

Thứ tư, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý, chỉ huy các cấp ở các cơ quan, đơn vị trong giáo dục Luật NDQT. Cán bộ quản lý chỉ huy cần thường xuyên nắm chắc các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên và cấp mình, nắm chắc mục tiêu, yêu cầu, chủ động lập kế hoạch và cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn về giáo dục Luật NDQT thành các quy định cụ thể, phổ biến, giáo dục, quán triệt, tổ chức cho cấp mình và dưới thực hiện. Luôn sâu sát với đơn vị, duy trì nghiêm các hoạt động giáo dục Luật NDQT tại đơn vị. Phân tích đánh giá khách quan, chính xác kết quả giáo dục Luật NDQT cho quân nhân, kịp thời uốn nắn, ngăn chặn những nhận thức, hành vi không đúng.

4.2.2.3. Mở rộng đối tượng giáo dục Luật nhân đạo quốc tế; xây dựng nội dung, sử dụng hình thức, phương pháp giáo dục Luật nhân đạo quốc tế phù hợp với từng đối tượng quân nhân

Đây là giải pháp trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay. Mở rộng đối tượng giáo dục Luật NDQT; xây dựng nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT phù hợp với từng đối tượng quân nhân là nhằm bảo đảm cho các nội dung giáo dục Luật NDQT được chuyển tải đến quân nhân, thực sự sinh động, hấp dẫn, cuốn hút được sự chú ý của họ. Trên cơ sở đó tạo ra những điều kiện để quân nhân lĩnh hội, hình thành ý thức chấp hành, tuân thủ Luật NDQT và ý thức chấp hành, tuân thủ Luật NDQT ngày càng phát triển nâng cao, trở thành nhu cầu, thói quen trong mọi hoạt động, thành một phẩm chất nhân cách cơ bản của mỗi người quân nhân cách mạng. Qua tổng hợp kết quả các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 96,00% cán bộ chủ trì, 88,30% SQ, QNCN và 92,70% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp cần thiết; 95,25% cán bộ chủ trì, 88,50% SQ, QNCN, 89,60% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp có tính khả thi cao bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả [Phụ lục 1.10.6, Phụ lục 2.8.6, Phụ lục 3.8.6].

Thứ nhất, mở rộng đối tượng quân nhân được giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Xuất phát từ chức năng của QĐNDVN là đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất, trong đó chức năng đội quân chiến đấu là chức năng cơ bản, chủ yếu nhất. Để thực hiện tốt chức năng này, QĐNDVN phải thường xuyên nắm, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, đối sách xử lý thắng lợi các tình huống, giữ vững thế chủ động về chiến lược, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược, không để bị động, bất ngờ, nhất là những vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến độc lập, chủ quyền, tranh chấp biên giới, biển đảo, lợi ích quốc gia, dân tộc. Đồng thời, phải quản lý, nắm chắc tình hình vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, ngoại biên, không gian mạng, nhất là trên các địa bàn trọng điểm, các điểm nóng, kịp thời xử lý hiệu quả các tình huống, không để xảy ra xung đột; thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện phương án tác chiến và luyện tập thuần thục phương án đã xác định, phù hợp với từng địa bàn, môi trường, không gian tác chiến, bảo đảm thế chủ động khi có tình huống xảy ra. Bên cạnh đó, QĐNDVN được xác định là lực lượng nòng cốt trong thực hiện các cam kết của Nhà nước Việt Nam về phổ biến, giáo dục Luật NDQT. Do đó, đòi hỏi tất yếu khách quan mọi quân nhân trong QĐNDVN phải được giáo dục Luật NDQT.

Tuy nhiên, thời gian qua số lượng quân nhân được giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN còn ít, chủ yếu tập trung vào quân nhân ở một số cơ quan, đơn vị, như Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, cán bộ, giảng viên dạy luật ở các nhà trường quân đội và quân nhân của các cơ quan, đơn vị được cử đi tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc theo quyết định của Bộ Quốc phòng. Chính vì vậy, việc mở rộng đối tượng quân nhân được giáo dục Luật NDQT cần được Quân ủy Trung ương, BQP xác định là nhiệm vụ quan trọng, cần thiết hiện nay. Có như vậy, quân nhân trong QĐNDVN mới có được kiến thức, kỹ năng, hành vi, cách xử sự phù hợp trong thực hiện các nhiệm vụ quân sự theo đúng quy

định của Luật NDQT góp phần xây dựng QĐNDVN chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hợp tác quốc tế về quốc phòng hiện nay.

Khi mở rộng đối tượng quân nhân được giáo dục Luật NDQT cần chú ý phân loại các nhóm đối tượng giáo dục Luật NDQT để làm cơ sở xác định nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT đảm bảo phù hợp, hiệu quả, bao gồm các nhóm đối tượng sau:

Nhóm đối tượng thứ nhất là cán bộ chủ trì các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN. Đây là đối tượng cần đặc biệt quan tâm trong việc giáo dục Luật NDQT. Bởi vì, đây là những lãnh đạo, chỉ huy đứng đầu các cơ quan, đơn vị, chịu trách nhiệm trước cấp ủy, tổ chức đảng, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên cấp trên về toàn bộ hoạt động của cơ quan, đơn vị. Do đó, việc tuân thủ các quy định của Luật NDQT của quân nhân trong cơ quan, đơn vị phụ thuộc nhiều vào mệnh lệnh, chỉ thị của đội ngũ cán bộ chủ trì.

Nhóm đối tượng thứ hai là đội ngũ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp ở các cơ quan, đơn vị là lực lượng nòng cốt của quân đội đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ của đơn vị theo chức trách được giao; bảo đảm cho đơn vị chấp hành triệt để đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội, sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong bất kỳ hoàn cảnh, điều kiện nào, trong đó có nhiệm vụ phổ biến, giáo dục Luật NDQT. Do đó, việc giáo dục Luật NDQT cho đội ngũ SQ, QNCN ở các cơ quan, đơn vị hiện nay là hết sức cần thiết để làm cơ sở để họ có kiến thức toàn diện, kỹ năng trong phổ biến, giáo dục các quy định của Luật NDQT cho quân nhân thuộc quyền và ra các quyết định đúng đắn, tuân thủ Luật NDQT trong thực hiện các nhiệm vụ quân sự trên biển, trên không, trên đất liền, biên giới quốc gia và tham chỉ huy lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

Nhóm đối tượng thứ ba là hạ sĩ quan, binh sĩ ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN. HSQ, BS là công dân đang phục vụ trong lực lượng

thường trực của Quân đội nhân dân và lực lượng Cảnh sát biển. HSQ, BS trong QĐNDVN có nghĩa vụ tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; sẵn sàng chiến đấu, hy sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao và thực hiện nghĩa vụ quốc tế; bảo vệ tính mạng, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân; Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệnh, Điều lệ của Quân đội nhân dân. Bên cạnh đó, HSQ, BS là những người trực tiếp thực hiện mệnh lệnh của người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên ở các cơ quan, đơn vị, nhất là việc thực hiện các mệnh lệnh liên quan đến việc tuân thủ các quy định của Luật NDQT. Chính vì vậy, giáo dục Luật NDQT cho đối tượng này là hết sức, cần thiết hiện nay, góp phần quan trọng vào việc thực thi Luật NDQT của QĐNDVN.

Thứ hai, xây dựng nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp giáo dục Luật nhân đạo quốc tế phù hợp với từng đối tượng quân nhân.

Trong điều kiện nhận thức về Luật NDQT của quân nhân còn hạn chế, các công ước, nghị định thư và các văn bản thực hiện Luật NDQT trong những năm gần đây ngày càng nhiều, điều kiện tổ chức, bảo đảm và thời gian dành cho hoạt động này có hạn thì việc xây dựng nội dung giáo dục Luật NDQT thế nào cho đúng, phù hợp với quân nhân là một trong những điều kiện rất quan trọng đảm bảo cho hoạt động giáo dục Luật NDQT đạt hiệu quả, có chất lượng cao. Trên cơ sở xây dựng nội dung giáo dục Luật NDQT phù hợp với các đối tượng quân nhân ở các cơ quan, đơn vị, để từ đó xác định hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT đúng đắn, phù hợp.

Thực tiễn ở các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN, những năm qua cho thấy, xây dựng nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT phù hợp với từng đối tượng quân nhân đã góp phần hình thành thói quen chấp hành các nguyên tắc, quy định, chuẩn mực của Luật NDQT trở thành nếp sống đẹp của quân nhân. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân mà việc

xây dựng nội dung, đa dạng hóa hình thức, biện pháp giáo dục Luật NDQT vẫn còn những hạn chế. Chưa gắn kết chặt chẽ quá trình trang bị kiến thức với bồi dưỡng các phẩm chất nhân cách, chưa thực hiện nhuần nhuyễn dạy nghề với dạy người. Vì vậy, để việc xây dựng nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả thiết thực, cần thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, xây dựng nội dung giáo dục Luật NDQT phù hợp với từng đối tượng quân nhân. Mỗi nội dung giáo dục Luật NDQT đều có vị trí, vai trò riêng, do vậy trong quá trình giáo dục, các chủ thể cần lựa chọn những vấn đề thiết thực nhất, gắn với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, chức trách, nhiệm vụ của từng quân nhân. Đồng thời nhấn mạnh, làm rõ nội dung quan trọng, giúp quân nhân định hướng tư tưởng và tập trung chú ý để tiếp thu, lĩnh hội tốt nhất. Nội dung giáo dục pháp luật cần được hoàn thiện theo hướng cơ bản, hệ thống và toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung đột phá giải quyết, khắc phục nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong giáo dục Luật NDQT, trong đó cần tập trung những nội dung sau là: Giáo dục các văn kiện cơ bản của Luật NDQT, những nội dung cơ bản của Luật NDQT; giáo dục các điều ước quốc tế và nghị định thư của Luật NDQT mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; giáo dục quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật Việt Nam về thực thi giáo dục Luật NDQT; giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam, QĐNDVN; giáo dục trách nhiệm của Quân đội, của quân nhân trong thực hiện các quy định của Luật NDQT. Cần phải chú trọng xây dựng các khóa học về các nội dung cơ bản về Luật NDQT sát với từng đối tượng quân nhân để đảm bảo họ tuân thủ các quy định của Luật NDQT, trong đó, việc thực hiện các khóa học về Luật NDQT nên được lặp lại theo các khoảng thời gian đều đặn sẽ giúp củng cố sự tôn trọng các nguyên tắc nhân đạo của quân nhân. Tàn suất huấn luyện các khoa học cần được xác định theo yêu cầu hoạt động của từng đối tượng quân nhân, có thể lồng ghép vào các môn học, các vấn đề huấn luyện song phải đảm bảo quân nhân phải được đào tạo ít nhất một lần trong một năm. Các khóa học cho các đối tượng có thể được kết cấu như sau:

Khóa học cơ bản dành cho hạ sĩ quan, binh sĩ	Khóa học cơ bản dành cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp	Khóa học cơ bản dành cho cán bộ chủ trì từ cấp trung đoàn trở lên
a. Giới thiệu khái quát về Luật NDQT		
1. Khái quát lịch sử hình thành, phát triển của Luật NDQT		
2. Nguồn của Luật NDQT		
2. Mục đích của Luật NDQT		
3. Phạm vi áp dụng và hiệu lực của Luật NDQT		
4. Mối quan hệ giữa Luật NDQT và pháp luật quốc gia		
5. Tầm quan trọng của Luật NDQT		
b. Các nguyên tắc cơ bản của Luật NDQT		
1. Sự cần thiết về mặt quân sự		
2. Sự khác biệt giữa thường dân và binh lính		
3. Tính tương xứng		
4. Nhân đạo		
c. Người tham chiến		
d. Người được bảo vệ		
e. Các bên tham chiến khác		
f. Biểu tượng bảo vệ	f. Vai trò của Hội Chữ thập đỏ quốc tế	
g. Đối tượng được bảo vệ	g. Biểu tượng bảo vệ	
h. Phương tiện và phương pháp chiến tranh	h. Đối tượng được bảo vệ	
i. Thực thi Luật NDQT 1. Nghĩa vụ của nhà nước 2. Trách nhiệm chỉ huy 3. Trách nhiệm cá nhân 4. Tội ác chiến tranh	i. Phương tiện và phương pháp chiến tranh, bao gồm lệnh cấm theo Luật NDQT và các nghĩa vụ của quốc gia	
	j. Thực thi Luật NDQT 1. Nghĩa vụ của Nhà nước 2. Trách nhiệm chỉ huy 3. Trách nhiệm cá nhân 4. Tội ác chiến tranh	j. Luật NDQT trong việc lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động quân sự
		k. Đình chiến và các hoạt động quân sự khi đình chiến
		l. Luật NDQT và các hoạt động chiếm đóng
		m. Thực thi Luật NDQT 1. Nghĩa vụ của Nhà nước 2. Trách nhiệm chỉ huy 3. Trách nhiệm cá nhân 4. Tội ác chiến tranh 5. Hành vi và cách phòng ngừa vi phạm Luật NDQT

Bên cạnh đó, xây dựng nội dung giáo dục Luật NDQT cho quân nhân một mặt vừa đảm bảo tính chính xác, khoa học, mặt khác, phải thường xuyên được bổ sung, cập nhật các tri thức mới về sự phát triển của Luật NDQT. Đồng thời, xây dựng nội dung giáo dục Luật NDQT phải bám sát sự phát triển của thực tiễn thực hiện Luật NDQT trên thế giới và hoạt động quân sự để làm cho các tri thức về Luật NDQT trở nên sống động, gắn bó với thực tiễn hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của quân nhân trong QĐNDVN.

Thứ hai, đa dạng hóa hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Để cho hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt được hiệu quả cao thì hình thức giáo dục Luật NDQT có vai trò rất quan trọng. Đối với mỗi nội dung, mỗi đối tượng cần sử dụng hình thức giáo dục phù hợp với khả năng nhận thức, điều kiện tổ chức và thời gian vật chất được quy định. Hình thức giáo dục Luật NDQT cần tuân theo các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật chung được quy định trong Điều 11 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và Điều 12 Thông tư số 42/2016/TT-BQP ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng của BQP Quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong BQP. Với nội dung giáo dục Luật NDQT mang tính chất đặc thù cần thực hiện kết hợp nhiều hình thức giáo dục pháp luật khác nhau, trong đó, tập trung hình thức lên lớp trực tiếp, kết hợp với tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu Luật NDQT; tập huấn, cung cấp thông tin, biên soạn tài liệu về Luật NDQT; thi tìm hiểu, tọa đàm trao đổi về Luật NDQT; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng... Tuy nhiên, để vận dụng hình thức này đòi hỏi chủ thể giáo dục Luật NDQT phải có trình độ, kiến thức toàn diện về Luật NDQT, có uy tín và kinh nghiệm trong phổ biến, giáo dục pháp luật, đồng thời, các trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT phải được đảm bảo đầy đủ, thì mới phát huy hiệu quả hình thức này. Bên cạnh đó, cần định kỳ tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về thời sự chính trị, văn hóa, tình hình thực hiện Luật NDQT trên thế giới, tình hình chấp hành, tuân thủ Luật NDQT trong quân đội. Mặt khác, lồng ghép các hình thức giáo dục chính trị,

tư tưởng với giáo dục Luật NDQT thông qua hoạt động thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, gắn với việc duy trì các chế độ, nề nếp hoạt động thường xuyên trong ngày, trong tuần, thông qua tổ chức tiến hành các hoạt động công tác đảng, công tác chính trị, thông qua giao ban chính trị hằng tuần, tháng, trong đánh giá, nhận xét quân nhân, nhận xét, phân tích chất lượng đảng viên, sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm để uốn nắn kịp thời và bồi dưỡng kiến thức, nâng cao ý thức chấp hành, tuân thủ Luật NDQT của quân nhân. Xây dựng không khí thi đua học tập, rèn luyện trong đơn vị để mọi quân nhân trên các cương vị chức trách, nhiệm vụ khác nhau được tham gia và chấp hành, tuân thủ các quy định của Luật NDQT. Thông qua đó tìm ra những hạt nhân điển hình, những người có khả năng làm nòng cốt cho phong trào học tập, rèn luyện, chấp hành, tuân thủ Luật NDQT của đơn vị, nhân rộng các điển hình tiên tiến để mọi quân nhân học tập, noi theo.

Thứ ba, vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Phương pháp giáo dục Luật NDQT là cách thức các chủ thể chuyển tải nội dung đến đối tượng giáo dục. Để nâng cao hiệu quả giáo dục Luật NDQT đòi hỏi các chủ thể phải có sự kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp tránh mệnh lệnh cứng nhắc, khô khan, trong đó cần áp dụng các biện pháp khêu gợi, kích thích tính tích cực nhận thức của quân nhân, tìm cách lôi cuốn họ cùng tham gia giải quyết các vấn đề mang tính thời sự nảy sinh trong thực tiễn xảy ra các tình huống nhân đạo cũng như trong hoạt động của đơn vị. Hạn chế đi đến loại bỏ giáo dục theo kiểu bày sẵn, truyền thụ một chiều làm cho quân nhân trong học tập tiếp thu thụ động, lười suy nghĩ, hạn chế tới khả năng sáng tạo của họ. Chú trọng phương pháp “xây dựng các tình huống nhân đạo” có thể xảy ra trong các cuộc xung đột vũ trang, chiến tranh gắn với các quy định của Luật NDQT. Khi xây dựng các tình huống, các chủ thể giáo dục có thể lấy nội dung từ các vụ việc cụ thể trong thực tiễn, có thể là tình huống hư cấu. Tuy nhiên để vận dụng phương pháp này thành công đòi hỏi chủ thể cần có chuyên môn vững, có đầu tư công phu và kinh nghiệm.

Tận dụng tốt các ưu thế của các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong giáo dục Luật NDQT ở đơn vị. Các phương tiện kỹ thuật hiện đại như phương tiện truyền thông, internet, băng hình, ghi âm, máy trình chiếu... tạo điều kiện thực hiện các phương pháp giáo dục từ đơn giản đến phức tạp với các mức độ, hiệu quả khác nhau nhằm gia tăng các tác động tới giác quan của người học, khiến quân nhân tiếp thu lĩnh hội kiến thức có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, cần phân biệt rõ phương pháp giáo dục và phương tiện phục vụ giáo dục, chống những quan điểm ngại sử dụng, hoặc tuyệt đối hóa việc sử dụng các phương tiện mà phủ nhận sạch trơn các phương pháp giáo dục truyền thống, thiếu sâu sát của đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục. Trên thực tế, cần phải kết hợp tốt cả các phương pháp giáo dục truyền thống và phương tiện kỹ thuật hiện đại, biết cách khai thác hợp lý phương tiện kỹ thuật sẽ tạo ra hiệu quả cao trong giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

4.2.2.4. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quân nhân trong quá trình tự giáo dục Luật nhân đạo quốc tế

Đây là giải pháp cơ bản, quan trọng để bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay đạt hiệu quả thiết thực. Bởi vì, quân nhân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của quá trình giáo dục Luật NDQT. Thực tế cho thấy, vấn đề tự giáo dục Luật NDQT của quân nhân đã được cấp uỷ, chỉ huy các cấp trong cơ quan, đơn vị coi trọng. Tuy nhiên về phía quân nhân, không phải quân nhân nào cũng tích cực, tự giác trong tự giáo dục Luật NDQT. Một bộ phận quân nhân coi nhẹ tự giáo dục, không tích cực, tự giác trong tự học, tự rèn còn phải đôn đốc, nhắc nhở. Đây là một nguyên nhân của những khuyết điểm trong giáo dục giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua. Qua tổng hợp kết quả các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 92,00% cán bộ chủ trì, 89,00% SQ, QNCN và 90,50% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp cần thiết; 91,00% cán bộ chủ trì, 88,00% SQ, QNCN, 91,40% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp có tính khả thi cao bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả [Phụ lục 1.10.7, Phụ lục 2.8.7, Phụ lục 3.8.7].

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN phụ thuộc rất lớn vào tính tích cực học tập, rèn luyện, tu dưỡng của chính quân nhân. Mặt khác, với tư cách là chủ thể của nhận thức, việc tự học tập, tự rèn luyện sẽ giúp cho quân nhân tiếp thu có hiệu quả nhất sự giúp đỡ, giảng dạy của các chủ thể giáo dục hình thành niềm tin, tình cảm với các công ước và nghị định thư của Luật NDQT để đi đến thực hiện những hành vi đúng đắn, phù hợp với những đòi hỏi của quân đội và chuẩn mực của Luật NDQT. Để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quân nhân trong giáo dục Luật NDQT hiện nay, cần thực hiện tốt các nội dung, biện pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng tự giáo dục Luật NDQT của quân nhân trong cơ quan, đơn vị. Giáo dục Luật NDQT của các chủ thể chỉ đạt hiệu quả và có ý nghĩa khi được quân nhân tích cực, chủ động hợp tác tiếp nhận. Giáo dục Luật NDQT của các chủ thể luôn đặt trong mối quan hệ khăng khít với tự giáo dục Luật NDQT của quân nhân. Vì vậy, cùng với đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục Luật NDQT của các chủ thể cần nâng cao chất lượng tự giáo dục Luật NDQT của quân nhân nhằm tạo cơ sở vững chắc để nâng cao kiến thức về Luật NDQT của họ hiện nay. Để nâng cao chất lượng tự giáo dục Luật NDQT của quân nhân cần thực hiện tốt một số nội dung cụ thể sau: Trước hết, nâng cao trình độ lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp tự giáo dục Luật NDQT của quân nhân. Theo đó, mỗi quân nhân cần lựa chọn chính xác những nội dung giáo dục Luật NDQT, đảm bảo phù hợp với khả năng nhận thức, mô hình nhân cách và chức trách, nhiệm vụ của quân nhân. Mỗi quân nhân cần phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động lựa chọn đúng, đủ nội dung giáo dục Luật NDQT để tích lũy, lĩnh hội được nhiều tri thức về Luật NDQT cũng như những giá trị, chuẩn mực, hành vi, lối sống tích cực theo nguyên tắc, chuẩn mực của Luật NDQT. Cùng với nâng cao trình độ lựa chọn nội dung giáo dục Luật NDQT, mỗi quân nhân cần nâng cao trình độ lựa chọn hình thức và phương pháp tự giáo dục Luật NDQT. Giáo dục Luật NDQT của các chủ thể cho quân nhân được thực hiện với nhiều hình thức và phương pháp khác nhau. Mỗi hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT của các chủ thể

có mức độ phù hợp nhất định với mỗi quân nhân. Trên cơ sở những hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT của các chủ thể đã thực hiện và định hướng, mỗi quân nhân cần năng động, sáng tạo, lựa chọn, vận dụng linh hoạt theo khả năng của mình. Nâng cao trình độ tự lựa chọn hình thức và phương pháp tự giáo dục Luật NDQT bảo đảm vừa tiếp nhận, lĩnh hội được nội dung giáo dục của các chủ thể, vừa được trau dồi và củng cố vững chắc thông qua việc thực hiện vai trò chủ thể trực tiếp giáo dục Luật NDQT tại cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, nâng cao tinh thần ham hiểu biết, tìm hiểu nghiên cứu về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của quân đội về thực thi Luật NDQT, các nội dung cơ bản của Luật NDQT cho quân nhân. Sống, học tập, công tác trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt pháp luật ở vị trí tối thượng, của tổ chức đặc thù quân đội coi “kỷ luật là sức mạnh”, thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc tế cao cả, đòi hỏi quân nhân phải có tinh thần ham hiểu biết, tìm hiểu và nghiên cứu về pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội nói chung, các nguyên tắc, quy định, chuẩn mực của Luật NDQT nói riêng. Để nâng cao tinh thần ham hiểu biết, tìm hiểu và nghiên cứu Luật NDQT, mỗi quân nhân cần nhận thức đúng vai trò của Luật NDQT đối với nhân loại, xã hội và mỗi cá nhân. Nhận thức đúng ý nghĩa tích cực của việc thực hiện hành vi pháp luật tích cực, lối sống và làm việc theo nguyên tắc, quy định, chuẩn mực của Luật NDQT. Các chủ thể lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, giáo dục cần làm tốt việc thông tin, định hướng kịp thời, chính xác và chính thống thông tin về những vấn đề thực hiện Luật NDQT trong các tình huống xung đột vũ trang, chiến tranh để quân nhân chủ động tìm hiểu, nghiên cứu. Đồng thời, cần thường xuyên tạo ra các tình huống nhân đạo trong các cuộc xung đột để quân nhân tự nghiên cứu, giải quyết. Thường xuyên tổ chức cho quân nhân tham gia có hiệu quả các cuộc thi tìm hiểu, nghiên cứu về Luật NDQT một cách sâu rộng. Mỗi quân nhân phải tự sắp xếp thời gian hợp lý để vừa hoàn thành các nhiệm vụ, vừa có thời gian tự học tập, tìm hiểu, nghiên cứu về Luật NDQT.

Thứ hai, phát huy tính tích cực, tự giác của quân nhân trong nhận thức về mục đích, vai trò của việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Theo đó, cần

làm cho quân nhân nhận thức được, tự rèn luyện có vai trò trực tiếp quyết định chất lượng, hiệu quả rèn luyện phương pháp, tác phong công tác theo Hiến pháp và pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội, tạo cơ sở động lực bên trong quyết định kết quả phát triển văn hóa pháp luật của họ. Mỗi quân nhân cần nhận thức đúng, thực chất tự rèn - luyện là quá trình tự mình nội hóa những giá trị phổ quát của Luật NDQT đã được tiếp nhận, tạo động lực bên trong, trực tiếp quyết định kết quả giáo dục Luật NDQT. Mỗi quân nhân cần nỗ lực tự rèn luyện, khép mình vào những quy định có tính bắt buộc của Luật NDQT. Qua đó, dần hình thành và trở nên ổn định trong nhân cách với những thói quen, hành vi, lối sống có nền nếp theo nguyên tắc, chuẩn mực của Luật NDQT. Đồng thời, loại bỏ dần những thói quen, hành vi tự do, tùy tiện dễ dẫn đến những hành vi vi phạm các nguyên tắc, quy định và chuẩn mực của Luật NDQT.

Thứ ba, phát huy tính tích cực, tự giác của quân nhân trong tự chuyển hoá nhận thức thành động cơ, ý chí quyết tâm tự rèn luyện phương pháp, tác phong công tác, thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề trong các tình huống nhân đạo theo Luật NDQT. Trên cơ sở quân nhân có nhận thức đúng về mục đích, vai trò và thực chất tự rèn luyện phương pháp, tác phong công tác lối sống, làm việc, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết các vấn đề trong các tình huống nhân đạo theo Luật NDQT, cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ huy các cấp, các lực lượng cần xây dựng cho họ động cơ tích cực, ý chí quyết tâm, kiên quyết, kiên trì tự rèn luyện, tự nội hóa giá trị này thành phẩm chất nhân cách. Trong quá trình này, cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ huy các cấp, các lực lượng cần nhận thức đúng, việc nâng cao trình độ tự chuyển hoá nhận thức thành động cơ, ý chí quyết tâm tự rèn luyện lối sống, làm việc, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong các tình huống nhân đạo theo Luật NDQT không diễn ra một cách nhất thời, mà là một quá trình biện chứng từ thấp đến cao. Vì vậy, các chủ thể lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, giáo dục, rèn luyện quân nhân và bản thân mỗi quân nhân cần kiên trì, trân trọng ghi nhận từng sự tiến bộ của sự chuyển hóa của họ qua từng giai đoạn, từng năm, từng cấp bậc, từng chức vụ công tác. Đồng thời, thường xuyên động viên, khuyến khích quân nhân

tiếp tục kiên quyết, kiên trì tự chuyển hóa nhận thức thành động cơ, ý chí quyết tâm tự rèn luyện để đạt được những bước tiến tiếp theo.

Phát huy tính tích cực, tự giác của quân nhân trong tự chuyển hoá nhận thức thành động cơ, ý chí quyết tâm tự rèn luyện phương pháp, tác phong công tác, thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề trong các tình huống nhân đạo theo Luật NDQT là cuộc đấu tranh nội tâm quyết liệt của quân nhân. Đó là cuộc đấu tranh giữa nhu cầu, tình cảm, niềm tự hào trở thành người quân nhân cách mạng mẫu mực về lối sống và phong cách làm việc với sự cản trở của tâm lý, thói quen, hành vi tự do, tùy tiện, tự phát, bốc đồng, ngại khó, ngại khổ; đấu tranh giữa lý tưởng cách mạng cao đẹp của người quân nhân cách mạng với những cám dỗ lợi ích vật chất cá nhân và sự tác động tiêu cực từ xã hội, nhất là sự tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường, tác động của tình chính trị thế giới, khu vực và trong nước, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng và ngoài xã hội... Vì vậy, mỗi quân nhân cần giải quyết hài hòa các lợi ích của mình với lợi ích tập thể, lợi ích xã hội để chuyển hóa nhận thức thành động cơ tích cực, ý chí quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, kiên quyết, kiên trì tự rèn luyện phương pháp, tác phong công tác, thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề trong các tình huống nhân đạo theo Luật NDQT thành phẩm chất nhân cách của mình, tạo cơ sở động lực trực tiếp để nâng cao kiến thức, kỹ năng, xây dựng thói quen, hành vi tuân thủ Luật NDQT.

Thứ tư, phát huy tính tiên phong, gương mẫu, tự giác quân nhân trong rèn luyện phương pháp, tác phong công tác, thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề trong các tình huống nhân đạo theo Luật NDQT. Theo đó, mỗi quân nhân cần không ngừng nâng cao nhận thức về chức trách, nhiệm vụ của mình. Nhận thức đúng chức trách, nhiệm vụ và việc tiên phong, gương mẫu, tự giác rèn luyện sẽ giúp cho quân nhân phát huy được tính tích cực, chủ động rèn luyện phương pháp, tác phong công tác, thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề trong các tình huống nhân đạo theo Luật NDQT. Mỗi quân nhân cần thực hiện tốt các quy định nêu gương của người cán bộ, đảng viên. Căn cứ vào

chức trách, nhiệm vụ, tình hình thực tiễn, mỗi quân nhân cần chủ động xây dựng cho mình kế hoạch nêu gương, rèn luyện phương pháp, tác phong công tác, thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề trong các tình huống nhân đạo theo Luật NDQT một cách khoa học và có tính khả thi. Kế hoạch nêu gương, tự rèn luyện đó có thể xây dựng lồng ghép với kế hoạch công tác học tập, công tác của mỗi quân nhân. Kết hợp lồng ghép chặt chẽ với kế hoạch phân đấu tu dưỡng, rèn luyện của người cán bộ, đảng viên, đoàn viên; kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Chỉ thị số 855-CT/QUTW của Thường vụ QUTƯ về đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới; kế hoạch khắc phục, sửa chữa khuyết điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng. Quá trình thực hiện từng nội dung của kế hoạch cần thể hiện rõ tính tự giác, chủ động, cầu thị và nghiêm túc, có ý chí quyết tâm cao trong phân đấu thực hiện các nội dung của kế hoạch đã xây dựng. Phát huy tính tiên phong, gương mẫu, tự giác của quân nhân trong rèn luyện phương pháp, tác phong công tác, thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề trong các tình huống nhân đạo theo Luật NDQT cần được thực hiện có nền nếp thường xuyên, mọi lúc, mọi nơi để góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong QĐNDVN hiện nay.

4.2.2.5. Tăng cường nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế trong giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua là do nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT chưa đáp ứng được nhu cầu. Trong những năm qua, Nhà nước, BQP, các cơ quan chức năng đã dành sự quan tâm, bố trí ngân sách phục vụ giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Tuy nhiên, so với yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thì sự đầu tư kinh phí đó còn dãn trải, thiếu trọng tâm và chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt

động này. Do đó, Nhà nước, BQP, các cơ quan chức năng cần quan tâm, đầu tư kinh phí nhiều hơn nữa cho việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Qua tổng hợp kết quả các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 91,25% cán bộ chủ trì, 93,00% SQ, QNCN và 90,50% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp cần thiết; 90,00% cán bộ chủ trì, 90,30% SQ, QNCN, 92,00% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp có tính khả thi cao bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả [Phụ lục 1.10.8, Phụ lục 2.8.8, Phụ lục 3.8.8].

Do vậy, để bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, vấn đề quan trọng đặt ra là Nhà nước, Quân đội cần tiếp tục có những giải pháp về tài chính, ưu tiên, hỗ trợ và tăng ngân sách đầu tư cho hoạt động này. Trong đó, cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường nguồn lực tài chính cho giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Bất cứ một hoạt động nào cũng cần đến một nguồn kinh phí nhất định để đảm bảo đủ điều kiện, cơ sở vật chất, kỹ thuật, chi trả cho các hoạt động để hoạt động đó được vận hành hiệu quả. Do đó, cần xây dựng cơ chế bố trí ngân sách riêng cho hoạt động này, tăng cường việc huy động kinh phí từ các đề án, chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn kinh phí khác; cần xây dựng phần mềm điện tử trong quản lý và sử dụng tủ sách pháp luật ở các cơ quan, đơn vị. Chú trọng đầu tư nguồn kinh phí trang bị, vật chất bảo đảm thực hiện Ngày pháp luật trong Quân đội hàng. Nguồn kinh phí mà Nhà nước, BQP và các cơ quan chức năng đầu tư kịp thời cũng giúp các chủ thể giáo dục Luật NDQT thực hiện tốt hơn chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, các chuyên gia pháp luật khác trực tiếp làm nhiệm vụ giáo dục Luật NDQT cho quân nhân, nhất là chế độ phụ cấp trách nhiệm, chi trả thù lao... Chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất có tác dụng khơi dậy lòng nhiệt tình, sự tận lực, tận tâm của đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ làm công tác giáo dục Luật NDQT đối việc với giáo dục Luật NDQT cho quân nhân, từ đó, họ có sự chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng bài giảng, tập trung hoàn thành tốt nhiệm vụ truyền đạt thông tin, kiến thức về

Luật NDQT cho quân nhân với chất lượng, hiệu quả cao nhất. Bên cạnh đó, nguồn kinh phí hạn hẹp cũng khiến cho các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN khó có thể mời được những giảng viên, chuyên gia pháp lý trong nước, tổ chức quốc tế trực tiếp tham gia tập huấn, bồi dưỡng về Luật NDQT cho đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ làm công tác giáo dục Luật NDQT hoặc trực tiếp nói chuyện, trao đổi về Luật NDQT với quân nhân trong cơ quan, đơn vị. Việc Nhà nước, BQP, các cơ quan chức năng đầu tư kinh phí nhiều hơn cho hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là điều kiện quan trọng để có thể tổ chức đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên hơn, giúp nâng cao trình độ của đội ngũ này. Trình độ của đội ngũ giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ làm công tác giáo dục Luật NDQT được nâng cao sẽ là sự bảo đảm cho chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Thứ hai, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp, hiện đại, bảo đảm đầy đủ kinh phí phục vụ cho các hình thức như lên lớp trực tiếp, sân khấu hóa, hội thảo, tập huấn, tọa đàm, trao đổi sẽ góp phần bảo đảm giáo dục Luật NDQT đạt hiệu quả. Và ngược lại, nếu cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT không đảm bảo sẽ dẫn đến chất lượng, hiệu quả giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN không cao, không đạt được mục đích đề ra. Do đó, cần tập trung biên soạn, dịch thuật tài liệu về Luật NDQT nhất là cần thiết biên soạn ngay “Sổ tay Luật NDQT” cho quân nhân trong QĐNDVN. Bên cạnh đó, cần xây dựng thao trường huấn luyện các tình huống giả định về Luật NDQT; đầu tư mua sắm các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động của tủ sách pháp luật, các loại đầu sách về Luật NDQT, cung cấp và phổ biến rộng rãi, kịp thời bằng các hình thức thông tin thư mục, hướng dẫn tra cứu và giới thiệu nội dung sách, báo, tài liệu về Luật NDQT trên các bản tin, loa truyền thanh, tạo điều kiện thuận lợi cho quân nhân nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật. Bên cạnh đó, cần nâng cấp các trang thiết bị thiết yếu trong phòng đọc để phục vụ cho công tác quản lý, khai thác tủ sách pháp luật theo đúng quy định.

Thứ ba, tăng cường xã hội hóa trong giáo dục Luật NDQT. Trong đó, cần xác định rõ phạm vi, mức độ xã hội hóa trong giáo dục Luật NDQT. Hiện nay phạm vi và mức độ xã hội hóa hoạt động này chưa được đề cập một cách cụ thể, rõ ràng, mà chỉ đề cập chung chung “Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật; huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”. Cần xác định rõ những nội dung mà tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (không phải Nhà nước) được thực hiện, quy định rõ cách thức thực hiện, cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện sự tham gia của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và xây dựng cơ chế kiểm soát việc hoạt động này, góp phần bảo đảm hiệu quả hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay.

4.2.2.6. Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục Luật nhân đạo quốc tế trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Trước tình hình chính trị thế giới, khu vực, xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hiện nay, nhu cầu hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT ở Việt Nam nói chung, trong QĐNDVN nói riêng là một yêu cầu tất yếu. Qua tổng hợp kết quả các phiếu điều tra xã hội học cho thấy, có 85,50% cán bộ chủ trì, 88,00% SQ, QNCN và 89,40% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp cần thiết; 86,25% cán bộ chủ trì, 73,60% SQ, QNCN, 90,15% HSQ, BS cho rằng đây là giải pháp có tính khả thi cao bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả [Phụ lục 1.10.9, Phụ lục 2.8.9, Phụ lục 3.8.9].

Thời gian tới, quán triệt, thực hiện quan điểm của Đảng, cam kết của Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT. Đòi hỏi, QUTU, BQP cần quan tâm, coi trọng việc hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT, coi đây là một nội dung quan trọng trong công tác đối ngoại, hợp tác quốc phòng thời kỳ đẩy mạnh hội nhập quốc tế, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, bảo đảm cho Quân đội hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Trong đó, cần tập trung thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp và đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật toàn quân đối với nhiệm vụ hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Đây là vấn đề khó, chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, đòi hỏi vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, nên các cơ quan, đơn vị có liên quan, nhất là Vụ Pháp chế - BQP, Cục Dân vận - Tổng cục Chính trị QĐNDVN, Cục Giữ gìn hòa bình Việt Nam và cơ quan chức năng có liên quan của BQP cần quán triệt, nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng, sự cần thiết và tính tất yếu phải hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT trong điều kiện đẩy mạnh hội nhập, hợp tác quốc tế về quốc phòng hiện nay. Tổ chức giáo dục, quán triệt nắm chắc các nghị quyết, chỉ thị, văn bản của Đảng, Nhà nước, QUTU, BQP về hợp tác quốc tế trong giáo dục Luật NDQT. Nắm vững mục tiêu, yêu cầu đạt được, nguyên tắc, phương thức hoạt động, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong các kế hoạch, chương trình, dự án, đề án hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT của Quân đội; hiểu rõ đặc điểm, văn hóa, trình độ, kết quả giáo dục Luật NDQT trong quân đội của từng đối tác; xác định thuận lợi, khó khăn, các yếu tố tác động cả tích cực, tiêu cực trong hợp tác,... làm cơ sở vận dụng, triển khai thực hiện hiệu quả, bảo đảm đúng quy trình, lộ trình đã xác định cho từng năm và cả giai đoạn.

Thứ hai, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, thể chế pháp luật về hợp tác quốc tế trong giáo dục Luật NDQT. Hiện nay, hệ thống cơ chế, chính sách, thể chế pháp luật về nội dung này chưa đầy đủ, đồng bộ, trong khi QĐNDVN đã và đang có quan hệ quốc phòng chính thức với nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế. Do vậy, các cơ quan pháp chế, kế hoạch và đầu tư, đối ngoại, dân vận, gìn giữ hòa bình, cơ quan chức năng liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao cần đề cao trách nhiệm, tham mưu với QUTU, BQP các chủ trương, biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác và quản lý hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ. Mục đích

cuối cùng là phải tạo được cơ chế, hành lang pháp lý thuận lợi nhất để hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT diễn ra theo đúng kế hoạch, lộ trình xác định và đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT. Các cơ quan, đơn vị trong QĐNDVN phải xác định nội dung hợp tác trọng tâm, giải pháp chủ yếu thực hiện hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT; đề xuất rõ nội dung, phương thức, đối tác hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT sát với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BQP và của cơ quan, đơn vị mình, bảo đảm tính khả thi cao. Chủ động phối hợp cùng các cơ quan chức năng kết nối với các đối tác nước ngoài trong hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT, chú trọng các đối tác có mối quan hệ truyền thống đặc biệt, đối tác láng giềng, đối tác có kinh nghiệm, thành tựu trong giáo dục Luật NDQT mà không cần có sự tương đồng về thể chế chính trị. Trước mắt, cần tăng cường hoạt động trao đổi đoàn, tiếp thu, vận dụng linh hoạt, sáng tạo kinh nghiệm của nước ngoài vào xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các văn bản về giáo dục Luật NDQT. Trong hợp tác, chú ý công tác khảo sát thực tiễn xây dựng, điều chỉnh, thể chế hóa, thực thi Luật NDQT của nước ngoài; không rập khuôn máy móc; không để nước ngoài can thiệp vào việc quyết định chính sách, pháp luật về quân sự, quốc phòng của nước ta và phù hợp với điều kiện, đặc thù của QĐNDVN. Đồng thời, sẵn sàng hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN với các đối tác khi có nhu cầu.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ cán bộ pháp chế, làm công tác giáo dục Luật NDQT chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về quốc phòng và hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT. Để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT, cần làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong lĩnh vực này; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, bồi dưỡng trong nước với gửi đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở nước ngoài, chú trọng đào tạo văn bằng thứ hai luật, Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên ngành pháp luật về quyền con người, nhằm xây

dựng đội ngũ cán bộ, sĩ quan làm công tác pháp luật quốc tế, chính sách đối ngoại quốc phòng đủ về số lượng, chất lượng ngày càng cao. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ pháp chế, cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi về ngoại ngữ, chắc về chuyên môn pháp luật quốc tế thuộc các chuyên ngành: Pháp chế; gìn giữ hòa bình; chủ quyền biên giới lãnh thổ, biển đảo; hàng không,... có kiến thức và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế theo tiêu chuẩn công dân toàn cầu.

Thứ năm, phát huy vai trò tham mưu của các tổ chức pháp chế, dân vận, cán bộ pháp chế chuyên trách, nòng cốt là Vụ Pháp chế - BQP, Cục Dân vận - Tổng cục Chính trị QĐNDVN, Cục gìn giữ hòa bình Việt Nam trong hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT. Vụ Pháp chế chủ động phối hợp chặt chẽ với Cục Đối ngoại, Cục Kế hoạch và Đầu tư - BQP, Cục Dân vận - Tổng cục Chính trị QĐNDVN, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam, cơ quan chức năng BQP, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các bộ, ngành liên quan tham mưu với QUTU, BQP các giải pháp củng cố, kiện toàn tổ chức, biên chế, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT của cơ quan, đơn vị trong toàn quân; tham mưu biện pháp quản lý và giúp Thủ trưởng BQP trực tiếp quản lý nhà nước, hướng dẫn, triển khai thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT. Chú trọng tham mưu nội dung, phạm vi, thời gian, phương thức, đối tác hợp tác; trách nhiệm và cơ chế thực hiện của các đối tác trong từng nội dung hợp tác; phương thức giải quyết bất đồng, tranh chấp và pháp luật áp dụng; tuân thủ trình tự, thủ tục đề xuất nội dung, đàm phán, ký kết, thực hiện thỏa thuận hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT để nâng cao chất lượng thỏa thuận quốc tế, bảo đảm tính thiết thực và khả thi cao.

Kết luận chương 4

Trên cơ sở đánh giá thực trạng về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, tác giả đã đưa ra các quan điểm, đề xuất và làm rõ một số giải pháp cơ bản, có tính khả thi nhằm bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN như: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; Hoàn thiện pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; Phát huy vai trò trách nhiệm của Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của QUTƯ, BQP về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng tham gia giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; Xác định đúng nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quân nhân trong quá trình tự giáo dục Luật NDQT; Tăng cường nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN; Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Để các giải pháp trên đi vào thực tiễn và đạt được hiệu quả cao thì cần phải luôn nêu cao nhận thức của các chủ thể tiến hành giáo dục Luật NDQT, sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể đó, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, rèn luyện của quân nhân. Trong quá trình thực hiện cần phải thực hiện một cách đồng bộ, kết hợp chặt chẽ giữa các giải pháp trên, không được coi trọng hoặc xem nhẹ giải pháp nào sẽ góp phần bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian tới.

KẾT LUẬN

Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là hoạt động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể thông qua các hình thức, phương pháp tác động đến quân nhân nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về Luật nhân đạo quốc tế giúp họ hình thành nhận thức đúng đắn, có thái độ, tình cảm tích cực và từng bước hình thành thói quen, hành vi xử sự phù hợp với các quy định của Luật nhân đạo quốc tế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc và tham gia các hoạt động quân sự, quốc phòng, góp phần xây dựng QĐNDVN cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Trong giai đoạn hiện nay, cùng với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng ngày càng sâu rộng, diễn ra mạnh mẽ. Chiến tranh và xung đột trong thế kỷ 21 vẫn hiện hữu sẽ tác động không nhỏ đến việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN. Để thực hiện tốt các cam kết của Việt Nam về phổ biến, giáo dục Luật NDQT; phát huy truyền thống khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam, của QĐNDVN anh hùng. Đặc biệt, từ khi QĐNDVN tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc từ tháng 6 năm 2014 đến nay. Đòi hỏi, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là vấn đề cấp thiết hiện nay.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu về phổ biến, giáo dục Luật NDQT nói chung, trong quân đội nói riêng đã có những kết quả nhất định, cung cấp tài liệu tham khảo hữu ích cho NCS, tuy nhiên nhìn một cách tổng thể có thể thấy, mặc dù số lượng các công trình nghiên cứu liên quan tới đề tài luận án khá phong phú, đa dạng nhưng chủ yếu là các công trình nước ngoài, chưa có một công trình nghiên cứu nào, chưa có một bài viết nào nghiên cứu, đề cập trực diện nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay. Trên thực tế, việc nghiên cứu về lý luận, thực trạng, quan điểm, giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay còn là một khoảng trống, chưa được đề cập, cần làm nghiên cứu một cách cụ thể, thấu đáo. Vì vậy luận

án là một công trình khoa học độc lập, không trùng lặp với các công trình khoa học đã được công bố trong và ngoài nước. Luận án luận giải, xây dựng mới khái niệm, đặc điểm, vai trò của giáo dục dục Luật NDQT trong QĐNDVN; nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và điều kiện bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

Thông qua việc nghiên cứu tổng quan các công trình nghiên cứu, nghiên cứu, phân tích các tài liệu liên quan và tiến hành điều tra xã hội học cho thấy, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN luôn được các cấp lãnh đạo, chỉ huy quan tâm sâu sát, thường xuyên duy trì và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, có chiều sâu, đã đem lại những kết quả quan trọng. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được thì giáo dục Luật NDQT vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, chưa đáp ứng được với mục tiêu, yêu cầu đặt ra. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng giải pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN, luận án đã đưa ra 4 quan điểm và đề xuất hai nhóm giải pháp (09 giải pháp cụ thể) nhằm bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN đạt hiệu quả trong thời gian tới. Để các giải pháp trên đi vào thực tiễn và đạt được hiệu quả cao thì cần phải thực hiện một cách đồng bộ, kết hợp chặt chẽ giữa các giải pháp trên, không được coi trọng hoặc xem nhẹ giải pháp nào; phải luôn nêu cao nhận thức của các chủ thể tiến hành giáo dục Luật NDQT, sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể đó, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập, rèn luyện của quân nhân.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Dương Thế Tùng (2024), “Giáo dục Luật NDQT trong quân đội một số quốc gia trên thế giới”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* - số 338, tr.112-115.
2. Dương Thế Tùng (2024), “Giải pháp bảo đảm giáo dục Luật NDQT trong quân đội”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 341, tr.73-77.
3. Dương Thế Tùng (2023), “Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN là một tất yếu khách quan”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 334, tr.53-57.
4. Dương Thế Tùng (2023), “Một số kinh nghiệm trong giáo dục quyền con người ở các nhà trường Quân đội hiện nay”, *Kỷ yếu hội thảo cấp Bộ*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr.451-469.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Phạm Nguyễn Ngọc Anh (2023), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học viên quân sự các trường sĩ quan khu vực phía Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
2. Binh chủng Pháo binh (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
3. Binh Chủng Công binh (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
4. Binh chủng Đặc công (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
5. Binh chủng Tăng thiết giáp (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
6. Binh chủng Hóa học (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
7. Binh chủng Thông tin (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
8. Bộ Ngoại giao, Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (2018), *Hội thảo quốc tế “Kỷ niệm 60 năm Việt Nam phê chuẩn các Công ước Geneva năm 1949 về Luật NDQT”*, tại trang <http://redcross.org.vn/hoi-thao-ky-niem-60-nam-viet-nam-phe-chuan-cac-cong-uoc-geneva-nam-1949-ve-luat-nhan-dao-quoc-te.html>, [truy cập ngày 25/3/2023].
9. Bộ Quốc phòng (2005), *Lịch sử QĐNDVN (1944-1975)*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
10. Bộ Quốc phòng (2016), *Thông tư số 42/2016/TT-BQP ngày 30/2/2016 của Bộ trưởng BQP quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong BQP*, Hà Nội.

11. Bộ Quốc phòng (2017), *Đề án “Tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người; pháp luật Việt Nam về chống tra tấn trong Quân đội, giai đoạn 2017 - 2021”*, Hà Nội.
12. Bộ Quốc phòng (2017), *Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo”*, Hà Nội.
13. Bộ Quốc phòng (2019), *Đề án “Tuyên truyền, phổ biến Luật Cảnh sát biển Việt Nam giai đoạn 2019 - 2023”*, Hà Nội.
14. Bộ Quốc phòng (2021), *Đề án “Phát huy vai trò của lực lượng Quân đội nhân dân tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở giai đoạn 2021 - 2027”*, Hà Nội.
15. Bộ Quốc phòng (2021), *Đề án “Tuyên truyền phổ biến Luật Biên phòng Việt Nam và các văn bản quy định chi tiết giai đoạn 2021 - 2025”*, Hà Nội.
16. Bộ Quốc phòng (2022), *Lịch sử công tác thanh niên quân đội (1952-2022)*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
17. Bộ Quốc phòng (2023), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
18. Bộ Quốc phòng (2023), *Thông tư số 143/2023/TT-BQP ngày 27/12/2023 của Bộ trưởng BQP Quy định xử lý kỷ luật trong QĐNDVN*, Hà Nội
19. Bộ Quốc phòng, Ủy ban Chữ thập đỏ Quốc tế (2020), *Hội thảo trực tuyến “Chiến tranh mạng và Luật NDQT: Hàm ý với an ninh khu vực trong bối cảnh dịch Covid-19”*, tại trang <https://nhandaovtv.vn/hoi-thao-truc-tuyen-ve-chien-tranh-mang-va-luat-nhan-dao-quoc-te-168201103175900000.htm>, [truy cập ngày 10/2/2024].
20. Bộ Quốc phòng, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế khu vực Đông Nam Á (2022), *Tập huấn Luật NDQT*, tại trang <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/tin-tuc/tap-huan-luat-nhan-dao-quoc-te-711102>, [truy cập ngày 08/01/2024].

21. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
22. Bộ Tổng Tham mưu (2006), *Từ điển giáo dục học quân sự*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
23. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
24. Chính phủ (2021), *Nghị định Quy định chi tiết một số điều Nghị quyết số 130/2020/QH14 của Quốc hội về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc*, Hà Nội.
25. Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (05/6/1957), *Công hàm của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa gửi chủ tịch liên bang Thụy Sĩ tuyên bố gia nhập những công ước gio-ne-vơ về bảo hộ nạn nhân chiến tranh*, Hà Nội.
26. Cục Dân vận/ Tổng cục Chính trị QĐNDVN (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
27. Cục Dân vận/ Tổng cục Chính trị QĐNDVN (2024), *Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện phổ biến, giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN*, Hà Nội.
28. Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
29. Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam (2024), *Báo cáo Tổng kết 10 năm công tác huấn luyện gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc*, Hà Nội.
30. Cục Quân huấn/Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN (2018), *Báo cáo số tình hình vi phạm kỷ luật và mất an toàn của toàn quân trong năm 2018*, Hà Nội.
31. Cục Quân huấn/ Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN (2019), *Thông báo tình hình chấp hành kỷ luật của toàn quân trong năm 2019*, Hà Nội.
32. Lê Văn Cừ (2020), *Công tác địch vận trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
33. Nguyễn Bá Diên (2018), *Việt Nam và việc tham gia bốn công ước Gionevo về bảo hộ nạn nhân chiến tranh*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Những đóng góp của Việt Nam trong lĩnh vực Luật NDQT”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.28-61.

34. Nguyễn Bá Diên chủ biên (2014), *Giáo trình Công pháp quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội
35. Lê Thị Anh Đào, Đặng Công Đức Anh và Lê Mỹ Thanh (2024), *Nguồn của Luật NDQT, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật Kỳ 1 (Số 406), tháng 6/2024*.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Vũ Công Giao, Nguyễn Anh Đức (2020), *Sự phát triển và những vấn đề đang đặt ra với Luật NDQT*, Tạp chí pháp luật về quyền con người, số 4 năm 2020, Hà Nội.
39. Lý Nam Hải (2021), *Phổ biến, giáo dục pháp cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
40. Phạm Hồng Hạnh (2020), *Bảo vệ thường dân trước những hậu quả của cuộc xung đột vũ trang theo quy định của Luật nhân đạo quốc tế*, Tạp chí Luật học số 4 năm 2020, Hà Nội.
41. Phạm Hồng Hạnh (2022), *Bảo vệ dân thường trong Luật nhân đạo quốc tế - Một số vấn đề pháp lý và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
42. Bùi Hiền và các cộng sự (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
43. Nguyễn Thị Thanh Hoa (2014), *Vấn đề can thiệp nhân đạo trong quan hệ quốc tế hiện nay*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quốc tế học, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
44. Trần Văn Hòa (2018), *Giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan Quân đội hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
45. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (2022), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Hội chữ thập đỏ Việt Nam, nhiệm kỳ 2022 -2027*, Hà Nội.
46. Lê Hùng (2024), *Nghiên cứu quy định của Luật NDQT được áp dụng để bảo vệ dân thường trong các cuộc xung đột vũ trang ở khu vực Trung*

Đông hiện nay, tại trang <https://lsvn.vn/nguyen-cuu-quy-dinh-cua-luat-nhan-dao-quoc-te-ihl-duoc-ap-dung-de-bao-ve-dan-thuong-trong-cac-cuoc-xung-dot-vu-trang-o-khu-vuc-trung-dong-hien-nay-1727888024-a147942.html>, [truy cập ngày 15/02/2024].

47. Bùi Quang Huy (2022), *Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan trong các nhà trường quân đội hiện nay*, Sách chuyên khảo, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
48. Phạm Thị Thu Huyền (2018), *Hoạt động NDQT của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế và tác động chính trị của nó từ năm 1991 đến nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
49. Trần Đức Hưng (2023), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ*, Sách chuyên khảo, NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
50. Trịnh Văn Hưng (2023), *Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
51. Nguyễn Thị Thu Hương (2019), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông từ thực tiễn Thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
52. Vũ Văn Khanh (2021), *Hoạt động gìn giữ hòa bình Liên Hợp quốc và đóng góp của Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
53. Vũ Như Khôi chủ biên (2005), *QĐNDVN 60 năm bảo vệ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2005)*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
54. Phan Huy Lê, Hoàng Văn Lâu và Ngô Đức Thọ biên dịch (2007), *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
55. Trần Thị Loan (2023), *Các điều ước quốc tế về chiến tranh và sự tham gia của Việt Nam*, Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, số 23, năm 2023, Hà Nội.

56. Hồ Chí Minh (1980), *Nói chuyện tại Hội nghị cán bộ chuẩn bị chiến dịch Tây Bắc*, Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 1, Nxb Sự thật, tr.525 - 530.
57. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
58. Nguyễn Văn Nam (2021), *Xây dựng QĐNDVN về chính trị theo tư tưởng nhân văn quân sự Hồ Chí Minh*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
59. Nguyễn Thị Kim Ngân (2018), *Những ảnh hưởng của các Điều ước quốc tế về nhân đạo trong trật tự pháp luật quốc gia*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Những đóng góp của Việt Nam trong lĩnh vực Luật NDQT, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
60. Nguyễn Phương Nhung (2015), *Bảo vệ quyền con người trong bốn công ước Geneva về việc bảo hộ nạn nhân chiến tranh*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.
61. Quân chủng Hải quân (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
62. Quân chủng Phòng không - Không Quân (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
63. Quân khu 1 (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
64. Quân khu 2 (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
65. Quân khu 3 (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
66. Quân khu 4 (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
67. Quân khu 5 (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
68. Quân khu 7 (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
69. Quân khu 9 (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.

70. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Quốc hội (2020), *Nghị quyết về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc*, Hà Nội.
72. Quốc hội (2022), *Bộ luật hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
73. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
74. Nguyễn Thị Tĩnh (2016), *Giáo dục pháp luật cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
75. Tổng Cục Chính trị QĐNDVN (2002), *Tổng kết công tác binh - dịch vận trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
76. Tổng Cục Chính trị QĐNDVN (2011), *Phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
77. Dương Thành Trung (2016), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
78. Nguyễn Đức Trung (2016), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc giáo dục nhân quyền ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 23(327), tr.9-14.
79. Trung tâm nghiên cứu quyền con người (2005), “*Các văn kiện cơ bản về Luật NDQT*”, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
80. Trung tâm nghiên cứu quyền con người (2005), “*Luật NDQT: Những nội dung cơ bản*”, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
81. Trung tâm huấn luyện, Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam (2024), *Công văn số 32/CGGHBVN-TTHL, ngày 12/3/2024 về việc tổng hợp kết quả hợp tác với ICRC*, Hà Nội.
82. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật quốc tế*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

83. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Giáo trình Công pháp quốc tế*, quyển 2, Nxb Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.
84. Trường Sĩ quan Lục quân 1 (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
85. Trường Sĩ quan Chính trị (2023), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
86. Ủy ban Chữ thập Đỏ Quốc tế (ICRC), *Hội thảo về Luật NDQT*, tại thành phố Geneva (Thụy Sĩ), từ ngày 03/11/2008.
87. Nguyễn Văn Vi (2018), *Giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
88. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2003), *Biên niên sự kiện BQP (1945-2000)*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
89. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2005), *Lịch sử QĐNDVN (1944-1975)*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
90. Phạm Viết Vượng (2000), *Giáo trình Giáo dục học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
91. Nguyễn Như Ý và các cộng sự (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

II. Tài liệu tiếng Anh

92. Abresch, William (2005), “A Human Rights Law of Internal Armed Conflict: The European Court of Human Rights in Chechnya”, *European Journal of International Law*, vol. 16, no. 4, pp. 741-767.
93. Alba Grembi, “Dissemination of International Humanitarian Law in Greece: A Maritime Perspective”, *Journal of International Humanitarian Legal Studies*, Volume 13: Issue 1, pp. 25-48.
94. Aldrich, George H. (2002), “The Taliban, al-Qaeda and the Determination of Illegal Combatants”, *American Journal of International Law*, vol. 96, no. 4, pp. 891-898.
95. Alin Bodescu (2008), “Military training and education on international humanitarian law”, *National Defence University Publishing House*, No 29, pp. 82-90.

96. Amritha V. Shenoy (2018), "International humanitarian law in ancient India: a multicivilisational perspective", *Indian Journal of International Law* volume 58, pp. 425-451.
97. Andrea Breslin (2010), "Ensuring Respect: The European Union's Guidelines on Promoting Compliance With International Humanitarian Law", *Israel Law Review*, Volume 43, Issue 2, pp. 381 - 413.
98. Annabel McConnachie (2015), "Preventing breaches of IHL through dissemination: The role of national societies", *University of Western Australia Law Review*, Vol. 39, No. 1, June 2015, pp. 68-82.
99. Antoine A. Bouvier, Katie E. Sams (2002), "Teaching international humanitarian law in universities: the contribution of the International Committee of the Red Cross", *Yearbook of International Humanitarian Law*, Volume 5, December 2002, pp. 381 - 393.
100. Antoine Bouvier (2002), *Diffusing and teaching international humanitarian law*, Oxford University Press, Vol. 21, No. 3, Humanitarian Values for the 21st Century, pp. 175-180 (6 pages).
101. Australia (2006), *The Manual of the Law of Armed Conflict*, Australian Defence Doctrine Publication 06.4, Australian Defence Headquarters, Chapter 13.8-13.9.
102. Ayah Tariq Dwayich, A. P. Dr. Ahmed Abdul-Razzaq (2020), "The effectiveness of the mechanisms of applying international humanitarian law", *Journal Of the College of law /Al-Nahrain University*, Volume 22, Issue 1, pp. 201-217.
103. Bellal, Annyssa, Gilles Ciacca and Stuart Casey-Maslen (2011), "International law and armed non-state actors in Afghanistan", *International Review of the Red Cross*, vol. 93, no. 881, pp. 47-79.
104. Ben Saul (2017), "Enhancing Civilian Protection by Engaging Non-State Armed Groups under International Humanitarian Law", *Journal of Conflict and Security Law*, Volume 22, Issue 1, Pp. 39-66.

105. Bilkova, Veronika (2009), "Talking about Unlawful Combatants? A Short and Concise Assessment of a Long and Multifaceted Debate", *Central European Journal of International and Security Studies*, vol. 2, issue 3, pp. 29-44.
106. Blum, Gabriella, and Philip Heymann (2010). "Law and Policy of Targeted Killing", *Harvard National Security Journal*, vol. 1, pp. 145-170.
107. Brad A. Gutierrez, Sarah DeCristofaro, Michael Woods (2011), "What Americans think of international humanitarian law", *International Review of the Red Cross*, Volume 93, Issue 884: The future of humanitarian action, pp. 1009 - 1034.
108. Carl Vandekerckhove (1987), "Belgian Red Cross (Flemish section): Dissemination of International Humanitarian Law - The Belgian situation", *International Review of the Red Cross (1961 - 1997)*, Volume 27, Special Issue 258: Protocols, pp. 277-281.
109. Cerone, John (2007), "Jurisdiction and Power: The Intersection of Human Rights Law & The Law of Non-International Armed Conflict in an Extraterritorial Context", *Israel Law Review*, vol. 40, p.396-452.
110. Churchill Ewumbue-Monono, Carlo von Flüe (2003), "Promotion of international humanitarian law through cooperation between the ICRC and the African Union", *International Review of the Red Cross*, Volume 85, Issue 852: Afrique et l'action humanitaire/Africa and humanitarian action, December 2003, pp. 749-774.
111. Claudia McGoldrick (2005), "The state of conflicts today: Can humanitarian action adapt?", *International Review of the Red Cross*, 97 (900), pp.1179-1208.
112. Cryer, Robert (2002). "The Fine Art of Friendship: Jus in Bello in Afghanistan", *Journal of Conflict and Security Law*, vol. 7, issue 1, pp.37-83.
113. Cuba, Statement by the representative of Cuba before the UN General Assembly on Item 86: The Status of the Protocols Additional to the 1949 Geneva Conventions, and Relating to the Protection of Victims of Armed Conflicts, 13 October 2010, p. 2.

114. Denielle Brassil (2015), "Increasing compliance with international humanitarian law through dissemination", *University of Western Australia Law Review*, Vol. 39, No. 1, June 2015, pp. 83-109.
115. Dieter Fleck (1991), "Implementing International Humanitarian Law: Problems and Priorities", *International Review of the Red Cross (1961 - 1997)*, Volume 31, Issue 281, April 1991, pp. 140-153.
116. Dinstein, Yoram (2016), *The Conduct of Hostilities under the Law of International Armed Conflict*, 3rd ed, Cambridge University Press, Cambridge.
117. Dormann, Knut (2003), "The Legal Situation of 'Unlawful/Unprivileged Combatants'", *International Review of the Red Cross*, vol. 85, issue. 849, pp. 45-74.
118. Dörmann, K. (2007), *Dissemination and Monitoring Compliance of International Humanitarian Law*. In: von Heinegg, W.H., Epping, V. (eds), *International Humanitarian Law Facing New Challenges*. Springer, Berlin, Heidelberg.
119. DR. Young Sok Kim (2005), "National Implementation and Dissemination of International Humanitarian Law in the Republic of Korea", *The Asia-Pacific Yearbook of International Humanitarian Law, The Institute of International Legal Studies of the University of the Philippines Law Center*, Vol.1, No.215.
120. Duffy, Helen (2015), *The 'War on Terror' and the Framework of International Law*, 2nd ed Ch. 6, Cambridge University Press, Cambridge.
121. Duxbury, Alison (2007), "Drawing Lines in the Sand - Characterising Conflicts for the Purposes of Teaching International Humanitarian Law" *Melbourne Journal of International Law*, vol. 8, issue 2, pp. 259-273.
122. Eden, Paul, and Matthew Happold (2009), "Symposium: The Relationship between International Humanitarian Law and International Human Rights Law", *Journal of Conflict & Security Law*, vol. 14, issue 3, pp. 441-447.

123. Elizabeth Stubbins Bates (2014), “Towards effective military training in international humanitarian law”, *International Review of the Red Cross*, No.96 (895/896), pp. 795-816.
124. Elizabeth Stubbins Bates (2020), “The British Army’s Training in International Humanitarian Law”, *Journal of Conflict and Security Law*, Volume 25, Issue 2, pp. 291-315.
125. Emmanuel G. Bello (1984), “A proposal for the dissemination of international humanitarian law in africa pursuant to the 1977 protocols additional to the geneva conventions of 1949”, *The Military Law and the Law of War Review*, Volume 23: Issue 1-4, pp. 311-323.
126. Eric David, “Dissemination of International Humanitarian law at university level”, *International Review of the Red Cross (1961 - 1997)*, Volume 27, Issue 257, April 1987, pp. 155-167.
127. Fadel Abdel-Zahra Fadel Al-Gharawi (2022), “The Role of National Committees in Applying International Humanitarian Law - Iraq as a Model”, *Journal of Legal Sciences*, Volume 37, Issue 2, pp. 279-303.
128. Federal Ministry of Defence of the Federal Republic of Germany, *Humanitarian Law in Armed Conflicts*, VR II 3, August 1992.
129. Fleck Dieter (2021), *The Handbook of International Humanitarian Law*, 4 rd ed, Oxford University Press, Oxford, United Kingdom.
130. Frédéric Casier, Alix Janssens (2014), “Belgium's Interministerial Commission for Humanitarian Law: Playing a key role in the implementation and promotion of IHL”, *International Review of the Red Cross*, Volume 96, Issue 895-896: Generating respect for the law, December 2014, pp. 1075 -1091.
131. Frits Kalshoven, Liesbeth Zegveld (2011), *Constraints on the waging of war: an introduction to international humanitarian law*, Cambridge University Press, Cambridge, United Kingdom.

132. Gary D.Solis (2022), *The Law of Armed Conflict: International Humanitarian Law in War*, Cambridge University Press, Cambridge, United Kingdom.
133. Goodman, Ryan (2013), “The Power to Kill or Capture Enemy Combatants”, *European Journal of International Law*, vol. 24, no. 3, p. 819-853.
134. Grazvydas Jasutis and Rebecca Mikova (2023), “Parameters of Effective Military Training in International Humanitarian Law”, *Geneva Centre for Security Sector Governance*, Switzerland.
135. Greenwood, Christopher (2002), “International law and the 'war against terrorism'”, *International Affairs*, vol. 78, no. 2, pp. 301-317.
136. Gus Waschefort (2016), “Africa and international humanitarian law: The more things change, the more they stay the same”, *International Review of the Red Cross*, Volume 98, Issue 902: War and security at sea, pp. 593 - 624.
137. Hamilton, Carolyn, and Tabatha Abu El-Haj (1997), “Armed conflict: The protection of children under international law”, *International Journal of Children's Rights*, vol. 5, issue 1, pp. 1-46.
138. Hampson, Francoise J. (2008), “The relationship between international humanitarian law and human rights law from the perspective of a human rights treaty body”, *International Review of the Red Cross*, vol. 90, no. 871, pp. 549-572.
139. Harry H.Amond, Jr (1982), “The Teaching and Dissemination of the Geneva Conventions and International Humanitarian Law in the United States”, *American University Law Review (1981-1982)*, Volume 31, pp. 981-986.
140. He Xiaodong (2001), “The Chinese humanitarian heritage and the dissemination of and education in international humanitarian law in the Chinese People's Liberation Army”, *International Review of the Red Cross*, Vol 83, No. 841, pp. 141-153.

141. Henderson, Ian (2011), "The Contemporary Law of Targeting: Military Objectives, Proportionality and Precautions in Attack under Additional Protocol I", *Journal of Conflict and Security Law*, vol. 16, p. 411-418.
142. Hill-Cawthorne, Lawrence (2015), "Humanitarian Law, Human Rights Law and the Bifurcation of Armed Conflict", *International & Comparative Law Quarterly*, vol. 64, issue 2, pp. 293-325.
143. Hlawto diplomats (1995), "Dissemination of international humanitarian law to diplomats and international officials", *International Review of the Red Cross (1961 - 1997)*, Volume 35, Issue 306, June 1995, pp. 355-357.
144. ICRC (2008), "Interpretive Guidance on the Notion of Direct Participation in Hostilities under International Humanitarian Law", *International Review of the Red Cross*, vol. 90, no. 872, pp. 991-1047.
145. ICRC (2011), "Understanding armed groups and the applicable law" *International Review of the Red Cross*, vol. 93, no. 882, Includes a number of relevant articles.
146. Ismaël Raboud, Matthieu Niederhauser, Charlotte Mohr (2018), "Reflections on the development of the Movement and international humanitarian law through the lens of the ICRC Library's Heritage Collection", *International Review of the Red Cross*, Volume 100, Issue 907-909: 150 years of humanitarian reflection, pp. 143 - 163.
147. Jacques Meurant (1988), "Index on the teaching of International humanitarian law in academic institutions", *International Review of the Red Cross (1961 - 1997)*, Volume 28, Issue 266, pp. 480 - 482.
148. James G. Stewart (2003), "Towards a Single Definition of Armed Conflict in International Humanitarian Law: A Critique of Internationalized Armed Conflict", *International Review of the Red Cross*, vol. 85, no. 850, pp. 313- 350.

149. Jean-Luc Chopard (1995), “Dissemination of the humanitarian rules and cooperation with National Red Cross and Red Crescent Societies for the purpose of prevention”, *International Review of the Red Cross* (1961 - 1997), Volume 35, Issue 306, pp. 244-262.
150. Johannes Chan (2016), “Implementation of International Humanitarian Law”, *Asia Pacific Law Review*, Volume 8, 2000 - Issue 2, pp.211-228.
151. Kelisiana Thynne (2019), “Implementation of International Humanitarian Law in Southeast Asia: Challenges in the Prevention of Violations”, *Cambridge University Press*, Asia-Pacific Perspectives on International Humanitarian Law, pp. 688 - 702.
152. Kretzmer, David (2009), “Rethinking the Application of IHL in Non-International Armed Conflicts”, *Israel Law Review*, vol. 42, issue 1, pp. 8-45.
153. Kristina Lindvall, Cecilia Hellman (2009), “From Cold War to Hotspots - The Changing Needs for Dissemination of International Humanitarian Law in Sweden”, *Nordic Journal of International Law*, Volume 78, Issue 4, pp. 5270-539.
154. Lamp, Nicholas (2011), “Conceptions of War and Paradigms of Compliance: The New War Challenge to International Humanitarian Law”, *Journal of Conflict and Security Law*, vol. 16, issue 2, pp.225-262.
155. Liang Zhuo (2020), “Culture, Ideology and Politics: The Shaping of China’s Conception of International Humanitarian Law”, *The Torkel Opsahl Academic Epublisher of the Centre for International Law Research and Policy (CILRAP)*, Belgium, Policy Brief Series No. 112.
156. Lindsey Cameron, Bruno Demeyere, Jean-Marie Henckaerts, Eve La Haye, Heike Niebergall-Lackner (2015), “The updated Commentary on the First Geneva Convention - a new tool for generating respect for international humanitarian law”, *International Review of the Red Cross*, Volume 97, Issue 900: The evolution of warfare, pp. 1209 - 1226.
157. Lucy Brown (2015), “The American Red Cross and International Humanitarian Law Dissemination”, *International Law Studies, US Naval War College*, Vol.82, pp.115-120.

158. Luisa Vierucci (2001), "Promoting the teaching of international humanitarian law in universities: the ICRC's experience in Central Asia", *International Review of the Red Cross*, Vol. 83, No. 841, pp. 155-165.
159. Malcolm MacLaren, Felix Schwendimann (2005), "An Exercise in the Development of International Law: The New ICRC Study on Customary International Humanitarian Law", *German Law Journal*, Volume 6, Issue 9, 01 September 2005, pp. 1217 - 1242.
160. Marco Sassòli (2010), "State responsibility for violations of international humanitarian law", *International Review of the Red Cross*, Volume 84, Issue 846, June 2002, pp. 401-434.
161. Marco Sassòli, Antoine A. Bouvier and Anne Quintin (2011), "How Does Law Protect in War ? Cases, Documents and Teaching Materials on Contemporary Practice in International Humanitarian Law, Volume I: Outline of International Humanitarian Law", Third Edition, *The International Committee of the Red Cross (ICRC)*: Geneva, Switzerland.
162. Marion Harroff-Tavel (2014), "The International Committee of the Red Cross and the promotion of international humanitarian law: Looking back, looking forward", *International Review of the Red Cross*, 96 (895/896), pp. 817-857.
163. Marks, Stephen P. (2006), "International Law and the 'War on Terrorism': Post 9/11 Responses by the United States and Asia Pacific Countries", *Asia Pacific Law Review*, vol. 14, issue 1, pp. 43-74.
164. Matthew T. Zommer (2019), "The Role of Reciprocity in International Humanitarian Law Training", *Journal of Political & Military Sociology*, Vol. 46, No. 1, pp. 27-51.
165. Melzer, Nils (2019), *International Humanitarian law: A Comprehensive Introduction*, International Review of the Red Cross, Geneva.
166. Meron, Theodor (2006), *The Humanization of International Law*, The Hague Academy of International Law. Martinus Nijhoff: Leiden.

167. Michael A. Meyer (1997), "The role of a National Society in the implementation of international humanitarian law-taking up the challenge!", *International Review of the Red Cross* (1961 - 1997), Volume 37, Issue 317, pp. 203 - 207.
168. Nicolas Lamp (2011), "Conceptions of War and Paradigms of Compliance: The 'New War' Challenge to International Humanitarian Law", *Journal of Conflict and Security Law*, Volume 16, Issue 2, pp. 225-262.
169. Nils Melzer (2016), "International Humanitarian law: A Comprehensive Introduction", *International Committee of the Red Cross*, Geneva, Switzerland.
170. Oscar G. Macias Betancourt (2022), "Implementation of international humanitarian law: The work of Latin American international humanitarian law committees", *International Review of the Red Cross*, Volume 104, Issue 920-921: How International Humanitarian Law Develops, pp. 2013 - 2026.
171. Pejic, Jelena (2011), "The European Court of Human Rights' Al-Jedda judgment: the oversight of international humanitarian law", *International Review of the Red Cross*, vol. 93, no. 883, pp. 837-851.
172. Pejic, Jelena (2011), "The protective scope of common Article 3: More than meets the eye", *International Review of the Red Cross*, vol. 93, no. 881, pp. 189-225.
173. Pritam Ghosh (2015), "Teaching and Research of International Humanitarian Law in Asia: Efforts, Issues and Prospects", *Asian Journal of Legal Education*, Volume 2, Issue 1, pp. 1-16.
174. R.C. Hingorani (1991), "Humanitarian law", *Journal of the Indian Law Institute*, Vol. 33, No. 2, pp. 300-303.
175. Ricardo Camacho Zeas (1992), "Dissemination of international humanitarian law in Ecuador", *International Review of the Red Cross* (1961 - 1997), Volume 32, Issue 287, pp. 179 - 182.

176. Richemond-Barak, Daphné(2012), “Applicability and Application of the Laws of War in Modern Conflicts”, *Florida Journal of International Law*, vol. 23, issue 3, p. 327-355.
177. Robert Heinsch (2018), “In memoriam Professor Frits Kalshoven: Some personal words on the passing of one of the most respected International Humanitarian Law experts of the last century”, *Leiden Journal of International Law*, Volume 31, Issue 1, pp. 01-07.
178. Robert Heinsch, Lotte Chevalier (2018), “The Educational Value of International Humanitarian Law Clinics”, *Journal of International Law of Peace and Armed Conflict*, Vol. 1, No. 3/4, pp. 225-240.
179. Roderick O'Brien (2005), “Dissemination of International Humanitarian Law in the People's Republic of China”, *China: An International Journal*, Volume 3, Number 1, March 2005, pp. 106-118, is an internationally refereed journal published by National University of Singapore Press.
180. Sassòli, Marco, Antoine Bouvier and Anne Quintin (2011), “How Does Law Protect in War?”, *International Review of the Red Cross*, Geneva, especially Chs. 2 and 12.
181. Schmitt, M.N. (2011), *Military Necessity and Humanity in International Humanitarian Law: Preserving the Delicate Balance. In: Essays on Law and War at the Fault Lines*, T.M.C. Asser, pp 89-129.
182. Shawn J. Lalman (2023), “The Exigency and How to Improve and Implement International Humanitarian Legislations More Advantageously in Times of Both Cyber-warfare and Cyberspace”, Master of Science in Cybersecurity Engineering, *Embry-Riddle Aeronautical University*, The U.S.
183. Sivakumaran, Sandesh (2012), *The Law of Non-International Armed Conflict*, Oxford University Press, Oxford.
184. Stéphane Hankins (1997), “Promoting international humanitarian law in higher education and universities in the countries of the

- Commonwealth of Independent States”, *International Review of the Red Cross* (1961 - 1997), Volume 37, Special Issue 319, pp. 447 - 450.
185. Stephens, D.G. (2020), “Combined exercises and International Humanitarian Law training: Fostering a culture of norm compliance?”, *Asia-Pacific Perspectives on International Humanitarian Law*, Ch.38, pp.670-687.
 186. Stewart, James G. (2003), “Towards a Single Definition of Armed Conflict in International Humanitarian Law: A Critique of Internationalized Armed Conflict”, *International Review of the Red Cross*, vol. 85, no. 850, pp. 313- 350.
 187. Sylvain Vite (2009), “Typology of armed conflicts in international humanitarian law: legal concepts and actual situations”, *International Review of the Red Cross*, vol. 91, no. 873, pp. 69-94.
 188. T Ramluckan, B van Niekerk (2019), “International Humanitarian Law and Cyber-Influence Operations”, *Journal of Information Warfare*, Vol. 18, No. 3, pp. 67-82.
 189. T Ramluckan (2020), “International Humanitarian Law and its Applicability to the South African Cyber Environment”, *Journal of Information Warfare*, Vol. 19, No. 3, pp. 102-117.
 190. Tamura, Eriko (2011), “The Isayeva Cases of the European Court of Human Rights: The Application of International Humanitarian Law and Human Rights Law in Non-International Armed Conflicts”, *Chinese Journal of International Law*, vol. 10, issue 1, pp. 129-140.
 191. Tania Elizabeth Arzapalo Villón (2014), “Peru's National Committee for the Study and Implementation of International Humanitarian Law”, *International Review of the Red Cross*, Volume 96, Issue 895-896: Generating respect for the law, pp. 1061-1073.
 192. The Russian Federation Ministry of Defense (2002), *Manual on International Humanitarian Law for the Armed Forces of the Russian Federation*, Moscow.

193. Theodor Meron (1993), “Rape as a Crime under International Humanitarian Law”, *American Journal of International Law*, Volume 87, Issue 3, pp. 424 - 428.
194. Tim McCormack (2014), “Australian Red Cross leadership in the promotion of international humanitarian law”, *International Review of the Red Cross*, Volume 96, Issue 895-896: Generating respect for the law, pp. 969-986.
195. Umesh Kadam (2001), “Teaching international humanitarian law in academic institutions in South Asia: An overview of an ICRC dissemination programme”, *International Review of the Red Cross*, Volume 83, Issue 841: Asie et droit international humanitaire/Asia and international humanitarian law, pp. 167 - 169.
196. Vité, Sylvain (2009), “Typology of armed conflicts in international humanitarian law: Legal concepts and actual situations”, *International Review of the Red Cross*, vol. 91, no. 873, pp. 69-94.
197. Wang Wenjuan (2013), “*The PLA and International Humanitarian Law: Achievements and Challenges*”, published by *Institute for Security and Development Policy*, Stockholm, Sweden.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

PHIẾU SỐ 01

Đồng chí thân mến!

Để phục vụ nghiên cứu đề tài “Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN”, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề được nêu dưới đây. Mong đồng chí hãy đọc kỹ câu hỏi và trả lời đúng về quan điểm, suy nghĩ của mình. Đồng ý với phương án nào đồng chí đánh dấu (X) vào ô vuông (□). Đồng chí không cần ghi tên và đơn vị vào phiếu này. Rất mong sự cộng tác, giúp đỡ của đồng chí!

1. Theo đồng chí, việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN có vai trò như thế nào?

1.1. Rất quan trọng ☐

1.3. Bình thường ☐

1.2. Quan trọng ☐

1.4. Không rõ ☐

2. Đánh giá của đồng chí về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN?

2.1. Đúng đắn, trách nhiệm cao ☐

2.2. Chưa tích cực, chủ động ☐

2.3. Không rõ ☐

3. Đánh giá của đồng chí về sự quan tâm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các đơn vị đối với giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN?

3.1. Quan tâm ☐

3.3. Chưa quan tâm ☐

3.2. Ít quan tâm ☐

3.4. Không rõ ☐

4. Đánh giá của đồng chí về mức độ phối hợp của các lực lượng đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN như thế nào?

4.1. Thường xuyên ☐

4.3. Không rõ ☐

4.2. Chưa thường xuyên ☐

5. Đánh giá của đồng chí về việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua? (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
5.1	Giáo dục các văn kiện cơ bản về Luật NDQT				
5.2	Giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT				
5.3	Giáo dục quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT				
5.4	Giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam				
5.5	Giáo dục về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc tham gia gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN				

6. Đánh giá của đồng chí về việc thực hiện hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua? (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Hình thức tổ chức	Mức độ thực hiện			
		1	2	3	4
6.1	Tổ chức lên lớp tập trung trực tiếp				
6.2	Nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tập bài tình huống về Luật NDQT				
6.3	Cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT				
6.4	Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị				
6.5	Thi tìm hiểu, diễn đàn, tọa đàm về Luật NDQT				
6.6	Thông qua “Ngày pháp luật”, tủ sách “Pháp luật”				
6.7	Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật NDQT				

7. Đánh giá của đồng chí về phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua? (1. Hấp dẫn, lôi cuốn, 2. Bình thường, 3. Chưa hay, 4. Khó hiểu)

TT	Hình thức tổ chức	Mức độ thực hiện			
		1	2	3	4
7.1	Nhóm phương pháp tác động vào ý thức của quân nhân				
7.2	Nhóm phương pháp hình thành hành vi và thói quen hành vi của đối tượng giáo dục				
7.3	Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử của đối tượng giáo dục				

8. Đánh giá của đồng chí về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân thời gian qua?

- 8.1. Chuyển biến tích cực ☐ 8.3. Không rõ ☐
 8.2. Chuyển biến chưa tích cực ☐

9. Đồng chí cho biết nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN?

- 9.1. Sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, tình hình thế giới, khu vực, nhất là xung đột giữa các quốc gia hiện nay. ☐
 9.2. Chủ thể giáo dục Luật NDQT có kiến thức về pháp luật, Luật NDQT chưa toàn diện, chủ yếu là kiêm nhiệm. ☐
 9.3. Đối tượng giáo dục Luật NDQT đa dạng, trình độ nhận thức không đồng đều. ☐
 9.4. Cơ sở vật chất, kinh phí, tài liệu bảo đảm cho giáo dục Luật NDQT còn hạn chế. ☐
 9.5. Nguyên nhân khác. ☐

10. Đánh giá của đồng chí về mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay? (1. Cần thiết, 2. Không cần thiết, 3. Khả thi, 4. Không khả thi)

TT	Nội dung giải pháp	Mức độ cần thiết		Tính khả thi	
		1	2	3	4
10.1.	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
10.2.	Hoàn thiện pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
10.3	Phát huy vai trò, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ và Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
10.4.	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của QUTU, BQP về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
10.5.	Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng tham gia giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
10.6.	Xác định đúng nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
10.7.	Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quân nhân trong quá trình tự giáo dục Luật NDQT				
10.8.	Tăng cường nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
10.9.	Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC PHIẾU SỐ 01

Đối tượng điều tra: Cán bộ chủ trì

Số lượng: 400 đồng chí

Đơn vị điều tra: 10 đơn vị trong QĐNDVN, bao gồm: Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam; Cục Dân vận, Tổng cục Chính trị QĐNDVN; Quân khu 1; Quân đoàn 12; Quân chủng Phòng không - Không quân; Quân chủng Hải quân; Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; Binh chủng Pháo binh; Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; Trường Sĩ quan Chính trị.

Thời gian: 01/2024 - 10/2024.

1. Đánh giá về vai trò của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

TT	Mức độ đánh giá	Kết quả	
		SL	%
1.1	Rất quan trọng	290	72,50
1.2	Quan trọng	80	20,00
1.3	Bình thường	25	6,25
1.4	Không rõ	5	1,25

2. Đánh giá về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

TT	Nhận thức, trách nhiệm	Kết quả	
		SL	%
2.1	Đúng đắn, trách nhiệm cao	340	85,00
2.2	Chưa đầy đủ, chưa tích cực, chủ động	54	13,50
2.3	Không rõ	6	1,50

3. Đánh giá về sự quan tâm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các đơn vị đối với giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

TT	Quan tâm	Kết quả	
		SL	%
3.1	Quan tâm	280	70,00
3.2	Ít quan tâm	25	6,25
3.3	Chưa quan tâm	91	22,50
3.4	Không rõ	4	1,00

4. Đánh giá về mức độ phối hợp của các lực lượng đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

TT	Vai trò	Kết quả	
		SL	%
4.1	Thường xuyên	260	65,00
4.2	Chưa thường xuyên	130	32,50
4.3	Không rõ	10	2,50

5. Đánh giá về việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
5.1	Giáo dục các văn kiện cơ bản về Luật NDQT	240	60,00	50	12,50	30	7,50	80	20,00
5.2	Giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT	230	57,50	60	15,00	28	7,00	52	20,50
5.3	Giáo dục quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT	268	67,00	54	13,50	31	7,75	47	11,75
5.4	Giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam	320	80,00	40	10,00	28	7,00	12	3,00
5.5	Giáo dục về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc tham gia gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN	235	58,75	60	15,00	32	8,00	73	18,25

6. Đánh giá về việc thực hiện hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6.1	Tổ chức lên lớp tập trung trực tiếp	230	57,50	50	12,50	25	6,25	95	23,75
6.2	Nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tập bài tình huống về Luật NDQT	225	56,25	68	17,00	25	6,25	82	20,50
6.3	Cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT	228	57,00	63	15,75	20	5,00	89	22,25
6.4	Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị	234	58,50	70	17,50	22	5,50	74	18,50
6.5	Thi tìm hiểu, diễn đàn, tọa đàm về Luật NDQT	253	63,25	59	14,75	28	7,00	60	15,00
6.6	Thông qua “Ngày pháp luật”, tủ sách “Pháp luật”	248	62,00	65	16,25	35	8,75	52	13,00
6.7	Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật NDQT	255	63,75	60	15,00	42	10,50	43	10,75

7. Đánh giá về phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua (1. Hấp dẫn, lôi cuốn, 2. Bình thường, 3. Chưa hay, 4. Khó hiểu)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
7.1	Nhóm phương pháp tác động vào ý thức của quân nhân	205	51,25	60	15,00	28	7,00	47	26,75
7.2	Nhóm phương pháp hình thành hành vi và thói quen hành vi của đối tượng giáo dục	204	51,00	68	17,00	20	5,00	108	27,00
7.3	Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử của đối tượng giáo dục	222	55,50	65	16,25	10	2,50	43	25,75

8. Đánh giá về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.

TT	Mức độ đánh giá	Kết quả	
		SL	%
8.1	Chuyển biến tích cực	316	79,00
8.2	Chuyển biến chưa tích cực	79	19,75
8.3	Không rõ	5	1,25

9. Đánh giá nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		SL	%
9.1	Sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, tình hình thế giới, khu vực, nhất là xung đột giữa các quốc gia hiện nay	379	94,75
9.2	Chủ thể giáo dục Luật NDQT có kiến thức về pháp luật, Luật NDQT chưa toàn diện, chủ yếu là kiêm nhiệm	381	95,25
9.3	Đối tượng giáo dục Luật NDQT đa dạng, trình độ nhận thức không đồng đều	385	96,25

9.4	Cơ sở vật chất, kinh phí, tài liệu bảo đảm cho giáo dục Luật NDQT còn hạn chế.	390	97,50
9.5	Nguyên nhân khác.	0	0

10. Đánh giá về mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay (1. Cần thiết, 2. Không cần thiết, 3. Khả thi, 4. Không khả thi)

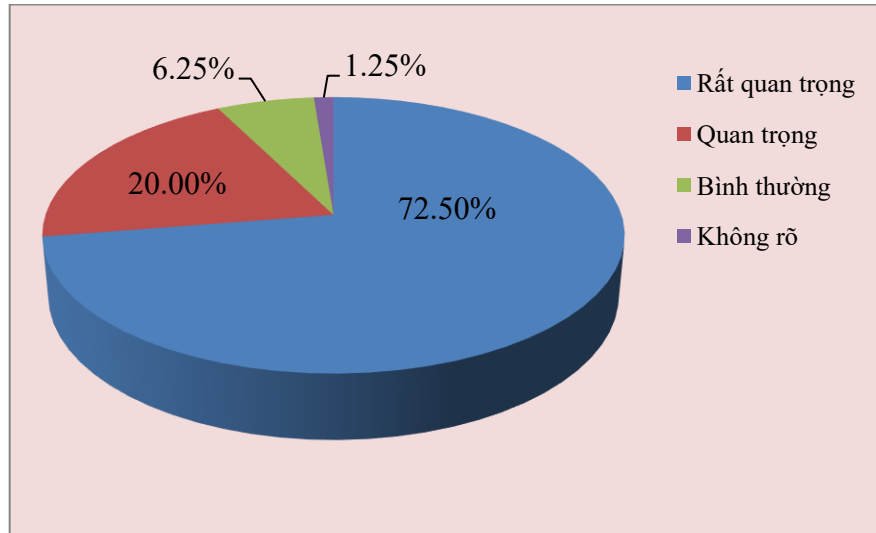
TT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10.1	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	388	97,00	12	3,00	385	96,25	15	3,75
10.2	Hoàn thiện pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	389	97,25	11	2,75	391	97,75	9	2,25
10.3	Phát huy vai trò, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ và Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	345	86,25	55	13,75	350	87,50	50	12,50
10.4	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của QUTƯ, BQP về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	354	88,50	46	11,50	360	90,00	40	10,00

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10.5	Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng tham gia giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	369	92,25	31	7,75	378	94,50	22	5,50
10.6	Xác định đúng nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	384	96,00	16	4,00	381	95,25	19	4,75
10.7	Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quân nhân trong quá trình tự giáo dục Luật NDQT	368	92,00	32	8,00	364	91,00	36	9,00
10.8	Tăng cường nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	365	91,25	35	8,75	360	90,00	40	10,00
10.9	Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	342	85,50	58	14,50	345	86,25	55	13,75

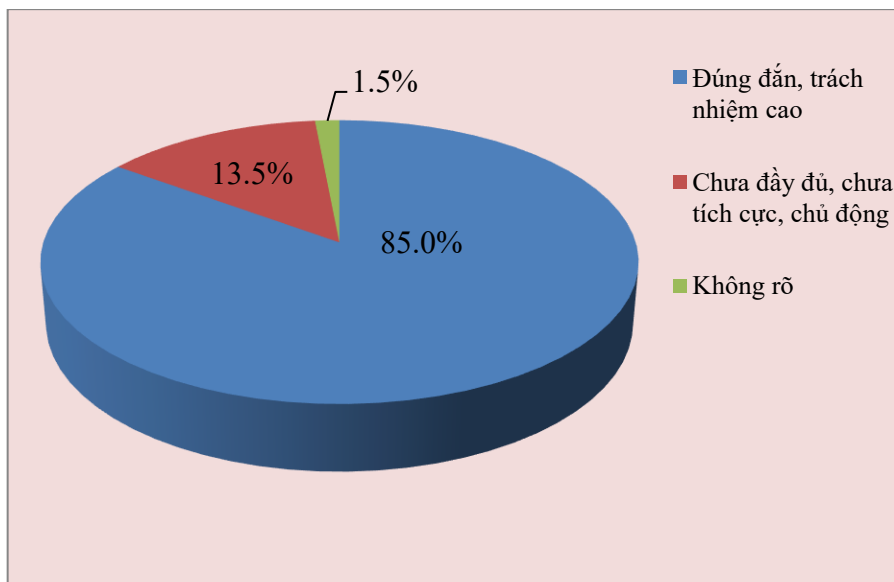
BIỂU ĐỒ THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

PHIẾU SỐ 01

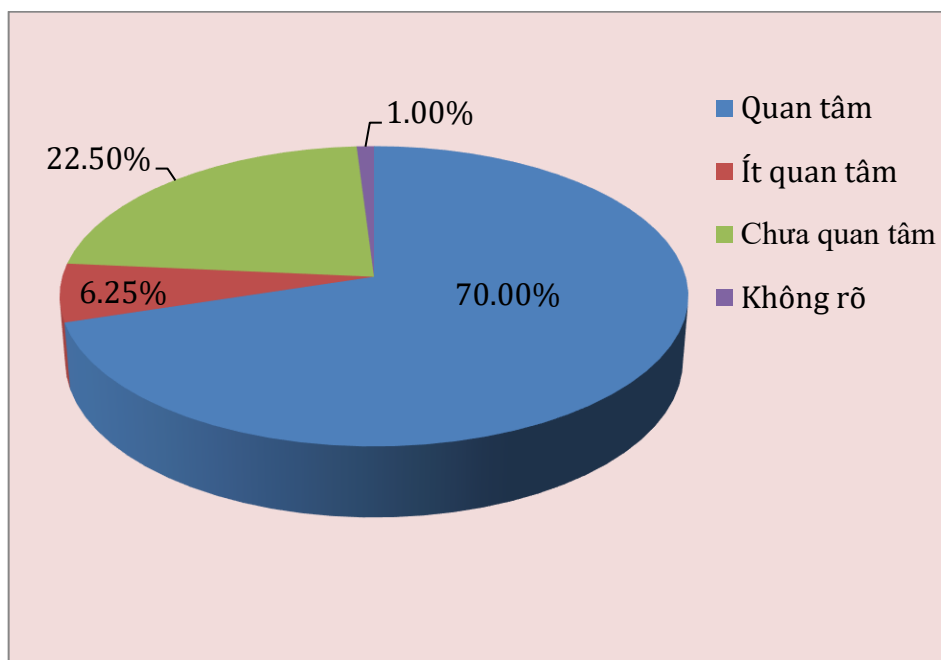
1. *Đánh giá về vai trò của giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.*



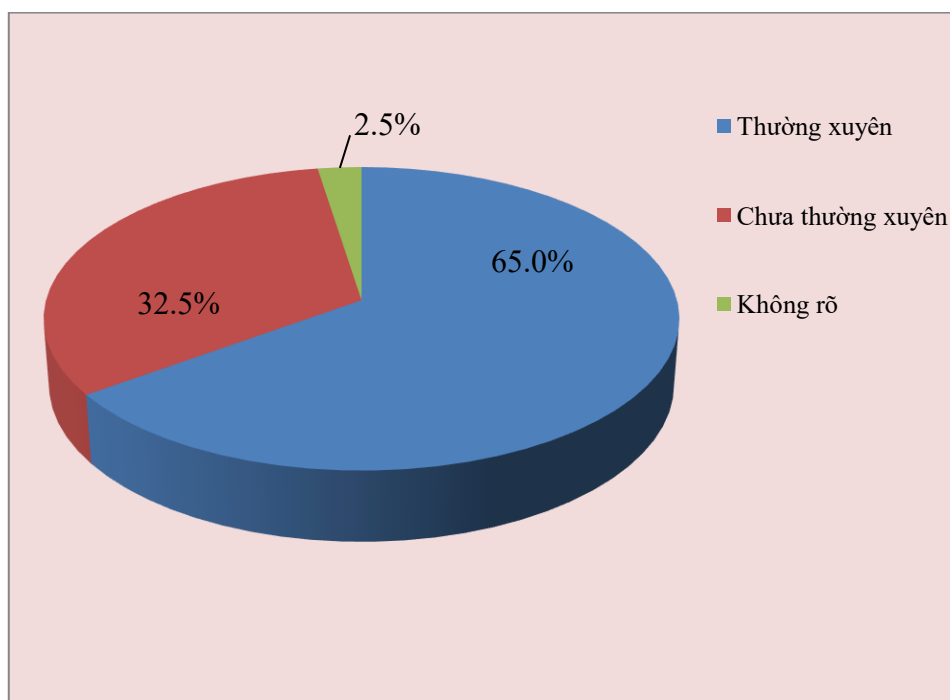
2. *Đánh giá về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.*



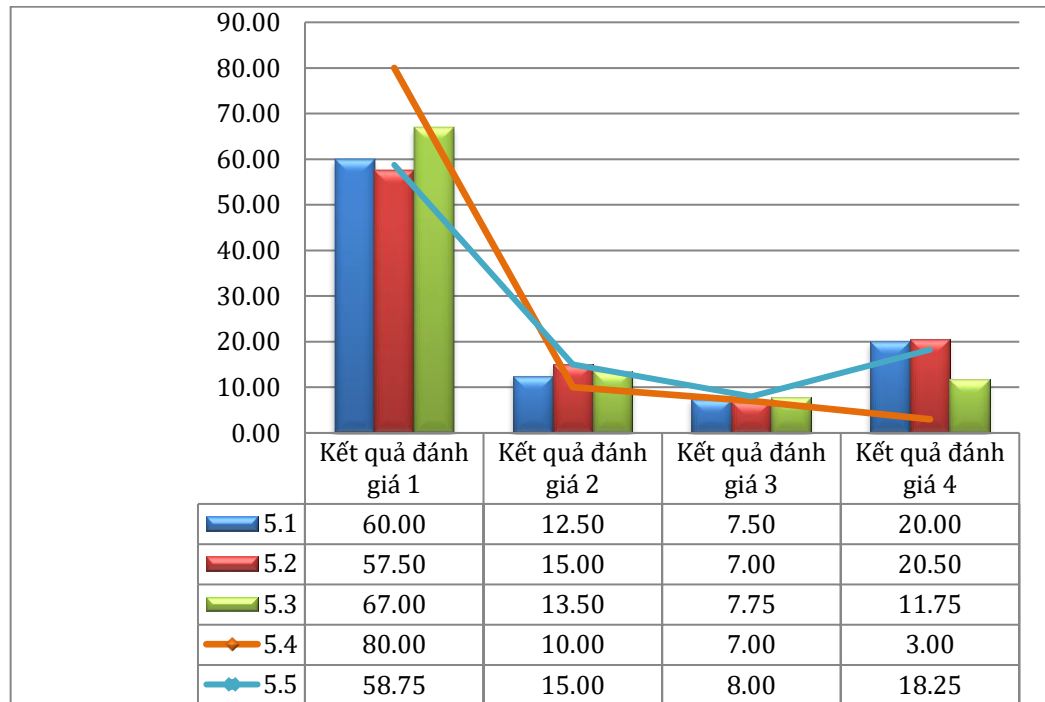
3. Đánh giá về sự quan tâm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các đơn vị đối với giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.



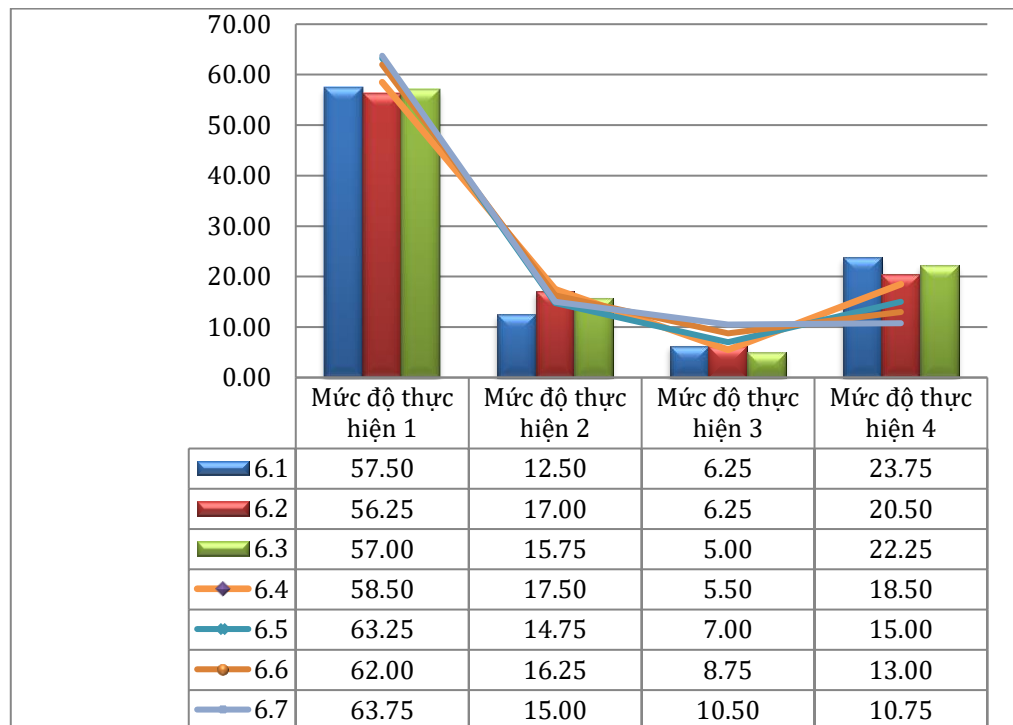
4. Đánh giá về mức độ phối hợp của các lực lượng đối với hoạt động giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.



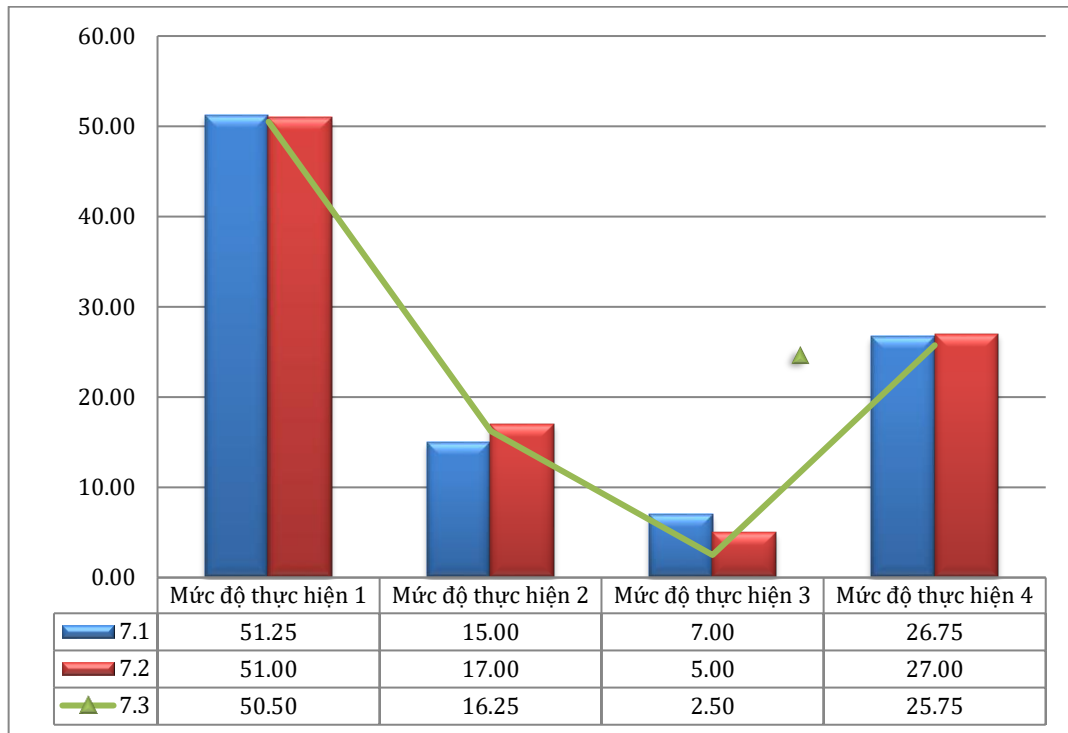
5. Đánh giá về việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



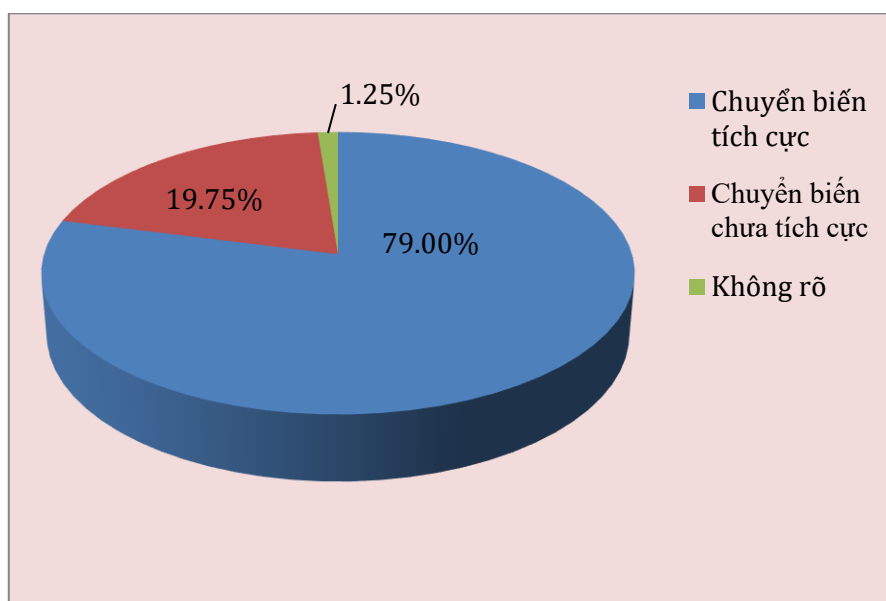
6. Đánh giá về việc thực hiện hình thức giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



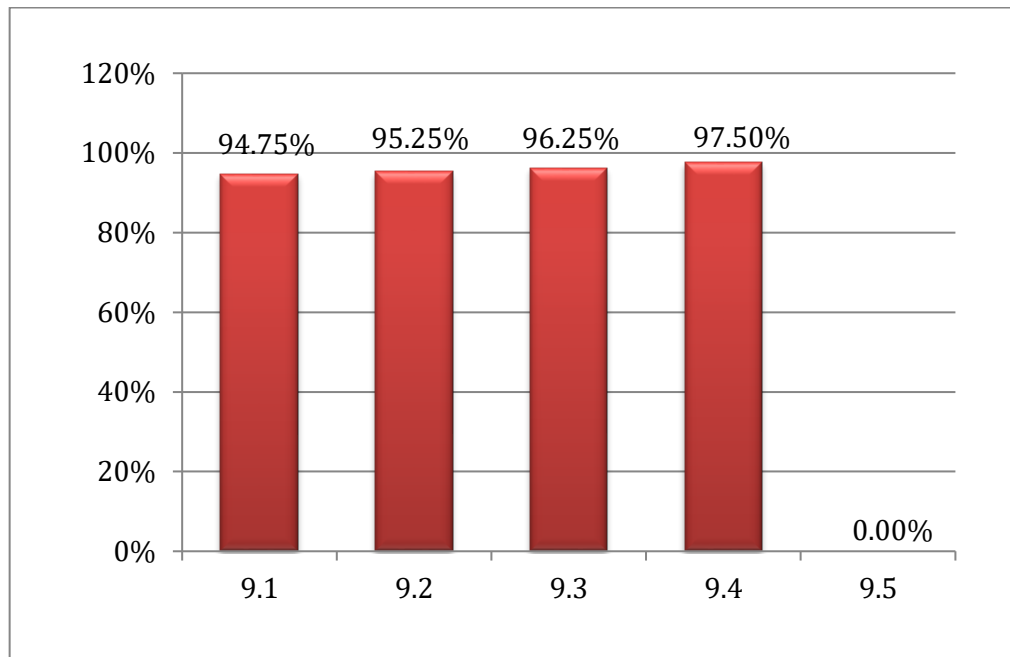
7. Đánh giá về phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



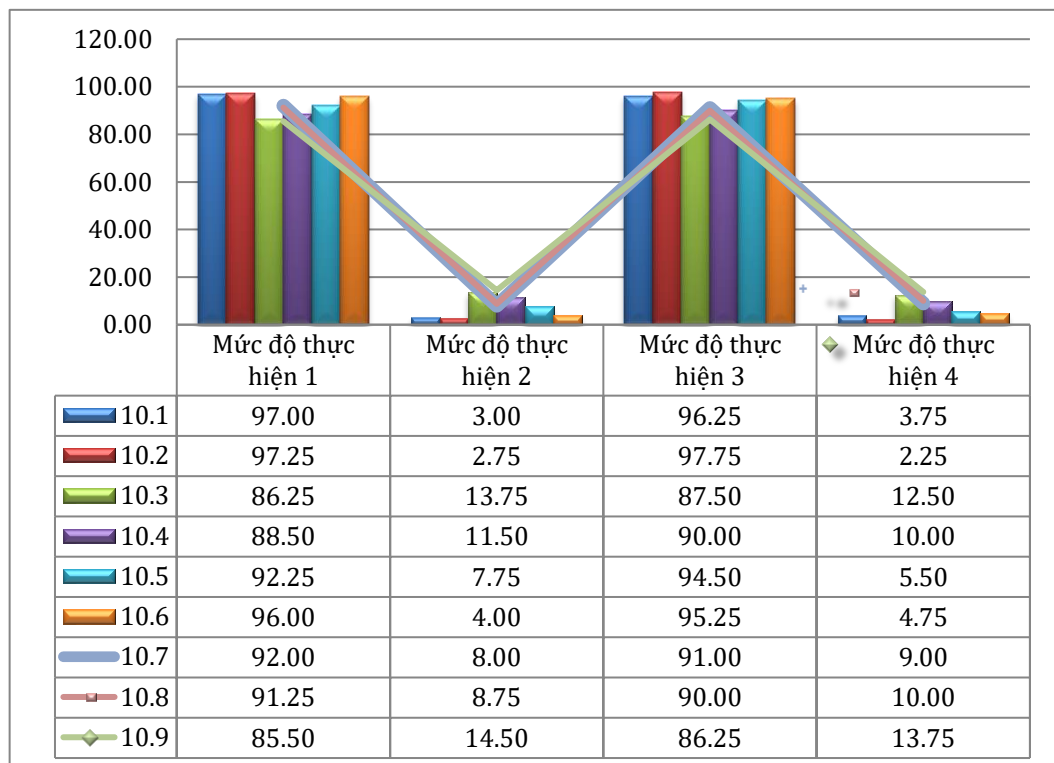
8. Đánh giá về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong QĐNDVN thời gian qua.



9. Đánh giá nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.



10. Đánh giá về mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay (1. Cần thiết, 2. Không cần thiết, 3. Khả thi, 4. Không khả thi)



PHỤ LỤC 2
PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
PHIẾU SỐ 02

Đồng chí thân mến!

Để phục vụ nghiên cứu đề tài “Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN”, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề được nêu dưới đây. Mong đồng chí hãy đọc kỹ câu hỏi và trả lời đúng về quan điểm, suy nghĩ của mình. Đồng ý với phương án nào đồng chí đánh dấu (X) vào ô vuông (□). Đồng chí không cần ghi tên và đơn vị vào phiếu này. Rất mong sự cộng tác, giúp đỡ của đồng chí!

1. Đồng chí có được giáo dục Luật NDQT thường xuyên không?

1.1. Thường xuyên ☐

1.2. Không thường xuyên ☐

1.3. Chưa bao giờ ☐

2. Đánh giá của đồng chí về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN?

2.1. Đúng đắn, trách nhiệm cao ☐

2.2. Chưa tích cực, chủ động ☐

2.3. Không rõ ☐

3. Đồng chí cho biết việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT thời gian qua ở đơn vị đồng chí như thế nào? (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
3.1	Giáo dục các văn kiện cơ bản về Luật NDQT				
3.2	Giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT				
3.3	Giáo dục quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT				

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
3.4	Giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam				
3.5	Giáo dục về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc tham gia gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN				

4. Đánh giá của đồng chí về hình thức giáo dục Luật NDQT ở đơn vị đồng chí thời gian qua? (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Hình thức tổ chức	Mức độ thực hiện			
		1	2	3	4
4.1	Tổ chức lên lớp tập trung trực tiếp				
4.2	Nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tập bài tình huống về Luật NDQT				
4.3	Cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT				
4.4	Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị				
4.5	Thi tìm hiểu, diễn đàn, tọa đàm về Luật NDQT				
4.6	Thông qua “Ngày pháp luật”, tủ sách “Pháp luật”				
4.7	Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật NDQT				

5. Đánh giá của đồng chí về phương pháp giáo dục Luật NDQT của các chủ thể giáo dục ở đơn vị đồng chí thời gian qua? (1. Hấp dẫn, lôi cuốn, 2. Bình thường, 3. Chưa hay, 4. Khó hiểu)

TT	Hình thức tổ chức	Mức độ thực hiện			
		1	2	3	4
5.1	Nhóm phương pháp tác động vào ý thức của quân nhân				
5.2	Nhóm phương pháp hình thành hành vi và thói quen hành vi của đối tượng giáo dục				
5.3	Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử của đối tượng giáo dục				

6. Đánh giá của đồng chí về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân ở đơn vị đồng chí thời gian qua?

6.1. Chuyển biến tích cực ☐

6.3. Không rõ ☐

6.2. Chuyển biến chưa tích cực ☐

7. Đồng chí cho biết nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT ở đơn vị đồng chí?

7.1. Sự tác động của tình hình thế giới, khu vực, nhất là xung đột giữa các quốc gia hiện nay. ☐

7.2. Chủ thể giáo dục Luật NDQT có kiến thức về pháp luật, Luật NDQT chưa toàn diện, chủ yếu là kiêm nhiệm. ☐

7.3. Đối tượng giáo dục Luật NDQT đa dạng, trình độ nhận thức không đồng đều. ☐

7.4. Cơ sở vật chất, kinh phí, tài liệu bảo đảm cho giáo dục Luật NDQT còn hạn chế. ☐

7.5. Nguyên nhân khác. ☐

8. Đánh giá của đồng chí về mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay? (1. Cần thiết, 2. Không cần thiết, 3. Khả thi, 4. Không khả thi)

TT	Nội dung giải pháp	Mức độ cần thiết		Tính khả thi	
		1	2	3	4
8.1.	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.2.	Hoàn thiện pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.3	Phát huy vai trò, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ và Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.4.	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của QUTƯ, BQP về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.5.	Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng tham gia giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.6.	Xác định đúng nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.7.	Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quân nhân trong quá trình tự giáo dục Luật NDQT				
8.8.	Tăng cường nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.9.	Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC PHIẾU SỐ 02

Đối tượng điều tra: Sĩ quan, QNCN

Số lượng: 1000 đồng chí

Đơn vị điều tra: 10 đơn vị trong QĐNDVN, bao gồm: Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam; Cục Dân vận, Tổng cục Chính trị QĐNDVN; Quân khu 1; Quân đoàn 12; Quân chủng Phòng không - Không quân; Quân chủng Hải quân; Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; Binh chủng Pháo binh; Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; Trường Sĩ quan Chính trị.

Thời gian: 01/2024 - 10/2024.

1. Đánh giá về mức độ giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua.

TT	Mức độ giáo dục	Kết quả	
		SL	%
1.1	Thường xuyên	739	73,90
1.2	Không thường xuyên	200	20,00
1.3	Chưa bao giờ	61	6,10

2. Đánh giá về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		SL	%
2.1	Đúng đắn, trách nhiệm cao	700	70,00
2.2	Chưa tích cực, chủ động	220	22,00
2.3	Không rõ	80	8,00

3. Đánh giá về việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
3.1	Giáo dục các văn kiện cơ bản về Luật NDQT	600	60,00	100	10,00	40	4,00	260	26,00
3.2	Giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT	580	58,00	125	12,50	50	5,00	245	24,50
3.3	Giáo dục quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT	650	65,00	124	12,40	50	5,00	36	3,60
3.4	Giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam	814	81,40	80	8,00	60	6,00	46	4,60
3.5	Giáo dục về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc tham gia nhiệm vụ gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN	685	68,50	150	15,00	70	7,00	95	9,50

4. Đánh giá về hình thức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4.1	Tổ chức lên lớp tập trung trực tiếp	605	60,50	138	13,80	60	6,00	197	19,70
4.2	Nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tập bài tình huống về Luật NDQT	510	51,00	125	12,50	110	11,00	255	25,50
4.3	Cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT	543	54,30	122	12,20	105	10,50	230	23,00
4.4	Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị	608	60,80	145	14,50	112	11,20	135	13,50
4.5	Thi tìm hiểu, diễn đàn, tọa đàm về Luật NDQT	556	55,60	198	19,80	85	8,50	161	16,10
4.6	Thông qua “Ngày pháp luật”, tủ sách “Pháp luật”	577	57,70	203	20,30	92	9,20	128	12,80
4.7	Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật NDQT	603	60,30	212	21,20	87	8,70	98	9,80

5. Đánh giá về phương pháp giáo dục của Luật NDQT của các chủ thể giáo dục ở đơn vị thời gian qua (1. Hấp dẫn, lôi cuốn, 2. Bình thường, 3. Chưa hay, 4. Khó hiểu)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
5.1	Nhóm phương pháp tác động vào ý thức của quân nhân	423	42,30	277	27,70	100	10,00	200	20,00
5.2	Nhóm phương pháp hình thành hành vi và thói quen hành vi của đối tượng giáo dục	554	55,40	160	16,00	60	6,00	226	22,60
5.3	Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử của đối tượng giáo dục	515	51,50	206	20,60	69	6,90	210	21,00

6. Đánh giá về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong đơn vị thời gian qua.

TT	Thái độ	Kết quả	
		SL	%
6.1	Chuyển biến tích cực	801	80,01
6.2	Chưa chuyển biến tích cực	169	16,90
6.3	Không rõ	30	3,00

7. Đánh giá nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT ở đơn vị.

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		SL	%
7.1	Sự tác động của tình hình thế giới, khu vực, nhất là xung đột giữa các quốc gia hiện nay	898	89,80
7.2	Chủ thể giáo dục Luật NDQT có kiến thức về pháp luật, Luật NDQT chưa toàn diện, chủ yếu là kiêm nhiệm.	887	88,70
7.3	Đối tượng giáo dục Luật NDQT đa dạng, trình độ nhận thức không đồng đều	903	90,30
7.4	Cơ sở vật chất, kinh phí, tài liệu bảo đảm cho giáo dục Luật NDQT còn hạn chế	916	91,60
7.5	Nguyên nhân khác	687	68,70

8. Đánh giá về mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay (1. Cần thiết, 2. Không cần thiết, 3. Khả thi, 4. Không khả thi)

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		Mức độ cần thiết				Tính khả thi			
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
8.1	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	898	89,80	102	10,20	890	89,00	110	11,00
8.2	Hoàn thiện pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	885	88,50	115	11,50	900	90,00	100	10,00

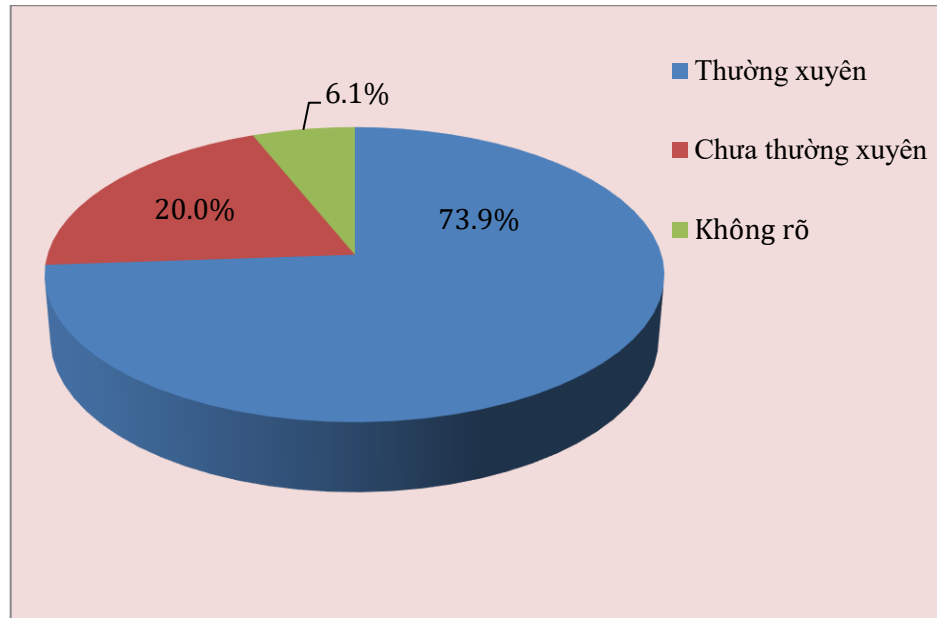
TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		Mức độ cần thiết				Tính khả thi			
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
8.3	Phát huy vai trò, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ và Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	850	85,00	150	15,00	820	82,00	180	18,00
8.4	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của QUTƯ, BQP về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	890	89,00	110	11,00	880	88,00	120	12,00
8.5	Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng tham gia giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	906	90,60	94	9,40	902	90,20	98	9,80
8.6	Xác định đúng nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	883	88,30	117	11,70	895	89,50	105	10,50
8.7	Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quân nhân trong quá trình tự giáo dục Luật NDQT	890	89,00	110	11,0	880	88,00	120	12,00

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		Mức độ cần thiết				Tính khả thi			
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
8.8	Tăng cường nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	930	93,00	70	7,00	903	90,30	97	9,70
8.9	Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	880	88,00	120	12,00	736	73,60	264	26,40

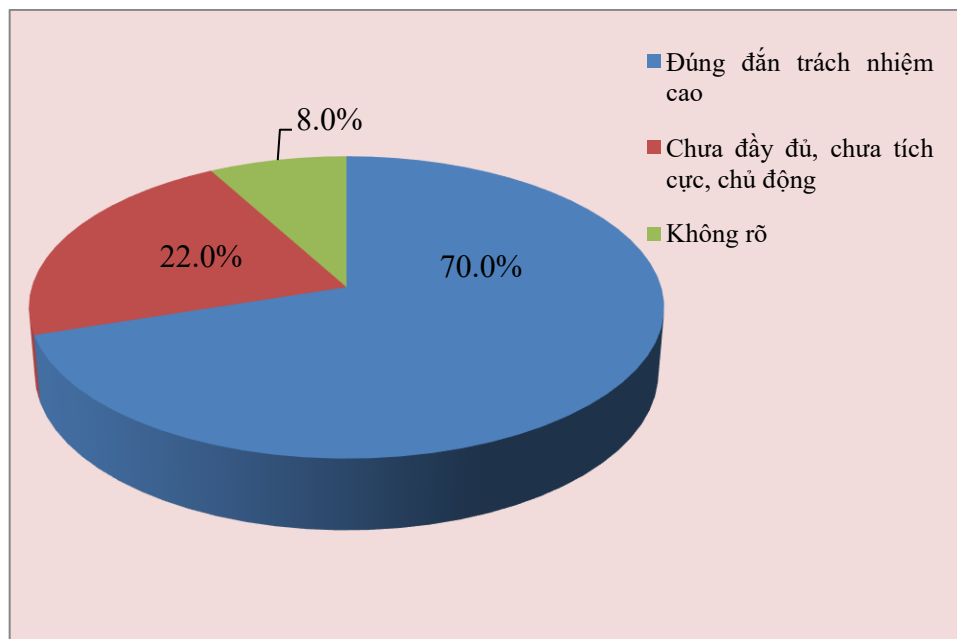
BIỂU ĐỒ THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

PHIẾU SỐ 02

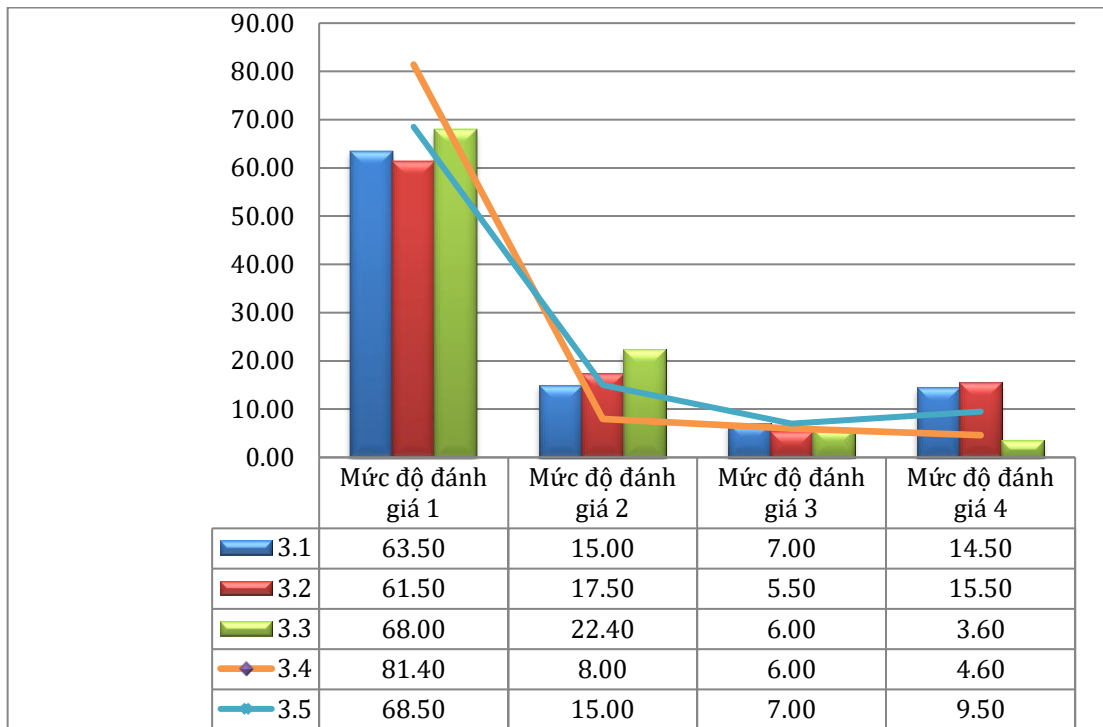
1. Đánh giá về mức độ giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua.



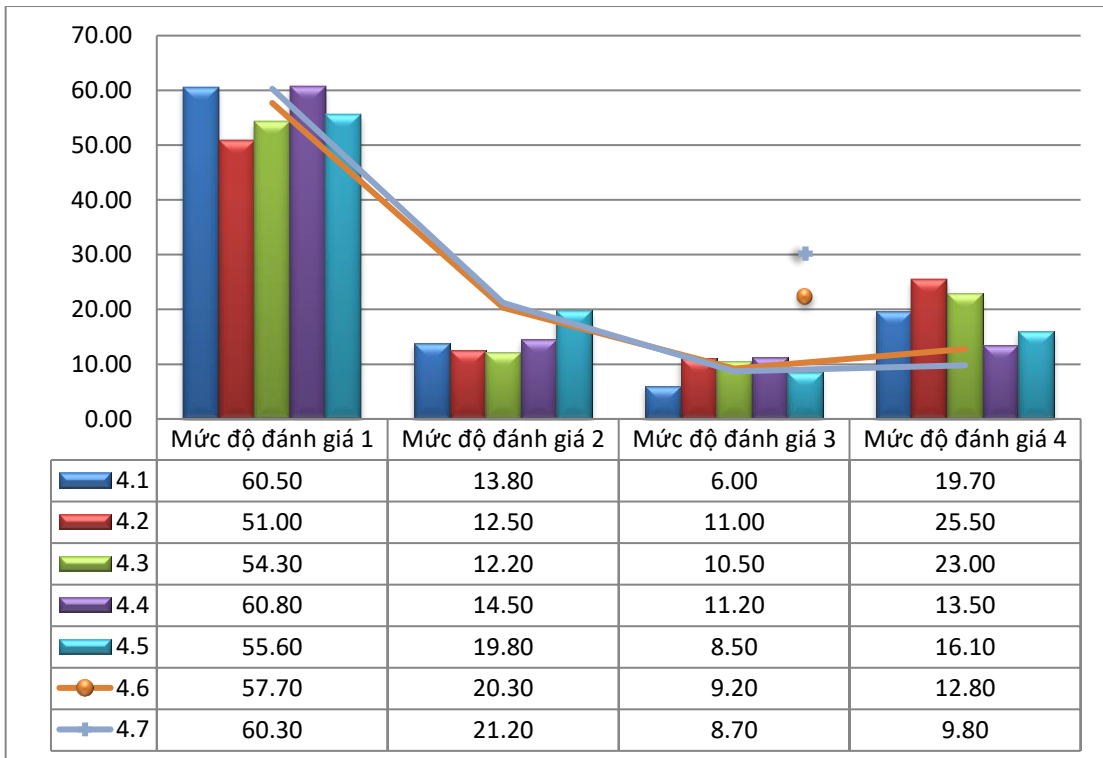
2. Đánh giá về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN.



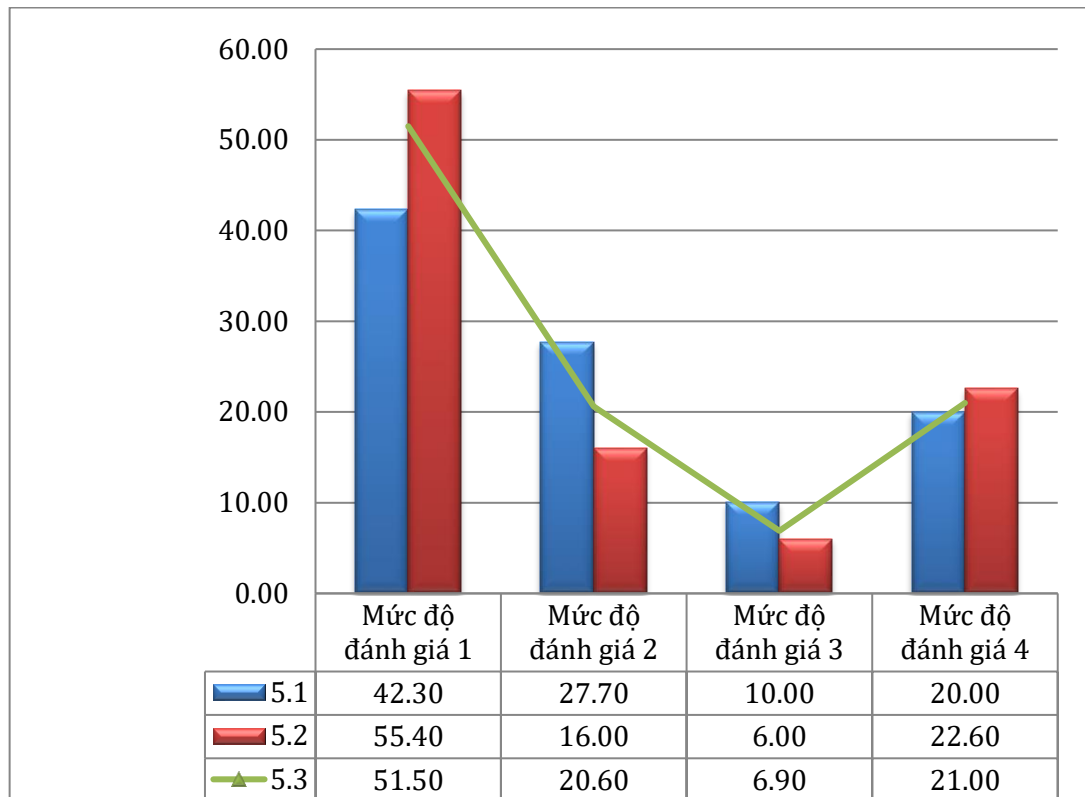
3. Đánh giá về việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



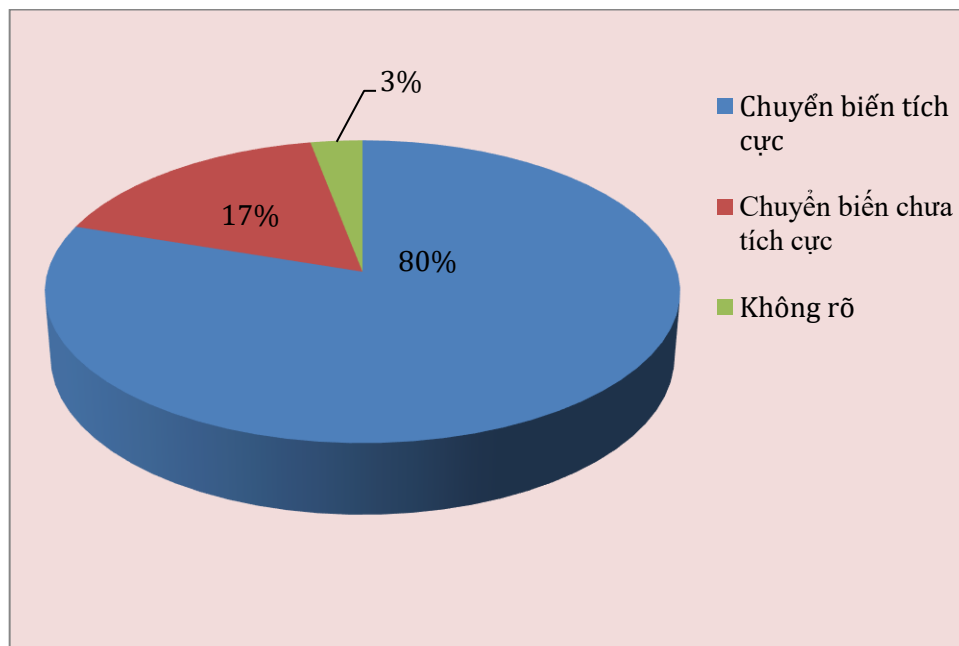
4. Đánh giá về hình thức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



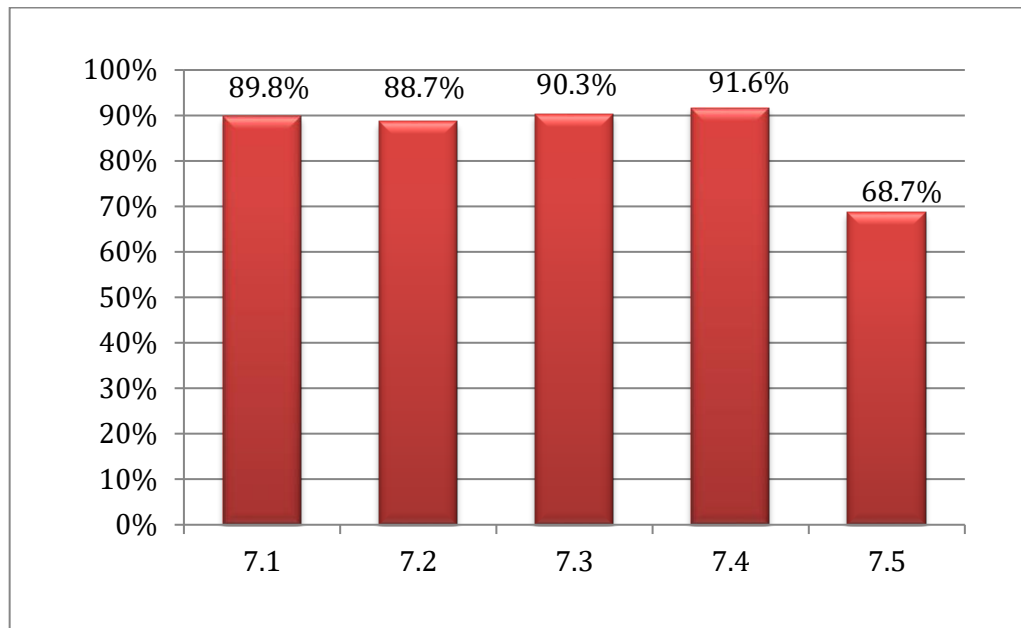
5. Đánh giá về phương pháp giáo dục của Luật NDQT của các chủ thể giáo dục ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



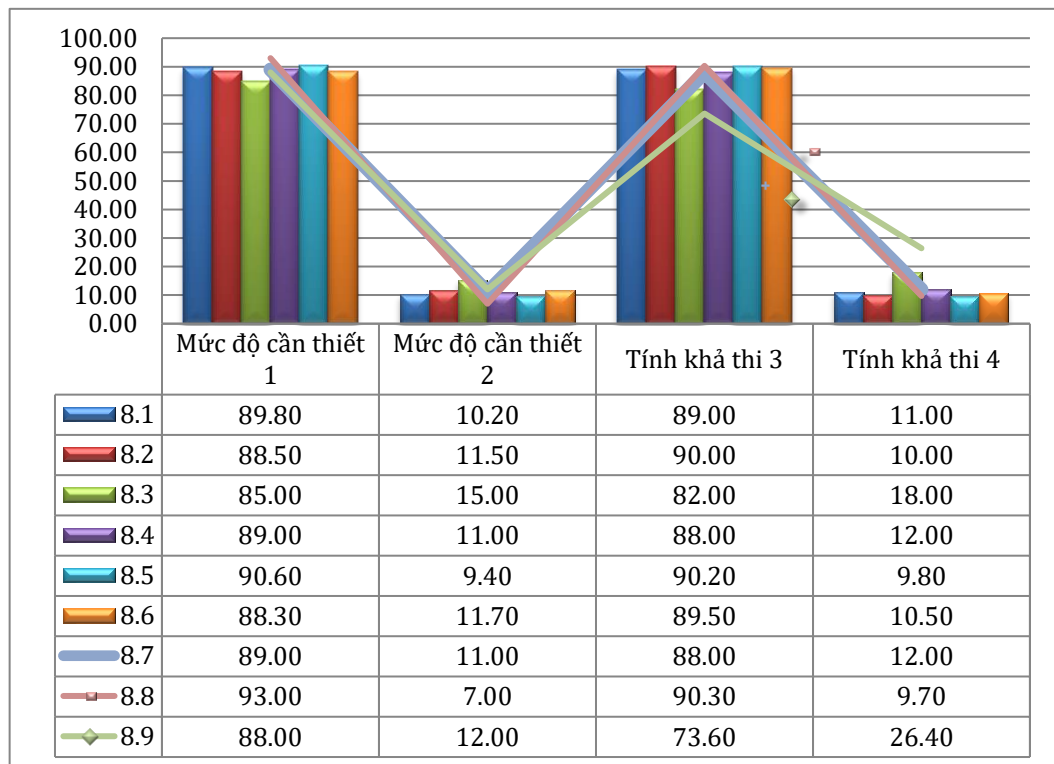
6. Đánh giá về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong đơn vị thời gian qua.



7. Đánh giá nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT ở đơn vị.



8. Đánh giá về mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay (1. Cần thiết, 2. Không cần thiết, 3. Khả thi, 4. Không khả thi)



PHỤ LỤC 3

PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

PHIẾU SỐ 03

Đồng chí thân mến!

Để phục vụ nghiên cứu đề tài “Giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN”, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề được nêu dưới đây. Mong đồng chí hãy đọc kỹ câu hỏi và trả lời đúng về quan điểm, suy nghĩ của mình. Đồng ý với phương án nào đồng chí đánh dấu (X) vào ô vuông (□). Đồng chí không cần ghi tên và đơn vị vào phiếu này. Rất mong sự cộng tác, giúp đỡ của đồng chí!

1. Đồng chí có được giáo dục Luật NDQT thường xuyên không?

1.1. Thường xuyên ☐

1.2. Không thường xuyên ☐

1.3. Chưa bao giờ ☐

2. Đánh giá của đồng chí về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục Luật NDQT ở đơn vị thời gian qua?

2.1. Đúng đắn, trách nhiệm cao ☐

2.2. Chưa tích cực, chủ động ☐

2.3. Không rõ ☐

3. Đồng chí cho biết việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT thời gian qua ở đơn vị đồng chí như thế nào? (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
3.1	Giáo dục các văn kiện cơ bản về Luật NDQT				
3.2	Giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT				

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
3.3	Giáo dục quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT				
3.4	Giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam				
3.5	Giáo dục về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc tham gia gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN				

4. Đánh giá của đồng chí về hình thức giáo dục Luật NDQT ở đơn vị đồng chí thời gian qua? (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Hình thức tổ chức	Mức độ thực hiện			
		1	2	3	4
4.1	Tổ chức lên lớp tập trung trực tiếp				
4.2	Nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tập bài tình huống về Luật NDQT				
4.3	Cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT				
4.4	Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị				
4.5	Thi tìm hiểu, diễn đàn, tọa đàm về Luật NDQT				
4.6	Thông qua “Ngày pháp luật”, tủ sách “Pháp luật”				
4.7	Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật NDQT				

5. Đánh giá của đồng chí về phương pháp giáo dục Luật NDQT của các chủ thể giáo dục ở đơn vị đồng chí thời gian qua? (1. Hấp dẫn, lôi cuốn, 2. Bình thường, 3. Chưa hay, 4. Khó hiểu

TT	Hình thức tổ chức	Mức độ thực hiện			
		1	2	3	4
5.1	Nhóm phương pháp tác động vào ý thức của quân nhân				
5.2	Nhóm phương pháp hình thành hành vi và thói quen hành vi của đối tượng giáo dục				
5.3	Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử của đối tượng giáo dục				

6. Đánh giá của đồng chí về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân ở đơn vị đồng chí thời gian qua?

6.1. Chuyển biến tích cực ☐

6.3. Không rõ ☐

6.2. Chuyển biến chưa tích cực ☐

7. Đồng chí cho biết nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT ở đơn vị đồng chí?

7.1. Sự tác động của tình hình thế giới, khu vực, nhất là xung đột giữa các quốc gia hiện nay. ☐

7.2. Chủ thể giáo dục Luật NDQT có kiến thức về pháp luật, Luật NDQT chưa toàn diện, chủ yếu là kiêm nhiệm. ☐

7.3. Đối tượng giáo dục Luật NDQT đa dạng, trình độ nhận thức không đồng đều. ☐

7.4. Cơ sở vật chất, kinh phí, tài liệu bảo đảm cho giáo dục Luật NDQT còn hạn chế. ☐

7.5. Nguyên nhân khác. ☐

8. Đánh giá của đồng chí về mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay? (1. Cần thiết, 2. Không cần thiết, 3. Khả thi, 4. Không khả thi)

TT	Nội dung giải pháp	Mức độ cần thiết		Tính khả thi	
		1	2	3	4
8.1.	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.2.	Hoàn thiện pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.3	Phát huy vai trò, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ và Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.4.	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của QUTƯ, BQP về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.5.	Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng tham gia giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.6.	Xác định đúng nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.7.	Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quân nhân trong quá trình tự giáo dục Luật NDQT				
8.8.	Tăng cường nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				
8.9.	Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN				

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

PHIẾU SỐ 03

Đối tượng điều tra: HSQ, BS

Số lượng: 2000 đồng chí

Đơn vị điều tra: 10 đơn vị trong QĐNDVN, bao gồm: Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam; Cục Dân vận, Tổng cục Chính trị QĐNDVN; Quân khu 1; Quân đoàn 12; Quân chủng Phòng không - Không quân; Quân chủng Hải quân; Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; Binh chủng Pháo binh; Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; Trường Sĩ quan Chính trị.

Thời gian: 01/2024 - 10/2024.

1. Đánh giá về mức độ giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua.

TT	Mức độ đánh giá	Kết quả	
		SL	%
1.1	Thường xuyên	1432	71,60
1.2	Không thường xuyên	420	21,00
1.3	Chưa bao giờ	148	7,40

2. Đánh giá về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục Luật NDQT ở đơn vị.

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		SL	%
2.1	Đúng đắn, trách nhiệm cao	1560	78,00
2.2	Chưa tích cực, chủ động	280	14,00
2.3	Không rõ	160	8,00

3. Đánh giá về việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
3.1	Giáo dục các văn kiện cơ bản về Luật NDQT	1453	72,65	213	10,65	121	6,05	213	10,65
3.2	Giáo dục những nội dung cơ bản của Luật NDQT	1405	70,25	223	11,15	80	4,00	292	14,60
3.3	Giáo dục quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam về thực thi Luật NDQT	1620	81,00	150	7,50	100	5,00	130	6,50
3.4	Giáo dục truyền thống yêu hòa bình, nhân đạo khoan dung của dân tộc Việt Nam	1623	81,15	157	7,85	77	3,85	143	7,15
3.5	Giáo dục về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động xuyên tạc việc tham gia thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình thế giới của QĐNDVN	1300	65,00	300	15,00	228	11,40	172	8,60

4. Đánh giá về hình thức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4.1	Tổ chức lên lớp tập trung trực tiếp	1350	67,50	185	9,25	100	5,00	365	18,25
4.2	Nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, tập	1238	61,90	218	10,90	137	6,85	407	20,35

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	bài tình huống về Luật NDQT								
4.3	Cung cấp thông tin, tài liệu về Luật NDQT	1192	59,60	277	13,85	69	3,45	462	23,10
4.4	Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin nội bộ, bảng, biển, biểu ngữ, tranh cổ động niêm yết tại cơ quan, đơn vị	1276	63,80	214	10,70	140	7,00	370	18,50
4.5	Thi tìm hiểu, diễn đàn, tọa đàm về Luật NDQT	1217	60,85	230	11,50	180	9,00	373	18,65
4.6	Thông qua “Ngày pháp luật”, tủ sách “Pháp luật”	1250	62,50	214	10,70	112	5,60	424	21,20
4.7	Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Luật NDQT	1243	62,15	356	17,80	114	5,70	187	14,35

5. Đánh giá về phương pháp giáo dục của Luật NDQT của các chủ thể giáo dục ở đơn vị thời gian qua (1. Hấp dẫn, lôi cuốn, 2. Bình thường, 3. Chưa hay, 4. Khó hiểu)

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
5.1	Nhóm phương pháp tác động vào ý thức của quân nhân	1234	61,70	230	11,50	130	6,50	406	20,30
5.2	Nhóm phương pháp hình thành hành vi và thói quen hành vi	1230	61,50	220	11,00	90	4,50	260	23,00

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	của đối tượng giáo dục								
5.3	Nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi ứng xử của đối tượng giáo dục	1222	61,10	237	11,85	120	6,00	421	21,05

6. Đánh giá về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong đơn vị thời gian qua

TT	Thái độ	Kết quả	
		SL	%
6.1	Chuyển biến tích cực	1580	79,00
6.2	Chưa chuyển biến tích cực	380	19,00
6.3	Không rõ	40	2,00

7. Đánh giá nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT ở đơn vị.

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		SL	%
7.1	Sự tác động của tình hình thế giới, khu vực, nhất là xung đột giữa các quốc gia hiện nay	1695	84,75
7.2	Chủ thể giáo dục Luật NDQT có kiến thức về pháp luật, Luật NDQT chưa toàn diện, chủ yếu là kiêm nhiệm.	1723	86,15
7.3	Đối tượng giáo dục Luật NDQT đa dạng, trình độ nhận thức không đồng đều	1856	92,80
7.4	Cơ sở vật chất, kinh phí, tài liệu bảo đảm cho giáo dục Luật NDQT còn hạn chế	1795	89,75

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		SL	%
7.5	Nguyên nhân khác	432	21,60

8. Đánh giá về mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay (1. Cần thiết, 2. Không cần thiết, 3. Khả thi, 4. Không khả thi)

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		Mức độ cần thiết				Tính khả thi			
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
8.1	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	1810	90,50	190	9,50	1798	89,90	202	10,10
8.2	Hoàn thiện pháp luật về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	1788	89,40	212	10,60	1750	87,5	250	12,50
8.3	Phát huy vai trò, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ và Hội chữ thập đỏ Việt Nam đối với việc giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	1854	92,70	146	7,30	1732	86,60	268	13,40
8.4	Tăng cường sự	1835	91,75	165	8,25	1866	93,30	134	6,70

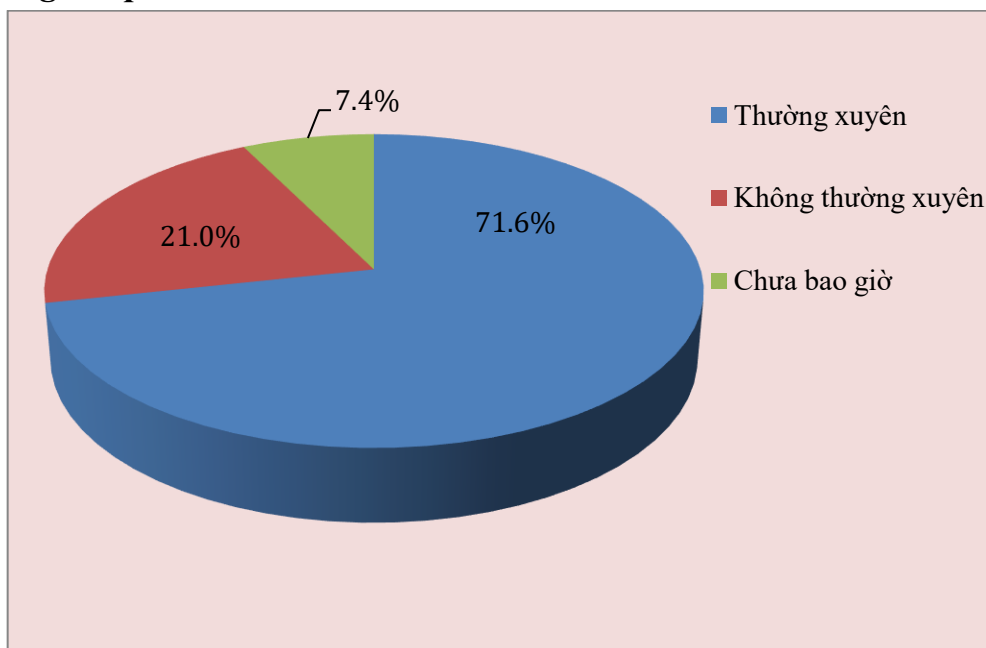
TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		Mức độ cần thiết				Tính khả thi			
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	lãnh đạo, chỉ đạo của QUTU, BQP về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN								
8.5	Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng tham gia giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	1820	91,00	180	9,00	1815	90,75	185	9,25
8.6	Xác định đúng nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	1854	92,70	146	7,30	1832	91,60	168	8,40
8.7	Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quân nhân trong quá trình tự giáo dục Luật NDQT	1810	90,50	190	9,50	1828	91,40	172	8,60

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá							
		Mức độ cần thiết				Tính khả thi			
		1		2		3		4	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
8.8	Tăng cường nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	1810	90,50	190	9,50	1840	92,00	160	8,00
8.9	Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN	1788	89,40	212	10,60	1803	90,15	197	9,85

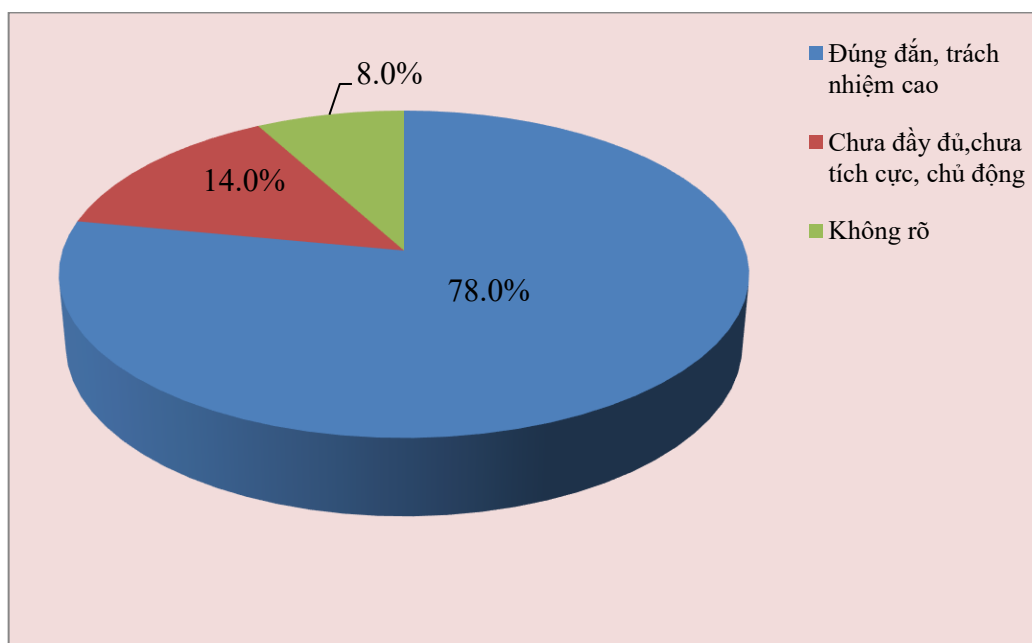
BIỂU ĐỒ THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

PHIẾU SỐ 03

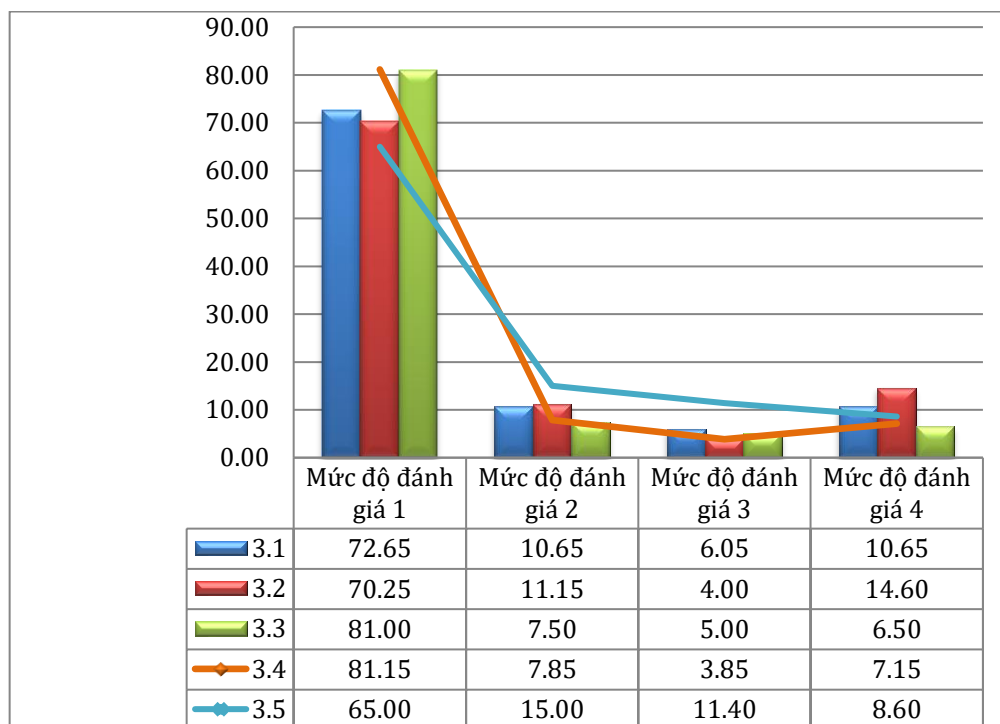
1. Đánh giá về mức độ giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua.



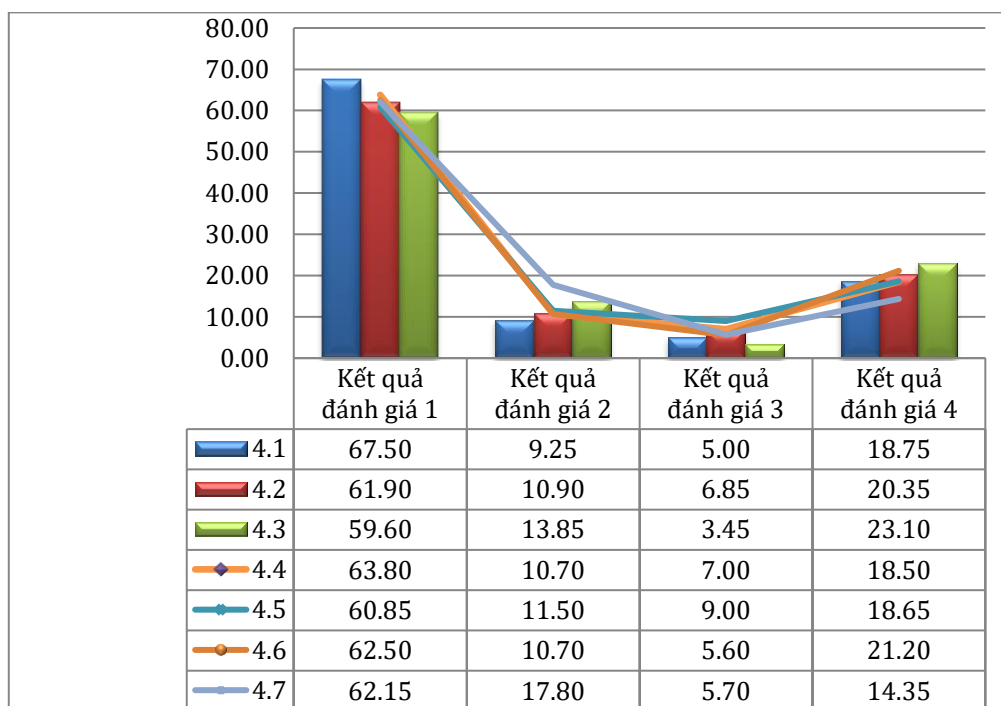
2. Đánh giá về nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể giáo dục Luật NDQT ở đơn vị.



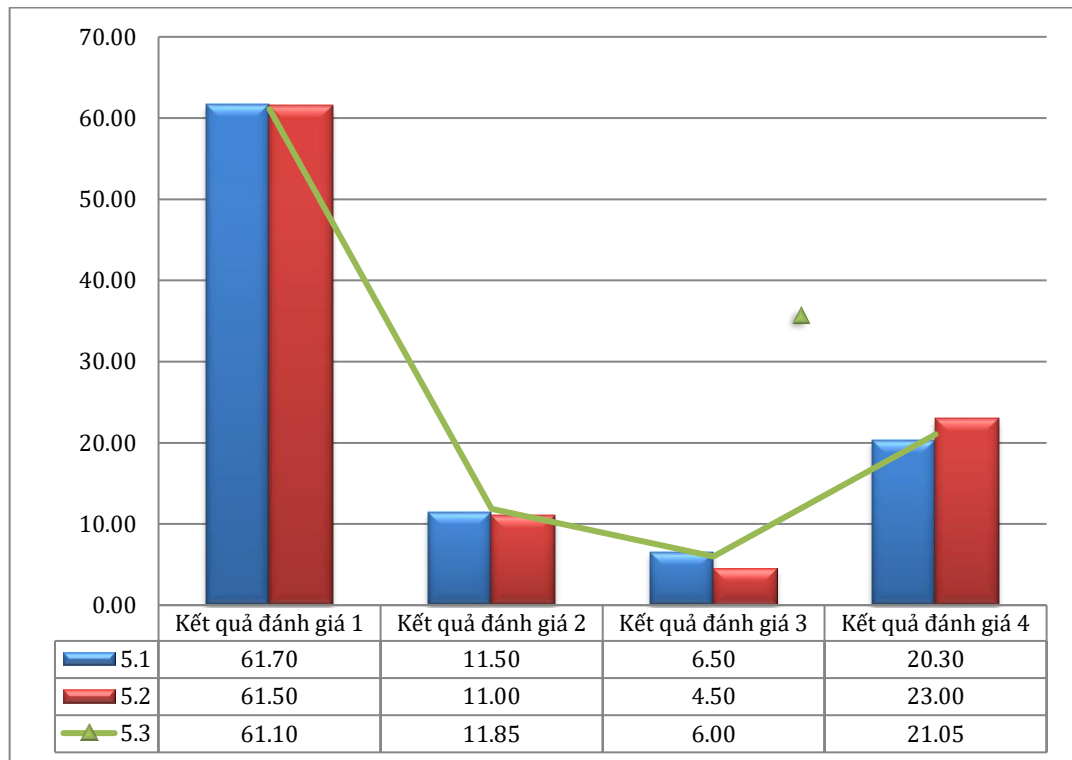
3. Đánh giá về việc thực hiện nội dung giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



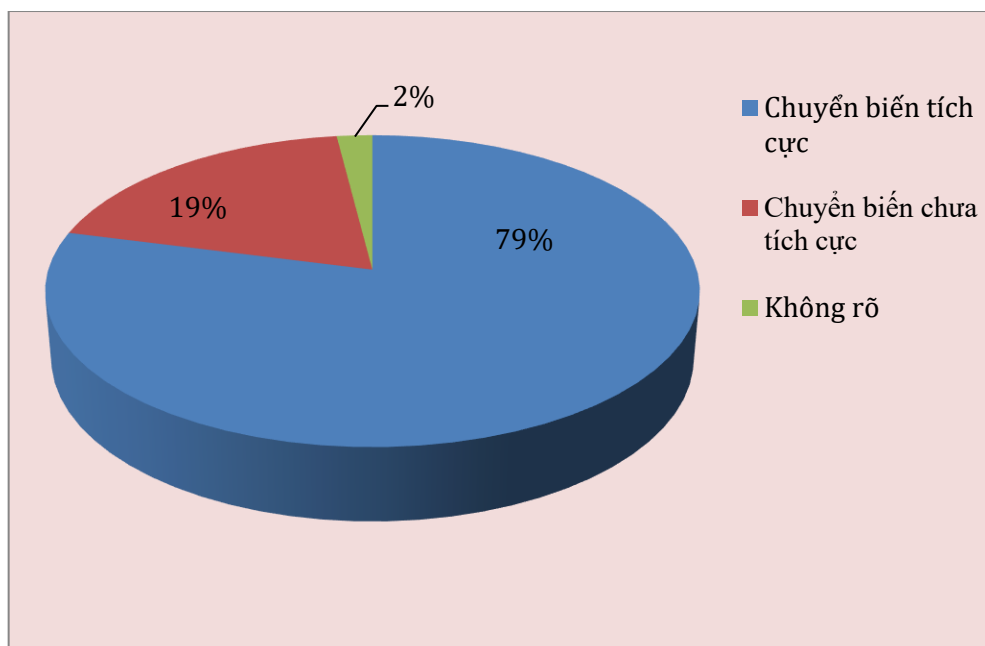
4. Đánh giá về hình thức giáo dục Luật NDQT cho quân nhân trong đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



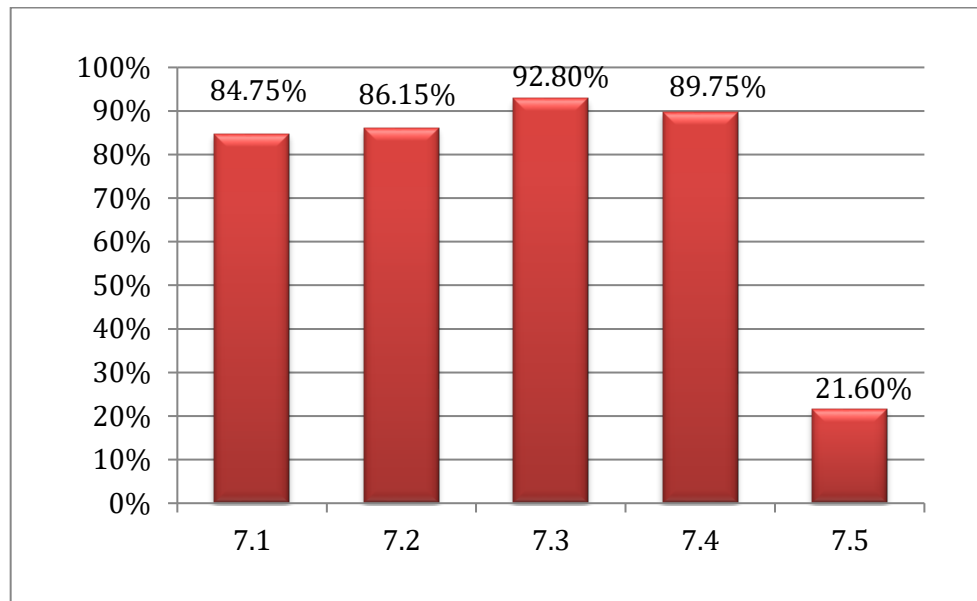
5. Đánh giá về phương pháp giáo dục của Luật NDQT của các chủ thể giáo dục ở đơn vị thời gian qua (1. Tốt, 2. Khá, 3. Bình thường, 4. Chưa tốt)



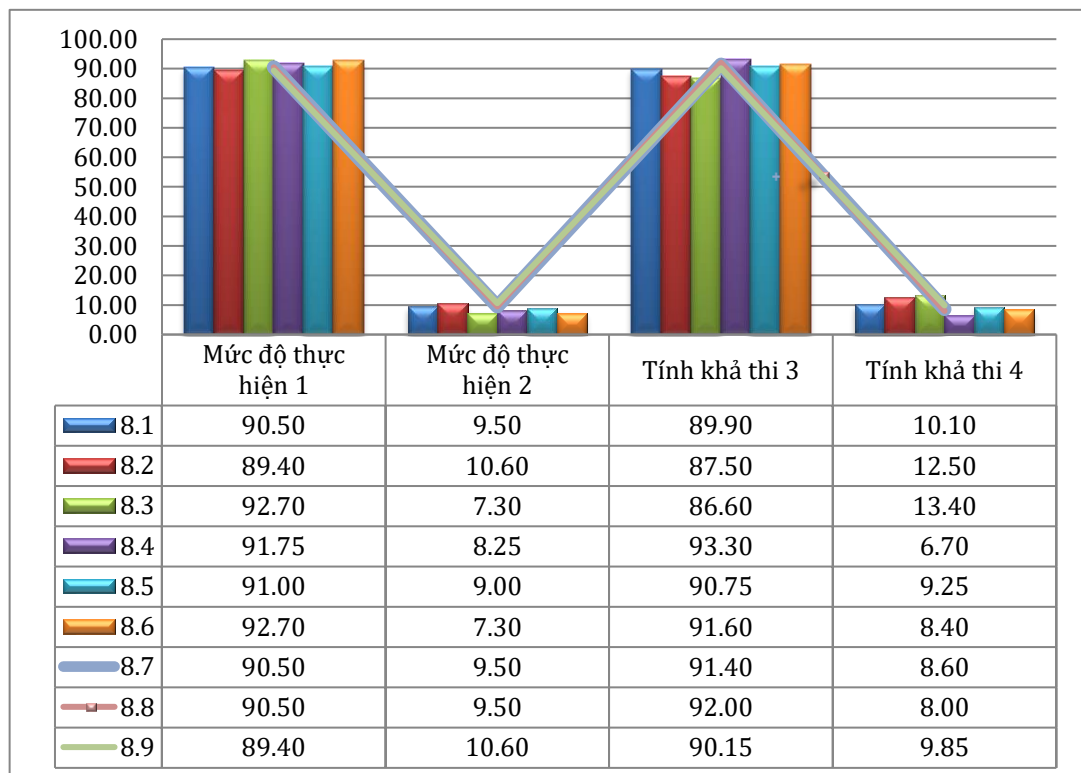
6. Đánh giá về mức độ chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm và hành vi tuân thủ Luật NDQT của quân nhân trong đơn vị thời gian qua



7. Đánh giá nguyên nhân dẫn đến hạn chế về giáo dục Luật NDQT ở đơn vị.



8. Đánh giá về mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp giáo dục Luật NDQT trong QĐNDVN hiện nay (1. Cần thiết, 2. Không cần thiết, 3. Khả thi, 4. Không khả thi)



PHỤ LỤC 4
TỔNG HỢP CÁC VĂN KIỆN CỦA LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ
ĐƯỢC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC TRONG TOÀN QUÂN
(TỪ NĂM 2011 ĐẾN NĂM 2025)

STT	TÊN VĂN KIỆN
01	Công ước Geneva về cải thiện tình trạng của những binh sĩ bị ốm, bị thương trên chiến trường, 1864.
02	Công ước liên quan đến các quyền và nghĩa vụ của các bên trung lập trong chiến tranh trên biển, 1907
03	Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng, 1948
04	Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về cải thiện điều kiện của những người bị thương và bị bệnh thuộc các lực lượng vũ trang trên chiến trường.
05	Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về cải thiện điều kiện của những người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu thuộc các lực lượng vũ trang trên biển.
06	Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc đối xử với tù binh.
07	Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ dân thường trong chiến tranh.
08	Công ước La-hay bảo vệ các tài sản văn hóa khi xảy ra xung đột vũ trang, 1954.
09	Công ước về việc không áp dụng thời hiệu đối với tội phạm chiến tranh và tội phạm chống nhân loại, 1968.
10	Công ước về cấm phát triển, sản xuất và tàng trữ các loại vũ khí vi trùng (sinh học) và vũ khí độc hại cũng như về sự hủy diệt của các loại vũ khí đó, 1972.

11	Công ước quốc tế về chống tuyển mộ, sử dụng, tài trợ và đào tạo lính đánh thuê, 1989.
12	Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng các loại vũ khí hóa học và về sự hủy diệt của chúng, 1993.
13	Công ước về bảo đảm an toàn cho nhân viên Liên hợp quốc và những người có liên quan, 1994
14	Nghị định thư về cấm hoặc hạn chế sử dụng mìn, bẫy chông và các loại vũ khí khác (Nghị định thư II được sửa đổi đối với Công ước năm 1980), 1996.
15	Nghị định thư (I) bổ sung các Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế, 1977.
16	Nghị định thư (II) bổ sung các Công ước Geneva ngày 12 tháng 8 năm 1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang không có tính chất quốc tế, 1977.
17	Nghị định thư liên quan tới các loại vũ khí la-de gây mù mắt (Nghị định thư IV mới đối với Công ước 1980), 1995.
18	Nghị định thư (II) của Công ước Lahay về bảo vệ tài sản văn hóa trong trường hợp xung đột vũ trang, 1999.
19	Nghị định thư không bắt buộc kèm theo Công ước về quyền trẻ em, về sử dụng trẻ em trong xung đột vũ trang, 2000.
20	Quy chế Rô-m về Tòa án Hình sự quốc tế, 1998.